ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Ngọc Võ Khoa

THỰC HIỆN PHÁP LỆNH DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Ngọc Võ Khoa

THỰC HIỆN PHÁP LỆNH DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học
Mã số: 9229001.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
1. PGS.TS. Ngô Thị Phượng
2. TS. Hà Thị Bắc

Hà Nội - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu này do chính tôi thực hiện, với sự hướng dẫn của PGS.TS. Ngô Thị Phượng và TS. Hà Thị Bắc. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về các dữ liệu cũng như kết quả nghiên cứu của công trình này.

Tác giả luận án

Nguyễn Ngọc Võ Khoa

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy, cô giáo khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội đã luôn sẵn sàng giúp đỡ, truyền đạt những kiến thức chuyên môn để tôi hoàn thành luận án.

Đặc biệt, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Ngô Thị Phượng và TS. Hà Thị Bắc đã luôn động viên, khích lệ, chỉ bảo và hỗ trợ không ngừng cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn chính quyền địa phương các xã Trà Cang, xã A Tiêng, thị trấn P Rao, thị trấn Thạnh Mỹ đã nhiệt tình hỗ trợ tôi trong suốt quá trình điều tra, khảo sát và thu thập dữ liệu để hoàn thành luận án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè, cơ quan công tác và đồng nghiệp đã luôn tạo những điều kiện thuận lợi và đồng hành cùng tôi trong suốt quá trình học tập cũng như thực hiện luận án này.

Xin chân thành và trân trọng cảm ơn!

Tác giả luận án

Nguyễn Ngọc Võ Khoa

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC 1

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT 5

MỞ ĐẦU 6

1. Lý do chọn đề tài 6

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án 9

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án 9

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án 10

5. Đóng góp mới của luận án 11

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án 12

7. Kết cấu của luận án 12

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN 13

1.1. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến đề tài luận án 13

1.1.1. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến dân chủ và dân chủ cơ sở 13

1.1.2. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" và thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 27

1.2. Đánh giá khái quát kết quả của các công trình đã công bố và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu 32

1.2.1. Đánh giá khái quát về kết quả của các công trình đã công bố 32

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu 35

Tiểu kết chương 1 36

Chương 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN "PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN" VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM 37

2.1. Quan niệm về dân chủ, dân chủ ở xã, phường, thị trấn và "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" 37

2.1.1. Quan niệm về dân chủ, dân chủ ở xã, phường, thị trấn.....37

2.1.2. Sự ra đời và nội dung cơ bản của "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" 41

2.1.3 "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" - Sự phát triển và hoàn thiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn".....47

2.2. Quan niệm, chủ thể, nội dung và hình thức thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 50

2.2.1. Khái quát vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam.....50

2.2.2. Quan niệm về thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" và chủ thể thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh quảng Nam 53

2.2.3. Nội dung và hình thức thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam.....60

2.3. Vai trò và những yếu tố tác động đến thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 65

2.3.1. Vai trò thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam.....65

2.3.2. Những yếu tố tác động đến thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay 71

Tiểu kết Chương 2 81

Chương 3. THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC HIỆN "PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN" VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM.....82

3.1. Thành tựu và hạn chế trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 82

3.1.1. Thành tựu trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 82

3.1.2. Hạn chế trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 100

3.2. Nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 111

3.2.1. Nguyên nhân của thành tựu trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 111

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 116

3.2.3. Những vấn đề đặt ra trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 123

Tiểu kết chương 3 139

Chương 4. YÊU CẦU CƠ BẢN VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN "LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ" VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM HIỆN NAY 140

4.1. Các yêu cầu cơ bản trong thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam..... 140

4.1.1. Thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam phải gắn với nâng cao trình độ dân trí, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc..... 140

4.1.2. Thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam phải gắn với phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và củng cố quốc phòng, an ninh..... 143

4.1.3. Thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam phải gắn với xây dựng và phát huy vai trò hệ thống chính trị cấp cơ sở. 146

4.2. Các giải pháp chủ yếu thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay 150

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể về thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay 150

4.2.2. Vận dụng sáng tạo nội dung gắn với đa dạng hóa các hình thức tổ chức thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay 156

4.2.3. Bảo đảm các điều kiện về kinh tế, văn hóa, xã hội cho việc thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay *161*

4.2.4. Xây dựng và phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay *165*

4.2.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở vững mạnh, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư gắn với khơi dậy tính tích cực tự giác của quần chúng Nhân dân vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay *170*

Tiểu kết chương 4 ..... ***174***

KẾT LUẬN **175**

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN **177**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO **178**

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	DTTS	Dân tộc thiểu số
2	HTCT	Hệ thống chính trị
3	HĐND	Hội đồng Nhân dân
4	MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
5	UBND	Uỷ ban Nhân dân
6	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Dân chủ là một giá trị, đồng thời là một trong những tiêu chí đánh dấu mức độ tiến bộ trong sự phát triển của xã hội loài người. Tuy nhiên, mỗi giai đoạn lịch sử nội hàm của khái niệm dân chủ không hoàn toàn giống nhau. Khi xã hội có sự phân chia giai cấp, nội hàm của khái niệm dân chủ phụ thuộc vào ý chí, quyền lực của giai cấp cầm quyền, giai cấp thống trị. Nhân loại càng tiến bộ thì các vấn đề liên quan đến dân chủ và quyền con người càng trở nên cấp thiết. Trong công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào dân, từ đó đưa cách mạng nước ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngày nay, trong quá trình xây dựng xã hội XHCN, việc xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ XHCN được Đảng xác định là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định, một trong những vấn đề mới, nổi bật trong định hướng chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là: "Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của Nhân dân; củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội" [23, 38]. Xét về bản chất, dân chủ XHCN là nền dân chủ, mà ở đó quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân. Điều đó không chỉ được thừa nhận trong tư tưởng, thể chế hoá bằng pháp luật mà còn được đảm bảo trong thực tiễn. Trong quá trình hiện thực hoá quyền lực của Nhân dân, việc đảm bảo quyền lực của Nhân dân ở cơ sở tức dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn là nền tảng, là hạt nhân, là điểm bắt đầu và cũng là đích đến.

Nhận thức về vị trí, vai trò của dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn, Đảng và Nhà nước đã từng bước có hướng dẫn cụ thể, thận trọng, bằng những văn bản với tính pháp lý ngày càng cao và chặt chẽ. Nhờ đó, việc triển khai, tổ chức thực hiện quyền lực của Nhân dân ngày một có hiệu quả, thiết thực. Từ "*Quy chế dân chủ cơ sở*" năm 1998, đến "*Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*" năm 2007 và bây giờ là "*Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở*" năm 2022 là quá trình mạ công cụ thực hiện quyền lực của Nhân dân ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện. Trong đó, từ những kinh

nghiệm thực tiễn khi thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ra đời, thì nay, từ kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn mà Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở đã được ban hành và đang được hiện thực hoá trong cuộc sống.

"Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 20/4/2007 đánh dấu một bước quan trọng trong thực hiện và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân ở cấp cơ sở - nơi mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được thực thi, nơi mà quyền làm chủ của Nhân dân được thực hiện một cách trực tiếp và rộng rãi nhất. Theo đó, "Pháp lệnh này quy định những nội dung phải công khai để Nhân dân biết; những nội dung Nhân dân bàn và quyết định; những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung Nhân dân giám sát; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), của cán bộ thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố), của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của Nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã" [16, Điều 1]. Với những nội dung đó, "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" là phần cốt lõi của "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở". Vậy nên, tổ chức hiện thực hoá "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" cũng chính là bắt đầu tổ chức triển khai hiện thực hoá "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở".

Quảng Nam là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của Việt Nam. Ngoài hai thành phố là Tam Kỳ, Hội An và thị xã Điện Bàn, Quảng Nam có một vùng rừng núi rộng lớn, là nơi cư trú lâu đời của đồng bào các DTTS anh em, chiếm 73,4% diện tích toàn tỉnh. Vùng DTTS có 140.590 người, chiếm 9,4% dân số toàn tỉnh [68]. Bao gồm các DTTS: Cơ tu, Cor, Giẻ-triêng (bao gồm Tà riềng, Ve, Bh noong), Xơ đăng (bao gồm Mơ noong, Xơ teng, Ca dong). Xét về góc độ riêng của tỉnh Quảng Nam, vùng DTTS luôn được khẳng định là địa bàn chiến lược quan trọng về mọi phương diện kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng của tỉnh. Còn xét về góc độ vùng - lãnh thổ, trong suốt tiến trình lịch sử của dân tộc, vùng đất Quảng Nam có bề dày lịch sử lâu đời

hàng mấy trăm năm. Đây cũng là địa bàn trung chuyển và hậu phương chiến lược trên con đường mở đất về phương Nam của các thế hệ người Việt Nam trong lịch sử.

Đối với vùng đồng bào DTTS tỉnh Quảng Nam, việc thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" là tạo động lực cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đã giải quyết nhiều vấn đề bức xúc liên quan đến quyền làm chủ của Nhân dân, củng cố HTCT ở cơ sở. Bên cạnh những kết quả và thành công bước đầu, trong quá trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đặc biệt thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" trên địa bàn tỉnh Quảng Nam còn nhiều khó khăn và hạn chế, nhất là vùng đồng bào các DTTS. Nhận thức về dân chủ cũng như công tác thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn còn nhiều hạn chế, một số cán bộ, đảng viên chưa thấy được tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn". Một bộ phận không nhỏ trong quần chúng Nhân dân nhận thức về "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" còn mơ hồ, năng lực thực hiện các quyền được quy định trong Pháp lệnh còn hạn chế, tính tích cực, chủ động của Nhân dân chưa cao. Sự phát triển kinh tế - xã hội, trình độ dân trí vùng DTTS tỉnh Quảng Nam còn thấp, tỷ lệ đói nghèo cao... đã tạo ra những khó khăn và hạn chế trong việc nhận thức và thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng DTTS trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Khi "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" do Quốc hội thông qua ngày 10/11/2022, việc kế thừa những thành tựu, khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, để từng bước đưa "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vào cuộc sống là việc làm cần thiết và cấp bách. Mặt khác, so với "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" thì "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" là sự mở rộng về phạm vi nội dung, hình thức thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Khi đó thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng DTTS tỉnh Quảng Nam sẽ gặp phải nhiều khó khăn, thách thức hơn.

Từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề *"Thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay"* làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Từ những vấn đề lý luận chung và thực trạng thực hiện "Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, nay là "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở", luận án đề xuất các yêu cầu cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm tổ chức thực hiện hiệu quả hơn "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Thứ nhất, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án;

Thứ hai, hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về dân chủ, dân chủ cơ sở, "Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn", "Luật dân chủ ở cơ sở", thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng DTTS và các yếu tố tác động việc thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay;

Thứ ba, phân tích thành tựu, hạn chế và khái quát những vấn đề đặt ra trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng DTTS tỉnh Quảng Nam;

Thứ tư, từ những điểm mới của Luật dân chủ ở cơ sở, đề xuất một số yêu cầu cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện hiệu quả hơn Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là: Thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay. Để tránh lặp lại cụm từ "*thực hiện*", trong quá trình triển khai nội dung của luận án, tác giả đã thay thế cụm từ: "*Thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*" bằng "*Thực hiện Pháp lệnh dân chủ*"; cụm từ "*Thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở"* được thay bằng cụm từ "*Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở"*.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong Pháp lệnh dân chủ bao gồm những nội dung công khai để Nhân dân biết; nội dung Nhân dân bàn và quyết định; nội dung Nhân dân tham gia ý kiến và nội dung Nhân dân tham gia giám sát.

- Về không gian: Luận án được thực hiện tại 4 địa phương tiêu biểu của vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, bao gồm hai xã và hai thị trấn. Cụ thể, hai xã được chọn là xã Trà Cang thuộc huyện Nam Trà My và xã A Tiêng thuộc huyện Tây Giang. Hai thị trấn là thị trấn P Rao thuộc huyện Đông Giang và thị trấn Thạnh Mỹ thuộc huyện Nam Giang. Đây là những khu vực tập trung đông đúc đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh, phản ánh rõ nét đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán, kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi đây.

- Về thời gian: Luận án nghiên cứu việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam tính từ khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 cho đến nay khi Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở được Quốc hội ban hành ngày 10/11/2022 và đang được tổ chức, thực hiện trong thực tiễn.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận của luận án

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước về dân chủ; dân chủ ở cơ sở.

4.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử cùng với hệ thống các phương pháp như: phân tích và tổng hợp, diễn dịch và quy nạp, logic và lịch sử, điều tra xã hội học… để khái quát lý luận, phân tích thực tiễn quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Trong đó:

Phương pháp phân tích và tổng hợp, diễn dịch và quy nạp sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài luận án.

Phương pháp logic và lịch sử sử dụng trong nhiều nội dung nghiên cứu của luận án, nhưng tập trung vào việc luận giải các khái niệm công cụ của luận án, phân

tích các yếu tố tác động đến thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Phương pháp điều tra xã hội học được sử dụng để nghiên cứu, đánh giá quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

+ *Về đối tượng khảo sát:* Tác giả tiến hành khảo sát với 480 mẫu phiếu khảo sát dành cho đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân (trong đó mỗi địa bàn khảo sát là 120 mẫu phiếu).

+ *Địa bàn và thời gian khảo sát:*

- Thị trấn Thạnh Mỹ – huyện Nam Giang khảo sát từ ngày 10/4/2023 đến ngày 20/4/2023;
- Xã A Tiêng – huyện Tây Giang khảo sát từ ngày 21/4/2023 đến ngày 01/5/2023;
- Thị trấn P Rao – huyện Đông Giang khảo sát từ ngày 02/5/2023 đến ngày 12/5/2023;
- Xã Trà Cang – huyện Nam Trà My khảo sát từ ngày 13/5/2023 đến ngày 23/5/2023.

Tác giả sau khi thu thập thông tin từ các đối tượng được khảo sát, đã tổng hợp, phân tích, đánh giá xử lý các số liệu và trình bày kết quả đạt được ở phần phụ lục của luận án. Các phương pháp tiếp cận linh hoạt này đã được áp dụng cho mỗi phần cụ thể của luận án để đáp ứng đúng mục tiêu và yêu cầu của từng chương.

5. Đóng góp mới của luận án

- Trình bày những vấn đề cơ bản của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ và những yếu tố tác động đến thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS ở tỉnh Quảng Nam.

- Phân tích thành tựu, hạn chế và khái quát những vấn đề đặt ra của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS ở tỉnh Quảng Nam hiện nay.

- Từ những điểm mới của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, đề xuất những yêu cầu cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án

Từ địa bàn của tỉnh Quảng Nam, luận án bổ sung thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện Pháp lệnh dân chủ và Luật dân chủ ở cơ sở.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập các nội dung liên quan đến chủ đề của luận án.

Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo, cung cấp luận cứ cho các cấp lãnh đạo và quản lý ở địa phương trong tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ và nay là Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến đề tài luận án, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, Nội dung chính của luận án được kết cấu thành 4 chương, 9 tiết.

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến đề tài luận án

Vấn đề dân chủ nói chung và thực hiện Pháp lệnh dân chủ nói riêng luôn nhận được sự quan tâm và nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau cả trong và ngoài nước. Đã có nhiều công trình được công bố, tác giả phân chia các công trình tiêu biểu thành các nhóm sau:

1.1.1. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến dân chủ và dân chủ cơ sở

** Các công trình nghiên cứu liên quan đến dân chủ:*

Amartya Sen (1999), *Democracy as a Universal Value (Dân chủ như một giá trị phổ quát)* [93], trong bài viết này, tác giả nhấn mạnh rằng dân chủ là một giá trị nhân văn cơ bản và có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các quốc gia trên toàn thế giới, bởi vì dân chủ đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng và duy trì một xã hội tự do, công bằng và bình đẳng, nơi mọi người đều có cơ hội phát triển và thực hiện các quyền của mình. Để một giá trị được xem là phổ quát, nó phải được sự đồng thuận của tất cả mọi người. Bài viết đưa ra một số ví dụ để minh họa tính phổ quát của dân chủ. Tác giả đã đề cập đến những trường hợp mà dân chủ được thực hiện thành công trong các nền văn hóa khác nhau trên thế giới, bao gồm Nhật Bản, Nam Phi, Ấn Độ và Mỹ.

Tác giả đã nhận định rằng dù ở bất cứ nơi đâu, bất cứ thời gian nào thì dân chủ cũng trở thành niềm tin trong thế giới đương đại. Dân chủ với tính cách đặc trưng quan trọng trong các quyền của con người và đang ngày càng được chấp nhận rộng rãi như một giá trị phổ quát. Dân chủ là một cuộc cách mạng to lớn trong tư duy và là một trong những đóng góp chính của thế kỷ XX. Thật vậy, tự do chính trị là một phần quyền tự do của con người nói chung, và thực hiện các quyền dân sự và chính trị giúp cho cuộc sống của con người càng trở nên tốt đẹp hơn. Tham gia chính trị vì cuộc sống và hạnh phúc của con người. Bị ngăn cản tham gia vào đời sống chính trị là một thiếu thốn rất lớn vì dân chủ như một nhu cầu tất yếu của con người, nhu cầu được thảo luận công khai, đưa ra quan điểm cá nhân, mang tính chất xây dựng.

Tác giả đưa ra những ví dụ để chứng minh rằng, những cuộc thảo luận công khai đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, tác giả cũng nhận thức rằng dân chủ không phải là một giá trị tuyệt đối và có những hạn chế của nó. Hơn nữa, chỉ có dân chủ là chưa đủ để đảm bảo sự phát triển và bảo vệ các giá trị nhân văn, và cần có những chính sách khác nhau để bổ sung cho dân chủ.

UNDP Vietnam Policy Dialogue paper (2006), *Deepening Democracy and Increasing Popular Participation in Viet Nam (Đẩy mạnh chiều sâu dân chủ và tăng cường sự tham gia của Nhân dân ở Việt Nam)* [107], trong báo cáo này, tác giả đã tập trung vào hai lĩnh vực quan trọng thể hiện sự mở rộng không gian của Nhân dân vào thảo luận vấn đề dân chủ ở Việt Nam. Thứ nhất, đối với hình thức dân chủ trực tiếp, đây là hình thức tham gia trực tiếp của Nhân dân về việc tham gia quản lý nhà nước, nhất là ở cấp xã, phường, thị trấn, thông qua các cuộc họp và các hình thức khác với nhà nước. Thứ hai, đối với hình thức dân chủ đại diện, đây là hình thức mà Nhân dân chuyển giao quyền lực của mình thông qua các đại biểu mà họ bầu ra chủ yếu là thông qua Trưởng thôn, Hội đồng Nhân dân (HĐND) và Quốc hội.

Tác giả cũng nhấn mạnh, hiện nay, Việt Nam đã và đang áp dụng nhiều biện pháp phù hợp và hiệu quả để tăng cường quyền làm chủ của Nhân dân trong đời sống xã hội. Quản lý dân chủ và có sự tham gia của Nhân dân không chỉ góp phần đảm bảo ổn định chính trị, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế. Quản lý dân chủ quan trọng, nhưng điều quan trọng hơn là sự đóng góp thiết thực của nó vào việc xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng; một xã hội của dân, do dân và vì dân, nơi mọi quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân. Việc đẩy mạnh chiều sâu dân chủ là mở rộng dân chủ với mọi người bằng cách nâng cao chất lượng và quy mô của sự tham gia của Nhân dân vào quản trị địa phương. Điều này bao gồm việc xây dựng các chỉ số để đánh giá sự tham gia, đưa ra các đề xuất cải cách bầu cử và cải thiện các chức năng của các cơ quan dân cử, nhằm gắn kết hơn với lợi ích và mối quan tâm của cử tri.

Virginia Beramendi (chủ biên) (2008), *Direct Democracy (Dân chủ trực tiếp)* [108], cuốn sách này đã cung cấp cho các chủ thể tham gia vào tiến trình cải cách dân chủ những suy nghĩ và ý tưởng về sự tham gia của Nhân dân trong việc xây dựng nền

dân chủ hiện nay. Trong khi nhiều cuốn sách bàn về dân chủ trực tiếp, có cách tiếp cận khu vực hoặc quốc gia, hoặc chỉ tập trung vào một trong nhiều cơ chế liên quan đến dân chủ trực tiếp, thì cuốn sách này so sánh các cơ chế dân chủ trực tiếp ở hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm trưng cầu dân ý, sáng kiến của công dân, sáng kiến trong chương trình nghị sự và các thủ tục bãi miễn. Tác giả đã có cuộc khảo sát toàn diện chỉ ra các quy định dân chủ trực tiếp ở 214 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Hơn nữa, cuộc khảo sát với quy mô rộng lớn bao gồm nhiều thông tin có giá trị về tính chất ràng buộc hoặc không ràng buộc của các cuộc trưng cầu dân ý, cũng như các vấn đề có thể được đưa ra trưng cầu dân ý. Ngoài ra, các tác giả đã nghiên cứu những trường hợp cụ thể về dân chủ ở 6 quốc gia mà điển hình là Thụy Sĩ, từ đó đưa ra giải pháp và một số hình mẫu thành công nhất được cho là có thể áp dụng cho các thể chế dân chủ trực tiếp, các quy trình hành chính và bầu cử liên quan đến các thể chế đó như là trưng cầu dân ý. Cho đến nay, chưa có một nhà nước nào khác trên thế giới có số lượng lớn các cuộc trưng cầu ý dân ở cấp quốc gia như Thụy Sĩ. Trưng cầu dân ý là một thủ tục của dân chủ trực tiếp, nhằm phát huy tối đa quyền làm chủ của Nhân dân, trao cho Nhân dân quyền kiểm soát trực tiếp các quyết định liên quan đến nhà nước dựa trên cơ sở bình đẳng về chính trị. Cuốn sách này đề cập đến các vấn đề khác nhau, từ thiết kế thể chế, việc áp dụng ban đầu của một hoặc nhiều cơ chế dân chủ trực tiếp, đến việc thực hiện và những trở ngại tiềm tàng có thể gặp phải. Mức độ tham gia của Nhân dân do Hiến pháp hoặc các văn bản Pháp luật do chính phủ quy định.

N.M.Voskresenskaia, N.B. Davletshina (2008), *Chế độ dân chủ, nhà nước và xã hội* [88], cuốn sách trình bày nhiều nội dung có liên quan đến phạm trù dân chủ. Trong đó có phân tích các quan niệm khác nhau về dân chủ, giá trị dân chủ, cơ chế dân chủ, thể chế dân chủ, cấu trúc của chế độ dân chủ, quyền con người trong xã hội dân chủ… Tác giả khẳng định rằng sự lôi cuốn của dân chủ không phải bản thân sự tham gia của Nhân dân mà là quyền được tham gia vào các hoạt động chính trị, tham gia vào đời sống của gia đình, của đất nước. Nói một cách khác, đặc điểm quan trọng nhất của dân chủ là quyền tự nhiên của con người như quyền sống, quyền tự do và

quyền mưu cầu hạnh phúc được pháp luật thừa nhận, bảo đảm trong xã hội văn minh, tiến bộ.

David Sanders, Stephen D. Fisher, Anthony Heath and Maria Sobolewska (2014), *The democratic engagement of Britain's ethnic minorities (Sự tham gia dân chủ của các dân tộc thiểu số tại Anh)* [97], công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước là đặc điểm không chỉ mang tính chất cá nhân mà còn ảnh hưởng đến cộng đồng. Nó là kết quả sự kết hợp của nhiều hình thức tham gia như hoạt động chính trị bầu cử, khảo sát sự hài lòng của Nhân dân với nền dân chủ, sự tin tưởng vào thể chế nhà nước, từ chối sử dụng bạo lực cho mục đích chính trị. Một số Nhân dân vùng DTTS có nhiều trăn trở, họ lo sợ phân biệt đối xử, cho rằng họ có thành kiến với người da trắng nên cũng ít tham gia vào các hoạt động chính trị. Nhưng nhìn chung, qua dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả, sự tham gia quản lý nhà nước của người da trắng, người nhập cư, công dân da đen thế hệ thứ hai, người Ấn Độ và những người Pakistan hoặc gốc Bangladesh lớn lên ở Anh là không có nhiều sự chênh lệch. Thậm chí, các hoạt động về dân chủ còn thu hút người trẻ tuổi là DTTS hơn so với người da trắng. Họ cho rằng cuộc sống ở Anh mang đến cho họ những điều tuyệt vời nhất. Điều kiện kinh tế tốt có thể giúp cho họ xích lại gần nhau và cùng nhau tham gia các hoạt động về dân chủ.

Nguyễn Trọng Chuẩn (2006), *Toàn cầu hóa hiện nay và vấn đề dân chủ hóa đời sống xã hội* [13], tác giả đã chỉ ra rằng: Toàn cầu hóa là xu thế khách quan, nó tác động mạnh mẽ đến quá trình dân chủ hóa trên nhiều lĩnh vực khác nhau, mà chủ yếu là các lĩnh vực liên quan đến bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế như công nghệ thông tin, khoa học và công nghệ hiện đại. Dân chủ hóa đời sống xã hội không chỉ là nhu cầu và nguyện vọng của con người mà còn là điều kiện thiết yếu để duy trì, vận hành và phát triển các mối quan hệ từ cá nhân cho đến cộng đồng. Không những thế toàn cầu hóa còn tác động sâu sắc đến quá trình dân chủ hóa trong đời sống xã hội cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực. Tuy nhiên, tác giả chỉ tập trung phân tích sự tác động của toàn cầu hóa và dân chủ hóa trên lĩnh vực kinh tế, còn các vấn đề khác như chính trị, văn hóa chưa được thể hiện cụ thể trong quá trình thực hiện dân chủ hóa đời sống ở Việt Nam.

Viện Chính sách công và Pháp luật (2014), *Kỷ yếu hội thảo: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam* [85], dân chủ trực tiếp và dân chủ cơ sở là hai hình thức dân chủ lâu đời, được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp lý quan trọng và đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm thực hiện ở mức độ khác nhau. Hiến pháp sửa đổi năm 2013, được thông qua và có hiệu lực thi hành, đã mang lại nhiều đổi mới về dân chủ trực tiếp và dân chủ cơ sở. Tuy nhiên, vấn đề dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở vẫn luôn là một lĩnh vực phức tạp cả về lý luận lẫn thực tiễn. Tại hội thảo này, các tác giả đã chia sẻ kiến thức và thông tin về nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cũng như các mô hình tổ chức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ cơ sở trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Từ đó, có thể thấy rằng các hình thức thực hiện dân chủ ở các quốc gia, khu vực luôn đa dạng, phong phú. Đồng thời, các tác giả cũng đã đề xuất những quan điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp luật và các cơ chế bảo đảm thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ cơ sở ở nước ta trong thời gian tới.

Nguyễn Ngọc Hà (2020), *Nét đặc sắc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân chủ* [29], trong nghiên cứu tác giả nhấn mạnh tư tưởng dân chủ là một giá trị vĩ đại của nhân loại. Tư tưởng dân chủ trái ngược với tư tưởng quân chủ. Tư tưởng dân chủ thừa nhận: dân là chủ, nhà nước là của dân, do dân và vì dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước do Nhân dân bầu ra theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Ngay từ thời cổ đại, tư tưởng dân chủ đã được hiện thực hóa bước đầu ở nhà nước Hy Lạp cổ đại. Tuy nhiên, chỉ đến thế kỷ XX thì tư tưởng dân chủ mới trở thành tư tưởng chủ đạo của nhân loại, vì chỉ đến lúc đó, hầu hết các nước thuộc chế độ quân chủ mới nhường chỗ cho chế độ dân chủ. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân chủ là nền tảng tư tưởng cho quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng, nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay không chỉ đem lại lợi ích cho một bộ phận Nhân dân, mà còn đem lại cho lợi ích cho toàn thể Nhân dân.

Phạm Văn Đức (chủ biên) (2021), *Thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền* [26], trong nội dung chương 1 của cuốn sách với nhan đề dân chủ và thực hành dân chủ, nhóm tác giả chỉ ra vị trí và vai trò của dân chủ cũng như thực hành dân chủ ở Việt Nam. Đối với vị trí và vai trò của dân chủ, tác giả tập

trung bàn luận 3 vấn đề là tính giai cấp và tính xã hội phổ quát; tính lịch sử và tính kế thừa; tính phương tiện và tính mục đích. Trong đó, bài viết nhấn mạnh đến dân chủ mang tính xã hội phổ quát.

Dân chủ mang tính xã hội phổ quát, mang tính nhân loại, phản ánh trình độ phát triển của nền văn minh nhân loại. Dân chủ không những chỉ chịu sự tác động và quy định của các quan hệ giai cấp và xã hội trong một quốc gia, mà còn chịu ảnh hưởng từ trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, trình độ dân trí. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, thì dân chủ mang giá trị phổ quát do giai cấp thống trị quy định. Ngày nay, dân chủ trở thành xu thế khách quan và tất yếu đối với mọi quốc gia và dân tộc. Nhờ vậy, tính phổ quát của dân chủ được lan tỏa đến mọi quốc gia, mọi dân tộc và vùng miền. Còn đối với thực hành dân chủ ở Việt Nam, tác giả cho rằng: thực hành dân chủ là việc thiết lập các cơ chế, chính sách, quy định và nguyên tắc nhằm đảm bảo mọi Nhân dân có thể thực hiện quyền dân chủ của mình. Điều này thể hiện rõ phương châm mà Đảng đã đề ra: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng.

Vũ Trọng Lâm (chủ biên) (2023), *Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội* [36], cuốn sách bao gồm 3 chương, trình bày hệ thống các vấn đề lý luận về dân chủ và thực hành dân chủ, pháp chế và tăng cường pháp chế, mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội ở nước ta thời gian qua, từ đó, làm rõ các thành tựu đạt được, các hạn chế, yếu kém cùng nguyên nhân và các vấn đề đặt ra. Trên cơ sở đó, cuốn sách đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội ở nước ta trong thời gian tới. Nhóm tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến tính cấp thiết hiện nay là cần phải có nhận thức đúng đắn và toàn diện về dân chủ và thực hành dân chủ theo yêu cầu pháp chế XHCN, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Nguyễn Phú Trọng (2024), *Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân* [69], cuốn

sách là sự tổng hợp hơn 100 bài viết, bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn… của tác giả về vấn đề phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Trong nội dung của cuốn sách, tác giả phân tích sâu các khía cạnh lý luận và thực tiễn thực hành dân chủ, củng cố quyền làm chủ của Nhân dân cũng như tăng cường dân chủ trong nội bộ Đảng và xã hội. Tác giả cũng chia sẻ về việc phát triển đội ngũ cán bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, và xây dựng một hệ thống nhà nước pháp quyền XHCN, tạo ra bởi Nhân dân, dành cho Nhân dân, và vì lợi ích của Nhân dân, luôn phát huy bản chất cách mạng của giai cấp công nhân.

** Các công trình nghiên cứu liên quan đến dân chủ cơ sở:*

Michael Kaufman, Haroldo Dilla Alfonso (1997), *Community Power, Grassroots Democracy, and the Transformation of Social Life (Sức mạnh cộng đồng, dân chủ cơ sở và sự biến đổi của đời sống xã hội)* [102], tác giả cho rằng mọi Nhân dân đều mong muốn tìm kiếm một trật tự xã hội không tập trung quyền lực về tay của thiểu số mà là quyền lực sẽ thuộc đa số. Để làm được điều đó thì mọi người hành động cùng nhau, dựa trên những sáng kiến của quần chúng Nhân dân ở cơ sở. Trong phần đầu tiên của cuốn sách với tiêu đề *sức mạnh cộng đồng, dân chủ cơ sở và sự biến đổi của đời sống xã hội*, tác giả chỉ ra mối quan hệ biện chứng của 3 nhân tố trên. Kết quả đạt được dựa trên sự thử nghiệm ở các địa phương tại một số quốc gia như Chile, Costa Rica, Cuba, Cộng hòa Dominica và Haiti. Tác giả rút ra kết luận rằng cuộc sống của con người trở nên tốt đẹp hơn khi mọi người đề cao vai trò sức mạnh tập thể và tham gia nhiều hơn các hoạt động dân chủ tại nơi mình sinh sống.

Timothy D. Sisk (chủ biên) (2001), *Democracy at the local level, The International IDEA Handbook on Participation, Representation, Conflict Management and Governance (Dân chủ ở cấp địa phương, sách về sự tham gia, đại diện, quản lý xung đột và quản trị nhà nước)* [105], cuốn sách này đã cung cấp các công cụ thiết thực để tăng cường dân chủ ở cấp cơ sở. Hơn 70 quốc gia trên khắp thế giới đang tiến hành cải cách hành chính và nâng cao chất lượng quản trị dân chủ ở cấp cơ sở. Bởi vì dân chủ không phải là một sự kiện riêng lẻ mà là một quá trình phức tạp

và liên tục, việc hình thành và phát triển dân chủ cần phải được duy trì và phát triển đúng cách. Từ góc nhìn đó, cuốn sách sẽ trở thành một công cụ hữu ích trong việc thúc đẩy và phát triển dân chủ ở cấp cơ sở. Đây cũng sẽ là tài liệu tham khảo thiết yếu cho những ai quan tâm đến tiến trình chính trị và quản trị dân chủ hóa đời sống xã hội ở các quốc gia, dân tộc. Cuốn sách sẽ là chìa khóa nhằm nâng cao năng lực của mọi người trong việc quản lý và xây dựng các thể chế phù hợp với từng cấp độ dân chủ hóa. Nó cung cấp cho Nhân dân và các chính trị gia những ý tưởng và lựa chọn để nâng cao chất lượng của nền dân chủ ở cơ sở.

He, Baogang (2007), *Rural Democracy in China (Dân chủ cơ sở nông thôn ở Trung Quốc)* [98], bài viết tập trung vào vai trò quan trọng của việc tổ chức bầu cử làng trong việc thúc đẩy quá trình dân chủ hóa ở các vùng nông thôn của Trung Quốc. Tác giả phân tích các nguyên tắc và quy trình cụ thể của bầu cử làng, từ việc xác định các đại diện cần bầu cử đến việc quản lý và chấp hành quyết định tại cấp địa phương, phân tích mức độ tăng cường dân chủ và quyền tự chủ trong khu vực nông thôn qua việc tổ chức bầu cử ở làng. Chính phủ tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia vào quá trình ra quyết định, bầu cử ở làng giúp tăng cường quyền lực và trách nhiệm của cộng đồng địa phương trong việc quản lý địa phương và giải quyết các vấn đề khác có liên quan đến đời sống của người dân.

Tác giả khẳng định rằng nền dân chủ ở cơ sở đã tác động mạnh mẽ đến đời sống chính trị của Nhân dân. Nông thôn Trung Quốc là nguồn gốc của nền văn minh Trung Quốc và là nền tảng của xã hội Trung Quốc. Ở Trung Quốc, một nền dân chủ sôi động, mạnh mẽ, hiệu quả và có ý nghĩa chỉ có thể được xây dựng từ bên dưới và từ bên trong, và sự thành công của nền dân chủ nông thôn là bước khởi đầu của quá trình này. Nền dân chủ làng xã quan trọng đối với chính dân làng, vì họ được trao cơ hội kiểm soát cuộc sống của họ và giải quyết các vấn đề và lợi ích chung thông qua việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nó tạo cơ hội cho dân làng nhận ra tiềm năng của họ với tư cách là những chủ thể tham gia hoạt động chính trị. Thông qua các cuộc bầu cử cấp làng, ngày càng có nhiều dân làng Trung Quốc tranh giành quyền lực và khẳng định quyền kiểm soát các vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày của họ. Tóm lại, việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Trung Quốc vừa mang lại hiệu ứng tích cực cho dân

làng trong quá trình phát huy quyền làm chủ của họ ở địa phương, nhưng cũng dẫn đến sự tiêu cực trong việc tranh giành quyền lực, tạo sự ảnh hưởng đối với dân chúng và có thể dẫn đến sự tách biệt, cô lập với quốc gia, dân tộc.

Shuna Wang, Yao Yang (2010), *Grassroots Democracy and Local Governance: Evidence from Rural China (Dân chủ cơ sở và quản trị địa phương: Bằng chứng từ nông thôn ở Trung Quốc)* [104], tác giả đã có cuộc khảo sát vào năm 2003 trên 48 ngôi làng ở tám tỉnh của Trung Quốc. Qua quá trình khảo sát, tác giả đã phân tích các vấn đề ảnh hưởng của bầu cử đối với trách nhiệm giải trình của chính quyền thôn; tác động của bầu cử đối với việc chia sẻ tài chính địa phương; tác động của bầu cử làng xã đối với thẩm quyền của nhà nước…

Theo Hiến pháp năm 1982 xác định Ủy ban thôn ở nông thôn là cơ quan tự quản của dân làng. Đây là một tổ chức quần chúng hoạt động theo cơ chế tự quản ở cấp cơ sở, được hội đồng dân làng bầu ra, nơi Nhân dân tự quản lý công việc chung, tự giáo dục và đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng. Dân chủ cơ sở ở Trung Quốc có nhiều đặc điểm khác biệt so với dân chủ cơ sở ở Việt Nam. Ở Trung Quốc, lấy cấp thôn làm điểm bắt đầu trong HTCT cơ sở, trong khi đó ở Việt Nam là cấp xã. Các tổ chức tự quản ở cấp cơ sở đóng vai trò như một trường học thực tiễn về dân chủ cho Nhân dân, đặc biệt là nông dân. Là một quốc gia XHCN, việc trao quyền tự quản ở một mức độ phù hợp cho Nhân dân là điều cần thiết. Nếu chỉ áp đặt nhiệm vụ từ trên xuống mà không tạo điều kiện cho Nhân dân chủ động tham gia quản lý, về lâu dài sẽ không hiệu quả. Khi Nhân dân có khả năng tự quản, tinh thần dân chủ sẽ dần trở thành thói quen, tạo nền tảng vững chắc cho sự ổn định lâu dài.

Tuy nhiên, Ủy ban thôn được bầu cũng đối mặt với hai thách thức lớn xuất phát từ môi trường thể chế hiện tại của Trung Quốc. Đầu tiên là mối quan hệ của nó với cấp ủy trong làng. Ủy ban thôn làm việc dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, một đặc điểm phản ánh hệ thống độc đảng của Trung Quốc. Vì các cuộc bầu cử ở thôn hoạt động trong một môi trường không được bầu cử một cách minh bạch. Ngoài ra, tác giả cho rằng có những lo ngại từ nhà nước trong các cuộc bầu cử ở làng có thể trao cho làng quá nhiều quyền tự quyết, do đó mất quyền kiểm soát của nhà nước đối với chính

quyền cơ sở. Đây chính là trở ngại lớn trong việc thực hiện dân chủ của Nhân dân ở cơ sở.

Abdul Gaffar Karim (2013), *Diversity in local politics and its implications for democracy and governance at the local Level: The case of Indonesia (Đa dạng trong chính trị địa phương và những tác động của nó đối với dân chủ và quản trị tại cấp địa phương: trường hợp của Indonesia)* [91], cuốn sách phân tích về tính đa dạng trong chính trị của Indonesia. Là một quốc gia đa dạng về sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ, vì vậy cần có sự tôn trọng lẫn nhau, dựa trên cơ sở dân chủ bình đẳng giữa các dân tộc thì mới duy trì và phát triển quan hệ xã hội lành mạnh.

Bài báo này bàn về tính đa dạng trong sự hợp nhất chính trị của địa phương ở sáu thị trấn của Indonesia: Aceh Besar, Surakarta, Jombang, Kupang, Parigi Moutong và Manokwari. Việc bỏ phiếu trong ngày bầu cử có thể là hình thức tham gia chính trị duy nhất hiệu quả đối với Nhân dân ở các khu vực này. Việc thực thi dân chủ ở Indonesia phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó tác giả nhấn mạnh đến 2 yếu tố cơ bản là sự tham gia thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân và các chính sách của nhà nước để Nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình. Giữa nhà nước và Nhân dân không có sự đồng thuận thì các hoạt động mang tính dân chủ sẽ cũng không có kết quả như mong đợi. Dựa trên kết quả thu thập từ việc khảo sát ở các địa phương được thực hiện vào nửa cuối năm 2011, tác giả nhấn mạnh hai yếu tố chính của dân chủ ở cơ sở có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với chất lượng làm chủ của Nhân dân: (1) dân chủ đại diện (các đảng, ứng cử viên và các cơ quan được bầu) và (2) dân chủ trực tiếp (sự tham gia và đóng góp ý kiến của công dân). Từ thực trạng nghiên cứu, tác giả cho rằng một quốc gia có sự đa dạng cao như Indonesia không thể áp dụng một công thức dân chủ duy nhất và thực hiện nó trên toàn quốc. Nó cần nhiều mô hình khác nhau được điều chỉnh phù hợp với các tình huống khác nhau ở các địa phương khác nhau.

Brechtje Kemp, Mélida Jiménez (2013), *State of Local Democracy Assessment Framework (Đánh giá tình trạng dân chủ ở địa phương)* [95], tác giả chỉ ra vai trò của công dân được đặt lên hàng đầu, nhằm phát huy tính dân chủ tại địa phương, tạo ra các sáng kiến để phát triển cộng đồng. Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò chất lượng dân chủ ở cơ sở. Cấp địa phương là cấp

gần với Nhân dân nhất và là không gian mà Nhân dân trải nghiệm việc thực hành dân chủ hàng ngày. Quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội, bảo đảm cho Nhân dân thực hiện quyền công dân, quyền con người như chăm sóc gia đình và cộng đồng của họ; tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như chăm sóc sức khỏe, nhà ở và giáo dục. Những thực tế đó làm cho quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội ở địa phương được lan tỏa và trở thành xu thế trên thế giới hiện nay.

Nguyễn Quốc Phẩm (chủ biên) (2000), *Hệ thống chính trị cấp cơ sở và dân chủ hóa đời sống xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số* [49], cuốn sách tập trung trình bày thực trạng và hoạt động của HTCT cấp cơ sở và quá trình xây dựng, hoàn thiện các thể chế, thiết chế, phương thức dân chủ, thực hành dân chủ, đưa các giá trị dân chủ vào hiện thực đời sống xã hội, quan hệ xã hội ở vùng DTTS các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta. Từ đó, đánh giá, nhận xét về vai trò đặc biệt quan trọng của HTCT cấp cơ sở trong việc thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội nông thôn miền núi, vùng DTTS các tỉnh miền núi phía Bắc. Tuy nhiên, nhóm tác giả có đưa ra kết luận rằng việc nghiên cứu HTCT cấp cơ sở và quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội ở vùng miền núi là thật sự khó khăn và phức tạp vì địa bàn cư trú của Nhân dân nơi đây là vùng núi cao, hiểm trở.

Nguyễn Ngọc Hà (2005), *Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản người dân tộc thiểu số trong thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay* [28], nội dung chủ đạo của đề tài là tác giả so sánh, đối chiếu về vai trò của người già làng, trưởng bản ở khu vực Tây Nguyên và khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Sự khác biệt trên là do di sản lịch sử để lại và sự vận động của quá trình biến đổi kinh tế - xã hội đem lại. Phát huy vai trò của người già làng, trưởng bản là phát huy uy quyền và kinh nghiệm bản địa của họ trong quá trình vận động, tuyên truyền, tổ chức đời sống cho người DTTS. Hàng loạt các nội dung cơ bản trong Quy chế dân chủ ở xã có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến vai trò của người già làng, trưởng bản trong việc vận động Nhân dân tham gia tốt hơn các quyền và nghĩa vụ của công dân; tham gia đóng góp ý kiến về các chính sách của Đảng và Nhà nước; tham gia kiểm tra, giám sát đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương và đặc biệt là thực hiện tốt cơ chế tự quản cộng đồng người DTTS.

Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới* [4]. Tác giả đã xác định đúng đắn tầm quan trọng của dân chủ, đặc biệt là dân chủ cơ sở ở nông thôn, trong tiến trình đổi mới đất nước đến nay. Tác giả khuyến nghị những giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội, từ đó tạo tiền đề và mục tiêu cho việc xây dựng thành công mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra, tác giả cũng đưa ra những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn, như việc vận động và tuyên truyền thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở một cách sâu rộng và thường xuyên bằng nhiều hình thức khác nhau tại nơi Nhân dân sinh sống. Tác giả đề cập đến việc xây dựng phong cách dân chủ cho đội ngũ cán bộ, luôn gần dân, chống tham nhũng và xây dựng ý thức dân chủ cho Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh việc thúc đẩy phát triển kinh tế ở nông thôn và xây dựng cơ chế tự quản.

Nguyễn Hồng Chuyên (2011), *Thực hiện pháp luật về dân chủ ở cấp xã trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ thực tiễn của tỉnh Thái Bình* [14], tác giả tập trung phân tích cơ sở lý luận về dân chủ ở cấp xã và Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, đồng thời dựa trên cơ sở thực tiễn, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về dân chủ ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Tác giả nêu các quan điểm và giải pháp nhằm đẩy mạnh việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cấp xã trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Nguyễn Thanh Sơn (2010), *Quá trình thực hiện Quy chế dân chủ ở xã trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc Việt Nam thời kỳ đổi mới* [58], luận án tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học. Tác giả trình bày thực trạng việc thực hiện quy chế dân chủ ở các xã trong vùng DTTS Tây Bắc Việt Nam, chỉ ra những yếu tố tác động và những kinh nghiệm từ thực tiễn. Tác giả đưa ra các phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm triển khai hiệu quả hơn quy chế dân chủ ở các xã trong vùng đồng bào DTTS Tây Bắc trong thời gian tới. Tác giả nhấn mạnh rằng việc triển khai và thực hiện quy chế dân chủ ở cấp xã cũng như Pháp lệnh dân chủ ở xã gặp nhiều khó khăn về cả lý luận lẫn thực tiễn. Do đó, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn là một vấn đề cấp bách, lâu dài và đầy thách thức. Vì vậy, cần nghiên cứu kỹ lưỡng Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn để áp dụng một

cách linh hoạt và sáng tạo vào từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở mỗi địa phương và vùng miền.

Nguyễn Tiến Thành (2016), *Hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam hiện nay* [60], luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và Pháp luật. Tác giả cho rằng hoàn thiện cơ chế pháp lý và thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam là một quá trình lâu dài và phức tạp, vì vậy cần sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc từ Đảng và Nhà nước. Dân chủ và thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam là chủ đề có ý nghĩa nhận thức và thực tiễn quan trọng vì dựa trên nền tảng lấy Nhân dân làm trung tâm, tôn trọng và bảo đảm các quyền của con người và quyền công dân. Cho nên, để hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở cần thực hiện đồng thời những giải pháp: Nâng cao năng lực nhận thức về dân chủ, dân chủ cơ sở và vai trò của cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở; Hoàn thiện thể chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nâng cao vai trò của các thiết chế trong HTCT ở cơ sở và các thiết chế xã hội khác trong việc tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở; Nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện dân chủ của Nhân dân tại cơ sở; Đảm bảo cho quá trình hiện thực hóa cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ ở cơ sở diễn ra đồng bộ và đạt hiệu quả cao.

Lê Thi (2017), *Thực hiện dân chủ ở cơ sở và vấn đề tăng cường ý thức trách nhiệm của nhà nước* [64], theo tác giả bài viết, xây dựng HTCT cơ sở ngày càng đổi mới và hoàn thiện được coi là cơ chế vận hành của nền dân chủ XHCN nhằm bảo đảm quyền lực thuộc về Nhân dân. Việc triển khai Pháp lệnh dân chủ của Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam sẽ là điều kiện tiên quyết nhằm phát huy dân chủ ở cơ sở. Đây là điểm quan trọng của toàn bộ quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội ở cơ sở, giúp giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, qua đó phát huy quyền làm chủ của Nhân dân ngày càng được bảo đảm đầy đủ hơn trên thực tế. Tuy nhiên, để làm được điều này thì cần phải nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền hạn làm chủ của Nhân dân ở cơ sở và nhà nước ở các cấp từ trung ương đến địa phương trong việc phát huy dân chủ ở cơ sở.

Nguyễn Văn Thâm (2018), *Một số vấn đề lý luận về dân chủ cơ sở và vai trò của dân chủ cơ sở* [63], bài viết nhấn mạnh đặc điểm quan trọng muốn phát huy vai trò dân chủ ở cơ sở thì cần có tính chính danh. Chính danh ở đây có nghĩa là sự đánh

giá của cộng đồng. Nếu dân chủ cơ sở được đông đảo cộng đồng dân cư ủng hộ biểu hiện qua các hoạt động tại địa phương như được bàn bạc, tham gia ý kiến, đưa ra quyết định, giám sát, khiếu nại…thì có nghĩa là có chính danh. Khi đó, vai trò dân chủ của Nhân dân, chính quyền phát huy tác dụng. Nhân dân sẽ ủng hộ chính quyền địa phương để thực hiện, hưởng ứng các chính sách của Đảng và Nhà nước mạnh mẽ nhất. Đó cũng là thước đo để đánh giá các chính sách có phù hợp với Nhân dân hay không, có mang tính chất dân chủ hay không, có giá trị để củng cố nền dân chủ hay không, và ngược lại.

Nguyễn Tài Đông (chủ biên) (2022), *Thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay* [25], cuốn sách làm rõ kết quả, hiệu quả, tác động trong thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng DTTS từ đổi mới cho đến nay; đồng thời, nhận diện những vấn đề về dân chủ ở cơ sở trong vùng DTTS hiện nay và đề xuất các quan điểm, giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng DTTS ở nước ta đến năm 2030. Cuốn sách có những đóng góp về lý luận và thực tiễn sâu sắc. Một là, góp phần làm phong phú và sâu sắc thêm lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về thực hiện dân chủ cơ sở nói chung và thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng DTTS nói riêng ở nước ta với tính cách là những vấn đề lý luận cấp thiết cần được làm sáng tỏ. Hai là, kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập lý luận về dân chủ cơ sở và thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam. Bên cạnh những đóng góp về mặt lý luận, nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng DTTS ở nước ta hiện nay, trong đó trọng tâm là giải pháp nhằm nâng cao quyền của người đồng bào DTTS.

Lê Xuân Huy (2022), *Nâng cao ý thức pháp luật với phát huy dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* [33], nội dung cuốn sách tập trung làm rõ các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về dân chủ, ý thức pháp luật và thực hiện dân chủ. Tác giả nhận định sự cần thiết trong việc nâng cao vai trò của ý thức pháp luật nhằm thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam; từ đó tác giả nêu thực trạng và một số nguyên nhân chủ yếu chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện dân chủ ở cơ sở nông thôn Việt Nam hiện nay. Tác giả nhìn nhận đánh giá thực

trạng khách quan, đồng thời đề xuất một số quan điểm và giải pháp nâng cao ý thức pháp luật nhằm thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Những tài liệu liên quan đến những vấn đề lý luận chung về dân chủ và dân chủ ở cơ sở được tác giả thu thập để phục vụ cho quá trình nghiên cứu là khá đa dạng, bởi chúng được lấy từ nhiều nguồn, nhiều tác giả, được tiếp cận dưới nhiều phương pháp và góc độ khác nhau. Những công trình nghiên cứu trên sẽ là cơ sở khoa học và nguồn tài liệu vô cùng quý giá để tác giả có điều kiện tìm hiểu và phát triển đề tài của mình.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" và thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

Nguyên Ngọc (2004), *Một số vấn đề dân tộc và miền núi ở Quảng Nam (trong cuốn sách Tìm hiểu con người xứ Quảng)* [48]. Tác giả khái quát vùng dân tộc và miền núi Quảng Nam là một vùng đất đặc thù cả về tự nhiên lẫn xã hội. Trong đó, đặc điểm thiết chế xã hội nổi bật, cơ bản, cao nhất và duy nhất ở miền núi là làng. Cơ sở vật chất, kinh tế của thiết chế này chính là chế độ sở hữu tập thể của cộng đồng làng đối với đất và rừng. Chế độ sở hữu này được ghi nhận, xác định và duy trì bằng một hệ thống những quy định có tính chất quy ước nhưng rất chặt chẽ và bền vững được biểu hiện bằng một hệ thống lời văn thường có vần, để dễ nhớ, ta gọi đó là Luật tục - tức các phong tục được cộng đồng coi là luật hay có người gọi là tập quán pháp (tập quán có giá trị như pháp luật). Luật tục là cơ sở của mọi mối quan hệ, duy trì sự ổn định hài hòa và bền vững của xã hội, được đúc kết hàng năm của dân tộc miền núi, sự khôn ngoan của con người tích lũy lâu dài trong môi trường đặc thù này.

Chính vì lẽ đó, sự tôn trọng và thấu hiểu đối với nền văn hóa, phong tục, tập quán, thói quen của người DTTS cần được duy trì. Những thói quen lâu đời gắn bó với nền kinh tế truyền thống cũng khó thay đổi nhanh chóng bằng việc áp dụng bằng những mệnh lệnh trong đó có Pháp lệnh thực hiện dân chủ. Tuy nhiên, hiện nay với những sự chuyển biến lớn về kinh tế, dẫn đến sự thay đổi về ý thức xã hội. Tác giả cho rằng: "Việc xây dựng nên một nếp sống mới, việc đào tạo nên một lớp người có

học mới dần dần tạo nên một lối suy nghĩ mới, một đời sống tinh thần mới của Nhân dân ở miền núi" [48, 418].

Trần Ngọc Nhẫn (2008), *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở* [46], tác giả nhận định rằng: Việc MTTQ Việt Nam tổ chức lấy phiếu tín nhiệm các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của chính quyền cấp xã với mục đích nhằm lựa chọn những người vừa có tâm, vừa có tầm, vừa có đức, vừa có tài để Nhân dân ở cơ sở bầu trực tiếp Chủ tịch UBND cấp xã. Đây thực sự là nội dung quan trọng cho thấy được vai trò không chỉ của MTTQ Việt Nam mà còn các tổ chức, đoàn thể khác trong việc phát huy dân chủ, đồng hành cùng Nhân dân trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Chu Thị Trang Vân (2009), *Một số vấn đề đặt ra trong quá trình thực thi Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007* [84], nội dung bài viết xác định rằng việc thực hiện và phát huy dân chủ cơ sở là một chủ trương lớn của Đảng ta, đồng thời là trách nhiệm của HTCT cơ sở trong việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Bài viết nhấn mạnh vai trò của tổ chức đảng, chính quyền và đặc biệt là Trưởng thôn trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Cuối cùng, tác giả chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ bao gồm 3 nhóm là những khó khăn xuất phát từ cộng đồng, xuất phát từ thể chế và xuất phát từ chính quyền địa phương. Với những nhóm khó khăn khác nhau, tác giả đưa ra những hướng giải quyết khác nhau.

Nguyễn Văn Hiển (2014), *Về thi hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007* [30], cuốn sách đã khái quát chung về pháp luật thực hiện dân chủ cơ sở; khái quát thực trạng thi hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ; việc thực hiện dân chủ cơ sở trong một số lĩnh vực cụ thể; các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở. Điểm nổi bật của cuốn sách là tác giả đã dành trọn chương 2 để tiến hành điều tra về thực trạng thi hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ tại nhiều tỉnh, thành phố trên khắp Việt Nam. Trong chương này, tác giả không chỉ đưa ra những nhận xét và đánh giá về kết quả đạt được mà còn phân tích các hạn chế, bất cập cũng như nguyên nhân dẫn đến những vấn đề đó. Và cuối cùng, tác giả đề xuất 2 nhóm giải pháp chính về tổ chức, triển khai thực hiện

pháp luật thực hiện dân chủ cơ sở là chú ý đến công tác chỉ đạo và công tác tuyên truyền; cùng với những kiến nghị như nâng cấp cơ sở vật chất hay việc cần quan tâm đến chính sách đãi ngộ đối với Trưởng thôn.

Nguyễn Tiến Thành (2014), *Năng lực cán bộ cấp xã, phường trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở (Qua khảo sát tại tỉnh Vĩnh Phúc)* [61], bài viết với mục đích nhằm nâng cao năng lực tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở cho đội ngũ cán bộ trong HTCT, dựa trên cơ sở phân tích bộ dữ liệu khảo sát tại địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2008-2013. Qua khảo sát, tác giả nhận định đến 50% cán bộ ở cơ sở tiếp cận một cách hời hợt đối với văn bản Pháp lệnh dân chủ. Vì vậy, rất cần sự quan tâm đặc biệt của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đối với công tác đào tạo cán bộ cũng như tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở địa phương. Đội ngũ cán bộ cũng mong muốn được tập huấn bài bản những kiến thức về Pháp lệnh ngay tại địa phương.

Nguyễn Văn Hiển, Trương Hồng Quang (2015), *Một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn thi hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007* [31], bài viết đề cập một số vấn đề đạt được và thông qua thực tiễn thi hành cũng cho thấy, một số nội dung trong Pháp lệnh dân chủ đã bộc lộ những bất cập. Những bất cập được tác giả đề cập là: thứ nhất, những nội dung công khai đến Nhân dân, nhưng do còn thiếu tính minh bạch nên Nhân dân chưa có khả năng tiếp cần đầy đủ thông tin và chưa phát huy quyền làm chủ của mình; thứ hai, chưa xác định rõ ràng tính chất của một số việc Nhân dân bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định với những việc Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; thứ ba, các văn bản hướng dẫn thi hành trên những lĩnh vực cụ thể còn nhiều bất cập. Từ những bất cập nêu trên, tác giả đưa ra những khuyến nghị nhằm khắc phục những bất cập ấy.

Trần Sỹ Dương, Hà Thị Thùy Dương (2018), *Hoàn thiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn nhằm khắc phục những biểu hiện tiêu cực của tâm lý tiểu nông của nước ta hiện nay* [19], bài viết nhấn mạnh sự hạn chế của yếu tố tâm lý tiểu nông đã tồn tại hàng ngàn đời nay của Nhân dân Việt Nam và có những ảnh hưởng không tốt tới việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Vì vậy, nhu cầu cần thiết là hoàn thiện Pháp lệnh dân chủ để khắc phục vấn đề trên. Tác giả đưa ra những giải pháp cơ

bản để khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong việc thực hiện dân chủ. Tuy nhiên, để hoàn thiện Pháp lệnh dân chủ, vấn đề quan trọng nhất là nâng cao trình độ dân trí gắn liền với ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội.

Lê Văn Hởi (2018), *Bài học từ việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương* [32], bài viết tìm hiểu quá trình triển khai và thực hiện Pháp lệnh dân chủ cơ sở ở tỉnh Hải Dương đạt được những thành tựu to lớn. Đó là góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và giữ gìn trật tự ở cơ sở, nâng cao năng lực điều hành của chính quyền cơ sở, thu hút được sự quan tâm và ủng hộ của Nhân dân về việc giám sát các hoạt động của nhà nước…Từ những kết quả đạt được và những hạn chế, tác giả cũng rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tế, nhằm mục đích tạo động lực xây dựng và phát triển tỉnh Hải Dương giàu mạnh.

Lô Quốc Toản (2018), *Những phương hướng cơ bản và một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thực hiện Pháp lệnh dân chủ cơ sở trong thời gian tới* [67], bài viết đề xuất năm phương hướng và bốn giải pháp cơ bản nhằm tăng cường thực hiện Pháp lệnh dân chủ cơ sở. Trong đó, tác giả nhấn mạnh đến giải pháp cuối cùng là xây dựng đội ngũ cán bộ phải trung thành, tận tụy phục vụ Nhân dân và không ngừng nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong giai đoạn hiện nay. Vì nhân tố quyết định đến việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở đạt được hiệu quả cao chính là con người. Những con người sống gần gũi với Nhân dân, sống trong Nhân dân và hòa chung nhịp sống cùng Nhân dân.

Trần Sỹ Dương, Hà Thị Thùy Dương (2020), *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn với việc phòng, chống tham nhũng* [20], tác giả nhấn mạnh rằng Pháp lệnh dân chủ sẽ làm thay đổi ý thức làm việc của đội ngũ cán bộ cấp xã theo hướng gần Nhân dân, vì Nhân dân phục vụ, từ đó góp phần ngăn chặn hành vi tham nhũng. Nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng không chỉ là nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước mà là của cả toàn bộ HTCT và của toàn xã hội. Và để ngăn ngừa và phòng, chống tham nhũng thì tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản như hoàn thiện hệ thống pháp luật, đối với đội ngũ cán bộ thì có hình thức chế tài nếu không thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ; còn đối với Nhân dân thì nâng cao vai trò của Ban Thanh tra Nhân

dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng và đồng thời cũng nâng cao ý thức, năng lực thực hiện Pháp lệnh của Nhân dân tại cơ sở.

Nguyễn Văn Vương (2020), *Thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong xây dựng nông thôn mới khu vực Tây Nguyên hiện nay* [89], trên cơ sở phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận, thực tiễn thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong xây dựng nông thôn mới khu vực Tây Nguyên hiện nay, tác giả đã tiến hành đề xuất các quan điểm và giải pháp tăng cường hiệu quả triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong xây dựng nông thôn mới mới khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2020-2025. Để đáp ứng được mục tiêu trên, tác giả đã ứng dụng các phương pháp khảo sát, điều tra xã hội học trên nền tảng của phương pháp luận duy vật biện chứng. Các địa phương được khảo sát bao gồm tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Gia Lai, tỉnh Đắk Nông. Trên cơ sở những dữ liệu thu thập được, luận án đã phân tích, đánh giá và làm rõ các thành tựu đạt được cũng như những hạn chế khi triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở khu vực Tây Nguyên hiện nay. Từ đó, luận án đã chỉ ra bốn vấn đề bất cập cần xây dựng giải pháp để giải quyết. Nhìn chung, đây là một nghiên cứu có sự dung hòa giữa thực tiễn và lý luận, phân tích trên nhiều khía cạnh tiếp cận và đem đến nhiều gợi ý học thuật bổ ích cho tác giả trong nghiên cứu của mình.

Lê Văn Phục, Lê Văn Thủ (2021), *Thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk hiện nay: Thực trạng và giải pháp* [51], tác giả cho rằng cùng với Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, sự ra đời và thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ đã tạo cơ sở thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS ở tỉnh Đắk Lắk ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ nói trên vẫn còn những hạn chế, bất cập. Bài viết làm rõ tình hình thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ tại vùng đồng bào DTTS ở tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua và khuyến nghị một số giải pháp tiếp tục thực hiện Pháp lệnh trong thời gian tới.

Sở văn hóa thể thao và du lịch Quảng Nam (2022), *Quảng Nam 550 năm hình thành và phát triển (1471-2021)* [57]. Tập sách đã tập hợp nhiều bài viết phân tích, nghiên cứu, đánh giá về tiềm năng, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử danh

xưng tỉnh Quảng Nam, quá trình hình thành vùng đất, con người tỉnh Quảng Nam. Trong đó, có nhiều bài viết liên quan đến đề tài mà tác giả đang nghiên cứu. Đó là *Vai trò của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong tiến trình lịch sử tỉnh Quảng Nam; Tiềm năng, thế mạnh và định hướng phát triển bền vững xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam; Văn hóa cồng chiêng - linh hồn của văn hóa làng các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam; Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa làng các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Nam trong tái định cư và xây dựng nông thôn mới; Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam: thực trạng và giải pháp.*

Các tác giả đã có những khái quát về vùng DTTS: bao gồm các thành phần dân tộc, dân cư; vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên; sự phong phú, đặc sắc về truyền thống lịch sử và văn hóa tộc người... Đặc biệt các tác giả nhấn mạnh đến văn hóa làng và chế độ tự quản của Nhân dân vùng DTTS là luật tục. Tác giả khẳng định là hầu hết nội dung các quy ước trong luật tục của đồng bào DTTS miền núi mang tính tích cực, có những nội dung phù hợp với luật pháp hiện hành của quốc gia, hỗ trợ cho luật pháp được thực hiện hiệu quả hơn; bên cạnh đó cũng có một số nội dung trong luật tục mang tính cực đoan hoặc mê tín, không phù hợp với xã hội hiện đại cần được điều chỉnh hoặc xóa bỏ. Các công trình là sự gợi mở cho tác giả về việc vận dụng các yếu tố khách quan cũng như chủ quan đã tác động đến việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Có thể nhận thấy rằng, các công trình nghiên cứu về thực hiện Pháp lệnh dân chủ nhận được nhiều sự quan tâm và nghiên cứu của các học giả. Những kết quả, thành tựu nghiên cứu nói trên là rất quý báu để nghiên cứu sinh tham khảo, kế thừa và phát triển cho đề tài luận án của mình. Tuy nhiên, đối với tỉnh Quảng Nam hiện nay thì chưa có công trình nghiên cứu nào liên quan tới vấn đề thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Với đề tài nghiên cứu này, tác giả hy vọng được đóng góp một phần vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

1.2. Đánh giá khái quát kết quả của các công trình đã công bố và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Đánh giá khái quát về kết quả của các công trình đã công bố

Qua việc hệ thống hóa các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, tác giả rút ra một số đánh giá và nhận xét như sau:

Thứ nhất, số lượng các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án là rất lớn và nội dung tương đối phong phú, đa dạng. Các công trình nghiên cứu cũng đã cho thấy bức tranh khá đầy đủ và toàn diện cả về lý luận lẫn thực tiễn về dân chủ, dân chủ cơ sở và thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS. Về cơ sở lý luận thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS, có thể kể đến công trình của tác giả Nguyễn Tài Đông: *Thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, đã đưa ra các quan niệm dân chủ, dân chủ cơ sở, thực hiện dân chủ cơ sở, khái niệm vùng DTTS, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở vùng DTTS ở Việt Nam cùng với một số nhân tố tác động đến quá trình thực hiện dân chủ cơ sở; *Năng lực cán bộ cấp xã, phường trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở* (Qua khảo sát tại tỉnh Vĩnh Phúc) của tác giả Nguyễn Tiến Thành, *MTTQ Việt Nam với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở* của tác giả Trần Ngọc Nhẫn, nêu lên vai trò của các chủ thể thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Về đánh giá thực trạng thực hiện Pháp lệnh dân chủ: *Về thi hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007* của tác giả Nguyễn Văn Hiển đã dành nhiều tâm huyết trong quá trình điều tra, khảo sát phần lớn các tỉnh, thành ở Việt Nam, qua đó rút ra đánh giá, nhận xét quá trình triển khai, thực hiện Pháp lệnh dân chủ; Về những vấn đề được đặt ra, những quan điểm và giải pháp: *Một số vấn đề đặt ra trong quá trình thực thi Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007* của tác giả Chu Trang Vân, *Những phương hướng cơ bản và một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thực hiện Pháp lệnh dân chủ cơ sở trong thời gian tới* của tác giả Lô Quốc Toản. Cho đến nay, chưa có công trình ở nước ngoài nào nghiên cứu về nội dung Pháp lệnh dân chủ. Những vấn đề lý luận và thực tiễn về dân chủ, dân chủ cơ sở, đặc biệt là thực hiện Pháp lệnh dân chủ, được tác giả luận án kế thừa, sử dụng, vận dụng linh hoạt và phát triển vào công trình nghiên cứu của mình.

Thứ hai, thông qua việc điều tra, khảo sát ở một số khu vực cụ thể như Tây Nguyên, Tây Bắc, các tỉnh khu vực phía Bắc nói chung, hoặc các tỉnh, thành trên phạm vi cả nước như Đắk Lắk, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Thái Bình… các tác giả đã

có cái nhìn toàn diện, đem lại nhiều sắc màu khác nhau ở từng khu vực hoặc từng địa bàn cụ thể trong việc thực hiện dân chủ cơ sở cũng như thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Một số công trình chỉ ra tính đặc thù vùng DTTS với những nét đặc trưng về văn hóa, phong tục tập quán cũng như điều kiện tự nhiên, trình độ dân trí… Các tác giả đã đưa ra những quan điểm, kiến nghị, giải pháp khác nhau đối với vùng DTTS ở Việt Nam nói chung hoặc cho từng khu vực cụ thể (vùng DTTS ở khu vực Tây Nguyên, vùng DTTS ở Tây Bắc, vùng DTTS ở các tỉnh khu vực phía Bắc), cũng như từng tỉnh, thành (vùng DTTS tỉnh Đắk Lắk). Bên cạnh đó, một số công trình ở nước ngoài chỉ ra mối quan hệ giữa dân tộc và dân chủ, sự tham gia dân chủ của các DTTS và dân chủ cơ sở tại địa phương như ở Trung Quốc, Indonesia, Anh…Từ đó, có thể thấy được rằng, không chỉ ở Việt Nam mà các nước trên thế giới nhu cầu thực hiện dân chủ ở cơ sở luôn là nhu cầu cấp thiết.

Thứ ba, mặc dù có nhiều công trình đã được công bố và gần gũi với đề tài, tuy nhiên, vấn đề: "Thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay" là hoàn toàn mới và chưa được nghiên cứu. Các công trình có liên quan chưa chỉ ra yếu tố đặc thù là vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Việc tìm hiểu các công trình trên đã gợi mở cho nghiên cứu sinh nhiều ý tưởng quan trọng, và chắc chắn đây là những tài liệu tham khảo quý giá đối với nghiên cứu sinh trong quá trình thực hiện đề tài của mình. Với đối tượng nghiên cứu có tính đặc thù riêng là vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, nghiên cứu sinh kế thừa một số vấn đề lý luận chung về dân chủ, dân chủ cơ sở, thực hiện Pháp lệnh dân chủ của những công trình trước, và qua quá trình khảo sát, đánh giá thực trạng thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam; qua đó đề xuất quan điểm và một số giải pháp khác nhau mang tính khả thi gắn với tỉnh Quảng Nam nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Từ những kết quả nêu trên, tác giả có thể khẳng định đề tài: "Thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay" là đề tài hoàn toàn mới và không trùng khớp với bất kì công trình khoa học nào đã từng công bố.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, luận án nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Trong đó, về cơ sở lý luận, luận án tập trung làm sáng tỏ: Quan niệm về dân chủ; quan niệm về dân chủ cơ sở; sự ra đời và phát triển của Pháp lệnh dân chủ, thực hiện Pháp lệnh dân chủ; khái quát vùng DTTS tỉnh Quảng Nam; phân tích chủ thể, nội dung, hình thức và vai trò việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Về cơ sở thực tiễn, luận án nghiên cứu, phân tích làm rõ các yếu tố tác động đến việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Bao gồm điều kiện kinh tế - xã hội; bản sắc văn hóa và trình độ dân trí; chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.

Thứ hai, trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan đã được công bố, kết hợp việc khảo sát thực tiễn và tiến hành điều tra xã hội học về thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam tại 2 xã (xã A Tiêng - huyện Tây Giang và xã Trà Cang - huyện Nam Trà My) và 2 thị trấn (thị trấn Thạnh Mỹ - huyện Nam Giang và thị trấn P Rao - huyện Đông Giang), luận án bám sát vào những nội dung quy định quyền của Nhân dân để đánh giá những thành tựu đạt được, hạn chế và nguyên nhân của thành tựu, hạn chế trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay. Ở mỗi nội dung quy định quyền của Nhân dân, luận án đều phân tích vai trò của các chủ thể cũng như các hình thức tổ chức và kết quả đạt được trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Thứ ba, luận án nghiên cứu Luật dân chủ ở cơ sở với tư cách là sự tiếp tục, hoàn thiện và phát triển Pháp lệnh dân chủ, từ đó đề xuất một số yêu cầu cơ bản và các giải pháp chủ yếu thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay dựa trên chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cùng với hệ thống các văn bản được ban hành từ chính quyền địa phương.

Tiểu kết chương 1

Dân chủ ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) là hướng nghiên cứu đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trong nước cũng như ngoài nước trong thời gian dài. Nhiều công trình đã công bố, mỗi công trình nghiên cứu đều cung cấp những giá trị khoa học nhất định, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về dân chủ, dân chủ ở cơ sở, những văn bản có tính pháp lý với tư cách là công cụ để thực hiện dân chủ, thực hiện quyền lực của nhân dân. Đó cũng là cơ sở để tác giả luận án này kế thừa, tiếp thu trong thực hiện nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, qua các công trình đã công bố, tác giả luận án này nhận thấy có những vấn đề liên quan đến đề tài này còn bỏ ngỏ, cần tiếp tục được nghiên cứu. Dân chủ hóa đời sống xã hội là quy luật chung, nhưng việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở, đảm bảo quyền lực của Nhân dân tại những địa bàn với những đặc điểm về kinh tế, văn hoá, xã hội, con người khác nhau lại tuân theo những quy luật đặc thù. Việc vận dụng những văn bản pháp lý trong tổ chức, thực hiện quyền lực của Nhân dân ở mỗi địa phương cần có sự sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể về văn hóa, con người, điều kiện kinh tế, xã hội. Để tiếp tục làm rõ những vấn đề còn bỏ ngỏ đó, luận án này tập trung nghiên cứu việc thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn", nay là "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" - một văn bản pháp lý quan trọng để đảm bảo quyền lực của nhân dân, ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, góp phần làm rõ tính đa dạng, phong phú trong tổ chức thực hiện quyền lực của Nhân dân.

Chương 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN "PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN" VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM

2.1. Quan niệm về dân chủ, dân chủ ở xã, phường, thị trấn và "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn"

2.1.1. Quan niệm về dân chủ, dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Quan niệm về dân chủ:

Ý tưởng về dân chủ xuất hiện từ rất sớm, ngay trong thời kỳ công xã nguyên thủy. Hình thức manh nha của dân chủ được thể hiện qua quyền vốn có của mọi công dân trong xã hội thị tộc, mà mãi về sau Ph. Ăngghen gọi là dân chủ nguyên thủy. Trong quy tắc dân chủ nguyên thủy, tính nhân văn giữa con người với con người là chủ yếu, là quy tắc xử sự giữa con người với nhau theo quy ước, tập quán chứ chưa có giá trị pháp lý. Xã hội ngày càng phát triển, đặc biệt là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự phân công lao động, dẫn đến của cải dư thừa, chế độ tư hữu và sự phân chia giai cấp xuất hiện. Dân chủ bắt đầu mang tính chất giai cấp, dân chủ gắn liền với bản chất của nhà nước.

Đặc biệt, khi có tiếng nói, chữ viết và sự phát triển tư duy trừu tượng, năng lực khái quát hóa trong nhận thức của con người thì người ta diễn đạt ý tưởng ấy bằng cụm từ "demoskratos". Trong ngôn ngữ của người Hy Lạp cổ thì thuật ngữ này được ghép bởi Demos là Nhân dân và Kratos là cai trị. Theo đó, nghĩa gốc của dân chủ (Demoskratos) được hiểu là quyền lực của Nhân dân hay quyền lực thuộc về Nhân dân. Sự phát triển dân chủ đã trải qua những biến cố thăng trầm trong lịch sử, do trình độ phát triển kinh tế - xã hội, năng lực nhận thức của con người… Nhưng về cơ bản, cho đến ngày hôm nay, thuật ngữ dân chủ là quyền lực thuộc về Nhân dân vẫn được các nhà lý luận qua các thời đại kế thừa và phát triển.

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, khái niệm dân chủ được nhắc đến trên nhiều phương diện khác nhau về quyền lực, tổ chức và quản lý, lĩnh vực chính trị, tác phong làm việc…Tuy nhiên, khái niệm dân chủ được nói đến nhiều nhất là phương diện chính trị. Dân chủ là hình thức hoặc hình thái nhà nước. Phạm

trù dân chủ ra đời, hình thành, phát triển và tiêu vong cùng với sự ra đời, hình thành, phát triển và tiêu vong của chính trị, trong đó, quan trọng nhất là nhà nước. Vì vậy, dân chủ cũng sẽ phải mất đi khi nhà nước ấy không tồn tại nữa, tất nhiên nó chỉ xảy ra khi chủ nghĩa cộng sản được thắng lợi hoàn toàn.

Trên cơ sở quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng dân chủ tức là dân làm chủ vận mệnh của quốc gia, của dân tộc. Nhân dân là chủ nhân của nhà nước, vì vậy họ có quyền lựa chọn những cá nhân tốt nhất để thi hành quyền làm chủ của họ. "Nhân dân là ông chủ nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là dân chủ" [42, 263]. Người nhấn mạnh vì Nhân dân làm chủ nên vị thế cao nhất thuộc về Nhân dân, cho nên mọi quyền lực đều thuộc về Nhân dân, mọi lợi ích đều vì dân, mọi công việc đều do dân. Như vậy, "dân là chủ" và "dân làm chủ" thể hiện tính độc đáo và sáng tạo trong quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ. Người đã đặt Nhân dân lên vị thế, chủ thể của xã hội, thực hiện vai trò Nhân dân là chủ nhân của nhà nước.

Trên cơ sở những quan niệm về dân chủ nêu trên, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định dân chủ XHCN là "nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách người làm chủ" [6, 151]. Trong suốt sự nghiệp cách mạng, dân chủ XHCN do Nhân dân làm chủ; Nhân dân tham gia vào công việc điều hành quản lý đất nước; thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân hưởng thụ"; thể hiện quyền dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Từ đó, dân chủ là một trong những mục tiêu mà dân tộc ta phấn đấu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, có thể hiểu "dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; có quá trình ra đời, phát triển cùng với lịch sử xã hội nhân loại" [6, 130].

Quan niệm về dân chủ ở xã, phường, thị trấn:

Trong xu hướng toàn cầu hóa ngày nay, con người ngày càng chú trọng và nhận thức được tầm quan trọng của dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Bởi vì, xã, phường, thị trấn là cấp gần nhất với Nhân dân và là không gian mà họ trải nghiệm việc thực

hành dân chủ hàng ngày khi họ tiếp xúc với các thể chế và quy trình dân chủ. Cấp xã, phường, thị trấn là nơi mà lần đầu tiên Nhân dân làm quen với HTCT. Ở nước ta HTCT bao gồm 4 cấp từ Trung ương đến cấp cơ sở. Cấp xã, phường, thị trấn là đơn vị hành chính thấp nhất trong hệ thống phân cấp hành chính ở Việt Nam. Đây là nơi Nhân dân sinh sống, làm việc, học tập và thực hiện các quyền làm chủ của mình, đồng thời cũng là nơi diễn ra các mối quan hệ giữa Nhân dân và chính quyền địa phương.

Cấp xã, phường, thị trấn là điểm đến cuối cùng của mọi quyết định, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hiệu quả của các chính sách, đường lối có được hiện thực hóa trong cuộc sống hay không, và mức độ tác động của chúng ra sao đều thể hiện qua cuộc sống hàng ngày, thái độ, niềm tin, và hành động của Nhân dân tại cơ sở. Do đó, mặc dù cấp xã, phường, thị trấn là cấp thấp nhất trong hệ thống quản lý, nhưng lại có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định đến sự thành bại của chế độ XHCN. Thực tế cho thấy, nếu mất cơ sở là mất dân, mà nguyên nhân của việc mất dân bắt nguồn từ sự xa dân, thiếu trách nhiệm, sự không đồng bộ, cồng kềnh của bộ máy tổ chức, cũng như nạn quan liêu, tham nhũng và thiếu minh bạch của đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn. Các tầng lớp Nhân dân bao gồm những người lao động chân tay và lao động trí óc là lực lượng trực tiếp tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Họ là những lực lượng trực tiếp đối đầu với những khó khăn, thách thức trong đời sống, giải quyết các mâu thuẫn để đảm bảo cho xã hội tồn tại và phát triển. Do vậy, dân chủ chỉ có thực sự khi các quyền con người được thực hiện trước hết ở cấp xã, phường, thị trấn, khi từng người dân có quyền được biết, được bàn, được kiểm tra, được giám sát và thụ hưởng thành quả của mọi hoạt động diễn ra ở cấp hành chính thấp nhất này.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng và nhấn mạnh tầm quan trọng của cấp xã, phường, thị trấn trong hệ thống hành chính. Người cho rằng, để phát huy tính tích cực và sáng tạo trong Nhân dân, làm cho Nhân dân thực sự chủ động tham gia vào quản lý công việc của Nhà nước thì trước hết phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị trong toàn dân. Theo đó, việc thực thi dân chủ ở từng cấp chính quyền, đặc biệt cấp xã, phường, thị trấn là rất quan trọng. Mỗi cán bộ, đảng viên cấp xã, phường,

thị trấn đều phải có trách nhiệm làm cho dân hiểu được quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp xây dựng phát triển và bảo vệ đất nước.

Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN. Để thực hiện được điều này, cần tập trung vào việc xây dựng và phát triển dân chủ cấp xã, phường, thị trấn một cách hiệu quả và thiết thực. Các quyền của Nhân dân là nền tảng của dân chủ tại cấp xã, phường, thị trấn cần được xác định cụ thể hơn và được nuôi dưỡng để ăn sâu vào đời sống cộng đồng. Khi dân chủ được thực hiện từ cấp xã, phường, thị trấn, thì bộ máy Nhà nước mới thực sự hoạt động hiệu quả, hướng đến mục tiêu phục vụ Nhân dân, bảo vệ và chăm lo đời sống của họ, cũng như lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của Nhân dân. Nhờ có dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Đảng mới phát huy được uy tín, sức ảnh hưởng xã hội rộng lớn trong Nhân dân.

Dân chủ tại cấp xã, phường, thị trấn, trước hết, là việc đảm bảo nguyên tắc toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, được áp dụng trong phạm vi địa bàn xã, phường, thị trấn - nơi cư trú và sinh hoạt của tuyệt đại đa số các tầng lớp Nhân dân. Tại đây, Nhân dân trở thành chủ thể của quyền lực nhà nước, họ sở hữu và thực hiện trực tiếp các quyền dân chủ. Do đó, dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn có liên quan mật thiết đến việc Nhân dân trực tiếp thực hiện các quyền dân chủ của mình. Nếu dân chủ cấp này nhận được sự ủng hộ rộng rãi từ Nhân dân thông qua các hoạt động thực tiễn trong cộng đồng, thì khi đó vai trò của dân chủ với đời sống Nhân dân, với chính quyền địa phương sẽ phát huy tác dụng. Nhân dân sẽ đồng hành cùng HTCT cấp xã, phường, thị trấn để thực hiện các chính sách được đề xuất. Điều này là một tiêu chí quan trọng để đánh giá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phản ánh ý kiến của cộng đồng và nâng cao giá trị để củng cố chế độ dân chủ XHCN.

Dựa vào những phân tích ở trên, có thể hiểu dân chủ ở xã, phường, thị trấn là hình thức dân chủ trực tiếp nhấn mạnh vào sự tham gia trực tiếp của Nhân dân trong phạm vi địa bàn xã, phường, thị trấn; thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân về các vấn đề ảnh hưởng đến đời sống của họ, theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

2.1.2. Sự ra đời và nội dung cơ bản của "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn"

Sự ra đời của "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn":

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện dân chủ, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định dân chủ được thực hiện đầy đủ, rộng rãi trên tất cả mọi lĩnh vực trong thực tiễn cuộc sống, sẽ là điều kiện, tiền đề, động lực phát huy sức mạnh của đại bộ phận Nhân dân lao động tham gia vào sự nghiệp cải tạo, xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh. Để thực hiện, đảm bảo dân chủ, trước hết phải bắt đầu từ cấp xã, phường, thị trấn - cấp thấp nhất và cũng là cấp trực tiếp mà Nhà nước quản lý hành chính đối với công dân trong xã hội. Chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đều xuất phát từ nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân ở cấp xã, phường, thị trấn. Đây cũng là nơi Nhân dân triển khai thực hiện các đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân tại cơ sở. Để thể chế hóa nội dung này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X đã ban hành Nghị quyết số 45/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 26/02/1998, thiết lập Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Nhà nước đã thiết lập một công cụ pháp lý nhằm trao cho Nhân dân ở cơ sở quyền được biết, được bàn, được quyết định trực tiếp trong một số trường hợp, cũng như quyền giám sát các hoạt động công khai.

Sau khi Nghị quyết số 45/1998/NQ-UBTVQH10 được thông qua, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 về Quy chế thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn. Sau 5 năm thực hiện, căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) và Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28/3/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07/7/2003, thay thế Nghị định số 29/1998/NĐ-CP, để phù hợp với tình hình hiện tại và thể hiện sự năng động, sáng tạo của Đảng. Theo đó, những quyền dân chủ của Nhân dân ở cơ sở được xác định trước đó vẫn giữ nguyên, đồng thời bổ sung và sửa đổi nhằm tăng cường vai trò và

trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc bảo đảm thực hiện Quy chế dân chủ ở xã.

Để phù hợp hơn với nhu cầu của thực tế và đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ ở cơ sở của Nhân dân thì ngày 20-4-2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 - Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Pháp lệnh dân chủ chiếm một vị thế quan trọng trong việc điều chỉnh mối quan hệ giữa Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và Nhân dân. Nó đảm bảo rằng Nhân dân có thể thực hiện quyền làm chủ của mình trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội tại cơ sở. Sự hiện diện của Pháp lệnh dân chủ là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự ổn định của xã hội, sự an toàn của Nhân dân và cũng là cơ sở pháp lý quan trọng cho sự duy trì quyền lực nhà nước cũng như quyền làm chủ của Nhân dân. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta đã mở rộng nội dung phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" theo hướng ngày càng bám sát vào tình hình thực tiễn, toàn diện hơn với phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Cùng với quá trình nhìn nhận, đánh giá tầm quan trọng trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở "Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp Nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở" [23, 51]. Trước thực tế đó, ngày 10/11/2022 Quốc hội ban hành Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Hiện nay, những nội dung của Pháp lệnh thực hiện dân chủ nằm trong Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở là sự kế thừa và mở rộng Pháp lệnh dân chủ, là mức độ cao hơn hiệu lực pháp lý, tính ổn định so với Pháp lệnh dân chủ.

Nội dung cơ bản của "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn":

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11 về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn gồm 6 chương, 28 điều. Điểm nổi bật của Pháp lệnh này là đã quy định rất cụ thể, chi tiết các quyền của Nhân dân đối với những vấn đề của địa phương. Đó là quyền Nhân dân được biết, được bàn, được quyết định, được tham gia ý kiến, được giám sát. Cùng với những quyền cơ bản của Nhân dân, Pháp lệnh cũng quy định rõ trách nhiệm của chính quyền, cán bộ,

công chức xã, phường, thị trấn của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của Nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn; phương thức, biện pháp cụ thể để thực hiện từng nội dung thể hiện quyền của Nhân dân, những nguyên tắc thực hiện dân chủ, những hành vi bị cấm trong tổ chức thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân.

Thứ nhất, những nội dung công khai để dân biết.

Trong điều 5 của Pháp lệnh dân chủ chỉ rõ một số nội dung công khai cơ bản để Nhân dân biết, bao gồm:

+ "Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.

+ Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân.

+ Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

+ Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho Nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

+ Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

+ Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

+ Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này.

+ Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

+ Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến Nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

+ Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết" [16, Điều 5].

Những nội dung trên thể hiện quyền được biết của Nhân dân. Đây cũng là tiền đề để Nhân dân thực hiện được các quyền khác, như quyền được bàn, được quyết định, được tham gia ý kiến, được giám sát đối với những nội dung liên quan đến đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của Nhân dân ở xã, phường, thị trấn với những hình thức nhất định, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Thứ hai, những nội dung Nhân dân bàn và quyết định.

Pháp lệnh dân chủ quy định những nội dung Nhân dân bàn và quyết định gồm hai mức độ là Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp và Nhân dân bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Những nội dung Nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp:

Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những vấn đề mà điều 10 của Pháp lệnh dân chủ quy định rõ: "Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật" [16, Điều 10].

- Những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Điều 13 của Pháp lệnh dân chủ ghi rõ, những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định gồm:

+ "Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

+ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

+ Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng" [16, Điều 13].

Mặc dù, nội dung mà Nhân dân bàn và quyết định hoặc Nhân dân bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định được quy định trong Pháp lệnh còn hạn chế, chưa bao quát được nhiều vấn đề của địa phương, nhưng bước đầu Pháp lệnh là sự cụ thể hoá quyền dân chủ trực tiếp của Nhân dân, nhằm phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của Nhân dân trong bàn bạc và quyết định các vấn đề của địa phương.

Thứ ba, những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Nhân dân có quyền tham gia ý kiến trong các vấn đề quy định tại Điều 19 như sau:

+ "Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

+ Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

+ Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

+ Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

+ Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết" [16, Điều 19].

Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được quy định trong Pháp lệnh dân chủ, là điều kiện để Nhân dân chủ động, tích cực thể hiện ý kiến của mình liên quan đến một số vấn đề quan trọng của địa phương, của đời sống cộng đồng dân cư, làm căn cứ để cơ quan thẩm quyền quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương. Những ý kiến phản hồi từ Nhân dân sẽ giúp cho cơ quan có thẩm quyền cân nhắc, xem xét, lựa chọn để đưa ra những quyết định đúng đắn, vừa đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân, vừa đảm bảo nhu

cầu, lợi ích chung của cộng đồng. Điều này cũng làm tăng tính trách nhiệm và chịu trách nhiệm của công dân và của chính quyền, hiệu quả quản lý nhà nước cũng sẽ tăng lên. Nhờ vậy thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân ngày càng thực chất hơn, trí tuệ của Nhân dân được huy động nhằm góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Mối quan hệ giữa chính quyền và Nhân dân được củng cố và tăng cường.

Thứ tư, những nội dung Nhân dân tham gia giám sát.

Theo Điều 23, "Nhân dân giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các điều 5, 10, 13 và 19 của Pháp lệnh này" [16, Điều 23]. Theo đó, Nhân dân sẽ giám sát việc thực hiện những nội dung công khai để Nhân dân biết, những nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết, những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến. Nội dung này là căn cứ để đánh giá Nhân dân thực hiện quyền lực của mình ở mức độ nào.

Thực hiện những nội dung Nhân dân tham gia giám sát cũng chính là điều kiện để kịp thời ngăn chặn, sửa chữa những sai sót, lệch lạc, bất cập nảy sinh trong thực hiện quyền được biết, được bàn, được làm của Nhân dân, qua đó cũng kiểm soát quyền lực của Nhà nước ở cấp cơ sở, góp phần đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực trong xã hội.

Trên đây là những nội dung cơ bản được quy định trong Pháp lệnh dân chủ (Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành). Những nội dung này mặc dù chưa thể hiện đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng đây là công cụ có tính pháp lý đầu tiên đảm bảo quyền lực của Nhân dân được thực thi trong thực tiễn. Pháp lệnh dân chủ là cơ sở pháp lý để Đảng và Nhà nước tiếp tục hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về dân chủ nói chung và dân chủ ở cơ sở nói riêng, từ đó, các thiết chế về dân chủ ngày càng hoàn thiện. Pháp lệnh dân chủ góp phần hiện thực hoá phương châm của Đảng "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng", đảm bảo quyền làm chủ và vai trò tự quản của Nhân dân ngay từ cấp cơ sở.

2.1.3 "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" - Sự phát triển và hoàn thiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn"

Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn được Uỷ ban thường vụ Quốc hội thông qua và ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2007 là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất so với trước đó. Pháp lệnh dân chủ đã quy định những vấn đề cơ bản, như nguyên tắc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, những hành vi bị cấm. Và điều quan trọng nhất là, Pháp lệnh dân chủ đã có những quy định cụ thể về nội dung, hình thức mà chính quyền cần công khai để dân biết, những nội dung Nhân dân bàn và quyết định, những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định và những nội dung Nhân dân tham gia giám sát. Với những vấn đề cơ bản được quy định trong Pháp lệnh dân chủ, thì bước đầu đây là công cụ hữu hiệu điều chỉnh mối quan hệ giữa chính quyền và Nhân dân ở cấp xã, phường, thị trấn trong thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Thực tiễn của việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong cuộc sống đã cho thấy, Pháp lệnh đã tạo bước chuyển biến về chất trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước và các tầng lớp Nhân dân về quyền lực của Nhân dân. Qua thực hiện Pháp lệnh, mối quan hệ giữa chính quyền với Nhân dân đã cởi mở hơn. Lòng tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước được củng cố. Pháp lệnh cũng đã tạo ra động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình xã hội. Thực hiện Pháp lệnh dân chủ góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân quần chúng Nhân dân và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong cộng đồng địa phương, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực trong xã hội.

Tuy nhiên, do tính chất của Pháp lệnh dân chủ là điều chỉnh những mối quan hệ có tính ổn định chưa cao, mặt khác, phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh dân chủ mới chỉ giới hạn ở đơn vị xã, phường, thị trấn, tức là đơn vị căn cứ vào địa bàn cư trú. Một số những nội dung quy định trong Pháp lệnh chưa phản ánh một cách toàn diện quyền của Nhân dân theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra,

dân giám sát và dân thụ hưởng". Để tiếp tục hiện thực hoá quyền lực của Nhân dân, hướng đến mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", Quốc hội Khoá XV đã thông qua Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở (gọi tắt là Luật dân chủ ở cơ sở), nhằm thay thế cho Pháp lệnh dân chủ, có hiệu lực từ ngày 1/7/2023. Luật dân chủ ở cơ sở là văn bản có tính ổn định cao, là cơ sở pháp lý cao nhất cho việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, của cán bộ, công chức, người lao động ở cơ sở, tạo sự chuyển biến tích cực trong đời sống chính trị - xã hội.

Dù thay thế cho Pháp lệnh dân chủ, nhưng Luật dân chủ ở cơ sở không phải là sự phủ định hoàn toàn Pháp lệnh dân chủ. Luật dân chủ ở cơ sở là sự tiếp nối, mở rộng và phát triển, hoàn thiện Pháp lệnh dân chủ. Thực hiện Pháp lệnh dân chủ là bước đầu cho sự ra đời và thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở và sau này là Luật dân chủ. So với Pháp lệnh dân chủ, Luật dân chủ ở cơ sở với 6 chương, 91 điều và 348 khoản, có một số nội dung mới cơ bản.

Trước hết, về phạm vi điều chỉnh, Pháp lệnh dân chủ chỉ giới hạn ở đơn vị xã, phường, thị trấn, tức là đơn vị cơ sở dựa vào nơi cư trú của công dân. Luật dân chủ ở cơ sở đã mở rộng phạm vi điều chỉnh, không chỉ ở xã, phường, thị trấn mà còn có các đơn vị thuộc cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức có sử dụng lao động. Như vậy, Luật dân chủ ở cơ sở không chỉ điều chỉnh mối quan hệ ở nơi cư trú mà cả nơi làm việc của công dân [44, Điều 1].

Thứ hai, về nguyên tắc thực hiện, Pháp lệnh dân chủ nêu 5 nguyên tắc, còn Luật dân chủ ở cơ sở kế thừa 5 nguyên tắc trong Pháp lệnh dân chủ và bổ sung thêm một nguyên tắc và một số nội dung của các nguyên tắc đó [44, Điều 3].

Thứ ba, về quyền và nghĩa vụ của công dân, Pháp lệnh dân chủ không quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Luật dân chủ ở cơ sở quy định 4 quyền và 5 nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở [44, Điều 5, 6, 7], đặc biệt, điểm nhấn mạnh và bổ sung trong các quyền của công dân là quyền thụ hưởng. Theo đó, Nhân dân được Nhà nước và Pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân, các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Nhân dân được thông tin đầy đủ về quyền và

lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhân dân được thụ hưởng những thành quả phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước và địa phương, của cơ quan, đơn vị công tác, của tổ chức sử dụng lao động. Nhân dân được tạo điều kiện học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, được cải thiện và nâng cao đời sống của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Thứ tư, về các hành vi bị nghiêm cấm, Luật dân chủ ở cơ sở kế thừa Pháp lệnh dân chủ và bổ sung thêm một số hành vi khác. Những hành vi bị nghiêm cấm đó đều nhằm bảo vệ công dân khi công dân thực hiện quyền làm chủ của mình [44, Điều 9]. Ngoài những bổ sung mới nêu trên, thì điều quan trọng nhất trong Luật dân chủ ở cơ sở đã kế thừa Pháp lệnh dân chủ bổ sung chi tiết, mở rộng các nội dung, hình thức, địa điểm, thời gian…công khai thông tin để Nhân dân biết, Nhân dân bàn, Nhân dân tham gia ý kiến, Nhân dân giám sát ở xã, phường, thị trấn và cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức sử dụng lao động [44, Điều 11 đến Điều 82].

Thứ năm, Luật dân chủ ở cơ sở bổ sung cụ thể trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trách nhiệm của các cơ quan khác trong bộ máy Nhà nước, trách nhiệm của Uỷ ban Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, trách nhiệm của Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân cấp xã, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, tổ chức Công đoàn Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong tổ chức thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở [44, Điều 83 đến Điều 89].

Với những nội dung kế thừa từ Pháp lệnh dân chủ và những nội dung mới được bổ sung vào Luật dân chủ ở cơ sở, thì Luật dân chủ ở cơ sở đánh dấu sự phát triển mới trong nhận thức và hành động thực tiễn của Đảng về quyền lực của Nhân dân, về bản chất của dân chủ XHCN và Nhà nước Pháp quyền XHCN Việt Nam. Luật dân chủ ở cơ sở là sự cụ thể hoá chi tiết, đầy đủ phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng". Thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm Luật dân chủ ở cơ sở, quyền làm chủ của Nhân dân không còn là cái gì đó trừu tượng, xa vời mà là thực tế hiện hữu trong đời sống xã hội và cuộc sống của mọi người dân.

2.2. Quan niệm, chủ thể, nội dung và hình thức thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

2.2.1. Khái quát vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

Khái niệm dân tộc thiểu số và vùng DTTS được định nghĩa tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc như sau: "Dân tộc thiểu số là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam" [11] và "Dân tộc đa số là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia" [11]. "Vùng DTTS là địa bàn có đông các DTTS cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam" [11]. Tuy nhiên, đông là bao nhiêu thì chưa được xác định rõ ràng. Còn theo nghiên cứu của tác giả Vũ Quang Định thì vùng DTTS là "phần đất đai của một quốc gia nơi tụ cư chủ yếu là dân tộc ít người" [24, 104]. Theo Nghị định số 127/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc đã sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 4 như sau: "Vùng đồng bào dân tộc thiểu số là địa bàn cấp tỉnh, huyện, xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định; thôn, bản, làng, phum, sóc, xóm, ấp và tương đương (sau đây gọi chung là thôn) có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng" [12].

Ở địa bàn tỉnh Quảng Nam có 18 huyện, thị xã, thành phố (gồm 15 huyện, 01 thị xã và 02 thành phố). Theo thống kê các đơn vị hành chính cấp xã miền núi, vùng cao, hải đảo (Kèm theo Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 8 tháng 03 năm 2021 của Bộ Nội vụ), thì tỉnh Quảng Nam có 53 xã miền núi và 67 xã vùng cao, với hơn 25 tộc người định cư sinh sống với tổng dân số 1.495.812 người; trong đó, dân tộc Việt (Kinh) có 1.355.222 người, chiếm 90,6%; các DTTS có 140.590 người, chiếm 9,4%. Trong số các tộc người thiểu số, có 05 tộc người được xác định là tại chỗ, cũng là các tộc người đông dân số nhất (136.994 người, chiếm 93,9% tổng số người DTTS tại địa phương và 9,2% dân số toàn tỉnh). Đó là các tộc người: Cơ Tu (55.091 người), Xơ Đăng (47.268 người), Giẻ-Triêng (23.222 người), Co (6.479 người), Mnông (4.934 người). Các tộc người này đều sinh sống ở vùng miền núi phía tây của tỉnh;

trong đó, tại một số huyện có tỷ lệ người DTTS chiếm trên 80% dân số như: huyện Tây Giang có 18.292 người DTTS/20.005 tổng số dân (chiếm 91.4%); huyện Đông giang có 20.135 người DTTS/25.116 tổng số dân (chiếm 80.1%); huyện Nam Giang có 20.986 người DTTS/26.123 tổng số dân (chiếm 80.3%); huyện Nam Trà My có 28.510 người DTTS/31.306 tổng số dân (chiếm 91.1%) [68]. Ngoài các tộc người tại chỗ, Quảng Nam còn có một số tộc người thiểu số từ các tỉnh miền núi phía Bắc mới chuyển cư vào từ năm 1980 trở lại đây là Tày, Mường, Nùng, Hmông, Thái, Khơ-mú, Dao, Thổ...; trong đó, đông nhất là người Mường (815 người, năm 2019), ít nhất là người Hmông. Như vậy, vùng DTTS tỉnh Quảng Nam là địa bàn cư trú của chủ yếu các tộc người Cơ Tu, Ca Dong (nhóm địa phương thuộc dân tộc Xơ Đăng), Cor và Giẻ -Triêng.

Về không gian cư trú, đối với cư dân miền núi Quảng Nam cũng như các DTTS cư trú dọc Trường sơn và Tây Nguyên, trước đây khái niệm về ranh giới hành chính như xã, huyện, tỉnh… thường chưa được hình thành rõ ràng như ngày nay mà chỉ có khu vực cư trú của từng tộc người. Theo các dữ liệu lịch sử, các tộc người Cơ Tu, Co và các nhóm Bhnong (dân tộc Giẻ -Triêng), Ca Dong (dân tộc Xơ Đăng) sinh sống chủ yếu bằng canh tác nương rẫy, trồng rừng. Ở vùng đồng bào DTTS tỉnh Quảng Nam, cơ sở điều hành xã hội của thiết chế tự quản làng là luật tục. Đây là hệ thống tập quán pháp được hình thành từ truyền thống lâu đời, đề cao tinh thần cộng đồng và nguyên tắc tự quản. Luật tục không chỉ gắn bó mật thiết với mọi thành viên trong làng mà còn được cộng đồng công nhận và tuân thủ nghiêm ngặt, đảm bảo sự công bằng, trật tự và duy trì mối quan hệ hòa thuận, đoàn kết. Các quy ước này không chỉ phản ánh thực tiễn sinh hoạt xã hội của đồng bào mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và phát triển thiết chế chung, góp phần bảo vệ cộng đồng trước những biến động của tự nhiên và xã hội. Dù mỗi dân tộc có những điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh xã hội khác nhau, nhưng luật tục vẫn giữ vai trò cốt lõi, là nền tảng quan trọng trong quản lý văn hóa - xã hội của cộng đồng, đặc biệt là trong xã hội truyền thống.

Ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam có tổ chức xã hội truyền thống duy nhất và cao nhất là làng. "Tổ chức đơn vị xã hội Làng được giữ vững bằng một cơ chế tự quản truyền thống: cơ chế chủ làng và hội đồng già làng" [48, 394]. Đồng bào DTTS luôn có ý thức sâu sắc về cội nguồn dòng tộc, làng quê, tinh thần gắn kết cộng đồng, không gian sinh tồn cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi đối với làng của mình. Trong quá khứ, mỗi cá nhân và gia đình trong làng đều chịu sự chi phối của ý chí chung của cộng đồng, do già làng và người đứng đầu làng đại diện. Ngày nay, mặc dù hệ thống quản lý hành chính của Nhà nước đã được thiết lập và vận hành trên các cấp ở địa phương, nhưng ở nhiều nơi, thiết chế xã hội cổ truyền vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng.

Xét về mô hình tổ chức xã hội truyền thống, dù ở vùng đồng bằng hay vùng DTTS, hệ thống tự quản của các dòng tộc vẫn tồn tại, trong đó những người có uy tín, già làng giữ vị trí trọng yếu trong việc giám sát và giải quyết các vấn đề chung của làng, thôn. Đồng bào DTTS có truyền thống tôn trọng kinh nghiệm, coi trọng người cao tuổi, xem đó là chuẩn mực trong cách tư duy và hành động. Do đó, vai trò những người có uy tín, già làng vẫn còn ảnh hưởng đáng kể, ngay cả khi trưởng thôn, bí thư chi bộ hay cán bộ xã đều phải gắn kết chặt chẽ với cộng đồng làng.

Hiện nay, mô hình quản lý cộng đồng dựa trên luật tục và sự điều hành của già làng dần được thay thế bởi hệ thống quản lý hành chính hiện đại. Tuy nhiên, ở vùng DTTS Quảng Nam, cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống vẫn được duy trì, trong đó làng, thôn vẫn hoạt động theo những định chế lâu đời và tuân thủ các thông lệ riêng. Vì vậy, chính quyền địa phương cần chú trọng phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong cộng đồng, tạo điều kiện để họ tham gia vào các công việc của làng, thôn, đặc biệt khi triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Từ đặc điểm tâm lý, tình cảm và tính cố kết cộng đồng, có thể thấy rằng luật tục và truyền thống văn hóa làng vẫn còn sức ảnh hưởng lớn. Điều này gợi mở hướng tiếp cận quản lý và điều hành xã hội dựa trên sự tôn trọng tập quán pháp, vừa bảo tồn giá trị truyền thống vừa hỗ trợ hiệu quả cho sự phát triển kinh tế, chính trị và đời sống xã hội của Nhân dân.

2.2.2. Quan niệm về thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" và chủ thể thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh quảng Nam

Quan niệm về thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn":

Một nền dân chủ ổn định từ cơ sở sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà nước và Nhân dân có sự gắn bó mật thiết hơn trong hoạt động quản lý của nhà nước và thực hiện những nhu cầu dân chủ chính đáng của Nhân dân. Do đó, hoạt động quản lý của nhà nước cũng như HTCT ở xã, phường, thị trấn sẽ trở nên hiệu quả hơn. Vì thông qua hoạt động quản lý nhà nước, các nguồn lực ở địa phương được tập hợp và thống nhất hướng đến lợi ích của Nhân dân. Mọi chủ trương, đường lối đúng đắn là yếu tố then chốt trong việc củng cố niềm tin của cộng đồng, từ đó dân chủ cấp xã, phường, thị trấn có thể ổn định và phát triển. Thực tế đã chứng minh rằng khi thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn không ổn định, sẽ ảnh hưởng đến phần lớn Nhân dân, dẫn đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ không đạt được hiệu quả như mong muốn. Vì vậy, để nâng cao vai trò làm chủ của Nhân dân cũng như phát huy dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Mở rộng và phát triển dân chủ cấp cơ sở là điều không thể thiếu để khuyến khích sự tích cực tham gia của Nhân dân trong các hoạt động chính trị và xã hội, từ đó tạo điều kiện cho họ tham gia sâu rộng hơn trong quản lý nhà nước và xã hội tại xã, phường và thị trấn. Tuy nhiên, việc thực hiện *"Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*" này phải tuân thủ các nguyên tắc và quy định của pháp luật.

Dân chủ tại cấp xã, phường, thị trấn phải dựa trên cơ sở của Hiến pháp, Pháp luật và Pháp lệnh. Thực hiện *"Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*" là quá trình hiện thực hóa cơ chế hoạt động của HTCT ở cơ sở, đảm bảo cho Nhân dân được phổ cập các quyền được biết, được bàn, được làm và được kiểm tra tại nơi họ sinh sống và làm việc hàng ngày. Thực hiện *"Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*" có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát huy sức mạnh của toàn dân và toàn HTCT, là yếu tố quan trọng, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua thực hiện *"Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*", phát

huy quyền làm chủ của Nhân dân góp phần huy động tính tích cực, sáng tạo, đóng góp về vật chất và tinh thần mọi tầng lớp Nhân dân trong xã hội.

Thực hiện *"Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*" là quá trình đưa các quy định của nội dung "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vào thực tế tại địa phương, nhằm biến nhận thức về quyền dân chủ ở cơ sở thành các hoạt động cụ thể, qua đó phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Quá trình này không chỉ tạo điều kiện để HTCT hoạt động hiệu quả hơn mà còn khuyến khích Nhân dân tích cực tham gia vào công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội, đồng thời thực hiện vai trò giám sát, kiểm tra đối với chính quyền địa phương.

Chủ thể thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh quảng Nam:

Thực hiện Pháp lệnh dân chủ là những cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Nhân dân tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trong quá trình thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước. Các chủ thể giữ vai trò quan trọng và quyết định đến việc triển khai những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được hiện thực hóa trong đời sống Nhân dân. Theo đó, thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam về cơ bản có thể chia ra thành hai nhóm chủ thể chính: đội ngũ cán bộ (bao gồm Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị-xã hội) và Nhân dân, trong đó bộ phận rất quan trọng là đội ngũ những người có uy tín vùng DTTS.

Thứ nhất, đội ngũ cán bộ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Đội ngũ cán bộ Đảng, đây là đội ngũ luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm trong việc tổ chức, triển khai, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những nội dung quy định về xây dựng và thực hiện Pháp lệnh dân chủ gắn với thực hiện nâng cao trách nhiệm của cả HTCT trong việc phối hợp thực hiện và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Đảng ủy, Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tập trung chỉ đạo việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở như Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH Khóa 11, Nghị định số 04/NĐ-CP, Nghị định số 60/NĐ-CP của Chính phủ; Kết luận số 120-KL/TW,

của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Các cấp ủy Đảng quán triệt đối với đội ngũ cán bộ chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội vùng DTTS bằng những nội dung văn bản, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương. Ban hành, bổ sung, sửa đổi kịp thời các văn bản như: quy chế phối hợp với các ngành, các quy định về công tác cải cách thủ tục hành chính; niêm yết các văn bản liên quan đến quyền lợi của Nhân dân tại trụ sở làm việc để Nhân dân nắm; củng cố, xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở; chỉ đạo thành lập tổ hòa giải thôn; rà soát, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai chương trình công tác theo đúng nguyên tắc, nội dung và điều lệ.

Đội ngũ cán bộ chính quyền, luôn giữ vai trò quyết định trong việc hiện thực hóa sự lãnh đạo của Đảng và quản lý Nhà nước về mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội cấp xã, phường, thị trấn. Lúc sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi vị trí cán bộ, công chức cấp cơ sở là cực kỳ quan trọng, bởi cấp xã, phường, thị trấn là gần gũi với Nhân dân nhất, là nền tảng của hành chính. Đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn trực tiếp thực hiện công tác vận động, tuyên truyền và phổ biến mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với Nhân dân trên địa bàn. Họ là những người tiếp xúc với dân nhiều nhất, giải quyết mọi nhu cầu của Nhân dân, đảm bảo sự phát triển kinh tế của địa phương và duy trì trật tự an toàn xã hội. Với tính chất công việc đặc thù, đội ngũ cán bộ này vừa thực hiện và quán triệt các Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên, vừa nắm bắt tình hình thực tiễn ở địa phương để đề ra chủ trương, kế hoạch và biện pháp đúng đắn, thiết thực và phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, họ giữ vị trí quan trọng trong việc phát huy sức mạnh của HTCT, tạo dựng các phong trào cách mạng của quần chúng, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Do đó, sức mạnh của HTCT, sự ổn định của xã hội, và sự phát triển sâu rộng, hiệu quả của phong trào cách mạng quần chúng luôn gắn liền với năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn.

Cán bộ cấp xã, phường, thị trấn là cầu nối, vận động, tổ chức và huy động mọi nguồn lực ở địa phương để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã

hội và an ninh quốc phòng cấp cơ sở. Họ giữ vai trò quyết định đối với năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền địa phương. Việc hiện thực hóa mọi đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước phụ thuộc vào phong trào cách mạng của quần chúng. Để phong trào này hoạt động hiệu quả, đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn phải thực sự là những "thủ lĩnh", có khả năng tổ chức, lôi cuốn và phát động phong trào, theo dõi, kiểm tra và nhân rộng các phong trào tốt cùng những cá nhân điển hình, tiên tiến, đồng thời biết khai thác tối đa các nguồn lực vật chất và tinh thần tại địa phương. Hiệu lực của bộ máy quyền lực cấp xã, phường, thị trấn cũng tùy thuộc trước hết vào năng lực và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ này. Cán bộ, công chức ở cấp này làm được việc thì mọi việc đều được hanh thông.

Cán bộ, công chức là nhân tố quyết định cho sự thành bại việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Đó là khả năng giác ngộ, nắm vững những chủ trương, đường lối của Đảng, triển khai, tuyên truyền đầy đủ, sâu sắc mục đích, ý nghĩa, nội dung và cùng với Nhân dân tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ trên địa bàn. Đặc biệt đối với vùng DTTS, ở các huyện miền núi chú trọng đến công tác cán bộ ở địa phương người DTTS. Điều này thể hiện thành công của chính sách dân tộc, nhất là việc ưu tiên tuyển dụng, bố trí cán bộ, công chức cấp xã là người DTTS làm việc tại UBND các xã, thị trấn miền núi, vùng cao. Đây chính là lực lượng tiên phong trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước đến người DTTS sinh sống trên địa bàn.

Đội ngũ cán bộ của các tổ chức chính trị-xã hội và các đoàn thể khác.

MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, ban hành các văn bản chỉ đạo, các tổ chức đoàn, hội đoàn thể, tuyên truyền thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; ban hành chương trình, kế hoạch, hướng dẫn nhiệm vụ chuyên môn gắn với thực hiện dân chủ trong cán bộ, hội viên, đoàn viên; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò trong việc thực hiện quy chế phối hợp; thực hiện minh bạch, bình xét dân chủ, khi được hỗ trợ đúng đối tượng, tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân dịp Tết, hỗ trợ cho vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, sửa chữa nâng cấp nhà ở, xóa nhà tạm, cứu trợ… giúp các hộ gia đình chính sách, hộ đoàn viên, hội viên nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thiên tai trên địa bàn.

MTTQ và các đoàn thể các cấp đã phát huy vai trò trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội; từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát dân, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của hội viên, đoàn viên và Nhân dân; được tham gia dân chủ trong việc đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, chính quyền, góp ý vào các dự thảo văn bản, ban hành, hướng dẫn thực hiện… tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn; thường xuyên sâu sát cơ sở, nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước, trong và sau đại hội đảng bộ xã, kịp thời chuyển tải những ý kiến, kiến nghị với cấp ủy, chính quyền và các ngành chuyên môn.

Thứ hai, đội ngũ người có uy tín trong vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Bên cạnh đội ngũ cán bộ trong HTCT cấp xã, phường, thị trấn, việc triển khai thực hiện Pháp lệnh chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam còn phụ thuộc vào đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng dân cư ở mỗi địa phương, như già làng, trưởng tộc, trí thức, đảng viên, giáo viên…

Một trong những đặc điểm của đồng bào vùng DTTS tỉnh Quảng Nam là trọng kinh nghiệm, hành động chủ yếu còn cảm tính, theo chủ nghĩa kinh nghiệm. Vậy nên, tôn trọng người già, người cao tuổi, người có kinh nghiệm là một trong những phong tục ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp sống, nếp làm việc của đồng bào các dân tộc. Lối sống theo kinh nghiệm sẽ tạo lực cản không nhỏ cho việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Nhưng nếu trong triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ, các cấp chính quyền biết khai thác ảnh hưởng của người già, người có uy tín trong làng, lại là thuận lợi.

Già làng, thường là những người cao tuổi, sinh ra và lớn lên gắn bó lâu năm với đồng bào các DTTS tỉnh Quảng Nam, có nhiều kinh nghiệm trong lao động sản xuất cũng như hiểu rõ phong tục tập, tập quán ở địa phương, hiểu được tâm tư, nguyện vọng của người dân, là người có uy tín, được người dân các dân tộc suy tôn, kính trọng. Già làng là những người được bà con các dân tộc bầu lên để thay mặt cho bà con quản lý các công việc của cộng đồng. Thường già làng là người có nhận thức, hiểu biết cao hơn, là người nhanh nhẹn, năng động và có khả năng thuyết phục, đoàn kết bà con

trong làng. Cùng với già làng, trưởng tộc, đội ngũ giáo viên, đảng viên, hoặc các vị chức sắc tôn giáo… cũng là những người được dân làng nể nang, ngưỡng mộ. Người có uy tín trong làng thường là những tấm gương điển hình trong phát triển kinh tế, xã hội, chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tiếng nói, hành động của họ thường có tác dụng định hướng, dẫn dắt, bà con trong làng.

Trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ, đội ngũ già làng, trưởng tộc, người có uy tín trong làng là lực lượng làm cầu nối giữa đội ngũ cán bộ với Nhân dân. Một mặt, họ như cánh tay nối dài của HTCT ở xã, phường, thị trấn, của đội ngũ cán bộ, trong triển khai thực hiện Pháp lệnh. Mặt khác, họ là những đầu tàu của quần chúng Nhân dân trong thực hiện những nội dung quy định quyền của công nhân trong Pháp lệnh. Vừa tạo độ tin tưởng trong quần chúng, vừa cùng quần chúng Nhân dân tháo gỡ những vướng mắc trong thực hiện Pháp lệnh. Đội ngũ những người có uy tín trong làng cũng là những người tham gia giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh giữa đội ngũ cán bộ với quần chúng nhân trong thực hiện Pháp lệnh, giữa luật tục của các DTTS với Pháp lệnh dân chủ.

Trong thời gian qua, vai trò của người uy tín được phát huy rõ nét, trở thành lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền chính sách, phổ biến và giáo dục pháp luật đến với cộng đồng miền núi. Ngày nay, người chịu trách nhiệm điều hành xã hội ở cơ sở là Trưởng thôn, Trưởng tộc, tuy vậy hội đồng già làng vẫn được Nhân dân tin tưởng, kính trọng. Sự chuyển đổi vai trò quản lý xã hội từ già làng sang Trưởng thôn là điều tất nhiên, tuy nhiên những giá trị văn hóa truyền thống của làng, những trí thức bản địa được sáng tạo, chắt lọc, lưu giữ và trao truyền từ bao đời vẫn còn nguyên giá trị, cần phải được bảo tồn và phát huy. Đội ngũ già làng, Trưởng thôn, bản, người có uy tín trong đồng bào các DTTS tỉnh Quảng Nam là những tấm gương sáng trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân cùng góp sức phát triển kinh tế, ổn định xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, Nhân dân vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Quần chúng nhân dân đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra của cải vật chất. Họ là lực lượng lao động trực tiếp tham gia vào các hoạt động sản xuất vật chất. Bên cạnh việc tạo ra của cải vật chất, họ cũng tham gia vào các hoạt động chính trị-xã hội.

Trong quá trình lao động và sinh sống, họ luôn gắn bó chặt chẽ trong một đơn vị, tổ chức, cộng đồng, hoặc một địa bàn dân cư cụ thể. Là một chủ thể quan trọng trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, quần chúng nhân dân đồng bào các DTTS vừa là đối tượng chịu tác động của đội ngũ cán bộ trong HTCT cơ sở, vừa là người trực tiếp triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Là đối tượng của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, quần chúng nhân dân tiếp thu sự vận động, tuyên truyền, giải thích của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn để có nhận thức đúng, đầy đủ về ý nghĩa, sự cần thiết, trách nhiệm và quyền lợi của Nhân dân được quy định trong Pháp lệnh dân chủ. Khi đã nhận thức đúng về Pháp lệnh dân chủ, đồng bào các dân tộc sẽ có được tinh thần tự giác, tích cực, chủ động cũng như tránh được tối đa những sai sót trong thực hiện các quyền của Nhân dân trong Pháp lệnh. Là người trực tiếp thực hiện Pháp lệnh dân chủ, quần chúng Nhân dân dưới sự lãnh đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ của đội ngũ cán bộ trong tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, trực tiếp thực hiện những nội dung trong Pháp lệnh dân chủ, gồm những nội dung mà chính quyền cấp xã, phường, thị trấn công khai để Nhân dân biết, những nội dung Nhân dân bàn và quyết định, những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, những nội dung Nhân dân giám sát.

Với vai trò là chủ thể trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến, bàn bạc những vấn đề liên quan đến đường lối, chủ trương cũng như mọi chính sách, của Đảng và Nhà nước về dân chủ nói chung và thực hiện Pháp lệnh dân chủ nói riêng. Nhân dân là những người trực tiếp được hưởng lợi từ thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn. Họ có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động dân chủ như tham gia vào các cuộc họp, thảo luận, bầu cử để lựa chọn ra các đại diện địa phương, đóng góp ý kiến, tham gia vào việc quản lý và giải quyết các vấn đề cộng đồng. Các góp ý của Nhân dân thể hiện tâm huyết, thẳng thắn, nghĩa vụ và tinh thần trách nhiệm của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Để thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ, đòi hỏi mỗi Nhân dân phải tự chủ động, tìm hiểu các nội dung liên quan đến thực hiện dân chủ trong xã hội, ý thức được quyền lợi và trách nhiệm của bản thân trong quá trình tham gia thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Nhân dân phải trực tiếp thực hiện, nắm bắt tình hình thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong đời sống; thực hiện quyền được biết, được làm, được kiểm tra, được giám sát của mình đối với các hoạt động của cấp cơ sở. Muốn vậy bản thân mỗi Nhân dân phải nhận thức được tầm quan trọng việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ một mặt vừa phát huy và đảm bảo quyền làm chủ, sức sáng tạo của mọi Nhân dân trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội cũng như hoàn thiện pháp luật trong xã hội. Mặt khác, nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Nhân dân nhằm tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở đoàn kết dân tộc góp phần giữ vững kỷ cương, duy trì nề nếp, ổn định an ninh trật tự trên địa bàn. Từ đó, phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ của Nhân dân góp phần xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống cũng như ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội, thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Ngược lại nếu bản thân mỗi Nhân dân không quan tâm, không nắm vững nội dung, nguyên tắc thực hiện Pháp lệnh dân chủ sẽ không phát huy hết khả năng, sức sáng tạo của Nhân dân cũng như không thực hiện tốt quyền dân chủ của mình.

Như vậy, việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam không phải là công việc của riêng đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn hay của riêng quần chúng Nhân dân, cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa đội ngũ cán bộ và Nhân dân. Đặc biệt cần khai thác uy tín của đội ngũ già làng hoặc người có uy tín trong làng. Khi các chủ thể đều tích cực tham gia thực hiện Pháp lệnh dân chủ với tinh thần trách nhiệm cao, thì mọi khó khăn vướng mắc trong việc đưa Pháp lệnh thành thực tiễn sẽ được khắc phục.

2.2.3. Nội dung và hình thức thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

Thực hiện Pháp lệnh dân chủ là quá trình hiện thực hóa những nội dung của Pháp lệnh dân chủ vào thực tiễn tại cơ sở, nhằm tiến hành triển khai những nội dung của Pháp lệnh đó trên thực tế. Quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ được cụ thể hóa trên nhiều phương diện từ kinh tế, chính trị, văn hóa đến các vấn đề khác của xã hội. Quá trình này nhằm phát huy vai trò của HTCT ở cơ sở, và giúp Nhân dân tham gia tích cực vào công cuộc quản lý nhà nước, đóng góp vào việc duy trì ổn định chính trị,

thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, cũng như duy trì trật tự và kỷ cương tại cơ sở.

Thứ nhất, thực hiện những nội dung công khai để Nhân dân biết.

Đây là một quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp của Nhà nước, đó là quyền được tiếp cận những thông tin liên quan từ kinh tế, văn hóa, chính trị đến vấn đề xã hội. Việc cụ thể hóa các nội dung trong từng lĩnh vực, giúp Nhân dân biết được quyền và trách nhiệm của mình, từ đó tạo tính chủ động và tham gia tích cực của đông đảo quần chúng Nhân dân. Bên cạnh đó, việc phổ biến công khai những nội dung để Nhân dân biết giúp họ chủ động tự bảo vệ được các quyền, lợi ích của mình, tránh sự xâm hại của các cá nhân khác, thậm chí từ phía chính quyền.

Thực hiện công khai, minh bạch thông tin nhằm đáp ứng quyền "dân biết" của Nhân dân về những chính sách ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Thực hiện những nội dung công khai liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Về kinh tế: "Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế; việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã, phường, thị trấn, các khoản huy động Nhân dân đóng góp; Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho Nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo. Về lĩnh vực đất đai: Các dự án và công trình đầu tư cũng như tiến độ triển khai dự án và các kế hoạch khác liên quan đến việc sử dụng đất. Về chính sách pháp luật của Nhà nước: các quy định của pháp luật liên quan đến thủ tục hành chính; Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã; Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhân dân theo quy định của pháp luật hiện hành" [16, Điều 5].

Các tổ chức trong HTCT cơ sở vùng DTTS phải đẩy mạnh công khai hóa, minh bạch hóa, hiện thực hóa trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm mục đích giúp Nhân dân tiếp cận các chủ trương của Đảng và Nhà nước thông qua các hình thức cụ thể. Các hình thức công khai được cụ thể ở điều 6, 7, 8 của Pháp lệnh dân chủ: "Niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân cấp xã; Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã; Công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm

niêm yết những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên" [16, Điều 6,7,8].

Tóm lại, việc thực hiện công khai những nội dung "dân biết" là yêu cầu khách quan cần thiết và ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và trách nhiệm của Nhân dân. Việc thực hiện công khai những nội dung trên tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân nắm vững và chủ động sử dụng quyền được biết của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Thứ hai, thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định.

Đây là nội dung quan trọng nhằm đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân trong mọi lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa, chính trị đến các vấn đề xã hội. Nhân dân có quyền bàn bạc, thảo luận hoặc tham gia ý kiến vào một số công việc của chính quyền, dựa trên cơ sở "dân biết", đã được cung cấp thông tin. Việc Nhân dân được bàn bạc và quyết định những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật cho phép, góp phần nâng cao nhận thức, phát huy trí tuệ, tạo động lực thúc đẩy Nhân dân tham gia, hưởng ứng nhiệt thành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như góp phần tháo gỡ những khó khăn, bất cập, từ đó ổn định, phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương. Như vậy, những nội dung quy định quyền Nhân dân bàn và quyết định ở cấp cơ sở là phương thức để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình và thật sự tham gia vào công việc của Nhà nước và xã hội.

Về kinh tế, Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng như điện, đường, trường học, nhà văn hóa, trung tâm thể dục thể thao, xây dựng nghĩa trang… Về văn hóa, Nhân dân bàn và biểu quyết về xây dựng hương ước, quy ước, lối sống văn hóa, bài trừ tập cổ hũ, lạc hậu, mê tín dị đoan…Về chính sách pháp luật của Nhà nước, Nhân dân bàn và biểu quyết về những công việc nội bộ ở cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành như thành lập ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, ban Thanh tra Nhân dân, Trưởng thôn …

Tại Điều 11 của Pháp lệnh quy định Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp bằng các hình thức là "Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa

bàn từng thôn, tổ dân phố; phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì tổ chức lại cuộc họp. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình" [16, Điều 11].

Về hình thức Nhân dân bàn và biểu quyết những vấn đề trên cũng diễn ra theo quy trình tương tự với hình thức Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp. Hình thức Nhân dân bàn và biểu quyết được cụ thể ở điều 14 như sau: "Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố; phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì tổ chức lại cuộc họp" [16, Điều 14].

Thứ ba, thực hiện những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, thực hiện các nội dung liên quan đến các lĩnh vực đất đai (quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc quản lý, sử dụng quỹ đất); lĩnh vực kinh tế (kế hoạch phát triển kinh tế hàng năm và dài hạn; phương án chuyển đổi cơ cấu; phương án phát triển ngành nghề, đề án định canh, định cư…); chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã (kế hoạch, chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch khu dân cư…); đề án thành lập mới, nhập, chia tách địa giới hành chính cấp xã. Và thực hiện những nội dung khác mà chính quyền cơ sở thấy là cần thiết.

Về hình thức để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến được thể hiện trong Pháp lệnh dân chủ ở điều 20. Hình thức đó là: "Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố; phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; thông qua hòm thư góp ý" [16, Điều 20].

Thứ tư, thực hiện những nội dung Nhân dân giám sát

Việc phát hiện những thiếu sót, khuyết điểm của đội ngũ cán bộ trong bộ máy Đảng và Nhà nước phụ thuộc vào sự giám sát của Nhân dân. Qua việc giám sát, Nhân dân có thể phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi tiêu cực, sai phạm của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước, góp phần xây dựng một bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh. Theo đó, công việc của Đảng và Nhà nước cần khuyến khích đông đảo Nhân dân tham gia việc giám sát. Nhân dân thực hiện quyền giám sát có ý nghĩa to lớn trong việc thể hiện quyền làm chủ của họ, đồng thời thúc đẩy sự tham gia tích cực của Nhân dân vào các hoạt động của xã hội và thể hiện bản chất của nhà nước pháp quyền XHCN, nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Nhân dân được quyền giám sát đối với hoạt động chính quyền xã; dự toán, quyết toán ngân sách xã; tình hình thu, chi các loại phí và các tài chính khác do chính quyền trực tiếp thu; giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tại địa phương; các công trình triển khai bao gồm quá trình tổ chức, kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí; kết quả thanh tra, kiểm tra các vụ việc liên quan đến tham nhũng đối với cán bộ địa phương…

Việc giám sát của Nhân dân thông qua nhiều hình thức cụ thể, phương pháp linh hoạt, theo nội dung, tính chất của công việc, có thể giám sát trực tiếp hoặc giám sát gián tiếp. Hình thức được quyền giám sát được thể hiện ở điều 24 của Pháp lệnh dân chủ:

"Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật" [16, Điều 24].

Tóm lại, thực hiện hiệu quả Pháp lệnh dân chủ sẽ phát huy được quyền làm chủ, sức sáng tạo của Nhân dân ở cơ sở. Đồng thời sẽ là nguồn động viên to lớn của

khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, nâng cao trình độ dân trí, xây dựng chính quyền địa phương và các đoàn thể cơ sở trong sạch vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2.3. Vai trò và những yếu tố tác động đến thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

2.3.1. Vai trò thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

Thứ nhất, thực hiện Pháp lệnh dân chủ giúp cho Nhân dân hiểu rõ quyền làm chủ của mình.

Thực hiện Pháp lệnh dân chủ là việc hiện thực hóa, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào mọi lĩnh vực đời sống của Nhân dân. Nhờ việc triển khai Pháp lệnh, Nhân dân được tạo điều kiện thuận lợi để hiểu rõ các quyền dân chủ của mình, nắm vững các nguyên tắc và hình thức thực hiện những quyền đó. Đồng thời, họ cũng nhận thức được các hành vi bị nghiêm cấm và ý thức sâu sắc hơn về nghĩa vụ cũng như trách nhiệm của bản thân trong cộng đồng xã hội. Đặc biệt, ở những vùng sâu, vùng xa, việc đồng bào DTTS tiếp cận các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn nhiều hạn chế và khó khăn. Theo đó, mọi Nhân dân đều được đảm bảo mọi quyền tự do dân chủ cơ bản, đó là: có các quyền biểu quyết các vấn đề khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; tự do báo chí, tự do ngôn luận, có quyền khiếu nại, tố cáo… thông qua việc thực hiện các quyền tự do dân chủ đó, góp phần huy động nguồn lực, sức sáng tạo từ Nhân dân, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để huy động được nguồn lực trong Nhân dân hiệu quả, chính quyền cấp cơ sở phải có những hoạt động cụ thể, rõ ràng hướng đến mục tiêu "dân biết, bàn bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", chỉ khi mọi Nhân dân được tham gia đầy đủ vào các hoạt động một cách dân chủ, Nhân dân mới chủ động tự giác và nhiệt tình mang sức người, sức của và cùng chính quyền bàn bạc tìm ra cách giải quyết mọi khó khăn, trở ngại trong phát triển kinh tế - xã hội. Khi quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm sẽ tạo

điều kiện để Nhân dân đóng góp ý kiến, đề xuất sáng kiến, làm cơ sở cho tổ chức Đảng và đảng viên phát triển, nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Nhân dân.

Từ việc nhận thức, hiểu rõ bản chất của Pháp lệnh dân chủ sẽ giúp cho Nhân dân phát huy quyền làm chủ trong việc giải quyết các vấn đề cấp địa phương đó là tham gia vào các quyết định quan trọng, Nhân dân được tham gia vào các cuộc họp, thảo luận, bầu cử để lựa chọn ra các đại diện địa phương và đóng góp ý kiến vào các quyết định quan trọng. Quyết định được đưa ra sẽ phản ánh đầy đủ quan điểm và nhu cầu của cộng đồng. Giải quyết các vấn đề cộng đồng, Nhân dân có thể đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề cộng đồng như đường xá, nước sạch, cải tạo môi trường, đổi mới nông thôn, xây dựng cơ sở vật chất cộng đồng. Qua đó, việc giải quyết các vấn đề này sẽ được thực hiện với tinh thần tích cực, trách nhiệm và chủ động từ phía Nhân dân. Giám sát việc quản lý cấp địa phương, Nhân dân có thể giám sát và đánh giá các hoạt động của các đại diện địa phương để đảm bảo rằng các quyết định được đưa ra là công bằng, minh bạch và đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của cộng đồng. Điều này giúp tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm và sự tin tưởng giữa Nhân dân và các đại diện địa phương. Việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ phát huy vai trò dân là chủ, dân làm chủ giúp tăng cường quyền lực của Nhân dân trong việc quản lý và giải quyết các vấn đề cấp địa phương, đồng thời đẩy mạnh tinh thần trách nhiệm, tích cực và chủ động từ phía Nhân dân.

Hiện nay, việc đẩy mạnh thực hiện Pháp lệnh dân chủ đã góp phần tích cực trong công cuộc đổi mới nội dung cũng như phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức, đoàn thể cấp cơ sở. Đây là lực lượng nòng cốt trong công cuộc vận động Nhân dân tham gia, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như tích cực trong phong trào thi đua phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo… Đồng thời các đoàn thể là lực lượng tham gia vận động đoàn viên, hội viên thực hiện và giám sát thực hiện Pháp lệnh dân chủ trên địa bàn. Chỉ khi quyền làm chủ của mọi Nhân dân được bảo đảm, mở rộng thì những chính sách, đường lối về dân chủ của Đảng, Nhà nước dễ dàng đi vào đời sống của Nhân dân, từ đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, từng bước

nâng cao đời sống dân sinh cho Nhân dân, hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Thứ hai, thực hiện Pháp lệnh dân chủ đã góp phần xây dựng HTCT cơ sở ngày càng vững mạnh.

HTCT cấp cơ sở có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quyền làm chủ của Nhân dân. Đây là các tổ chức, đơn vị hướng dẫn Nhân dân tham gia và thực hiện các chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước. HTCT cấp cơ sở có thể được coi là những đại diện của ý chí, lợi ích và quyền lực của Nhân dân, nhận được sự ủy quyền từ Nhân dân và thực hiện trách nhiệm này một cách đúng đắn. Nhiệm vụ của họ là đảm bảo rằng các yêu cầu hợp lý và chính đáng của Nhân dân được thực hiện tốt nhất, đồng thời bảo đảm rằng Nhân dân thực sự có quyền và khả năng thực hiện quyền dân chủ và làm chủ. Vì vậy, chính quyền cơ sở cần được kiện toàn, trong sạch, vững mạnh, thường xuyên đổi mới phương thức hoạt động sẽ từng bước làm cơ sở, tiền đề, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, từ đó phát huy được quyền làm chủ của Nhân dân, huy động Nhân dân tham gia tích cực, hăng hái vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn.

Việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần giảm thiểu sự lạm quyền, tham nhũng của HTCT cấp cơ sở. Khi dân có quyền được tham gia vào quyết định các vấn đề cộng đồng, họ sẽ có thể kiểm soát và giám sát quá trình thực hiện các quyết định đó, từ đó giúp đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong quản lý cơ sở vật chất, tài chính, kinh tế và xã hội của địa phương. Đồng thời, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ còn giúp tăng cường quyền lực của Nhân dân và hạn chế sự lạm quyền của các đại biểu địa phương. Việc bầu cử các đại biểu cấp cơ sở là một trong những cơ chế quan trọng để đảm bảo người đại diện được tín nhiệm và có trách nhiệm với cộng đồng, không lạm quyền hay lợi dụng chức vụ để tìm kiếm lợi ích cá nhân. Có thể thấy rằng mối quan hệ giữa Nhân dân với chính quyền cơ sở ngày càng được khắng khít là dựa trên việc không ngừng chăm lo, củng cố HTCT cơ sở, tạo môi trường lành mạnh để Nhân dân thể hiện được vai trò là chủ, thông qua năng lực làm chủ của chính mình.

Ngoài ra, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ còn giúp tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ quan ban, ngành, đoàn thể. Khi có sự cạnh tranh, người đại diện sẽ phải hoạt động tích cực để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và giải quyết các vấn đề cấp bách, đồng thời cũng sẽ giúp ngăn chặn các hành vi lạm quyền hay bất công từ phía các quan chức địa phương. Quá trình triển khai, thực hiện Pháp lệnh dân chủ vào đời sống đòi hỏi cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở có những đổi mới trong phương thức hoạt động, hướng đến nâng cao năng lực, kĩ năng quản lý và sức chiến đấu trong tổ chức Đảng cấp cơ sở. Tổ chức Đảng cơ sở muốn xây dựng Đảng ngày càng trong sạch vững mạnh thì phải dựa vào dân, chịu sự giám sát của Nhân dân. Điều này tạo ra một sự tương tác giữa cộng đồng và các đại diện địa phương, đồng thời giúp Nhân dân cảm thấy được đóng góp vào việc xây dựng địa phương một cách tích cực hơn.

Với vai trò là người dẫn dắt, lãnh đạo Nhân dân trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ tại địa phương, đòi hỏi các cấp ủy Đảng cơ sở phải thực hiện dân chủ trong hoạt động, đổi mới phương thức hoạt động theo hướng dân chủ hóa, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, đặc biệt cán bộ lãnh đạo, quản lý. Bên cạnh đó, chính quyền cấp cơ sở phải thường xuyên đổi mới phương thức hoạt động theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch các chương trình hoạt động; nội dung, hình thức thực hiện tới đông đảo các tầng lớp Nhân dân nhằm đáp ứng quyền được biết của Nhân dân. Việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ đã có những tác động mạnh mẽ, rõ ràng đến hoạt động của bộ máy chính quyền cấp cơ sở, đưa đến những đòi hỏi thay đổi tất yếu khách quan theo hướng công khai, dân chủ, hiệu quả.

Là chủ thể trực tiếp tham gia triển khai, thực hiện Pháp lệnh dân chủ tại địa phương, đòi hỏi đội ngũ cán bộ thay đổi lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp, gần dân, lắng nghe Nhân dân. Là người tiếp xúc nhiều nhất với Nhân dân, giải quyết những công việc có liên quan tới lợi ích của Nhân dân, đội ngũ cán bộ cơ sở cần nhận thức đúng, đầy đủ và có thái độ phục vụ Nhân dân, hiểu biết pháp luật và năng lực chuyên môn. Thực tế hiện nay cho thấy, vẫn còn một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái, thiếu gương mẫu về đạo đức và lối sống, quan liêu, cửa quyền, hách dịch với Nhân dân; thái độ làm việc hời hợt, thiếu nhiệt tình, thân thiện trong việc

tiếp dân, gây nhiều bức xúc cho Nhân dân... Thực trạng đó đòi hỏi thời gian tới phải triển khai hiệu quả việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Đây sẽ là nền tảng để sửa đổi lề lối làm việc cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Thực tiễn diễn ra ở nhiều địa phương cho thấy, nơi nào thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh dân chủ thì ở nơi đó cán bộ tận tình, tâm huyết với Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm, tin yêu. Bên cạnh đó, thực hiện Pháp lệnh dân chủ cũng đặt ra yêu cầu cần phải nâng cao năng lực chuyên môn, phải có kiến thức, trình độ, hiểu biết pháp luật của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở, từ đó, giúp đội ngũ cán bộ cấp cơ sở giải quyết nhanh chóng, hiệu quả, đúng luật, tránh tùy tiện, cảm tính trong giải quyết công việc, đồng thời góp phần hướng dẫn tuyên truyền pháp luật.

Tóm lại, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của các cấp ủy Đảng ở cơ sở theo hướng dân chủ, không ngừng nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, dựa vào dân, chịu sự giám sát của dân để vừa xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, vừa lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước đạt mục tiêu đề ra. Trong quá trình lãnh đạo việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, các cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng, từng cán bộ, đảng viên cũng phải tự nhìn nhận, đối chiếu, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động của mình theo hướng thật sự có niềm tin với Nhân dân, tôn trọng ý kiến của Nhân dân, gần gũi với Nhân dân, am hiểu Nhân dân, học hỏi Nhân dân, là điểm tựa cho Nhân dân, có trách nhiệm với Nhân dân.

Thứ ba, thực hiện Pháp lệnh dân chủ góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về kinh tế - xã hội liên quan trực tiếp đến lợi ích của Nhân dân được thực hiện công khai sẽ thu hút sự tham gia đóng góp ý kiến của Nhân dân, từ đó huy động được sức người, sức của trong nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương. Việc tạo ra một môi trường dân chủ và minh bạch sẽ thu hút nhà đầu tư và doanh nghiệp tìm đến địa phương. Những quyết định được đưa ra theo nguyện vọng của cộng đồng sẽ giúp tăng tính khả thi và độ tin cậy của các dự án đầu tư. Cùng với việc xây dựng hạ tầng, quản lý và phát triển hạ tầng cơ sở là một nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền địa phương.

Thực hiện Pháp lệnh dân chủ giúp cộng đồng tham gia vào quá trình quyết định về các chương trình và dự án về hạ tầng như đường sá, điện, nước, đèn đường, v.v...

Quá trình thực hiện có hiệu quả nội dung Pháp lệnh dân chủ là một trong những cơ sở, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, đời sống Nhân dân. Thông qua việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ, Nhân dân được trực tiếp tham gia đóng góp các ý kiến, đề xuất những nguyện vọng trong quá trình xây dựng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các lĩnh vực trong đời sống, chất lượng đời sống dân sinh được nâng cao. Khi Nhân dân có quyền làm chủ thì họ sẽ hăng hái, tham gia vào các công việc chung của cộng đồng và trở thành động lực mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình phát triển đất nước trên tất cả lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Xuất phát từ mục đích khai thác, phát huy trí tuệ, sáng tạo cũng như kinh nghiệm của mọi Nhân dân, chính quyền cấp cơ sở đã tổ chức cho Nhân dân tham gia bàn bạc, góp ý về chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh đó, thực hiện Pháp lệnh dân chủ có vai trò quan trọng trong việc giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là tiền đề cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện Pháp lệnh dân chủ cũng là cơ sở góp phần thực hiện chức năng duy trì trật tự xã hội. Khi Nhân dân có cơ hội tham gia vào quá trình ra quyết định và quản lý các vấn đề của địa phương, họ sẽ cảm thấy mình có vai trò và trách nhiệm trong việc duy trì an ninh và trật tự. Sự tham gia tích cực này tạo ra một mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân. Khi cộng đồng tham gia tích cực vào việc giữ gìn an ninh, trật tự, họ sẽ chủ động phát hiện và báo cáo các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần ngăn chặn tội phạm và tệ nạn xã hội. Thực hiện Pháp lệnh dân chủ, tạo ra sự đồng thuận, đoàn kết trong Nhân dân; Nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp đến những vấn đề an ninh, trật tự, xây dựng và tổ chức tự quản đời sống cộng đồng, chính quyền có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết đơn thư của Nhân dân, bảo đảm quyền dân chủ trực tiếp của Nhân dân. Có thể thấy rằng, khi dân chủ ở cơ sở được mở rộng, các quyền dân chủ và lợi ích hợp pháp của Nhân dân được đảm bảo, chẳng hạn họ được bảo vệ về nhân phẩm, tính mạng, danh dự, sức khỏe… thì những nội dung trong Pháp lệnh dân chủ được họ sẵn sàng bảo vệ thành quả ấy.

Khi Nhân dân đồng thuận, đồng lòng cùng chính quyền địa phương trong mọi hoạt động thì không có lực lượng nào có thể gây chia rẽ, phá hoại tinh thần đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện Pháp lệnh dân chủ không chỉ mang lại lợi ích cho việc quản lý và phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương mà còn góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Sự tham gia tích cực của Nhân dân, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, đoàn kết cộng đồng và hiệu quả quản lý kinh tế-xã hội đều là những yếu tố then chốt để xây dựng một xã hội an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

2.3.2. Những yếu tố tác động đến thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay

Thứ nhất, điều kiện kinh tế - xã hội của vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Trong quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế Việt Nam phát triển, bước đầu nước ta đã thu hút các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài, thị trường kinh tế được mở rộng, năng suất lao động được nâng cao nhờ vào việc tiếp thu và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ. Một khía cạnh tích cực của sự phát triển kinh tế thị trường là việc cải thiện điều kiện sống và nâng cao mức sống của Nhân dân, đặc biệt là ở các vùng DTTS. Nhờ vào sự phát triển kinh tế, các cộng đồng DTTS đã có cơ hội tiếp cận với các nguồn tài nguyên và thông tin mới, từ đó cải thiện năng suất lao động và thu nhập, tăng khả năng tự chủ và tự quản trong việc quản lý và điều hành công việc tại các cộng đồng của mình. Điều này đã góp phần tăng cường sự đồng thuận và sự ủng hộ của Nhân dân đối với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, giúp các cộng đồng DTTS có thể tham gia tích cực vào việc ra quyết định về các vấn đề cơ bản như sử dụng đất đai, phát triển kinh tế địa phương, quản lý tài sản công cộng, và giải quyết các vấn đề xã hội khác. Từ việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, sự tác động của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN giúp cho vùng đồng bào DTTS thực hiện hiệu quả việc mở rộng và phát huy dân chủ, thay đổi về tư tưởng và hành vi của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân cũng như đội ngũ cán bộ được

tham gia bàn bạc, góp ý thiết thực hơn vào mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần hoàn thiện, đảm bảo sự đúng đắn của mọi chủ trương, chính sách.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, các chương trình, chính sách liên quan đến đồng bào các DTTS được triển khai kịp thời, đúng đối tượng; công tác phối kết hợp triển khai thực hiện chính sách và theo dõi tình hình vùng DTTS được Ủy ban MTTQ cấp xã và các tổ chức xã hội quan tâm thực hiện nghiêm túc mang lại những kết quả khả quan trong phát triển kinh tế - xã hội cũng như vấn đề thực hiện dân chủ trong đời sống Nhân dân. Địa phương đã triển khai thực hiện nhiệm vụ liên quan đến Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào DTTS của tỉnh. Các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã có nhiều cố gắng trong triển khai thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống dân sinh, xóa đói giảm nghèo, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào các DTTS, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh nói chung và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh luôn ổn định, là điều kiện thuận lợi để kịp thời triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, qua đó góp phần tăng cường lòng tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những khó khăn và hạn chế nhất định: cơ sở hạ tầng còn thiếu và yếu; kinh tế - xã hội phát triển còn chậm chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của vùng; đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao; chưa thu hút được nguồn vốn đầu tư. Ở một số đồng bào DTTS tập tục lạc hậu vẫn còn diễn ra; công tác thông tin, tuyên truyền, vận động thực hiện chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao; nhận thức và trách nhiệm của một số ban, ngành, tổ chức về thực hiện chính sách DTTS, phát triển kinh tế - xã hội miền núi chưa được đầy đủ; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong một bộ phận cán bộ và Nhân dân; nhận thức, hiểu biết cũng như vấn đề tiếp cận những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của Nhân dân còn hạn chế, họ chưa nhận thức được vai trò quan trọng của thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong đời sống kinh tế, xã hội; đội ngũ cán bộ cấp cơ sở còn yếu, thiếu chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn…

Thứ hai, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

Trong thời gian qua, trên cơ sở các chính sách, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, tỉnh Quảng Nam đã ban hành chủ trương, chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng DTTS và miền núi, giai đoạn 2016-2021 trong đó tập trung vào 6 huyện vùng cao bao gồm Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang, Nam Trà My, Bắc Trà My và Phước Sơn. Tỉnh Quảng Nam luôn quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành liên quan kết nối và hỗ trợ cho doanh nghiệp, nhà đầu tư của tỉnh sang đầu tư, kinh doanh, sản xuất tại tỉnh giáp biên Sê Kông nói riêng và các địa phương của Lào nói chung. Riêng đối với vùng DTTS ở huyện Tây Giang đã ban hành Nghị quyết 07-NQ/HU ngày 16/4/2018 về tập trung đầu tư phát triển toàn diện 8 xã biên giới huyện Tây Giang, giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, Nghị quyết đã bố trí hằng năm từ ngân sách tỉnh bổ sung 02 tỷ đồng/xã biên giới đất liền để đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng công trình cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh (ngoài các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ từ các chương trình, chính sách của trung ương, của tỉnh bố trí theo định mức, kế hoạch).Huyện ủy Nam Giang ban hành Kế hoạch số 81-KH/HU ngày 17/4/2018 Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại [75, 9]. Những chủ trương, chính sách nhằm phát triển kinh tế được thực hiện, giúp cho đời sống Nhân dân ở vùng DTTS ngày càng được cải thiện. Điều này giúp cho họ tham gia tích cực hơn các hoạt động chính trị, thúc đẩy quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ nơi đây.

Kể từ năm 2018 đến nay, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 05 Nghị quyết và 01 Chỉ thị để chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều chủ trương, chính sách lớn mang tính chiến lược nhằm phát triển vùng đồng bào DTTS tỉnh. Cụ thể các văn bản đó là: Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; định hướng một số dự án quan trọng tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-

2025; Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 09/9/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy thực hiện chính sách tăng cường đổi mới công tác kết nghĩa, giúp đỡ các huyện, xã vùng DTTS và miền núi, biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ sắp xếp dân cư; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 10/02/2022 của Tỉnh ủy về xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì nguồn lực phân bổ cho các dự án, chương trình, kế hoạch phát triển vùng DTTS còn hạn chế. Mặc dù tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới đất liền có sự thay đổi nhưng vẫn còn chậm so với mặt bằng chung, dẫn đến những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Một bộ phận dân cư vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Việc thu hút, tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức là người DTTS còn một số tồn tại, hạn chế nhất định như số lượng cán bộ là người DTTS làm việc tại UBND cấp xã nhiều nơi còn thấp so với tỷ lệ dân số người DTTS trên địa bàn. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức DTTS nhiều nơi chưa đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng thời kỳ mới. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với các cán bộ, công chức là người DTTS hoặc làm việc tại vùng DTTS còn chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ ba, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 về ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS, ngày 12/5/2023, Ủy ban Dân tộc đã ban hành Đề án: Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021-2025. Để triển khai thực hiện Đề án, hiện nay, nhiều địa phương đã và đang tích cực thực hiện các giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông

tin cho đồng bào dân tộc. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin đã mở ra cánh cửa cho việc tiếp cận thông tin đa dạng và phong phú. Nhân dân có thể nhanh chóng tìm kiếm và thu thập thông tin về Pháp lệnh dân chủ, các quy định và quyền lợi của mình. Từ đó, giúp họ có kiến thức cần thiết để tham gia vào quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ và thảo luận xã hội.

Nhân dân nắm bắt thông tin nhanh chóng, kịp thời thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội. Điều này sẽ giúp cho chính quyền địa phương rút ngắn thời gian, giảm thiểu xây dựng các cơ sở vật chất, giảm thiểu đội ngũ nguồn nhân lực. Công nghệ thông tin và mạng xã hội đã tạo ra các nền tảng và kênh giao tiếp trực tuyến như email, mạng xã hội và các ứng dụng khác, cho phép mọi người giao tiếp, thảo luận và chia sẻ quan điểm của mình. Công tác cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, các dịch vụ công... được cải tiến ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Nhờ đó, Nhân dân có thể tham gia vào quá trình bàn bạc và biểu đạt ý kiến, tạo ra một môi trường công khai, minh bạch hơn.

Đối với vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, những năm gần đây, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin ở vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Quảng Nam đã và đang tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào mọi mặt đời sống đã làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của bà con. Theo đó, các văn bản, kế hoạch liên quan đến công cuộc chuyển đổi số và gắn với thực tiễn công tác dân tộc cơ bản xây dựng và ban hành đầy đủ, tạo tiền đề tạo lập cơ chế thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025. UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Kế hoạch thực hiện "Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025". Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin, cụ thể: UBND cấp huyện quyết định địa bàn, địa điểm cụ thể thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin (mỗi xã 1 điểm). Trọng tâm là xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS về chính sách pháp luật, cung cấp các thông tin cơ bản về các lĩnh vực đời sống xã hội và cảnh báo thiên tai... Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng

dụng công nghệ thông tin nhằm minh bạch hoá, tạo môi trường tiếp cận nhằm tăng cường sự tham gia, giám sát chủ động đồng bào DTTS, các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình tiếp cận, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Hạ tầng kỹ thuật ở vùng DTTS ngày càng được chú trọng đầu tư và nâng cấp hoàn thiện; đội ngũ cán bộ cũng từng bước thay đổi nhận thức, nỗ lực, cố gắng tiếp cận và khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn thông qua các ứng dụng dùng chung của tỉnh như Cổng thông tin, Hệ thống Qoffice, Hệ thống LRIC, GRIC, Phần mềm điện tử một cửa, Smart Quảng Nam, Egov Quảng Nam,...Góp phần đáng kể trong nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ chính trị được giao, phục vụ Nhân dân và tiết kiệm thời gian, chi phí hành chính...

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào đời sống, sản xuất thuận tiện cho nên hầu như nhiều gia đình trong thôn đều biết sử dụng điện thoại để kết nối với nhau. Việc ứng dụng mạng xã hội vừa giúp cho Nhân dân cũng như đội ngũ cán bộ nắm bắt kịp thời các vấn đề ở địa phương, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại. Trước đây, việc tổng hợp, tiếp nhận các văn bản hướng dẫn, triển khai các Nghị quyết, chính sách pháp luật,... mất rất nhiều thời gian lục tìm, rà soát, thống kê. Thế nhưng, trong những năm gần đây, nhờ thực hiện chuyển đổi số, mọi thông tin liên quan tới hồ sơ, văn bản được cập nhật và lưu trữ trong máy tính, nên không sợ thất lạc lại tiết kiệm được thời gian.

Tuy nhiên, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin có những tác động tiêu cực đối với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Ở khu vực vùng cao, muốn truy cập internet, hoặc internet không dây (wifi) thì phải xuống trung tâm xã, điểm bưu điện văn hóa xã hoặc dịch vụ internet công cộng. Một số kênh cung cấp thông tin như: Radio, cát-sét, báo chí, truyền hình là loại phương tiện chủ yếu và tiết kiệm, nhưng do nhiều yếu tố về đặc điểm địa hình, nếp sống sinh hoạt... nên phần lớn Nhân dân không theo dõi thường xuyên. Số lượng điện thoại thông minh, máy vi tính của đồng bào DTTS còn ít [Phụ lục 2, bảng 28]. Trong nền kinh tế mở cửa, hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của phương tiện truyền thông, dẫn đến các thế lực thù địch

thực hiện mục tiêu chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng ta; chia rẽ phá hoại mối quan hệ thân thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; khiến cho Nhân dân hoài nghi về vai trò lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước. Điều này có thể dẫn đến sự nhầm lẫn, mất niềm tin và khó khăn trong việc đánh giá các thông tin chính xác. Nhân dân có thể bị đánh lừa và cản trở khả năng của họ trong việc tham gia, bàn bạc, đóng góp ý kiến trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Khi trình độ nhận thức và trình độ dân trí của Nhân dân chưa cao thì công nghệ thông tin có thể là điểm đến của các thế lực phản động. Thông tin cá nhân và hoạt động trực tuyến của Nhân dân có thể bị thu thập, theo dõi và sử dụng mà không được sự đồng ý của họ. Điều này có thể làm giảm sự an toàn và tự do của người dùng trong việc thể hiện ý kiến, quá trình bàn bạc.

Thứ tư, bản sắc văn hóa và trình độ dân trí của Nhân dân vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Từ trước tới nay, quan hệ giữa các dân tộc miền núi ở Quảng Nam là quan hệ gắn bó, gần gũi, đoàn kết trong xu thế xích lại gần nhau. Và cơ sở tạo nên sự gắn bó ấy là văn hóa làng. Đây cũng là đặc điểm chung về tổ chức xã hội cổ truyền ở các DTTS các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Làng các DTTS miền núi có tính độc lập và tự quản cao. Đứng đầu làng là chủ làng, đó là người có uy tín, có đạo đức, am hiểu nhiều tri thức bản địa, nắm vững luật tục, tập quán của dân tộc mình, được các thành viên trong làng bầu lên. Bên cạnh chủ làng là hội đồng già làng, gồm những người lớn tuổi có uy tín của các gia đình trong làng, khi chủ làng muốn đưa ra một quyết định, một phán quyết nào đó thì phải đưa ra bàn bạc và được sự thống nhất của hội đồng già làng… Chủ làng và hội đồng già làng có vai trò quyết định mọi việc trong quản lý cộng đồng làng, từ đối nội đến đối ngoại, tất cả dân làng phải tôn trọng và tuân theo các quyết định, phán quyết đó. Có thể thấy, làng không được xem là cấp đơn vị cơ sở như xã nhưng trong đời sống hàng ngày của người DTTS thì làng vẫn rất gần gũi, gắn bó và thiết thực. Cho nên nếu hệ thống tự quản của làng: bao gồm chủ làng và hội đồng già làng có sự thống nhất, kết hợp hệ thống này với hệ thống chính quyền địa phương ở cơ sở sẽ là cầu nối tích cực đối với việc vận động đồng bào DTTS tham gia thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay, mặc dù không được chính thức công nhận nhưng vai trò của người già làng vẫn là điều quan trọng và cần thiết. Ngày nay,

các DTTS ở nước ta đều là thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, đều phải tuân thủ luật pháp hiện hành của quốc gia, bên cạnh đó vẫn còn nhiều quy định, quy ước của luật tục mang tính tích cực, có thể hỗ trợ đắc lực cho luật pháp quốc gia; song cũng có không ít nội dung không phù hợp, thậm chí trái với pháp luật hiện hành, do đó phải biết chọn lọc, phát huy những nội dung tích cực, hạn chế hoặc loại bỏ những điều không còn phù hợp đối với xã hội hiện nay. Ngày nay, người chịu trách nhiệm điều hành xã hội ở cơ sở là Trưởng thôn, trưởng tộc, tuy vậy hội đồng già làng vẫn được Nhân dân kính trọng, nghe theo. Sự chuyển đổi vai trò quản lý xã hội từ già làng sang Trưởng thôn là điều tất nhiên, tuy nhiên những giá trị văn hóa truyền thống của làng, những trí thức bản địa được sáng tạo, chắt lọc, lưu giữ và lưu truyền từ bao đời vẫn còn nguyên giá trị, cần phải được bảo tồn và phát huy. Thực tế hiện nay, bên cạnh các hoạt động họp thôn, làng để phổ biến, triển khai, bàn bạc công việc của Đảng, Nhà nước ở thôn, làng thì vẫn còn tồn tại một hình thức sinh hoạt mạn đàm, trao đổi ý kiến của những người già, cao tuổi trong làng và những quyết định của họ luôn chi phối đến hoạt động sản xuất, chiếm hữu đất đai, quan hệ xã hội của gia đình, cộng đồng và ngoài cộng đồng, các hoạt động văn hóa truyền thống và tín ngưỡng.

Với tính chất đặc thù của mình, già làng là những người gần gũi, có mối quan hệ trực tiếp với dân làng, có uy tín trong cộng đồng làng xã, được thể hiện trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Pháp lệnh dân chủ; tham gia, đồng hành cùng Nhân dân trong việc bàn bạc, đưa ra ý kiến để giải quyết các vấn đề ở làng, ở xã. Ngoài ra, họ cũng làm mẫu, nêu gương cho dân làng, thu hút dân làng có tinh thần tự giác, tự nguyện đưa ra các biện pháp nhằm xây dựng và phát triển cộng đồng. Già làng là những người thấu hiểu tục lệ địa phương, có kinh nghiệm sản xuất và đời sống, có uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng làng xã, được dân tin theo, nghe theo, làm theo và cử làm người đại diện cho mình trên nhiều phương diện.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực trên, vẫn có một bộ phận già làng chưa phát huy tốt, thậm chí đánh mất vai trò, uy tín của mình. Có người không những không đoàn kết và phối hợp hiệu quả cùng với chính quyền, đoàn thể tuyên truyền, vận động và tổ chức Nhân dân thực hiện các công việc tự quản tại thôn làng, phát huy dân chủ, phát hiện và giải đáp các thắc mắc của dân chúng, giám sát và phản ánh

trung thực những biểu hiện tiêu cực ở địa phương mà còn dung dưỡng những tập tục lạc hậu, bao che một số tệ nạn xã hội, nghe theo kẻ xấu tuyên truyền, có những biểu hiện đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng.

Mặt tiêu cực, hạn chế của một số già làng có nhiều nguyên nhân: Do trình độ hiểu biết về đường lối đổi mới của Đảng, về chính sách đại đoàn kết dân tộc và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước còn hạn hẹp, do bị chi phối bởi tình cảm dòng tộc, cục bộ địa phương khi giải quyết, xử lý công việc của cộng đồng; do mặt trái của cơ chế thị trường tác động; do cấp uỷ Đảng, chính quyền một số nơi chưa nhận thức đúng vai trò của già làng từ đó chưa tích cực và có biện pháp hữu hiệu nhằm phát huy vai trò của họ trong các công việc của địa phương nói chung, trong việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ nói riêng. Việc phát huy vai trò của già làng trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ, vẫn dựa trên nhận thức chủ quan và các biện pháp tiến hành cụ thể của tổ chức Đảng và chính quyền địa phương ở mỗi nơi mỗi khác.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ dân trí là những điều kiện vật chất cơ bản bảo đảm việc thực hiện, mở rộng dân chủ trong xã hội nói chung và thực hiện Pháp lệnh dân chủ nói riêng. Hiện nay, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam gắn liền với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí trên địa bàn tỉnh. Giữa trình độ dân trí và việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ có mối quan hệ biện chứng, tác động và hỗ trợ nhau cùng phát triển. Trình độ dân trí sẽ là cơ sở và tiền đề quan trọng cho việc triển khai thực hiện hiệu quả, đưa nội dung Pháp lệnh dân chủ vào đời sống Nhân dân nói chung và đồng bào DTTS tỉnh nói riêng. Ngược lại, qua triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ cán bộ và từ đó nâng cao trình độ dân trí, tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân.

Có thể nhận thấy rằng ở nơi nào có trình độ dân trí càng cao, càng thuận lợi cho quá trình mở rộng dân chủ, thuận lợi cho quá trình đưa các giá trị dân chủ vào đời sống xã hội và thuận lợi trong việc nâng cao ý thức của Nhân dân. Có ý thức, hình thành thói quen sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, từ đó Nhân dân có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của người làm chủ và có khả năng tham gia có hiệu quả vào hoạt động quản lý nhà nước. Hiện nay, ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, hệ thống

trường, lớp các cấp học tại các vùng DTTS cơ bản ổn định; đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Ở 2 huyện vùng cao là Tây Giang và Đông Giang thì "số lượng học sinh trong độ tuổi đến trường: 3.302 học sinh Mầm non, tỷ lệ 100%; 5.306 học sinh Tiểu học, tỷ lệ 98,12%; 3.531 học sinh THCS, tỷ lệ 95,66%; 1.488 học sinh THPT, tỷ lệ 62,67%" [75, 3]. Ngoài ra, "việc thực hiện các quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên người DTTS, tỉnh đã cử 1372 học sinh đi học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp ở 32 trường đại học, cao đẳng trong cả nước với hơn 50 ngành, nghề thuộc 07 lĩnh vực đào tạo, đạt 90.8% so với chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao" [80, 17]. Kết quả nêu trên đã tạo điều kiện cho con em là người DTTS ở vùng sâu, vùng xa được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và cùng góp phần nâng cao trình độ dân trí ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Hiện nay so với các địa phương khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, trình độ dân trí của đồng bào DTTS còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và thực hiện Pháp lệnh dân chủ nói riêng. Trong nhận thức của nhiều người vẫn còn tồn tại thói quen ỷ lại, chờ đợi, quan niệm công việc của thôn, xã là công việc của chính quyền, của Nhà nước. Nhân dân còn có thái độ thụ động, thiếu tích cực là một vấn đề lớn trong mở rộng, phát huy dân chủ cơ sở, nhất là ở các vùng miền quê hẻo lánh, vùng sâu, vùng xa. Trình độ dân trí một số vùng còn khó khăn cùng với những khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ ở các dân tộc dẫn đến khó khăn trong thực hiện các hoạt động chung. Hiện nay, Pháp lệnh dân chủ chưa được triển khai đồng đều, thỏa đáng ở vùng sâu, vùng xa, đôi khi có tính hình thức, đối phó. Bên cạnh đó, tác động của tâm lý làng, xã đã ăn sâu vào nhận thức và tình cảm của Nhân dân nên có thể gây trở ngại cho việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Như vậy, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay đã và đang chịu sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các yếu tố khách quan và chủ quan. Không nhận thức được đầy đủ các yếu tố đó sẽ không thể đánh giá đúng tình hình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Tiểu kết Chương 2

Pháp lệnh dân chủ do Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành năm 2007, nay là một phần trong Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất ở Việt Nam so với thời điểm trước năm 2007. Pháp lệnh quy định nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của quần chúng Nhân dân ở xã, phường, thị trấn thông qua các quy định về các nguyên tắc, trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn; những hành vi bị nghiêm cấm; những nội dung công khai để dân biết và hình thức công khai, nội dung Nhân dân bàn và quyết định, nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan thẩm quyền quyết định và nội dung Nhân dân tham gia giám sát. Đây cũng là một trong những công cụ quan trọng và thiết thực để Nhân dân thực hiện và thể hiện quyền lực của mình, qua đó Nhân dân thực sự là chủ và làm chủ. Đến nay Pháp lệnh dân chủ đã từng bước đi vào cuộc sống. Việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh này đã được triển khai rộng khắp ở các vùng miền, khu vực trên lãnh thổ Việt Nam với sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, như đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính cấp cơ sở, quần chúng Nhân dân và nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với từng nội dung trong Pháp lệnh.

Quảng Nam là tỉnh thuộc vùng duyên hải miền Trung, nơi có hơn 25 cộng đồng các DTTS sinh sống lâu đời. Việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ thu hút sự tham gia của nhiều chủ thể, trong đó có đội ngũ cán bộ trong tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể cơ sở, đội ngũ những người có uy tín và quần chúng Nhân dân các DTTS. Ngoài ra, điều kiện kinh tế- xã hội đặc thù của địa phương, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; bản sắc văn hóa và trình độ dân trí; khả năng chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin đóng vai trò là những yếu tố khách quan cũng như chủ quan tác động không nhỏ đến thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực. Sự tác động của những yếu tố đó, cho thấy thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam vừa mang tính quy luật chung, vừa có đặc thù riêng, vừa đáp ứng nhu cầu thiết thực của Nhân dân vừa đánh dấu một bước phát triển trong khả năng lãnh đạo, quản lý của các cấp trong HTCT địa phương.

Chương 3. THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC HIỆN "PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN" VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM

3.1. Thành tựu và hạn chế trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

3.1.1. Thành tựu trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

3.1.1.1. Thành tựu trong thực hiện những nội dung công khai để Nhân dân biết

Thứ nhất, việc thực hiện các nội dung công khai trong Pháp lệnh dân chủ luôn được cấp Ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc.

Pháp lệnh dân chủ có quy định cụ thể về trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công khai, theo đó, mỗi cơ quan, cá nhân có một nghĩa vụ, vai trò riêng trong việc thực hiện nội dung công khai. Kết quả khảo sát ý kiến Nhân dân, phần đông đều cho rằng UBND cấp xã có trách nhiệm xây dựng, lập các nội dung, chiếm đến 33.5% [Phụ lục 2, Bảng 8]. Cấp cơ sở là cấp trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ, nên việc triển khai Pháp lệnh thực hiện dân chủ được xem là một nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng ủy và chính quyền cơ sở rất quan tâm thực hiện. Các cấp ủy và chính quyền địa phương tổ chức thực hiện việc chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc cấp cơ sở thực hiện các nội dung của Pháp lệnh thực hiện dân chủ. Ban chỉ đạo ở cấp xã do đồng chí Chủ tịch UBND hoặc bí thư Đảng ủy là Trưởng ban. UBND xã lập kế hoạch, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung công khai, cùng với cách thức triển khai, thời gian thực hiện và tổ chức thực hiện. Tổ chức thực hiện ở đây là tổ chức chính trị nòng cốt tại địa phương bao gồm MTTQ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên. Thông qua các tổ chức này, Nhân dân được bàn bạc, đưa ra ý kiến, thảo luận tại cuộc họp tiếp xúc cử tri. Sau đó UBND cấp xã báo cáo HĐND cùng cấp về kết quả kì họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, thu thập các ý kiến của cử tri, nguyện vọng của cử tri về các nội dung công khai tại kỳ họp gần nhất của HĐND.

Thời gian qua, một số Ban chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh dân chủ đã thực hiện tốt việc xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo dõi, chỉ đạo các đơn vị thực hiện. Đồng thời, UBND ở cơ sở cũng sắp xếp, bố trí các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 theo quy định của Luật tiếp công dân, để Nhân dân được trực tiếp trao đổi, đối thoại với lãnh đạo cơ quan trong giải quyết công việc của công dân, thực hiện niêm yết đường dây nóng của lãnh đạo để Nhân dân có nguyện vọng trao đổi hoặc có những phản ánh, kiến nghị kịp thời, đảm bảo nguyên tắc dân chủ [Phụ lục 3, Hình 4]. Trên cơ sở đó, phần đông bà con đã tiếp cận được các thông tin cần thiết về chính sách, chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch vay vốn cho Nhân dân để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo… thông qua nhiều hình thức tiếp cận khác nhau. Đối với địa bàn nông thôn và miền núi, hầu hết các xã được khảo sát đã có trụ sở làm việc của chính quyền cấp xã; các thôn, làng bản đã có nơi sinh hoạt chung. Tỷ lệ số thôn có nhà văn hóa được lấp đầy 100% ở thị trấn P Rao và hầu hết các xã thuộc các huyện Nam Giang, Tây Giang và Nam Trà My [Phụ lục 2, Bảng 24]. Đây là một điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ đã thực hiện tuyên truyền những nội dung công khai một cách hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ có trách nhiệm to lớn trong việc xây dựng và thúc đẩy Nhân dân tham gia vào quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Cung cấp thông tin, tư vấn cho công dân để hiểu rõ về quyền lợi của mình. Đội ngũ cán bộ có trách nhiệm tạo ra thông tin và tài liệu tuyên truyền về Pháp lệnh dân chủ. Điều này có thể bao gồm việc viết bài, biên soạn tài liệu hướng dẫn, sản xuất video hoặc các tài liệu trực tuyến để giải thích Pháp lệnh một cách dễ hiểu và truyền cảm hứng. Đội ngũ cán bộ phải đảm bảo rằng thông tin về Pháp lệnh dân chủ được phổ biến rộng rãi đến công dân. Họ có thể sử dụng các phương tiện truyền thông như bản tin, trang web, mạng xã hội, bảng tin công cộng, biểu ngữ hoặc cuộc họp công dân để truyền đạt thông tin. Đội ngũ cán bộ có thể tổ chức hội thảo, buổi đào tạo hoặc các sự kiện tương tác để truyền đạt kiến thức về Pháp lệnh dân chủ và tạo cơ hội cho công dân thảo luận cũng như trao đổi ý kiến. Từ đó, họ thu thập, tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân về những thắc

mắc, những kiến nghị đối với HĐND và các cơ quan nhà nước tại địa phương. Vì vậy, đội ngũ cán bộ phải có kiến thức sâu về luật, Pháp lệnh để giải đáp các thắc mắc và đảm bảo rằng công dân hiểu rõ về quyền và trách nhiệm của mình.

Đội ngũ cán bộ trong các tổ chức chính trị- xã hội đóng vai trò là kênh tuyên truyền hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến quần chúng Nhân dân, đặc biệt đối tượng là người DTTS. Với sự hoạt động tích cực, năng nổ của các tổ chức chính trị-xã hội tại địa phương thì những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều được lan tỏa sâu rộng đến đại bộ phận Nhân dân. Các tổ chức chính trị-xã hội là nơi tập trung đông đảo mọi thành phần dân cư, tầng lớp trong xã hội với mọi độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, dân tộc, tôn giáo… Các tổ chức chính trị - xã hội cử những cán bộ đã qua đào tạo, tập huấn về Pháp lệnh dân chủ, trực tiếp đến các làng, các hộ gia đình để tuyên truyền, hướng dẫn bà con về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

Vào năm 2019, theo chỉ đạo từ UBND huyện Nam Giang và Tây Giang, UBND của các xã đã liên tục triển khai việc rà soát đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật nhằm đưa ra những hành động pháp lý cần thiết. Đồng thời, cả hai huyện cũng đã tiến hành thành lập chung một Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục Pháp luật với 01 chủ tịch hội đồng bao gồm Phó Chủ tịch UBND huyện, 01 Phó chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng tư pháp huyện và các thành viên của Hội đồng. Theo tác giả Ngô Tuấn Vinh (2021), trong bài viết *"Phổ biến, giáo dục pháp luật ở các xã biên giới tỉnh Quảng Nam: thực trạng và giải pháp*" "số lượng tuyên truyền viên Pháp luật tham gia vào quá trình phổ biến đến Nhân dân tại huyện Tây Giang là 112 người, huyện Nam Giang là 124 người. Trong đó, số lượng người trực tiếp tham gia vào quá trình tuyên truyền pháp luật lần lượt là 105 và 98 người" [87, 40]. Đây là đội ngũ gần dân, trực tiếp lắng nghe và giải quyết thắc mắc cho Nhân dân. Hệ thống pháp luật về trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trong việc công khai nội dung từ Pháp lệnh dân chủ là tương đối rõ ràng. Đặc biệt, về công khai các quy định pháp luật, công khai nhiệm vụ, quyền hạn của các cán bộ, công chức cấp xã. Trong số các cán bộ, công chức, Trưởng thôn là đội ngũ thân cận với Nhân dân, đóng vai trò quan trọng trong công

tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung cần thiết đến với Nhân dân một cách nhanh chóng.

Thứ ba, Nhân dân đã tiếp cận được các thông tin, báo cáo từ chính quyền địa phương.

Việc công khai thông tin sẽ giúp đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động của chính quyền địa phương, giúp Nhân dân tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, nhanh chóng và chính xác. Khi Nhân dân đã nắm bắt được các thông tin cơ bản thì họ sẽ dễ dàng hiện thực hóa dân chủ ở các bước tiếp theo như bàn bạc, tham gia đóng góp ý kiến, giám sát… Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: "Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp Nhân dân" [23, 51]. Theo lý giải của PAPI "Chỉ số nội dung 'Công khai, minh bạch' gồm bốn chỉ số thành phần, gồm (i) tiếp cận thông tin; (ii) công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo; (iii) công khai, minh bạch ngân sách cấp xã; và (iv) công khai, minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá bồi thường thu hồi đất" [7, 55]. Trong đó thành phần tiếp cận thông tin nói chung của PAPI Việt Nam (2020), tỉnh Quảng Nam là một trong những địa phương được đánh giá cao so với các tỉnh thành khác, với 0.89 điểm [7, 58] (thuộc 10 tỉnh thành cao nhất). Dữ liệu này cao hơn đáng kể so với mặt bằng chung trong cả nước, cho thấy các cấp Ủy đảng, chính quyền từ tỉnh cho tới xã, phường, thị trấn luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, đầy đủ và kịp thời.

Chính quyền thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa, tuy nhiên việc tiếp cận thông tin, đón nhận thông tin của Nhân dân trong tỉnh và đặc biệt là vùng DTTS với nhiều nội dung và cách tiếp cận là hoàn toàn khác nhau. Vấn đề xóa đói giảm nghèo là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình xây dựng đất nước của Đảng, Nhà nước nói chung và của tỉnh Quảng Nam nói riêng. Đặc biệt là với các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030… Kết quả khảo sát ý kiến của Nhân dân về việc tiếp thu các thông tin về "chủ trương, kế hoạch vay vốn cho Nhân dân để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội,

xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế" [16, Điều 5] cũng cho thấy, chính quyền địa phương cũng đã liên tục phổ biến và triển khai thông tin đến Nhân dân. Cụ thể, có đến 81% Nhân dân cho rằng mình được thường xuyên phổ biến thông tin liên quan đến chủ trương và kế hoạch về xóa đói giảm nghèo, trợ cấp, bảo hiểm, tương ứng với 389/480 người được khảo sát [Phụ lục 2, Bảng 5]. Đây là nội dung được Nhân dân quan tâm nhiều nhất vì điều này ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày và sinh kế của Nhân dân.

Việc phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo có thể mang lại cơ hội việc làm, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện sống. Kế hoạch vay vốn và các chương trình hỗ trợ xã hội như trợ cấp xã hội, nhà tình thương, thẻ bảo hiểm y tế giúp bảo đảm an sinh xã hội cho Nhân dân. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro tài chính do các sự cố không mong muốn và cung cấp hỗ trợ khi cần thiết. Xuất phát từ đặc điểm kinh tế - xã hội ở vùng DTTS nên không có gì ngạc nhiên khi đại đa số người đồng bào DTTS quan tâm đến những vấn đề liên quan đến xóa đói, giảm nghèo. Đối với vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, năm 2023 đã đạt được những thành tựu quan trọng "Về chuyển đổi nghề, toàn tỉnh đã thực hiện được 735 lao động. Ngoài ra, đã thực hiện hỗ trợ đất ở cho 350 hộ; xóa nhà tạm cho 512 hộ; sắp xếp, ổn định dân cư cho 576 hộ. Toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng 313 danh mục công trình các loại. Trong đó có 92 công trình giao thông, 53 công trình trường học, 34 công trình nước sinh hoạt, 56 nhà sinh hoạt cộng đồng và 78 công trình khác" [110].

Ngoài vấn đề liên quan đến đời sống thường nhật của Nhân dân, thì các vấn đề liên quan đến chủ trương, đường lối của Đảng; kế hoạch phát triển kinh tế ở địa phương, nghĩa vụ tài chính mà Nhân dân đóng góp…đều được chính quyền địa phương công khai, minh bạch cho mọi tầng lớp nhân dân. Nhân dân đã tiếp cận các thông tin, kế hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã. Kết quả điểm thành phần chỉ số nội dung "Công khai, minh bạch" năm 2020 tại các tỉnh thành của PAPI Việt Nam cho thấy, điểm công khai kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường cho thấy, chỉ số của tỉnh Quảng Nam là 1.37/2.5 [7, 58] nằm ở mức tương đối khá so với các tỉnh thành khác ở Việt Nam.

Việc xây dựng, nâng cấp, hay sửa chữa các công trình công cộng như đường liên thôn, trường học, các hoạt động thể dục thể thao hoặc các hoạt động khác phục vụ cho cộng đồng, về cơ bản đều được chính quyền thông tin công khai cho Nhân dân biết, đặc biệt, đối với những công trình cần huy động sự đóng góp của Nhân dân. Nhân dân quan tâm đến việc này, vì không những ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân mà còn vì lợi chung của cộng đồng. Trong điều kiện kinh tế - xã hội ở vùng miền núi còn nhiều khó khăn nên sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách cho các hoạt động cộng đồng dân cư còn ít. Vì vậy, các hoạt động phục vụ cho cộng đồng dân cư cần có sự huy động đóng góp kinh phí từ Nhân dân. Nhân dân cần quan tâm đến các loại phí và sự đóng góp của họ để phát triển cộng đồng. Việc phổ biến giáo dục pháp luật ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới ở tỉnh Quảng Nam đã thực sự đưa vào cuộc sống, góp phần nâng cao ý thức cho Nhân dân. Đồng thời, hoạt động này cũng là một thang đo quan trọng để đánh giá tính tiếp cận thông tin của Nhân dân.

Kết quả khảo sát khả năng tiếp cận thông tin của Nhân dân về việc tiếp thu các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến Nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện vẫn cho thấy một thực trạng khả quan. Các thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến Nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện đóng vai trò rất quan trọng đối với việc sử dụng dịch vụ công của Nhân dân. Ngoài ra, Nhân dân cũng tiếp cận các thông tin về các kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố. Bởi vì Quảng Nam là một trong những địa phương có tỷ lệ kiểm soát tham nhũng trong khu vực công cao nhất cả nước năm 2020 [7, 66], cụ thể đó là vấn đề kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; kiểm soát tham nhũng trong chính quyền; kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công; công bằng trong tuyển dụng vào nhà nước; quyết tâm chống tham nhũng.

Để tránh bỏ sót thông tin trong quá trình khảo sát, tác giả sử dụng thang đo khác đối với các lựa chọn không nằm trong đáp án được đưa ra. Qua khảo sát, chính quyền địa phương đã thực hiện công khai hóa cho Nhân dân biết 11 loại công việc với nhiều hình thức, phương thức thực hiện qua nhiều cách thức khác nhau. Theo đó,

Nhân dân cũng có một số đánh giá về việc tiếp cận các thông tin khác được chính quyền công khai, minh bạch.

Về hình thức công khai thông tin để Nhân dân biết, kết quả khảo sát cho thấy, với 1309 lượt đánh giá trong tổng số 480 người, Nhân dân thường tìm hiểu công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã, chiếm 31.8% trên tổng số người được khảo sát theo dõi thông tin tại đây. Tiếp sau, Nhân dân cũng tham khảo thông tin nhiều trên các bảng niêm yết trụ sở HĐND, UBND cấp xã, chiếm 29.7% trên tổng số người được khảo sát sử dụng cách này. Có thể thấy rằng, các trang thiết bị làm việc, hệ thống loa truyền thanh luôn luôn được bảo đảm và trang bị tương đối đầy đủ, thường xuyên được sửa chữa. Cùng với đó, là công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung đến tận nhà, tận bản làng; các cơ quan chức năng đã dành nhiều thời gian và công sức để truyền tải các nội dung đến với Nhân dân vùng DTTS. Đối với hình thức Trưởng thôn thông báo, tỷ lệ Nhân dân cho rằng mình được tiếp cận thông tin qua cách này chiếm 23.8% trên tổng số người được khảo sát [Phụ lục 2, Bảng 11]. Có thể lý giải điều này rằng, Nhân dân nắm bắt thông tin qua hình thức gián tiếp là chủ yếu, chỉ khi cần thiết thì họ mới trực tiếp lên Uỷ ban để cập nhật thông tin. Ngoài ra, nhiều người lựa chọn sử dụng các hình thức thông tin khác, cụ thể như theo dõi trên Zalo, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử… Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng DTTS thì đời sống của Nhân dân ở đây cũng được nâng cao. Nhiều hộ gia đình đã có đầy đủ các phương tiện để tiếp cận thông tin hơn, những người lớn tuổi cũng chịu khó học hỏi, khám phá các thiết bị thông minh, nhanh chóng kết nối và hòa nhập với xã hội.

3.1.1.2. Thành tựu trong thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

Thứ nhất, Nhân dân bàn bạc và tự nguyện đóng góp xây dựng hạ tầng cơ sở, các công trình phúc lợi công cộng tại địa phương.

Thông qua các buổi họp dân, chính quyền địa phương tạo điều kiện để Nhân dân thảo luận, trao đổi và đi đến thống nhất về các vấn đề chung, đồng thời cùng nhau thực hiện. Các nội dung được đưa ra bàn bạc bao gồm việc xã hội hóa hệ thống điện chiếu sáng, nâng cấp, mở rộng và bê tông hóa các tuyến đường nhỏ, hẻm, kênh mương nội đồng, cũng như đóng góp kinh phí để sửa chữa, nâng cấp nhà sinh hoạt văn hóa và thực hiện các hạng mục trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Về các hình

thức tham gia của Nhân dân, thực tiễn cho thấy Nhân dân có thể đóng góp bằng hình thức là sức lao động và đóng góp vật chất.

Nhân dân đóng góp bằng sức lao động: Nhân dân thường tự nguyện đóng góp sức lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng. Họ có thể cùng nhau thực hiện các công việc như đào móng, nâng cấp đường phố, xây dựng cầu, trường học, bệnh viện, hoặc các công trình xanh khác. Sự đóng góp sức lao động của Nhân dân giúp giảm chi phí xây dựng và tạo ra sự gắn kết trong cộng đồng.

Nhân dân đóng góp bằng điều kiện vật chất: Nhân dân cũng có thể đóng góp vật chất như vật liệu xây dựng, thiết bị, công cụ để hỗ trợ quá trình xây dựng. Họ có thể đóng góp tiền bạc, vật liệu xây dựng, hoặc tài sản khác để đảm bảo việc xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng diễn ra suôn sẻ. Sau khi các công trình được xây dựng, Nhân dân tiếp tục đóng góp vào quá trình quản lý và bảo trì. Họ thường tổ chức các hoạt động vệ sinh, sửa chữa, duy trì và bảo vệ các công trình để đảm bảo chất lượng và sự bền vững của chúng. Chủ trương mức đóng góp để xây dựng đường giao thông nông thôn, nhà sinh hoạt văn hóa trên địa bàn thôn đưa ra hội nghị để Nhân dân bàn bạc và thống nhất quyết định. Các khoản thu xây dựng cho Nhân dân được nhận xét là khá minh bạch. Thực tiễn ở các xã cho thấy, hầu hết các công trình công cộng đều do Nhân dân đóng góp xây dựng. Để Nhân dân tích cực hưởng ứng, nhiều Đảng ủy, UBND xã đã quán triệt sâu sắc việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, để Nhân dân các làng, thôn, tự bàn bạc cân nhắc, tính toán xem mức đóng góp cụ thể ở mỗi khâu là bao nhiêu, người góp công, người góp sức làm sao cho thuận lợi nhất, giảm chi phí đóng góp mà chất lượng công trình vẫn bảo đảm.

Tùy thuộc vào điều kiện của từng địa bàn khác nhau mà có thể cùng hạng mục như nhau, có những công trình được chính quyền hỗ trợ 100%. Có thể kể đến như danh mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Quảng Nam năm 2022 *(Kèm theo Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)* hoặc có công trình do Nhân dân đóng góp chính từ 60% đến 80% và cũng có những công trình Nhân dân tham gia đóng góp một phần cùng chính quyền để thực hiện. Việc xây

dựng, nâng cấp, hay sửa chữa các công trình công cộng, về cơ bản đều được chính quyền thông tin công khai cho Nhân dân biết, đặc biệt, đối với những công trình cần huy động sự đóng góp của Nhân dân. Với những công trình được thực hiện theo phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm", quá trình triển khai xây dựng được thực hiện khá bài bản, dân chủ và có hiệu quả.

Trong phương án Phân bổ vốn năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi *(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh)* thì các hạng mục Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi cùng với các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc; Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, được phân bổ vốn nhiều hơn các địa phương khác. Đặc biệt, ở huyện Nam Giang là địa phương có 06 xã biên giới giáp với tỉnh Sê Kông của Lào, là nơi đang tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của Nhân dân.

Thực trạng đóng góp của Nhân dân vào quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng căn bản thông qua khảo sát là rất khả quan. Nhờ một phần đóng góp của nhân dân nên điểm chỉ số xây dựng cơ sở hạ tầng căn bản của tỉnh Quảng Nam khoảng 1.96/2.5 điểm [7, 76], xếp hạng trung bình khá tại Việt Nam. Hơn thế nữa, những đánh giá của Nhân dân về chất lượng công trình công cộng tại Quảng Nam cũng là rất cao. Điểm thành phần của chỉ số "cung ứng dịch vụ công" năm 2022 ở Quảng Nam về giáo dục tiểu học công lập là 1.98/2.5 và cơ sở hạ tầng căn bản là 2.1385/2.5 cho thấy mức độ hài lòng của Nhân dân [8, 84]. Như vậy, có thể thấy, khi các thông tin về việc xây dựng công trình công cộng, giải phóng mặt bằng được cung cấp đầy đủ, công khai và minh bạch; có sự đối thoại, trao đổi và phản hồi để đi đến thống nhất giữa chính quyền và Nhân dân; cách thức tổ chức triển khai có lộ trình hợp lý thì việc xây dựng các công trình công cộng đều bảo đảm được cả về chất lượng và tiến độ thực hiện, phù hợp lòng dân.

Thứ hai, Nhân dân tích cực tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, làng.

Tinh thần bình đẳng và dân chủ trong đời sống cộng đồng được thể hiện rõ nét ở phần lớn các hương ước của đồng bào DTTS tại Quảng Nam. Những hương ước này không chỉ mang tính dân chủ cao mà còn có giá trị giáo dục sâu sắc, phản ánh trí tuệ tập thể của cộng đồng. Chúng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, đúc kết từ kinh nghiệm trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên cũng như trong quan hệ xã hội. Những người có trách nhiệm phân xử dựa trên hương ước đều do chính các thành viên trong buôn, làng lựa chọn dựa vào uy tín và năng lực của họ. Các quy định về khen thưởng hay xử phạt cũng được thiết lập rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, tương ứng với mức độ vi phạm của từng hành vi. Các hương ước, quy ước được xây dựng dựa trên nhu cầu, ý kiến và nguyện vọng của cộng đồng thôn, và được thông qua bằng thủ tục dân chủ và minh bạch. Sau khi được thông qua, các hương ước, quy ước được đưa vào thực hiện với sự hỗ trợ và giám sát của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Xét về mặt quy trình thì Nhân dân không phải là trực tiếp soạn thảo quy ước, hương ước nhưng họ có đóng góp to lớn trong việc tham gia ý kiến, thảo luận để đi đến thống nhất dựa trên bản dự thảo đã được soạn sẵn hoặc được sửa đổi, bổ sung. Chính quyền địa phương có trách nhiệm quản lý và giám sát quá trình thực hiện hương ước, quy ước của thôn. Điều này bao gồm việc theo dõi tiến độ, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện, và đảm bảo tuân thủ các cam kết và quy định đã được thỏa thuận. Chính quyền địa phương có trách nhiệm tạo ra môi trường thuận lợi và đảm bảo các điều kiện cần thiết để thôn có thể thực hiện hương ước, quy ước một cách hiệu quả. Ngoài ra, chính quyền địa phương các xã miền núi thường lồng ghép cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" gắn với xây dựng và thực hiện quy ước, được nhân dân tích cực hưởng ứng.

Kết quả khảo sát Nhân dân tại vùng DTTS tỉnh Quảng Nam cho thấy, tỷ lệ Nhân dân tham gia vào các hương ước, quy ước của thôn là cao nhất trong số những hoạt động mà Nhân dân tham gia bàn bạc và quyết định, chiếm 26% [Phụ lục 2, Bảng 13]. Đây là con số phản ánh thực trạng khả quan và tích cực của Nhân dân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ. Các bản hương ước, quy ước được được thông qua cho thấy được ý thức về bản sắc văn hóa của người DTTS. Việc thực hiện hương ước đã mang lại những kết quả tích cực cho đời sống cộng đồng, góp phần xây dựng

nếp sống mới, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu. Các hương ước này tập trung vào một số điểm chính như sau: Đề xuất biện pháp và phương thức thích hợp để dân cư tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội, bảo đảm và thúc đẩy quyền tự do và dân chủ của Nhân dân; khuyến khích và tạo điều kiện cho Nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân; bảo vệ, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, thúc đẩy ứng xử và giao tiếp lịch sự, phát triển các hoạt động văn hóa lành mạnh, và xây dựng tình thân, tình nghĩa, và tình đoàn kết trong cộng đồng; thực hiện các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, bài trừ các hủ tục và tệ nạn xã hội; khuyến khích sự đùm bọc và giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn, và ốm đau; tạo ra tình đoàn kết, tương thân, và tương ái trong cộng đồng…

Thứ ba, việc bầu cử, miễn nhiệm Trưởng thôn được thực hiện dân chủ chặt chẽ, đúng quy trình.

Hoạt động bầu Trưởng thôn đã thu hút sự quan tâm đông đảo của Nhân dân. Để bảo đảm tính dân chủ và thuận lợi cho công tác tổ chức, đa số các địa phương đều tiến hành tổ chức bầu Trưởng thôn thành một cuộc bầu cử riêng. Thông tin về ngày bầu cử Trưởng thôn, thành phần Tổ bầu cử, danh sách cử tri, danh sách ứng cử viên... tại nhiều địa phương đã được công khai rộng rãi để Nhân dân nắm rõ, đồng thời có thể kịp thời điều chỉnh, bổ sung nếu có sai sót. Trên thực tế, việc công khai này được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú, như: phát thông báo thường xuyên trên hệ thống loa truyền thanh của xã, phường; niêm yết thông tin tại bảng tin thôn, trụ sở UBND, nhà văn hóa thôn, nhà sinh hoạt cộng đồng; treo băng rôn tuyên truyền; hoặc thông qua Trưởng thôn trực tiếp thông báo đến từng hộ dân. Về chất lượng việc bầu cử cấp cơ sở, đánh giá năm 2022 từ Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (2023) cho thấy, tỉ lệ người trả lời cho biết bầu cử Trưởng thôn được tổ chức ở tỉnh Quảng Nam đã thể hiện ở mức tốt với trên 90% (thuộc tốp đầu cả nước) và tỉ lệ người trả lời cho biết có ít nhất hai ứng cử viên để bầu chọn Trưởng thôn năm 2022 với gần 60% Nhân dân biết đến thông tin này [8, 55]. Với kết quả này cho thấy tỉnh Quảng Nam đã thực hiện tốt trong việc tìm hiểu thông tin bầu cử chọn Trưởng thôn cũng như Nhân dân tham gia tích cực vào hoạt động bầu cử, miễn nhiệm Trưởng thôn.

Trước ngày bầu cử, các Chi bộ trong xã đã tổ chức cuộc họp riêng để lắng nghe ý kiến của Nhân dân về các công việc cần làm trong thôn, tiêu chí cụ thể của người Trưởng thôn, cũng như bàn bạc kỹ lưỡng theo các bước trước khi quá trình bầu cử được diễn ra. Đây chính là hoạt động quan trọng thể hiện quyền dân chủ trực tiếp của Nhân dân, Nhân dân có cơ hội nói lên tiếng nói của mình, được đề cử người đại diện mà họ tin tưởng làm Trưởng thôn và ứng cử nếu có đủ điều kiện và khả năng. Trưởng thôn là người được Nhân dân tín nhiệm và lựa chọn, thể hiện niềm tin mà cộng đồng dành cho họ. Vai trò của Trưởng thôn rất quan trọng, là cầu nối giữa Nhân dân với chính quyền cơ sở, nhằm thúc đẩy sự gắn kết và hiệu quả trong quản lý ở địa phương. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhân dân ngày càng quan tâm và có trách nhiệm hơn trong việc thực hiện quyền lợi của mình: chủ động tìm hiểu thông tin, tích cực tham gia các buổi họp thôn chuẩn bị cho công tác bầu cử và tham gia bỏ phiếu, đề cử, ứng cử nếu đủ điều kiện. Kết quả khảo sát vùng DTTS năm 2023 tại tỉnh Quảng Nam cho thấy, có 23.3% Nhân dân quan tâm đến việc bầu hoặc cho thôi làm Trưởng thôn [Phụ lục 2, Bảng 13].

Nhìn chung, sự tham gia của Nhân dân được khảo sát tại vùng DTTS tại tỉnh Quảng Nam trong hoạt động bàn và quyết định các hoạt động ở cơ sở là tương đối tích cực, đặc biệt là ở hoạt động tham gia hương ước, quy ước của thôn, làng.

3.1.1.3. Thành tựu trong thực hiện những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan thẩm quyền quyết định

Thứ nhất, UBND ở cấp xã, phường, thị trấn đã thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến của Nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

UBND các cấp ở cơ sở thuộc địa bàn được khảo sát đã thực hiện lấy ý kiến của Nhân dân một cách nghiêm túc, kết quả từ dữ liệu khảo sát đã phần nào chứng minh được điều đó [Phụ lục 2, Bảng 15]. Việc lấy ý kiến nhân dân đối với bản dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là một quá trình quan trọng nhằm đảm bảo sự minh bạch, dân chủ và tính thực tiễn của các chính sách. Quá trình này giúp cơ quan lập kế hoạch điều chỉnh nội dung sao cho phù hợp với thực tế đời sống và mong muốn của Nhân dân.

Sự quan tâm của Nhân dân đối với các hoạt động chung tại cấp cơ sở được UBND lấy ý kiến đối với "Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã; dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư" [16, Điều 19]. Chính những ý kiến, sáng kiến, nguyện vọng của Nhân dân là nguồn gốc hình thành nên đường lối, chủ trương của Đảng. Và ngược lại đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước được Nhân dân đồng tình, hưởng ứng. Nhà nước càng mở rộng dân chủ, lôi cuốn đại bộ phận Nhân dân tham gia vào việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội thì chế độ XHCN càng trở nên vững mạnh. Hiện nay, Nhân dân càng được mở rộng quyền dân chủ, được phép tham gia ý kiến ở nhiều hoạt động cộng đồng chung, liên quan đến chính sách môi trường, xây dựng, dự án tái định canh, định cư,… Vì vậy, việc có một tỷ lệ nhất định Nhân dân cho rằng mình còn được tham gia ý kiến các hoạt động khác là hoàn toàn hợp lý.

Nhiều địa phương đã thực hiện các biện pháp này theo một quy trình cụ thể, khách quan và đảm bảo tính dân chủ. Chính quyền cơ sở ở nhiều địa phương đã tiến hành quy trình này một cách hợp lý. Cụ thể UBND xã, phường, thị trấn đã tiến hành hội nghị triển khai lấy ý kiến về Đề án xây dựng nông thôn mới xã, phường, thị trấn; Phương án Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Ngoài ra, UBND xã đã tổ chức các cuộc họp, dựa vào tình hình thực tế của địa phương, để bàn bạc và xin ý kiến của Thường vụ Đảng uỷ về các dự án cơ sở hạ tầng cần huy động nguồn lực từ cộng đồng. Sau khi đạt được sự nhất trí về các quyết định này, UBND xã tiến hành lập thiết kế sơ bộ và dự toán nguồn lực cần huy động, sau đó đưa ra bàn bạc và thảo luận trong các cuộc họp của Đảng uỷ, MTTQ, các đoàn thể và các Trưởng thôn. Cuối cùng, quyết định được đưa ra để Nhân dân thảo luận và quyết định dân chủ theo nguyện vọng của họ, với nguyên tắc là tự nguyện và không ép buộc.

Tóm lại, nhờ triển khai tốt, các công trình xây dựng được Nhân dân đưa ra bản dự thảo để cùng nhau thảo luận, đóng góp ý kiến, nêu quan điểm cá nhân, bàn bạc

một cách kỹ lưỡng, minh bạch, khoa học nên việc triển khai thực hiện rất nhanh chóng, thuận lợi. Ở những địa phương, có sự chuẩn bị chu đáo, thì bước tiến hành thực hiện các dự án, công trình sẽ được sự ủng hộ, đồng thuận của Nhân dân. Nhiều công trình, dự án thi công nhanh, đưa vào sử dụng kịp thời, đúng tiến độ đề ra đã đem lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân. Đặc biệt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng là những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, khó khăn vì liên quan trực tiếp đến quyền lợi của Nhân dân, nhưng thông qua việc tổ chức cho Nhân dân bàn bạc, thảo luận dân chủ, công khai thì nhiều địa phương đã thực hiện tốt.

Thứ hai, Nhân dân tham gia tích cực, đề xuất, tháo gỡ nhiều khó khăn vướng mắc, đồng thuận thống nhất các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội.

Nhân dân vùng DTTS với nghề nghiệp chủ yếu là làm nông nghiệp, nên họ sống đông đúc ở nông thôn. Điều đó có nghĩa là đồng bào DTTS họ sẽ dành nhiều sự quan tâm đối với các chương trình gắn liền với nông thôn. Cho nên, họ cũng tham gia tích cực, đề xuất những ý tưởng quan trọng với mục đích là xóa nghèo. Họ tích cực, tham gia thảo luận chủ động và làm quen với việc lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Thông qua đó nhằm phát huy vai trò của nhân dân, tôn trọng quyền tham gia ý kiến, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp chính quyền trong lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Trước khi trình duyệt các dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm; dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết; chủ trương phương án đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng, dự thảo quy hoạch, đề án chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án huy động nguồn lực từ nhân dân, chính quyền cơ sở thường công khai các dự thảo này bằng cách niêm yết tại trụ sở UBND hoặc gửi về từng thôn để lấy ý kiến rộng rãi. Việc tổ chức cho nhân dân tham gia đóng góp ý kiến giúp các kế hoạch, dự án, chủ trương, chính sách, đầu tư được điều chỉnh sát với thực tiễn hơn, tiếp thu được trí tuệ tập thể, đồng thời nâng cao nhận thức và sự quan tâm của Nhân dân đối với các vấn đề kinh tế - xã hội. Nhân dân, nhất là những người trực tiếp sản xuất, kinh doanh và sinh sống trong các khu vực liên quan, có thể đưa ra những sáng kiến và giải pháp thiết thực giúp chính sách đạt hiệu quả cao hơn. Chính quyền cấp cơ sở

cũng xác định được những đề án, kế hoạch nào là cần triển khai trước mắt, những nội dung công việc nào chưa thực sự cấp thiết; những nội dung nào cần phải hoàn chỉnh và cân nhắc kỹ lưỡng hơn trước khi triển khai thực hiện. Một khi đề án, kế hoạch được quần chúng Nhân dân tham gia rộng rãi góp ý kiến hoàn chỉnh thì khi triển khai thực hiện sẽ có tính khả thi cao, tạo được sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch, dự án và mang lại tác động lớn đối với đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương và ngược lại.

Thứ ba, chính quyền địa phương đã thông qua nhiều hình thức để Nhân dân có thể tham gia, đóng góp ý kiến, phát huy hơn nữa quyền làm chủ của Nhân dân.

Các hình thức để Nhân dân tham gia, đóng góp ý kiến đã được sử dụng để làm thang đo đánh giá tính hiệu quả. Tỷ lệ Nhân dân cho rằng việc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tham gia đóng góp ý kiến chiếm tỷ lệ lớn nhất, chiếm 39.9% trong tổng người nội dung được khảo sát, với 381/480 người lựa chọn [Phụ lục 2, Bảng 16]. Việc tổ chức cuộc họp ở các địa phương giờ giấc cũng hết sức linh động, phù hợp với công việc của Nhân dân, ngôn ngữ sử dụng trong cuộc họp có thể tiếng Việt hoặc tiếng DTTS. Đối với cuộc họp quan trọng thì sẽ được tổ chức thường xuyên và cán bộ cũng nhắc nhở Nhân dân đến dự họp, nhằm đảm bảo tất cả Nhân dân đều tham gia, đóng góp ý kiến. Theo báo cáo tự giám sát kết quả thực hiện Pháp lệnh dân chủ tại thị trấn Prao – huyện Đông Giang thì Ủy ban MTTQ các cấp đã tổ chức tốt các hội nghị tiếp xúc cử tri, thông qua đó để các Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND các cấp báo cáo với cử tri kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chính sách mới về hỗ trợ sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo và chính sách khác… Từ năm 2020 đến tháng 7/2021, có 34 ý kiến, kiến nghị của cử tri với các cấp, các ngành những vấn đề mà cử tri quan tâm.

Ngoài ra, phương án phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình cũng có đến 38.4% Nhân dân chọn lựa [Phụ lục 2, Bảng 16]. Theo Nhân dân việc tiếp xúc cử tri cho phép thu thập ý kiến từ nhiều người khác nhau, đảm bảo rằng các quyết định được đưa ra dựa trên sự đa dạng về quan điểm. Điều này giúp tránh tình trạng quyết định một chiều và tạo cơ hội cho các ý kiến thiết thực từ cộng đồng. Nhân dân có thể tham gia vào quyết định chính sách, chương trình phát triển,

và các vấn đề quan trọng khác mà ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của họ. Khi Nhân dân tham gia ý kiến, quy trình quyết định trở nên minh bạch hơn. Công chúng có thể theo dõi quá trình đưa ra quyết định và đảm bảo rằng chính quyền làm việc trong tinh thần trung thực và trách nhiệm. Tỷ lệ Nhân dân thông qua hòm thư góp ý cũng chiếm một phần nhỏ, với 14% trong tổng lượt khảo sát. Đáng chú ý, có đến 140 người trên tổng 480 Nhân dân trong vùng DTTS chọn đáp án khác [Phụ lục 2, Bảng 16]. Những hình thức này có thể bao gồm việc ứng dụng mạng xã hội, các nhóm trò chuyện để đóng góp ý kiến. Tùy vào nội dung, tính chất, yêu cầu của sự việc mà chính quyền sẽ lựa chọn các hình thức sao cho phù hợp và đáp ứng với nhu cầu của từng địa phương, từng trường hợp cụ thể.

3.1.1.4. Thành tựu trong thực hiện những nội dung Nhân dân giám sát

Thứ nhất, chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tham gia giám sát các nội dung quy định tại điều 5,10,13 và 19 của Pháp lệnh dân chủ.

Nhân dân muốn thực hiện quyền làm chủ của mình thì trước hết phải được cung cấp các thông tin cần thiết, từ đó họ hiểu các quy trình và nắm vững các quy trình đó. Tức là trên cơ sở của "dân biết", sau đó Nhân dân bàn bạc, tham mưu với cơ quan chức năng, và trong một số trường hợp cụ thể Nhân dân có quyền đưa ra quyết định đặc biệt là những quyết định có liên quan hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày của họ. Sau khi "dân biết, dân bàn" thì họ còn "làm", tức là Nhân dân sẵn sàng xông pha đi đầu trong việc xây dựng các công trình công cộng, phục vụ cho lợi ích cộng đồng. Và cuối cùng là công tác kiểm tra, giám sát. Đảng và Nhà nước ban hành các quy định cụ thể về quyền giám sát của Nhân dân, trong đó quy định rõ các hình thức giám sát như giám sát trực tiếp, gián tiếp, thông qua các tổ chức xã hội, báo chí. Khuyến khích Nhân dân tham gia đối thoại trực tiếp với chính quyền, thông qua các buổi họp dân, tiếp xúc cử tri. Công tác tiếp công dân, đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền không những chỉ đạo giải quyết những vấn đề cấp thiết, bức xúc từ Nhân dân mà còn là sự hướng dẫn tận tình Nhân dân trong quá trình sản xuất, thăm hỏi, động viên Nhân dân, quan tâm đến cuộc sống của Nhân dân. Các Sở, Ban, ngành và chính quyền địa phương thực hiện việc đón tiếp công dân theo định kì đã được ban hành. "Kết quả công tác tiếp công dân, đối thoại trực tiếp

với dân của người đứng đầu chính quyền đối với người đồng bào DTTS trong 05 năm (2018-2022) trên địa bàn tỉnh, với: tổng số lượt tiếp: 5949 lượt/5964 người, có 02 đoàn đông người" [80, 6]. Qua công tác tiếp công dân, đặc biệt đối với Nhân dân đồng bào DTTS, người đứng đầu chính quyền các cấp đã tiếp nhận nhiều ý kiến, phản ánh, kiến nghị liên quan đến đất đai như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, tranh chấp đất đai trong cộng đồng dân cư… Chính quyền địa phương đã tích cực tổ chức đối thoại, hòa giải, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, từ đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Chính quyền ở cơ sở đã tạo điều kiện thuận lợi để thành lập Ban Quản lý công trình do Nhân dân tại địa phương trực tiếp bầu ra. Ban Quản lý công trình hoạt động hiệu quả do thành viên của Ban Quản lý là những người được Nhân dân tín nhiệm cao, cử làm đại diện trực tiếp giám sát việc thi công các công trình, dự án triển khai trên địa bàn nên các công trình, dự án triển khai đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, thời gian thi công, chống hoặc hạn chế đến mức thấp nhất các tiêu cực, lãng phí, tham ô, tham nhũng nảy sinh trong quá trình thực thi các chương trình, dự án. UBND xã, phường, thị trấn đã phối hợp với Ủy ban MTTQ thị trấn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban thanh tra nhân dân hoạt động. Từ việc cung cấp thông tin, cấp kinh phí và tạo cơ sở vật chất làm việc; mời tham dự các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, dự các kỳ họp HĐND, UBND,…. Hầu hết các đồng chí Trưởng Ban thanh tra nhân dân đều có tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên nghiên cứu các luật, thông tư, các văn bản khác để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững pháp luật để giải quyết vụ việc đúng với quy định của nhà nước.

Thứ hai, Nhân dân trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện quyền giám sát của mình bằng nhiều hình thức khác nhau.

Nhân dân trực tiếp thực hiện quyền giám sát của mình thông qua các quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo và kiến nghị được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền. Có thể khẳng định, Nhân dân vùng DTTS đã sử dụng khá hiệu quả quyền giám sát trực tiếp này của mình. Họ đã mạnh dạn, chủ động hơn trong việc đưa ra các kiến nghị, phản ánh của bản thân, thông qua các buổi họp tiếp xúc cử tri, họp các tổ

chức đoàn thể, hay thông qua gặp gỡ trực tiếp với cán bộ địa phương. Nội dung phản ánh cũng tương đối rộng, ngoài vấn đề thi công các công trình xây dựng, họ còn phản ánh những vấn đề về chế độ chính sách, về môi trường... Có ý kiến đánh giá sự giám sát trực tiếp của Nhân dân còn hiệu quả hơn so với sự giám sát qua Ban Thanh tra Nhân dân hay Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Nhân dân gián tiếp thực hiện quyền giám sát của mình thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, với những thành viên được bầu bởi Nhân dân. Ban thanh tra Nhân dân và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng đã tiến hành giám sát việc thực hiện các chính sách và pháp luật, cũng như việc xử lý các khiếu nại và tố cáo, để đảm bảo chất lượng của các công trình và dự án ở địa phương. Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật. "Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn gồm các thành viên được bầu từ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không ít hơn 05 người" [44, 50]. "Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn cấp xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn và đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ" [44, 56].

Nhân dân giám sát hoạt động của các đại biểu dân cử, hoạt động của cơ quan nhà nước ở cơ sở thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri của các đại biểu HĐND, các cuộc họp báo cáo công tác trước cử tri của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn công khai hoạt động tài chính của chính quyền cơ sở. Phát huy chế độ dân chủ đại diện, thông qua đại biểu HĐND, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân để theo dõi qua các kỳ họp hàng tháng, quý, 6 tháng, hàng năm của HĐND, UBND. Các công trình xây dựng cơ

sở hạ tầng có vốn do nhân dân đóng góp hoặc nhà nước và nhân dân cùng làm có Ban giám sát đầu tư cộng đồng tham gia giám sát. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân và Ban giám sát đầu tư cộng đồng, cần tăng cường vai trò và trách nhiệm của các tổ chức và các ngành liên quan đối với hoạt động của họ. Đồng thời, cần xây dựng một cơ chế thống nhất để tổ chức, quản lý và phát triển chức năng và nhiệm vụ của hai ban này. Quan trọng hơn, cần thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước và khuyến khích mọi tầng lớp Nhân dân tham gia thực hiện các tiêu chí dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn, nhằm đảm bảo phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội, cũng như bảo đảm an ninh quốc phòng cho địa phương.

3.1.2. Hạn chế trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

3.1.2.1. Hạn chế trong thực hiện những nội dung công khai để Nhân dân biết

Về phía chính quyền, một số nội dung quy định phải được công khai cho Nhân dân biết nhưng trên thực tế lại có hạn chế về mức độ công khai. Tuy có nội dung công khai, địa điểm công khai nhưng Nhân dân vẫn rất khó khăn trong việc tiếp cận thông tin. Lý do là việc dán thông báo có lưới bảo vệ và được dán chồng lên nhau nên phần lớn Nhân dân cũng chỉ đọc được trang đầu. Ngoài ra, nội dung công khai ở một số nơi vẫn niêm yết những thông tin cũ, lạc hậu [Phụ lục 3, Hình 3]. Ngoài ra, ở một số địa bàn ở vùng sâu, vùng xa đang thiếu địa điểm để tổ chức các cuộc họp dân và tổ chức các hoạt động mang tính chất cộng đồng. Ở các huyện Nam Giang, Tây Giang và Nam Trà My, còn một số thôn chưa có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng [Phụ lục 2, Bảng 24]. Nguyên nhân là do quỹ đất của các địa phương hạn chế nên khó khăn cho việc xây dựng các công trình phục vụ dân cư sinh sống trên địa bàn. Đối với các địa bàn nông thôn, nhà văn hóa thôn là do Nhân dân đóng góp xây dựng với sự hỗ trợ của Nhà nước. Tuy nhiên, trang thiết bị, tư liệu tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật chưa được trang bị kịp thời, đầy đủ, nên hạn chế khả năng tiếp cận thông tin của Nhân dân đối với Pháp lệnh thực hiện dân chủ. Tại các vùng DTTS, đặc biệt là ở khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam, điều kiện làm việc và cơ sở vật chất tại các nhà văn hóa

thôn còn gặp những khó khăn nhất định, dẫn đến hạn chế trong triển khai tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Mặt khác, một bộ phận không nhỏ Nhân dân vùng DTTS ít quan tâm đến chủ trương, đường lối, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương, mức độ tiếp cận một số nội dung công khai của Pháp lệnh dân chủ còn thấp. Nội dung "Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân cấp xã**;** Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã; Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này" [16, Điều 19] theo kết quả khảo sát thì hơn 50% Nhân dân không biết đến những thông tin này [Phụ lục 2, Bảng 6,7]. Nhân dân chủ yếu quan tâm đến những nội dung có liên quan trực tiếp đến lợi ích cá nhân, còn những vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Nhà nước thì họ cho rằng đó là trách nhiệm mà Đảng và Nhà nước phải thực hiện. Không ít người thờ ơ đối với các hoạt động của chính quyền địa phương. Nhiều người chưa nhận thức được rằng, chính Nhân dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thể hiện ý chí của mình tham gia trực tiếp hay gián tiếp các hoạt động chính quyền địa phương, nhằm phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của Nhân dân tại nơi mình sinh sống.

Trong 3 hình thức công khai theo quy định của Pháp lệnh dân chủ, theo khảo sát thì hình thức thông qua Trưởng thôn là hình thức kém hiệu quả nhất. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy, tỉ lệ Nhân dân lựa chọn hình thức này là 23.8% [Phụ lục 2, Bảng 11]. Đa số đồng bào DTTS làm việc xa nhà, họ tập trung về các thành phố để làm việc, học tập như thành phố Tam Kì, thành phố Đà Nẵng; trong khi những người sống ở địa phương chủ yếu là trẻ em, phụ nữ và người già. Vì vậy, việc tập hợp Nhân dân để Trưởng thôn thông báo thông tin, phổ biến, tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước còn gặp nhiều khó khăn. Hai hình thức là công khai niêm yết tại trụ sở và truyền tin thông qua loa truyền thanh có hiệu quả hơn, nhưng cũng có một số hạn chế nhất định. Về hình thức niêm yết, một số Nhân dân chưa

biết được thông tin nội dung, thời gian và địa điểm niêm yết. Bởi vì, việc niêm yết thông tin tại trụ sở UBND xã, đòi hỏi Nhân dân phải chủ động trực tiếp tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, việc đi lại của Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn do tính chất công việc, vị trí địa lý, tâm lý e ngại cho nên Nhân dân ít khi đến trụ sở UBND xã. Về hình thức công khai trên hệ thống truyền thanh cấp xã, thông thường việc lắp đặt này phù hợp hơn ở vùng đồng bằng, còn ở vùng đồng bào DTTS rất khó áp dụng. Vùng miền núi đặc biệt vùng biên giới có địa hình phức tạp, đồi núi hiểm trở, diện tích rộng nên chất lượng âm thanh đến với từng nhà, từng người còn nhiều hạn chế.

3.1.2.2. Hạn chế trong thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

Theo Pháp lệnh dân chủ, thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định gồm thực hiện hai quyền của Nhân dân: quyền Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; quyền Nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định.

Thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, gồm tổ chức để "Nhân dân bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng ở phạm vi xã, thôn mà Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong cộng đồng dân cư. Thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết, các cấp có thẩm quyền quyết định gồm, hương ước, quy ước của thôn; bầu, bãi nhiệm, Trưởng thôn; Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng" [16, Điều 10, 13]. Thực hiện những nội dung này thể quyền rõ nhất quyền dân chủ trực tiếp của Nhân dân. Đòi hỏi tính tự giác, tinh thần trách nhiệm cao của Nhân dân với những công việc của cộng đồng làng, thôn, xã.

Tuy nhiên, một bộ phận Nhân dân các DTTS ở Quảng Nam còn thờ ơ, tinh thần trách nhiệm chưa cao. Khi thảo luận về vấn đề đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi, phần lớn Nhân dân thường chú trọng vào số tiền cần đóng góp nhiều hay ít, hơn là quan tâm đến giá trị thực sự mà các công trình đó mang lại. Nhìn chung, sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân có xu hướng tỷ lệ nghịch với mức đóng góp xây dựng. Nếu mức đóng góp thấp, dễ đạt được đồng thuận của Nhân dân. Ngược lại, sự thống nhất, đồng lòng của Nhân dân sẽ khó khăn nếu mức đóng góp cao. Hoặc việc bầu Trưởng thôn không thu hút sự tham gia đầy đủ của đồng bào các

dân tộc. Trưởng thôn có vai trò quan trọng trong việc quản lý cộng đồng cũng như trong quá trình phát triển kinh tế và xã hội. Họ là những người tổ chức, vận động Nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước như nộp thuế, các khoản đóng góp khác do Nhà nước quy định; trực tiếp chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; cùng với MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội củng cố đoàn kết các tầng lớp Nhân dân. Như vậy, Trưởng thôn là cầu nối giữa Nhân dân và chính quyền các cấp. Tuy nhiên, một hiện tượng đáng lo ngại là thái độ thiếu trách nhiệm của một bộ phận Nhân dân trong việc bầu chọn Trưởng thôn. Thay vì thể hiện tinh thần tích cực và cân nhắc kỹ lưỡng để lựa chọn những người thực sự có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiều người lại thiếu quan tâm, thậm chí xem nhẹ ý nghĩa quan trọng của quá trình bầu cử này.

Tại vùng DTTS, đa số Nhân dân hiểu biết khá rõ về người được đề cử, ứng cử và có thể dễ dàng đưa ra quyết định lựa chọn của mình. Ngược lại, một số địa phương Nhân dân lại không quan tâm đến việc bầu Trưởng thôn, đa số mỗi hộ gia đình chỉ có một người đại diện hộ gia đình cầm lá phiếu đi bầu cho cả hộ. Hậu quả của thái độ thiếu trách nhiệm trong việc bầu chọn Trưởng thôn rất đáng lo ngại. Những người không có đủ năng lực và phẩm chất để làm việc hiệu quả sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu và mong muốn của cộng đồng. Kết quả là, sự phát triển kinh tế và xã hội của làng quê sẽ gặp phải nhiều thách thức và chậm trễ, gây ra sự tiêu cực và không hài lòng trong cộng đồng. Sự thờ ơ của Nhân dân còn đến từ những nguyên nhân khách quan như quy trình bầu Trưởng thôn tốn nhiều thời gian, việc tổ chức họp dân để bầu Trưởng thôn, rất khó khăn do thiếu địa điểm tổ chức cuộc họp.

Việc huy động nguồn kinh phí đóng góp từ Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, không mang tính chất thường xuyên, liên tục mà phụ thuộc vào điều kiện kinh tế-xã hội, nguồn thu nhập của Nhân dân trên địa bàn. Việc xây dựng các công trình công cộng chưa thỏa đáng với nguyện vọng của Nhân dân và đôi khi chưa phù hợp với đặc thù của vùng DTTS. Việc xây dựng nhà văn hóa cộng đồng không thực hiện theo phong tục của người đồng bào DTTS, nên khi bàn giao nhà thì bà con không coi đó là nhà sinh hoạt cộng đồng. Khi đề cập các công trình công cộng trực tiếp được thực

hiện tại địa bàn thôn, xã mà có huy động nguồn đóng góp từ Nhân dân thì Nhân dân đã cung cấp các thông tin khá cụ thể, chi tiết với vai trò như người trong cuộc, như một nhà đầu tư thật sự. Các số liệu nhận được rất rõ ràng, minh bạch; cách thức triển khai thực hiện công trình được cung cấp khá tường minh bởi nhiều ý kiến khác nhau nhưng thông tin đều có tính chính xác và tính thống nhất tương đối cao. Tuy nhiên, khi được hỏi về việc xây dựng các công trình công cộng do chính quyền địa phương, tỉnh nhà hoặc trung ương đầu tư thì các thông tin nhận được thường không đầy đủ và theo phản ánh chung của Nhân dân thì kết quả thực hiện các công trình này thường không mang lại hiệu quả như mong muốn.

Về phía chính quyền, đội ngũ cán bộ chưa thực sự huy động sự tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến của Nhân dân về việc xây dựng hương ước, quy ước. Theo quy định của pháp luật thì thủ tục trình, thông qua và phê duyệt hương ước hiện nay khá phức tạp. Quy trình này về lý thuyết thể hiện rõ sự chặt chẽ và bài bản trong việc xây dựng hương ước, bảo đảm các hương ước khi được ban hành và tổ chức thực hiện không trái với các quy định của pháp luật và được sự ủng hộ, đồng thuận của Nhân dân cũng như sự đồng tình của các cấp chính quyền, đoàn thể. Tuy nhiên trên thực tế, việc giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định phê duyệt hương ước đã gây ra những khó khăn nhất định.

Nhiều nơi bỏ mặc không hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở xây dựng hương ước. Ở nhiều địa phương, việc xây dựng hương ước vẫn chưa được thực hiện đúng trình tự. Thông thường, một nhóm công chức hành chính sẽ soạn thảo hương ước và đưa ra các địa phương để tiếp tục bổ sung hoặc không thông qua quy trình Hội nghị mà không tôn trọng ý kiến của cộng đồng địa phương. Trong tình huống này, chính quyền cấp xã thường không hoàn thành vai trò của mình trong việc hỗ trợ và hướng dẫn các địa phương như thôn, làng, ấp, bản, cụm dân cư trong việc xây dựng và soạn thảo hương ước. Hơn nữa, họ cũng không báo cáo vấn đề này cho cấp trên để giải quyết những khó khăn xuất phát từ quá trình soạn thảo và xây dựng hương ước. Việc bổ sung quy định hình thức phát phiếu lấy ý kiến cũng có phần hạn chế là các ý kiến

không được trao đổi cụ thể để cùng đi đến kết luận rõ ràng, thống nhất như tại hội nghị, tại cuộc họp.

Các tiêu chuẩn Trưởng thôn chưa cụ thể, khó áp dụng với thực tế. Theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 08/VBHN-BNV, ngày 27/10/2022 thì Trưởng thôn cần phải đáp ứng các tiêu chí sau: phải là người có hộ khẩu thường trú và thường xuyên cư trú tại thôn; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe tốt, tích cực và có tinh thần trách nhiệm trong công việc; phải có phẩm chất chính trị và đạo đức rõ ràng, được sự tín nhiệm của cộng đồng. Trưởng thôn cần làm gương sáng trong việc tuân thủ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cũng như các quy định của địa phương. Ngoài ra, người này phải có trình độ văn hóa nhất định, sở hữu năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết để tổ chức, lãnh đạo và khích lệ cộng đồng cùng tham gia thực hiện tốt các nhiệm vụ tự quản và công việc được giao từ cấp trên.

Thực tế, Ban Công tác Mặt trận thôn rất lúng túng trong việc lựa chọn những người ứng cử do không có tiêu chuẩn đầy đủ, dẫn đến tình trạng đề cử, ứng cử tràn lan khó chọn những người có năng lực thực sự, không tập trung, kết quả bầu không thỏa mãn được nguyện vọng của cử tri, có khi lại không bầu được Trưởng thôn do không đủ 50% tổng số phiếu của cử tri bầu. Quy định về chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm việc thôn chưa thống nhất, chưa phù hợp. Hiện nay, theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 08/VBHN-BNV thì Trưởng thôn, là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn; được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do HĐND cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nhiều ý kiến đánh giá mức phụ cấp theo từng địa phương như vậy là rất thấp khiến cho nhiều cán bộ thôn rơi vào tình cảnh "ăn cơm nhà đi vác tù và hàng tổng". Một số địa phương có điều kiện thu ngân sách, chính quyền đã có chính sách hỗ trợ ở mức cao hơn mức tối thiểu cho cán bộ thôn, nhưng còn nhiều nơi mức hỗ trợ tối thiểu cho cán bộ thôn cũng còn nhiều khó khăn.

3.1.2.3. Hạn chế trong thực hiện những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

Một số Nhân dân vùng DTTS còn ít quan tâm hoặc chỉ quan tâm đến việc tham gia ý kiến về những vấn đề chỉ liên quan đến lợi ích của họ. Trong khi đó, những vấn đề then chốt, như là "kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất, đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, việc quản lý, sử dụng quỹ đất…" [16, Điều 19] thì sự tham gia của Nhân dân còn hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy, những nội dung tham gia ý kiến này chiếm tỉ lệ thấp nhất trong tất cả các nội dung, cụ thể chiếm tỉ lệ lần lượt là 17.4% và 16.7% [Phụ lục 2, Bảng 15].

Có thể thấy rằng, mặc dù chúng ta có cơ sở pháp lý cho sự tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến của Nhân dân vào những vấn đề chung của địa phương, nhưng trên thực tế sự tham gia của Nhân dân vùng DTTS vào những vấn đề này chưa đạt hiệu quả cao. Điều này có thể được giải thích một phần là sự thiếu thông tin minh bạch và có tính một chiều về các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Ngoài ra, ở vùng DTTS mặt bằng dân trí còn tương đối thấp, các trí thức trẻ ít khi trở về xây dựng quê hương mà bám trụ ở thành phố, đa phần là nông dân hoặc buôn bán tiểu thương, manh mún và công việc mưu sinh đã chiếm phần lớn sự quan tâm của họ trong cuộc sống. Ở khu vực đô thị, thực chất thành phần Nhân dân cũng là các nơi khác đổ về sinh sống, làm ăn nên ít có những tâm lý làng, xã, họ hàng dòng tộc và đời sống phát triển hơn nên họ quan tâm đến những vấn đề phát triển cuộc sống hơn, họ quyên góp xây dựng công trình công cộng, xây dựng quy ước chung cho cộng đồng khu phố,.... Do mặt bằng dân trí giữa các bộ phận dân cư ở đồng bằng và miền núi có sự chênh lệch khá lớn, ý thức làm chủ hạn chế, sự hiểu biết về dân chủ, làm chủ và pháp luật chưa được nâng cao; hoạt động giám sát của Nhân dân chưa được coi trọng, nên nhiều Nhân dân ở một số vùng DTTS còn thờ ơ với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Kết quả khảo sát của Nhân dân, họ cũng đồng tình với điều này, có đến 319/480 Nhân dân được khảo sát cho rằng, hạn chế của quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ này là do một bộ phận Nhân dân vùng DTTS còn ít quan tâm hoặc không muốn tham gia vào quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ. [Phụ lục 2, Bảng 21]. Đây là số liệu khảo sát ở mức cao nhất. Trong vài năm gần đây, sự quan ngại của Nhân

dân vùng DTTS về đói nghèo ngày càng gia tăng. Lo lắng về đói nghèo được ưu tiên là mối quan tâm hàng đầu, chứng tỏ một tâm lý bất an trong xã hội. Vấn đề sinh kế đã lấn át vấn đề dân chủ, trong khi dân chủ chính là điều kiện, nền tảng, phương thức để giải quyết vấn đề sinh kế và phát triển. Theo Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội và kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc 2023 tại tỉnh Quảng Nam. Tỷ lệ hộ nghèo DTTS có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao. Nhân dân vẫn còn phải lo lắng về sinh kế và các phương án để thoát nghèo. Nhìn chung nhận thức của Nhân dân về quyền làm chủ đã có sự chuyển biến tích cực, Nhân dân đã có những hiểu biết cơ bản về nội dung Pháp lệnh dân chủ nhưng vẫn còn nhiều khoảng trống, nhất là những đòi hỏi yêu cầu, hiểu biết sâu sắc trên nhiều khía cạnh.

Về phía chính quyền, ở một số địa phương, chính quyền cấp xã chưa thật sự coi trọng việc lấy ý kiến của Nhân dân. Một số nơi tập trung vào thành tích, chỉ tiêu mà quên mất nhiệm vụ quan trọng của chính quyền cấp xã là quan tâm đến quyền và lợi ích của Nhân dân. MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội trong một số cuộc họp tiếp xúc cử tri mang nặng tính hình thức, chưa thực sự là điểm tựa để Nhân dân có thể giải bày ý kiến, bày tỏ quan điểm đối với những vấn đề mà Nhân dân quan tâm. Hình thức tổ chức cho Nhân dân tham gia ý kiến chủ yếu là họp cử tri theo địa bàn thôn và phát phiếu lấy ý kiến cử tri. Hình thức ít được sử dụng nhất là hòm thư góp ý, mặc dù có hòm thư nhưng rất ít Nhân dân sử dụng. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra 67 lượt người lựa chọn trong tổng số 480 người được khảo sát [Phụ lục 2, Bảng 16]. Đây là hình thức tiết kiệm thời gian, kinh phí, nhưng hiệu quả đạt được không cao, bởi thiếu sự tương tác trực tiếp giữa chính quyền với Nhân dân và thực tế thì nhiều Nhân dân không quan tâm đến hình thức này.

Thông qua các buổi tọa đàm, hội thảo, thực hiện lấy ý kiến đối với các nội dung theo quy định của Pháp lệnh dân chủ trong thực tế vẫn chưa đáp ứng được mong mỏi của cả chính quyền lẫn Nhân dân. Thỉnh thoảng, quá trình thu thập ý kiến thiếu sự tập trung, dẫn đến việc lan man. Hiệu quả của các phương thức thu thập ý kiến cũng gặp khó khăn đặc biệt là trong việc tổ chức các cuộc họp với cử tri. Trong thực tế, đôi khi số lượng cử tri hoặc đại diện của hộ gia đình quá lớn mà cơ sở vật chất không đảm bảo. Các hình thức khác chỉ mang tính hình thức...Đối với các vấn đề mà

Nhân dân được yêu cầu đóng góp ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định (như dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã, quy hoạch sử dụng đất chi tiết ở cấp xã, quyết định về đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư...), cần phải kèm theo văn bản giải thích cụ thể, rõ ràng về nội dung của các dự thảo mà cần lấy ý kiến của Nhân dân. Điều này sẽ giúp cho việc đóng góp ý kiến của Nhân dân trở nên hiệu quả hơn vì các dự thảo đó thường mang tính chuyên môn cao, kỹ thuật, và nếu không có sự giải thích sẽ gây khó khăn cho Nhân dân.

3.1.2.4. Hạn chế trong thực hiện những nội dung Nhân dân giám sát

Hoạt động giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng mới chỉ dừng lại ở việc phát hiện chứ chưa có cơ chế, thẩm quyền xử lý, đôi khi những phát hiện, kiến nghị của các chủ thể giám sát lại không được giải quyết kịp thời, vì vậy, không tạo được lòng tin trong Nhân dân và không thu hút được Nhân dân tham gia. Vai trò giám sát của Nhân dân không đòi hỏi phải có tính quyền lực nhưng những kiến nghị của Nhân dân thì cần giải quyết kịp thời. Trong khi đó, phụ cấp cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và Ban thanh tra Nhân dân rất hạn chế, chỉ có tính chất động viên làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và nhiệt tình của những người tham gia giám sát.

Các vấn đề liên quan đến công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại vẫn còn nhiều hạn chế. Cụ thể, việc tiếp công dân định kỳ tại một số nơi chưa tuân thủ đầy đủ quy định của Luật tiếp công dân; quy trình và thủ tục giải quyết khiếu nại ở một số địa phương còn chậm trễ và chưa đúng quy định. Tỉ lệ giải quyết các vụ khiếu nại đạt mức thấp hơn so với yêu cầu đề ra. Hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong chấp hành pháp luật tiếp dân, khiếu nại còn thấp. Cán bộ tham gia xử lý, giải quyết đơn thư, khiếu nại còn lúng túng, nhầm lẫn giữa các loại đơn. Việc đối thoại với công dân ở một số nơi mang tính hình thức. Quyền giám sát thông qua khiếu nại, tố cáo và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã thực sự còn có nhiều bất cập. Việc giải quyết khiếu nại hành chính của dân chưa hiệu quả, xuất phát từ bất cập của hệ thống pháp luật.

Là các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho Nhân dân, các tổ chức này có trách nhiệm thu thập và lắng nghe ý kiến, kiến nghị từ Nhân dân, đồng thời kiến nghị

với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các hội viên của mình. Tuy nhiên, do các tổ chức chính trị - xã hội này đã trở nên "hành chính hóa" và nhận lương từ ngân sách Nhà nước, nên không chỉ im lặng trước chính quyền mà còn không thực hiện vai trò phản biện xã hội, không đứng ra bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên của mình, thậm chí còn lên tiếng bênh vực các hành động trái pháp luật của các quan chức chính quyền địa phương. Thực trạng trên đây còn xảy ra không ít ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng biên giới, ảnh hưởng khá lớn đến việc đổi mới tổ chức và hoạt động của HTCT ở cơ sở. Bên cạnh đó chức năng giám sát của các tổ chức đoàn thể còn khá mờ nhạt, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Chính quyền địa phương chưa quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ; các tổ chức, cá nhân bị phụ thuộc vào chính quyền nên khó có thể độc lập, khách quan; các quy định của pháp luật về quyền giám sát chưa rõ ràng, cụ thể, hầu như không nhận được sự đồng tình nhiều của các cán bộ tổ chức chính trị -xã hội.

Hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng ở một số xã còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ của Nhân dân thông qua hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân đạt hiệu suất thấp, chưa có kế hoạch cụ thể hàng năm; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoạt động còn hạn chế, chưa phối hợp tốt với các nhà thầu và chính quyền địa phương. Do còn có những khó khăn, vướng mắc nhất định trong cơ chế, chính sách nên hoạt động của Thanh tra Nhân dân chưa thực sự phát huy được hiệu quả thiết thực, ở một số nơi có biểu hiện lúng túng; Nhân dân và cán bộ cơ sở ít mặn mà, ngại tham gia đấu tranh, phát hiện các vụ việc. Ban thanh tra Nhân dân hiện vẫn đang đối diện với những hạn chế về năng lực và nguồn lực tài chính. Ở một số địa phương, họ thậm chí phải hoạt động đơn độc mà không nhận được sự hỗ trợ tích cực từ chính quyền.

Thực tế cho thấy, tình trạng khiếu kiện vượt cấp và kéo dài thường xuyên xảy ra, gây ra sự mất đoàn kết nội bộ và ảnh hưởng đến hoạt động tổng thể của địa phương. Điều này thường xuất hiện ở những nơi mà vai trò của Ban thanh tra Nhân dân chưa được đánh giá cao và các mâu thuẫn không được giải quyết kịp thời từ cơ sở. Kinh phí hoạt động thấp, cơ chế hoạt động phụ thuộc cũng là những vấn đề bất cập hiện

nay của Ban thanh tra Nhân dân. Nếu chính quyền không thật sự quan tâm, bản thân các thành viên Ban thanh tra Nhân dân ngại va chạm, ngại đấu tranh, lại không mặn mà với mức kinh phí ít ỏi được nhận thì Thanh tra Nhân dân dễ rơi vào hình thức và không thể tạo được lòng tin trong Nhân dân. Vì vậy, việc hoàn thiện cơ chế toàn dân tham gia giám sát là rất cần thiết để có thể thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực chất là chủ thể đại diện cho Nhân dân, thay mặt Nhân dân giám sát để bảo vệ quyền lợi cho Nhân dân. Tuy nhiên, trong quá trình giám sát, một số thành viên của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng nhận thù lao bồi dưỡng riêng từ chủ dự án, công trình. Điều này là không minh bạch và sẽ không bảo đảm hiệu quả, tính công bằng trong giám sát. Việc nhận thù lao trực tiếp từ chủ công trình, dự án sẽ dẫn đến không khách quan trong việc giám sát, phát hiện các vi phạm để xử lý, ảnh hưởng đến chất lượng giám sát và không đúng với bản chất sự ra đời của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Hạn chế lớn nhất là các thành viên của Ban không có hoặc hạn chế kiến thức chuyên môn về lĩnh vực được giám sát dẫn đến khó hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Một thực tế nữa là, ở nhiều địa phương một người có thể kiêm cả Thanh tra Nhân dân lẫn Giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc đi kèm với một nhiệm vụ khác dẫn đến sự chồng chéo nhất định trong thực hiện công việc. Các văn bản hướng dẫn hoạt động của các Ban vẫn còn hạn chế về mặt số lượng. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có đến 211/480 Nhân dân tại vùng DTTS được khảo sát cho rằng Hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân chưa cao, chưa có kế hoạch cụ thể hàng năm; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoạt động còn hạn chế, chưa phối hợp tốt với các nhà thầu và chính quyền địa phương là hạn chế của quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ [Phụ lục 2, Bảng 21]. Đặc biệt tại địa bàn thị trấn P Rao và thị trấn Thạnh Mỹ, Nhân dân có xu hướng nhận định yếu tố này còn hạn chế cao hơn địa bàn còn lại. Vì đây là địa bàn vùng núi cao, nhiều nơi hoạt động còn mang tính chất hình thức, khó kiểm soát. Công trình dự án thì nhiều, nhưng chất lượng chưa thật sự đảm bảo.

Trong nội dung thực hiện quyền giám sát của mình, Nhân dân sợ liên lụy đến bản thân và tỏ ra mình ở thế yếu so với cơ quan Nhà nước, do đó, họ không biết sử

dụng quyền giám sát để thực hiện đúng những nhiệm vụ theo quy định của Pháp lệnh dân chủ. Một số khác, ở chiều ngược lại, bộ phận Nhân dân lợi dụng dân chủ để khiếu nại, tố cáo không đúng pháp luật, khiếu kiện vượt cấp, gây ra nhiều khó khăn cho các cơ quan có thẩm quyền và ảnh hưởng đến tinh thần đoàn kết, gây mất nội bộ trong Nhân dân và chính quyền địa phương.

3.2. Nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

3.2.1. Nguyên nhân của thành tựu trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

Thứ nhất, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, đặc biệt là vùng DTTS.

Để đạt được những thành tựu lớn trong việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, không thể bỏ qua được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với thực thi pháp luật nói chung, và đối với những khu vực DTTS nói riêng. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, có thể kể đến như sau:

Đối với việc tổ chức đào tạo bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức, Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Đối với chính sách cho người có uy tín, Quyết định 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS, Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh về việc quy định thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định trên; Đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 88/2019/QH14, ban hành ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: 2021-2025…

Các cấp Ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể đã quán triệt sâu sắc nhận thức đầy đủ và toàn diện các quan điểm, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ và thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Qua quá trình khảo sát Nhân dân cho rằng sự chuyển biến tích cực trong hiệu quả hoạt động của HĐND cấp xã, các nghị quyết của HĐND đã sát với thực tế, đời sống Nhân dân được quan tâm; Nhân dân đánh giá cao hoạt động của của UBND là thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; MTTQ và các đoàn thể Nhân dân được tăng cường cả về tổ chức và chất lượng hoạt động, đã thể hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Pháp lệnh dân chủ [Phụ lục 2, Bảng 39]. Điều đó cho thấy được những nỗ lực của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể trong việc quán triệt sâu sắc nhận thức đầy đủ và toàn diện các quan điểm, đường lối của Đảng đã được Nhân dân thừa nhận và đánh giá cao.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện các nội dung Pháp lệnh thực hiện dân chủ đã được các cấp ủy và chính quyền, MTTQ, đoàn thể tiến hành có sự chủ động, sáng tạo phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của từng địa bàn. Nét nổi bật trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo là đã chú trọng chỉ đạo điểm; đi sâu vào nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể những vấn đề mới, khó, vướng mắc trong thực tiễn; vận dụng Pháp lệnh thực hiện dân chủ vào từng lĩnh vực phù hợp với đặc điểm đối tượng và tình hình cụ thể từng địa phương. Nhìn chung, các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể Nhân dân từ cấp tỉnh đến cơ sở nghiêm túc tổ chức phổ biến Pháp lệnh thực hiện dân chủ đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, Nhân dân, ban vận động thôn, làng và các lực lượng nòng cốt trong HTCT ở cơ sở và phổ biến, tuyên truyền đến đông đảo quần chúng Nhân dân, người lao động với nhiều hình thức phong phú.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ và đội ngũ người có uy tín thực hiện công tác tuyên truyền sâu rộng, lắng nghe ý kiến, giải quyết tâm tư nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Đội ngũ cán bộ tuyên truyền, vận động để Nhân dân vùng DTTS ở cơ sở luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công tác giám sát kiểm tra về việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác tháng, quý,

năm của đơn vị. Việc thực hiện nội quy, quy chế cơ quan và việc thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của Nhân dân vùng DTTS. Đội ngũ cán bộ, công chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý đóng vai trò nòng cốt đối với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ từng bước từ công khai nội dung, bàn bạc, quyết định cùng dân, lắng nghe ý kiến từ dân và giám sát. Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng được nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong, lề lối làm việc, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức, văn hóa công vụ. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã là người DTTS chiếm tỷ lệ ngày càng cao. "Theo số liệu thống kê tính đến ngày 31/5/2023, số cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số là 1.108/4.768 cán bộ, công chức cấp xã toàn tỉnh, chiếm tỷ lệ 23,24%" [75, 4]. Điều này thể hiện thành công của chính sách dân tộc, nhất là việc ưu tiên tuyển dụng, bố trí cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số làm việc tại UBND các xã, thị trấn miền núi, vùng cao. Đây chính là lực lượng tiên phong trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước đến người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn.

Cùng với sự đổi mới, cải tiến trong cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, giúp đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng, thì vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức đặc biệt là cán bộ lãnh đạo là rất quan trọng. Ở huyện Nam Giang, "cụ thể, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS tham gia cấp ủy cấp huyện đạt 62,5%. Cán bộ công chức, viên chức cấp huyện là người DTTS đạt 63,48%; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng người DTTS đạt 38,70%; công chức người DTTS công tác tại phòng dân tộc huyện đạt 80%" [111]. Họ là những nhân tố tiên phong, đi đầu trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện dân chủ ở cơ sở. Họ là những người giác ngộ, nhân thức sâu sắc và trực tiếp tuyên truyền đầy đủ, sâu rộng, có mục đích, ý nghĩa của Pháp lệnh thực hiện dân chủ. Nếu không có sự giúp đỡ nhiệt tình, hỗ trợ hết mình, năng nổ của lực lượng cán bộ tại cơ sở thì các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước khó lan tỏa trong đời sống Nhân dân. Họ là nhân tố quan trọng kết nối chính quyền, đoàn thể với Nhân dân trở thành một khối thống nhất không thể tách rời, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự bền bỉ trong tuyên truyền, sự mềm dẻo, linh hoạt trong đối nhân xử

thế, sự cứng rắn không khoan nhượng với hành vi chống đối người thi hành của lực lượng cán bộ tại địa phương sẽ giúp cho Nhân dân có cái nhìn sâu sắc, tường tận và chính xác về những chủ trương, chính sách, kế hoạch của Đảng và Nhà nước thực hiện.

Đội ngũ người có uy tín đóng vai trò quan trọng như cánh tay nối dài của chính quyền trong việc phổ biến pháp luật đến cộng đồng dân cư. Trong những năm qua, họ đã phát huy tối đa vai trò của mình, trở thành lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, họ cũng tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng Đảng, củng cố chính quyền địa phương.

Bên cạnh đó, người có uy tín còn góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân loại bỏ những hủ tục lạc hậu, vốn là rào cản đối với quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở. Họ khuyến khích cộng đồng chung tay xây dựng nông thôn mới, hình thành nếp sống văn hóa tiến bộ; vận động phụ huynh đưa con em đến trường đúng độ tuổi; kêu gọi người dân trong thôn tham gia san nền, tạo mặt bằng cho sân chơi, xây dựng trường lớp và nhà công vụ cho giáo viên tại các khu vực vùng sâu, vùng xa. Đội ngũ người có uy tín trong đồng bào các DTTS tỉnh Quảng Nam đã vận động Nhân dân đóng góp ngày công lao động; hiến đất nông lâm nghiệp để làm đường giao thông, làm mới các công trình phúc lợi, xây dựng nông thôn mới. Người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Quảng Nam còn đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia tổ hòa giải, tổ an ninh. Không chỉ dừng lại ở đó, đội ngũ này còn đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bằng cách vận động cộng đồng DTTS chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng mô hình sản xuất hiệu quả, góp phần thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững.

Thứ ba, Nhân dân vùng DTTS ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội.

Sự phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục và công nghệ đồng thời giúp nâng cao trình độ, chất lượng cuộc sống của Nhân dân, từ đó giúp tăng cường nhận thức và ý thức của Nhân dân về dân chủ và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội. Trong thời gian qua, Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện nhiều cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới hình thức tổ chức phù

hợp với điều kiện môi trường tự nhiên, phong tục, tập quán của người đồng bào DTTS. Thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ trong sản phẩm nông nghiệp nông thôn.

Ngoài ra, triển khai 02 Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, khu vực miền núi, Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, đây chính là nguồn lực quan trọng tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các cơ quan truyền thông đã triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền từ tỉnh đến cơ sở về các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc, cùng với sự nỗ lực vươn lên làm giàu của bà con, đã giúp cho cuộc sống của Nhân dân ngày càng cải thiện. Từ thực tiễn, qua kết quả thu thập thông tin cá nhân của 480 người được khảo sát, có thể thấy rằng mức thu nhập trung bình hàng tháng, hàng năm, các khoản chi tiêu của Nhân dân ngày càng được cải thiện, chất lượng cuộc sống được đảm bảo. Những tiện ích phục vụ cho nhu cầu phát huy quyền làm chủ của Nhân dân như điện thoại, ti vi, vi tính, xe máy…đều trên 50% Nhân dân có phương tiện. Trong đó, 2 phương tiện quan trọng nhất để tiếp cận thông tin là điện thoại và xe máy thì gần 100% Nhân dân khảo sát có sử dụng. Sự phát triển của công nghệ kết hợp với những thành tựu của các kế hoạch kinh tế- xã hội đã giúp cho đời sống Nhân dân không ngừng được nâng cao. Nhân dân có nhiều cơ hội được tiếp cận với thông tin liên quan đến nội dung dân chủ, từ đó mà ý thức được trách nhiệm của mình với cộng đồng và xã hội.

Nhân dân vùng DTTS ngày càng hiểu rõ được quyền lợi và trách nhiệm của mình. Chính điều này giúp cho Nhân dân có sự chủ động tiếp thu thông tin, lắng nghe ý kiến của các cơ quan chức năng. Từ đó, họ khuyến khích cho con em của mình tích cực học tập, nâng cao trình độ. "Trong 5 năm (2018-2022), thực hiện các quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên người DTTS, tỉnh đã cử 1372 học sinh đi học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp ở 32 trường đại học, cao đẳng trong cả nước với hơn 50 ngành, nghề thuộc 07 lĩnh vực đào tạo, đạt 90.8% so với chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo giao" [79, 5]. Kết quả trên cho ta thấy, sự tăng

cường giáo dục cho con em là người DTTS ở vùng sâu, vùng xa, có cơ hội được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và cũng nâng cao nhận thức. Cho nên, họ hiểu hơn về vai trò và tầm quan trọng của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Bởi lẽ, chỉ có tăng cường giáo dục, nâng cao sự hiểu biết thì Nhân dân mới nhận thức về quyền và trách nhiệm trong hệ thống dân chủ; từ đó có thể thúc đẩy họ tham gia tích cực vào các hoạt động chính trị và xã hội. Họ có thể tự tin hơn trong việc thể hiện ý kiến của mình và tham gia vào quyết định liên quan đến cộng đồng và quốc gia. Hiểu biết về dân chủ giúp Nhân dân vùng DTTS nhận ra các vấn đề bất bình đẳng và sự thiếu công bằng trong xã hội. Điều này có thể thúc đẩy họ tham gia vào các hoạt động chính trị, nhằm thúc đẩy các thay đổi cần thiết để giảm thiểu bất bình đẳng.

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

Thứ nhất, những khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên đã làm hạn chế đến việc triển khai và thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Địa hình của tỉnh Quảng Nam rất phức tạp, đồi núi chiếm hơn 3/4 diện tích, phần lớn là đất bị chia cắt, độ dốc lớn. "Cư dân vùng núi cao ở Quảng Nam như Tây Giang, Nam Trà My, Nam Giang thường lập làng trên các sườn núi dốc đứng, đường sá đi lại khó khăn. Ngày nay tập quán sống du canh du cư vẫn tồn tại ở một số nơi. Tại các xã Trà Vân, Trà Tập, Trà Leng... nhiều nóc, bản chỉ có 5 - 7 ngôi nhà, từ trung tâm xã vào tận nóc có khi phải đi bộ cả nửa ngày đường" [57, 446] Cộng đồng người Ca Dong, Xê Đăng, Mơ Nông ở Nam Trà My lâu nay sinh sống phân tán, co cụm ở nhiều địa hình khác nhau, khó tiếp cận các nguồn lực đầu tư bài bản của Nhà nước, đó là rào cản sự phát triển. Trong khi đó, ở huyện Tây Giang với 10 xã thì có 8 xã biên giới giáp với nước Lào. Do địa hình đồi núi cao, có độ dốc lớn, nên trước đây bà con DTTS ở các bản làng thường cư trú phân tán trên những sườn núi cheo leo, đi lại vất vả, đời sống khó khăn, thiếu thốn.

Những năm gần đây, nạn sạt lở núi đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng và tài sản của đồng bào, các thảm họa chết người trong mùa mưa lũ vừa qua ở Nam Trà My, Đông Giang và một số nơi khác. Các khu tái định cư cho đồng bào đã hình thành, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là nơi ở mới phải tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ, tuy nhiên thực tế cho thấy, một số nơi cơ bản đáp ứng được nhu cầu cư trú, sinh

hoạt, giao thông và sản xuất của đồng bào; cũng có nhiều nơi chỉ tập trung đền bù và xây dựng trong khu tái định cư nhưng chọn vị trí bất hợp lý, xa nguồn nước, thiếu đất sản xuất, không lo cho sinh kế của đồng bào… gây ra xáo trộn, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế và phong tục, tập quán của đồng bào DTTS.

Điều kiện vị trí địa lý, địa hình khó khăn, phức tạp, thời tiết miền núi khắc nghiệt, mưa lũ thường xuyên, một số hình thái thời tiết cực đoan xảy ra tại khu vực núi cao và biên giới đã ảnh hưởng lớn đến công tác tuyên truyền, vận động quần chúng của đội ngũ cán bộ, công chức. Việc đi lại, hội họp cũng trở nên khó khăn, mà những thông tin thiết thực gắn liền với lợi ích của Nhân dân thì họ phải tiếp cận thông tin đó một cách trực tiếp nhất. Công tác tuyên truyền pháp luật đến tận thôn, xã vùng biên giới ở một vài nơi còn chưa được sâu rộng, nhận thức của một bộ phận Nhân dân về pháp luật còn rất hạn chế, tình trạng vi phạm pháp luật còn diễn ra. Địa hình của vùng này có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Nam. Khoảng cách xa xôi và điều kiện địa lý hiểm trở là những yếu tố gây khó khăn không nhỏ cho tính hiệu quả của quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS. Tuy nhiên, theo đánh giá từ Nhân dân, nguyên nhân khó khăn về vị trí địa lý không thực sự dẫn đến các hạn chế trong triển khai các thông tin, với chỉ chiếm 6,6% trong số các nguyên nhân mà tác giả đưa ra để Nhân dân lựa chọn [Phụ lục 2, Bảng 22]. Điều này hoàn toàn phù hợp với tinh thần đoàn kết vốn là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, nơi mỗi người luôn biết sẻ chia, đồng lòng vượt qua khó khăn, gian khổ. Sự đoàn kết ấy không chỉ thể hiện ở ý chí kiên cường, mà còn là sự sẵn sàng chịu khó, chịu khổ vì lợi ích chung, đặt tinh thần tập thể và cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân. Nhân dân sẵn sàng đồng hành với Đảng với Nhà nước để thực hiện các chủ trương, chính sách, cùng nhau thực hiện mục tiêu chung "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Thứ hai, hệ thống về điều kiện cơ sở hạ tầng ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam còn yếu kém đã ảnh hưởng đến quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Vùng đồng bào DTTS tại 4 xã được khảo sát là những xã thuộc miền núi cao. Đặc biệt có nhiều xã giáp danh với địa phận nước Lào. Tại đây, cơ sở hạ tầng còn chưa phát triển, cán bộ khó lòng triển khai thông tin các nội dung của Pháp lệnh thực

hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đến với người dân. Quá trình triển khai Pháp lệnh bắt nguồn từ nơi làm việc, trang thiết bị làm việc, hệ thống loa truyền thanh, bảng tin tại trụ sở UBND, nhà sinh hoạt cộng đồng được trang bị ở mức độ tương đối. Đối với vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới thì số lượng còn hạn chế, trang thiết bị cũ kĩ, thô sơ. Vì một số xã vùng sâu, vùng xa, do địa hình đồi núi phức tạp, hạ tầng yếu kém nên chưa có điện lưới quốc gia, (một số xã ở 2 huyện Nam Trà My và Nam Giang chưa có điện) đây là rào cản lớn trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ [Phụ lục 2, Bảng 23]. Một số địa bàn vùng DTTS Quảng Nam gặp khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin. Trong đó, 4 xã thuộc 4 huyện khảo sát đều có tỉ lệ kết nối internet chiếm khoảng 50%. Điều này dẫn đến việc minh bạch thông tin bị gián đoạn, quyền tiếp cận thông tin chưa đồng bộ [Phụ lục 2, Bảng 28].

Bên cạnh đó, hiệu quả của các dự án đầu tư tại miền núi mang lại còn thấp, chưa có các điều kiện hấp dẫn, tạo động lực để thu hút các nhà đầu tư. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa thật sự đồng bộ, hoàn chỉnh, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển trong tình hình mới. Tuy hệ thống giao thông các xã biên giới được quan tâm đầu tư nhưng quy mô công trình nhỏ, chưa đồng bộ (cầu, đường), một số tuyến đường đã bị hư hỏng, xuống cấp; tuy có duy tu bảo dưỡng nhưng do tác động của thiên tai nên việc đi lại trong mùa mưa còn gặp nhiều khó khăn.

Thứ ba, sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa dẫn đến việc truyền tải Pháp lệnh thực hiện dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam gặp nhiều khó khăn.

Vùng dân tộc thiểu số tại tỉnh Quảng Nam là nơi giao thoa của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số khác nhau. Kết quả đặc điểm nhân khẩu này cũng phần nào phản ánh được đặc điểm văn hóa có phần phức tạp của người dân nơi đây. Hơn thế nữa, ở mỗi xã khác nhau, cùng chung một người dân tộc thiểu số nhưng tiếng nói của họ cũng có sự khác nhau. Nhiều cán bộ tuyên truyền không hiểu được tiếng nói của người đồng bào, trong đó có nhiều cán bộ là người Kinh được điều động đến cơ sở không biết ngôn ngữ, không am hiểu về phong tục, tập quán, lối sống, thói quen, tâm lý của bà con, dẫn đến trong công tác tuyên truyền, phổ biến Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn không đạt được hiệu quả như mong đợi, còn có thể gây ảnh hưởng tiêu cực như nhân dân mất niềm tin ở cán bộ. Vì vậy, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Quá trình công khai thông tin, bàn bạc,

tham gia của người dân phải dựa trên sự tương đồng hoặc thấu hiểu về ngôn ngữ, văn hóa. Đây là rào cản rất lớn khiến các cán bộ khó kết nối được với Nhân dân.

Thứ tư, nguồn lực tài chính eo hẹp, hạn chế đến khả năng triển khai cũng như thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Điểm khó khăn lớn nhất của Nhân dân tại vùng DTTS tại tỉnh Quảng Nam chính là khó khăn về kinh tế. Những khó khăn về kinh tế tại các huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam là không thể phủ nhận. Trong điều kiện kinh tế - xã hội ở một số địa phương còn chậm phát triển nên sự hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách cho các hoạt động cộng đồng dân cư còn ít; bên cạnh đó, do thu nhập Nhân dân nhìn chung còn chưa cao nên việc huy động Nhân dân đóng góp để bảo đảm duy trì hoạt động cho các thiết chế phục vụ cho cộng đồng dân cư khó khăn. Do khó khăn về kinh phí hoạt động nên hoạt động của các Ban thanh tra Nhân dân và Ban giám sát đầu tư cộng đồng cũng như thù lao cho cán bộ thôn còn thấp, chưa khuyến khích những người được bầu tích cực hoạt động triển khai các nội dung Pháp lệnh thực hiện dân chủ đến Nhân dân một cách hiệu quả nhất.

Đặc biệt đối với với 2 huyện vùng miền núi cao, vùng biên giới của tỉnh là Nam Giang và Tây Giang thì nguồn lực phân bổ cho các dự án, chương trình, kế hoạch phát triển các xã biên giới còn hạn chế; cụ thể, thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị, chỉ có ngân sách tỉnh hằng năm bố trí 02 tỷ đồng/xã/năm hỗ trợ thực hiện chương trình, chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư của địa bàn biên giới. Trong khi đó, nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn các huyện biên giới còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện, trong đó có khu vực các xã biên giới đất liền.

Ngoài ra, ngân sách hoạt động hiện nay tương đối eo hẹp dẫn đến phương thức tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương, chính sách đến Nhân dân, đặc biệt là đồng bào DTTS còn sơ sài, thiếu tính sáng tạo. Chính vì thế, hiệu quả công tác tuyên truyền ở vùng DTTS tương đối thấp, sự phối hợp giữa cơ quan chính quyền và Nhân dân địa phương chưa cao. Hiện nay, chính sách đãi ngộ với các cán bộ cấp cơ sở, trong đó có đội ngũ cán bộ của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự

tương xứng với công việc họ được giao. Điều kiện để triển khai các hoạt động ở vùng đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn, như kinh phí hoạt động còn ít, thiếu thốn nguồn nhân lực. Do đó, hiệu quả công tác của Mặt trận và tổ chức chính trị - xã hội không cao là điều khó tránh khỏi. Nguồn thu nhập của cán bộ cũng tác động đến việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS so với các vùng khác trong cả nước. Nếu như ở đồng bằng, đặc biệt là thị trấn, thành phố, nguồn thu nhập chính đáng của cán bộ cơ sở có được một phần từ chính Nhân dân bản địa hoặc hoạt động kinh tế trên địa bàn đó, thì ở vùng DTTS, điều này gần như là rất hiếm hoi, thậm chí là không có. Việc không có thu nhập từ địa phương, mà chỉ thuần tuý do tài chính phía trên cấp xuống có thể khiến cán bộ xã, thôn bản vùng DTTS chưa thật sự tận tâm, nhiệt tình hướng dẫn Nhân dân thực hành dân chủ ở cơ sở.

Thứ năm, phẩm chất, năng lực nhận thức và trình độ của một số cán bộ còn hạn chế, chưa đảm bảo đầy đủ những điều kiện nhằm thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Đội ngũ cán bộ ở cơ sở là những người giác ngộ và trực tiếp tuyên truyền đầy đủ, sâu sắc mục đích, ý nghĩa, nội dung Pháp lệnh dân chủ cho Nhân dân. Nhận thức đúng sẽ mở đường cho hành động đúng. Tuy nhiên, trên thực tế trong đội ngũ cán bộ chưa nắm bắt cặn kẽ, chi tiết nội dung Pháp lệnh dân chủ, cho nên chưa nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện Pháp lệnh, dẫn đến quá trình thực hiện còn làm qua loa, hình thức. Khi cán bộ chính quyền chưa hiểu thấu đáo, chưa nắm vững chủ trương của Đảng và Nhà nước thì chất lượng triển khai trong thực tiễn ở địa phương sẽ thấp kém. Mặt khác, trong bối cảnh của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa, đòi hỏi yêu cầu về trình độ của đội ngũ cán bộ ở cấp cơ sở ngày càng cao, nhưng trên thực tế trình độ, năng lực của một bộ phận đội ngũ cán bộ cấp xã chưa bắt kịp xu thế của thời đại và các vấn đề liên quan đến Nhân dân vùng DTTS luôn chứa đựng sự phức tạp, đa dạng, đa chiều.

Trong khi đó, phong cách lãnh đạo, quản lý chưa được đổi mới, một bộ phận cán bộ chưa thực sự gần gũi Nhân dân, ngại kiểm điểm trước dân, chưa đi sâu, đi sát với thực tế, chưa thâm nhập vào quần chúng, chưa tạo điều kiện cho Nhân dân kiểm tra công việc hàng ngày ở cấp xã. Nếu cán bộ không thể tạo mối quan hệ thân thiện,

tương tác với Nhân dân và không hiểu rõ về những gì họ cần gì và muốn gì thì việc thực hiện dân chủ có thể không phản ánh đúng kì vọng ở cơ sở. Dân chủ không chỉ liên quan đến việc lắng nghe ý kiến của Nhân dân mà còn liên quan đến việc đáp ứng và phục vụ nhu cầu của Nhân dân. Nếu cán bộ không thể thể hiện sự tận tâm, sẵn sàng lắng nghe và hết lòng phục vụ Nhân dân, họ có thể bị nhận định là không đáp ứng được nhu cầu và kỳ vọng của cơ sở.

Theo quy định của Chính phủ về tiêu chuẩn đối với cán bộ đang công tác trong các cơ quan, tổ chức ở xã, phường, thị trấn vùng DTTS thì tối thiểu phải có trình độ học vấn là tốt nghiệp trung học phổ thông, về trình độ chuyên môn phải tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc đang đảm nhiệm. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra số cán bộ, công chức trong cơ quan Hành chính của các xã vùng DTTS năm 2019, ở xã Trà Cang và xã A Tiêng, chất lượng chưa đạt tiêu chuẩn về trình độ học vấn, một số cán bộ ở xã chưa tốt nghiệp trung học phổ thông; còn trình độ trên đại học thì chiếm số lượng rất thấp hoặc hầu như không có [Phụ lục 2, Bảng 25]. Vì trình độ còn hạn chế, dẫn đến năng lực nhận thức của đội ngũ cán bộ người DTTS chưa cao, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ cán bộ người DTTS giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện còn ít; một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh chưa có cán bộ, công chức người DTTS; chưa có cơ chế tuyển dụng riêng công chức, viên chức người DTTS, ảnh hưởng đến nguồn cán bộ kế cận; việc sắp xếp, bố trí công tác cho sinh viên hệ cử tuyển chưa kịp thời, có mặt còn bị động; không thực hiện được chủ trương các sở, ban, ngành cấp tỉnh tiếp nhận và hướng dẫn để đào tạo cán bộ người DTTS theo lĩnh vực, ngành, nghề mà địa phương có nhu cầu, sau đó bố trí về lại huyện công tác. Nhiều cán bộ không đúng chuyên ngành nên chưa thể am hiểu sâu sắc về lĩnh vực chuyên môn, nên cũng khó có thể hỗ trợ tốt cho lãnh đạo để phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Ngoài ra, nhiều cán bộ tuyên truyền không hiểu được tiếng nói của người đồng bào, trong đó có nhiều cán bộ là người Kinh được điều động đến cơ sở không biết ngôn ngữ, không am hiểu về phong tục, tập quán, lối sống, thói quen, tâm lý của bà con, dẫn đến trong công tác tuyên truyền, phổ biến Pháp lệnh thực hiện dân chủ không đạt được hiệu quả như mong đợi, còn có thể gây ảnh hưởng tiêu cực như Nhân dân

mất niềm tin ở cán bộ. Vì vậy, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Quá trình công khai thông tin, bàn bạc, tham gia của Nhân dân phải dựa trên sự tương đồng hoặc thấu hiểu về ngôn ngữ, văn hóa. Đây là rào cản rất lớn khiến các cán bộ khó kết nối với Nhân dân.

Thứ sáu, năng lực nhận thức và khả năng thực hiện Pháp lệnh dân chủ của một bộ phận Nhân dân vùng DTTS chưa cao.

Vì nhận thức còn nhiều hạn chế nên dẫn đến khả năng thực hành dân chủ của người đồng bào DTTS ở một số nơi thụ động, họ thờ ơ với đối với các hoạt động của chính quyền địa phương, ít chủ động tham gia đóng góp vào các chủ trương, chính sách được triển khai tại địa phương mình, hầu như chỉ quan tâm tới các chính sách nào liên quan đến lợi ích trực tiếp của họ. Theo đánh giá của Nhân dân tham gia khảo sát, tỷ lệ người cho rằng năng lực nhận thức và khả năng thực hiện Pháp lệnh dân chủ của Nhân dân vùng DTTS chưa cao là nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ với 429/480 người được hỏi [Phụ lục 2, Bảng 22]. Đây là lựa chọn cao nhất trong tất cả nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Có thể nhận thấy được rằng vấn đề mà Nhân dân vùng DTTS quan tâm nhất là vấn đề xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, gia tăng thu nhập, tìm kiếm việc làm…Lo lắng về đói nghèo được xếp đầu tiên trong các mối quan tâm của Nhân dân, đã chứng tỏ một tâm lý bất an trong xã hội. Vấn đề sinh kế lấn át vấn đề dân chủ, trong khi dân chủ chính là điều kiện, nền tảng, phương thức để giải quyết vấn đề sinh kế và phát triển. Phần lớn Nhân dân ở đây quan niệm dân chủ là trách nhiệm mà Đảng và Nhà nước phải thực hiện, nhưng họ quên mất rằng chính Nhân dân thực hành quyền dân chủ của mình thì mới dần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Mặc dù tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS có sự thay đổi, trình độ dân trí đã có nhiều cải thiện nhưng so với mặt bằng chung thì vẫn còn thấp, nhận thức về pháp luật chưa cao nên việc chấp hành các quy định pháp luật còn chưa tốt, một bộ phận dân cư vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Trong nhận thức, nhiều người vẫn còn có thói quen ỷ lại, chờ đợi, quan niệm công việc của thôn, xã là công việc của chính quyền, của Nhà nước. Nhân dân

còn có thái độ thụ động, thiếu tích cực là một vấn đề lớn trong mở rộng, phát huy dân chủ cơ sở, nhất là ở các vùng miền quê hẻo lánh, vùng sâu, vùng xa. Trình độ dân trí một số vùng còn khó khăn cùng với những khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ ở các dân tộc dẫn đến khó khăn trong thực hiện các hoạt động chung. Hiện nay, Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ chưa được triển khai đồng đều thỏa đáng ở vùng sâu, vùng xa, đôi khi có tính hình thức, đối phó. Bên cạnh đó, tác động của tâm lý văn hóa làng, xã đã ăn sâu vào nhận thức và tình cảm của Nhân dân nên có thể gây trở ngại cho việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ, thể hiện qua một số điểm như: Trong việc bàn bạc quyết định những vấn đề liên quan đến lợi ích của cả cộng đồng, một số Nhân dân không nhìn thấy phạm vi tổng quát, toàn diện nên không quyết định được vấn đề, không cân đo được lợi ích ngay tức khắc; nếu tâm lý cục bộ tồn tại ở cấp cán bộ thì khó khắc phục hơn nhiều. Tâm lý cộng đồng làng xã cũng ít nhiều gây ảnh hưởng đến việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ (áp lực trong nhóm người bàn bạc, quyết định, tình trạng phe phái, lợi ích cục bộ, mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp).

3.2.3. Những vấn đề đặt ra trong thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

Thứ nhất, sự bất cập giữa tính khái quát, tính trừu tượng cao của Pháp lệnh dân chủ với nhận thức của Nhân dân vùng DTTS và một bộ phận cán bộ ở cơ sở còn hạn chế.

Ở nước ta để thể hiện quyền làm chủ Nhân dân, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều văn bản trong đó có Pháp lệnh dân chủ do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành năm 2007. Pháp lệnh dân chủ là văn bản quy phạm pháp luật, có tính pháp lý cao nhất so với trước đó. Pháp lệnh dân chủ có tính phổ quát rộng rãi, tính khái quát hóa và trừu tượng hóa cao. Với mong muốn Nhân dân được thể hiện quyền làm chủ của họ cũng như tạo nên sự gắn kết giữa Nhà nước với Nhân dân ở cơ sở. Hiến pháp và Pháp luật Việt Nam đã xác định quyền làm chủ của Nhân dân trong việc tham gia quản lý nhà nước, được thảo luận, bàn bạc những vấn đề quan trọng của quốc gia cũng như từng địa phương. Đó cũng là cơ sở để Nhân dân kiểm tra quyền lực của nhà nước và cũng là phát huy vai trò thực hiện dân chủ của Nhân dân nói chung, thực

hiện Pháp lệnh dân chủ nói riêng. Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi để người Nhân dân sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện vai trò làm chủ bản thân mình và làm chủ xã hội. Pháp lệnh dân chủ bao phủ đến mọi cộng đồng dân tộc của Việt Nam, bao phủ mọi công dân các dân tộc, tức là đảm bảo quyền lực, quyền lợi của mọi dân tộc và mọi Nhân dân. Pháp lệnh dân chủ đã trở thành nét văn hóa thường trực, hình thành nên thói quen của Nhân dân. Khi luật pháp đã trở thành nếp sống của Nhân dân, Nhân dân cảm thấy mình được tôn trọng và góp phần không nhỏ trong việc giữ gìn, xây dựng đất nước. Để lan tỏa tinh thần Pháp lệnh dân chủ, để Pháp lệnh dân chủ luôn thường trực trong đời sống của Nhân dân thì mọi người cần phải có kiến thức cơ bản về nó. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhiều người chưa đủ trình độ để đọc, hiểu và áp dụng chính xác, đầy đủ các nội dung của Pháp lệnh. Đặc biệt, đội ngũ người có uy tín, phần lớn là người cao tuổi, còn gặp khó khăn do chưa biết chữ phổ thông, hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ, dẫn đến lúng túng trong quá trình truyền đạt và triển khai Pháp lệnh đến cộng đồng. Trình độ dân trí ở vùng đồng bào DTTS còn hạn chế, trong khi nhiều văn bản pháp luật có nội dung dài, câu chữ phức tạp, khó tiếp cận, khiến việc thực thi càng trở nên khó khăn hơn. Chính vì vậy, quá trình lấy ý kiến và phản hồi từ Nhân dân diễn ra chậm, gây ảnh hưởng đến tiến độ triển khai của chính quyền địa phương, làm mất nhiều thời gian trong việc thực hiện các kế hoạch đề ra.

Nhân dân là người thụ hưởng các quyền về dân chủ và đội ngũ cán bộ chịu trách nhiệm thi hành Pháp lệnh dân chủ nhưng tất cả phải dựa trên cơ sở của sự hiểu biết, nắm chắc nội dung quy định thì mới có thể thực hiện tốt và đồng thời bảo đảm quyền dân chủ cho Nhân dân. Muốn Nhân dân tiếp cận thông tin thì trước hết, đội ngũ cán bộ, công chức cần phải phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong bà con, hướng dẫn cách thức triển khai thực hiện. Vì vấn đề tiếp cận thông tin về đường lối, chủ trương, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng để Nhân dân ở vùng DTTS thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật là một trong những vấn đề rất quan trọng nhất, cần có sự đồng hành của Đảng và Nhà nước, có những thông tin thuộc bí mật Nhà nước mà Nhân dân không được tiếp cận, có thể dẫn đến sự không hài lòng từ Nhân dân. Thực tiễn đã chứng tỏ rằng khi các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà

nước mà phù hợp với Nhân dân, phản ánh được ý chí, nguyện vọng và khát vọng của Nhân dân thì đường lối, chủ trương đó mới thực sự được hiện thực hóa vào đời sống và trở thành nguồn lực mạnh mẽ.

Nhân dân vùng DTTS quan tâm đến quyền tiếp cận các thông tin trong các lĩnh vực của đời sống, nhất là các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của họ, đồng thời tích cực chủ động tìm hiểu các văn bản pháp luật trong đó có Pháp lệnh thực hiện dân chủ để thực hiện, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, do hạn chế về trình độ nhận thức, ở một số vùng miền núi, biên giới thì còn gặp nhiều khó khăn về tiếp nhận thông tin, vì vậy, việc bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng cho họ là hết sức cần thiết. Chỉ khi nào họ có đầy đủ những kỹ năng cần thiết, khi đó họ mới có thể thực sự làm chủ những hoạt động kinh tế - xã hội nhằm thoát khỏi tình trạng đói nghèo của bản thân. Có thể thấy rằng khi mà Nhân dân được kích thích nhu cầu và có thói quen tìm hiểu cùng với việc làm tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở địa phương thì tất cả mọi người đều có thể tiếp cận được mọi nguồn thông tin cần thiết.

Tính khái quát, tính trừu tượng cao của Pháp lệnh dân chủ đòi hỏi sự tham gia tích cực của mọi Nhân dân và đội ngũ các bộ cấp xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, nhận thức và tinh thần chủ động, trách nhiệm của một bộ phận đội ngũ cán bộ trong HTCT cấp cơ sở và đồng bào các DTTS còn hạn chế.

Đối với đội ngũ cán bộ, những hạn chế như thiếu nguồn lực, chất lượng đào tạo cho cán bộ quản lý cơ sở chưa đảm bảo, sự tương tác giữa cơ quan chức năng và cộng đồng còn yếu, cùng với việc cộng đồng thiếu thông tin và nhận thức đầy đủ về quyền dân chủ đã tạo ra nhiều thách thức trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Đảng và Nhà nước cần quan tâm và củng cố HTCT cơ sở tại các địa phương. Điều này đòi hỏi việc bồi dưỡng và đào tạo cán bộ công chức cơ sở với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng tương tác và làm việc với cộng đồng, cũng như nắm vững kiến thức về pháp luật và quy định liên quan đến dân chủ. Đội ngũ cán bộ công chức cơ sở cần được khuyến khích và đào tạo để có tinh thần trách nhiệm với Nhân dân. Họ cần tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia vào quản lý, giám sát các hoạt động cơ sở và đưa ra ý kiến, phản ánh. Điều này giúp củng cố lòng tin và tương tác tích cực

giữa cán bộ và Nhân dân. Đảng và Nhà nước cần thúc đẩy việc thực hiện các biện pháp và chính sách để tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia vào quá trình ra quyết định về các vấn đề quan trọng của địa phương. Quyền tham gia, đóng góp ý kiến và kiểm tra, giám sát các hoạt động của cơ quan chức năng là cơ sở để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Và cũng không phải cán bộ nào cũng có thể ứng dụng mạng xã hội, phương tiện kĩ thuật số thuần thục cho việc tuyên truyền, vận động tới Nhân dân. Trong đó, phải kể đến đội ngũ người có uy tín. Và cũng không phải mọi địa phương đều có đầy đủ các tiện nghi như loa đài, truyền thanh, truyền hình, internet để phục vụ cho công tác tuyên truyền. Vai trò của chính quyền địa phương thể hiện tính chất đặc thù của HTCT ở cơ sở. Tăng cường hơn nữa vai trò của chính quyền cơ sở nhằm phát huy dân chủ ở cơ sở là yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay; trong đó cần đảm bảo: Một là, chính quyền phải đủ mạnh, thể hiện đầy đủ quyền lực của mình trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó; hai là, chính quyền phải có sự mềm dẻo, linh hoạt trong tiếp xúc, làm việc với Nhân dân là những người luôn bị chi phối bởi các quan hệ cộng đồng truyền thống, nhằm đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi đa dạng của mỗi Nhân dân, mỗi dòng họ, mỗi thôn làng sao cho vừa đúng pháp luật, vừa phù hợp với truyền thống và điều kiện của mỗi địa phương, mỗi tộc người. Nhân dân địa phương là những người trực tiếp thụ hưởng Pháp lệnh thực hiện dân chủ, họ cũng sẽ có những đánh giá dựa trên trải nghiệm thực tiễn về những chương trình, hoạt động đó.

Vấn đề năng lực cán bộ cấp cơ sở cũng là một vấn đề rất đáng chú ý trong nâng cao hiệu quả thực hiện quyền thảo luận và quyết định của Nhân dân vùng DTTS. Cán bộ không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn thì sẽ không thực hiện được các nhiệm vụ chính trị cũng như nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Như đã trình bày, Nhân dân vùng DTTS có xu hướng tham gia đóng góp ý kiến cho những vấn đề thiết thực đối với cuộc sống của họ hơn là những vấn đề chung của địa phương. Nguyên nhân không phải do sự hạn chế về trình độ nhận thức của họ, mà phần lớn là bởi họ không có nhiều thông tin về những vấn đề ấy. Có những trường hợp Nhân dân thiếu thông tin, không phải vì không được phổ biến, mà bởi ngay cả khi được phổ biến, họ cũng không thấy được sự liên quan của mình ở trong đó. Theo đó, vấn đề mấu chốt nằm ở chỗ, Nhân

dân chỉ thực sự tham gia một cách tích cực vào việc thảo luận, bàn bạc về những vấn đề chung của địa phương khi họ thấy được mối liên hệ giữa những vấn đề chung ấy với những vấn đề riêng của cá nhân và gia đình họ. Ở đây, chúng ta thấy vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở. Họ là cầu nối giữa Nhân dân với chính quyền, là những người đưa chính sách đến với Nhân dân, nếu họ nắm chắc chủ trương, chính sách, có năng lực truyền đạt cho Nhân dân một cách đầy đủ, rõ ràng, chỉ ra được những ảnh hưởng của chính sách đến đời sống của Nhân dân, thì sự tham gia của Nhân dân sẽ tích cực hơn. Để nâng cao hiệu quả thực hiện Pháp lệnh dân chủ, Đảng và Nhà nước cần quan tâm hơn đến chế độ đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ. Tiền lương hiện tại quá thấp khiến nhiều cán bộ thiếu sự nhiệt tình trong công việc. Mặc dù có tìm hiểu về Pháp lệnh dân chủ, nhưng họ chưa nghiên cứu sâu do thiếu kiên trì và tinh thần học hỏi. Phần lớn họ chỉ thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo từ cấp trên. Vấn đề về chế độ đãi ngộ còn hạn chế nên một số cán bộ chưa có sự nhiệt tình, cho nên họ cũng không tha thiết trong việc chịu khó học hỏi để nâng cao trình độ.

Đối với Nhân dân vùng DTTS, trong bối cảnh của thời đại cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại cùng với đời sống vật chất của Nhân dân ngày càng gia tăng không ngừng thì sự hỗ trợ về phương tiện truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin thì việc tiếp cận càng thông tin, kiến thức luôn là một xu thế tất yếu của thời đại. Không phải tất cả mọi Nhân dân nơi đây đều có đủ điều kiện, sắm sửa các phương tiện kĩ thuật số như điện thoại, máy tính xách tay… Ngày nay, khoa học công nghệ ngày càng phát triển, đòi hỏi Nhân dân phải ngày càng thích nghi, có năng lực sử dụng phương tiện hiện đại, nhưng vì những lý do khách quan cũng như chủ quan đã làm hạn chế sự tham gia thực hiện Pháp lệnh dân chủ của Nhân dân. Ngoài ra, với Nhân dân ở vùng DTTS, điều kiện đi lại khó khăn, địa hình hiểm trở, cư dân sống phân tán thì việc tiếp cận các thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước gặp nhiều khó khăn.

Để thực hiện quyền làm chủ của mình thì Nhân dân không chỉ có quyền làm chủ mà phải có năng lực làm chủ, mà năng lực đó xuất phát từ sự nhận thức của Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cho rằng: “Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công

cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ" [38, 40]. Tuy nhiên, một số người cao tuổi, Nhân dân thuộc các dân tộc ít người, vùng đặc biệt khó khăn còn không biết chữ phổ thông để có thể đọc văn bản. Cho nên, người DTTS thiệt thòi trong việc tham gia quá trình làm chủ bản thân, làm chủ xã hội. Theo kết quả điều tra số người DTTS phân theo đơn vị hành chính cấp huyện, thời điểm 1/4/2019 thì tình trạng chưa bao giờ đi học ở huyện Tây Giang là 2005/16084 (chiếm 12.4%); huyện Đông Giang là 2383/17671 (chiếm 13.4%); huyện Nam Giang là 1626/18506 (chiếm 8.7%) và huyện Nam Trà My là 2889/24715 (chiếm 11.6%) [Phụ lục 2, Bảng 26].

Cho nên để mọi việc trở nên thuận lợi, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ có trở nên thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào năng lực thực hiện quyền của Nhân dân. Để làm được điều đó, chúng ta cần tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và dân trí cho Nhân dân. Một khi Nhân dân không còn vướng bận chuyện mưu sinh, đời sống kinh tế được đảm bảo thì họ sẽ có khả năng tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến cũng như giám sát, kiểm tra hiệu quả hơn. Mặt khác, để có thể tham gia đóng góp ý kiến cũng như trực tiếp giám sát hoạt động của cơ quan chính quyền liên quan đến các công trình xây dựng, Nhân dân cũng cần phải được trang bị các kiến thức nhất định. Do đó, cần thiết phải tiến hành tập huấn cho Nhân dân tham gia vào các Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng để nâng cao hiệu quả thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Người DTTS thường có ngôn ngữ và văn hóa riêng, khác với ngôn ngữ và văn hóa chính thống của quốc gia. Việc thông tin và tài liệu được cung cấp bằng ngôn ngữ mà họ không hiểu hoặc không thuộc về văn hóa của họ có thể gây khó khăn trong việc tham gia. Các cộng đồng người DTTS thường có thể địa lý xa rời, khó tiếp cận và giao tiếp. Chính quyền địa phương cần tạo ra các cơ hội tiếp cận thông tin và quy trình tham gia, cùng với việc hỗ trợ về giao thông và vận chuyển. Ở một số địa phương vẫn còn nhiều khó khăn trong việc thực hiện quyền tham gia của người DTTS vào quá trình ra quyết định và giải quyết các vấn đề cộng đồng. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần tạo điều kiện thuận lợi cho người DTTS tham gia vào quá trình ra quyết định cùng với giải quyết các vấn đề cộng đồng và luôn đảm bảo công bằng trong quá trình thực hiện. Việc

tăng cường tham gia các lớp tập huấn, học tập chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người DTTS sẽ tạo điều kiện để họ tiếp cận, nắm bắt thông tin, tạo sự chủ động trong quá trình tham gia quyết định và giải quyết các vấn đề cộng đồng. Tuy nhiên, tại một số khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, Nhân dân còn nhiều khó khăn nên việc tiếp cận các thông tin mới thông qua các kênh mạng xã hội là hạn chế. Do đó, đòi hỏi có những phương án tăng cường hiệu quả việc tiếp cận thông tin khác phù hợp với vùng DTTS.

Thứ hai, sự bất cập giữa trình độ dân chủ cao được quy định trong Pháp lệnh dân chủ với điều kiện kinh tế - xã hội vùng DTTS tỉnh Quảng Nam còn thấp kém.

Những nội dung cơ bản trong Pháp lệnh dân chủ quy định quyền làm chủ, quyền tự quyết của nhân dân về những vấn đề thuộc đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở cơ sở, bao gồm quyền được biết, được bàn và quyết định, được tham gia ý kiến, được giám sát. Những nội dung đó thể hiện trình độ dân chủ cao trong xã hội, bảo đảm dân là chủ, dân làm chủ. Tuy nhiên, trình độ dân chủ cao đó có là hiện thực hay không, đòi hỏi phải có điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở vật chất- kỹ thuật tương ứng. Quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện đang có sự bất cập giữa trình độ dân chủ cao được quy định trong Pháp lệnh với điều kinh tế - xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nhiều khó khăn, hạn chế đến thực thi quyền làm chủ của nhân dân.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật để phục vụ cho việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam gồm hệ thống giao thông, phương tiện truyền thông, hệ thống tài liệu, địa điểm. Đây là những yếu tố có vai trò quan trọng, quyết định hiệu quả việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ trên địa bàn các DTTS tỉnh Quảng Nam nói riêng và cả nước nói chung. Đặc điểm cư trú của đồng bào vùng DTTS tỉnh Quảng Nam là phân tán, không tập trung, vậy nên, so với khu vực tập trung đông người, thì yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ lại cao hơn. Trong khi điều kiện kinh tế của bản thân đồng bào các DTTS còn hạn chế, chưa chủ động trong chuẩn bị trang thiết bị cần thiết cho cuộc sống cũng như thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Vậy nên, gần như cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết liên quan đến thực hiện Pháp lệnh dân chủ đều phụ thuộc vào sự đầu tư của chính

quyền các cấp, nhất là cấp xã, phường, thị trấn - cấp liên quan trực tiếp đến cuộc sống của Nhân dân.

Thực tế, đồng bào các DTTS tiếp cận được thông tin nhanh chóng bằng việc họ trực tiếp đến trụ sở UBND, hoặc thông qua công tác tuyên truyền, cập nhật mạng xã hội, bản tin điện tử... Tuy nhiên, con đường từ nhà dân đến trụ sở UBND, nhà văn hóa thường khá xa, phương tiện đi lại còn thô sơ. Dưới tác động của thiên tai vào mùa mưa lũ, nhiều đoạn đường thường xuyên bị hư hỏng, xuống cấp, việc đi lại của quần chúng Nhân dân và cán bộ càng trở nên khó khăn. Các hoạt động tuyên truyền thông qua các hình thức sinh hoạt chính trị (hội thi, hội thảo, toạ đàm*...)*, hoặc tuyên truyền bằng các phương tiện trực quan (khẩu hiệu, panô, áp phích, tranh ảnh…), tổ chức hội nghị quán triệt; phổ biến trong các cuộc sinh hoạt chi bộ, đoàn thể; thông qua các hội nghị báo cáo viên, giao ban; sinh hoạt chuyên đề, lồng ghép các buổi sinh hoạt chi bộ, thôn, làng; tuyên truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố; trạm truyền thanh các xã, phường, thị trấn không được tổ chức thường xuyên. Mặt khác, công tác tuyên truyền còn gặp khó khăn về tài liệu, do vùng DTTS chưa có hệ thống thư viện, nếu có thì hệ thống thư viện thì còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp tài liệu đến toàn dân vùng DTTS ở đây.

Vùng DTTS là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa nên việc giao lưu giữa cán bộ với Nhân dân, giữa bà con dân bản với nhau cũng bị hạn chế. Những buổi sinh hoạt tập thể để nghe phổ biến chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục cũng như tham gia bàn bạc, góp ý với chính quyền ở làng, bản cũng chưa hiệu quả, chưa thu hút được đông đảo Nhân dân. Do khoảng cách và điều kiện đi lại không thuận tiện, nên trí tuệ của tập thể quần chúng Nhân dân chưa khai thác triệt để.

Thời đại của cách mạng khoa học công nghệ thì việc sử dụng mạng xã hội (zalo, facebook...), cổng thông tin điện tử, bản tin cũng trở nên phổ biến và các tài khoản trên mạng xã hội giúp cho Nhân dân nắm bắt kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và địa phương, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân ở cơ sở. Tuy nhiên, một số địa

bàn thuộc các xã ở vùng miền núi cao, vùng biên giới còn chưa có điện, vì vậy việc sử dụng mạng xã hội chưa trở nên phổ biến [Phụ lục 2, Bảng 23].

Trụ sở UBND vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay thường được xây dựng đã lâu, nhà cửa xuống cấp, diện tích hạn hẹp, thiết kế cũ, phòng tiếp dân chưa thật khang trang, rộng rãi, hệ thống truyền thanh chưa được hiện đại hoá. Ở một số địa phương không có nhà sinh hoạt hội họp chung, mà dựa vào nhà dân hoặc mượn cơ quan, trường học để sinh hoạt cộng đồng. Tỉ lệ lấp đầy các thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng ở huyện Tây Giang mức thấp, cụ thể xã Chơm 2/7 thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng, chiếm 28.6% [Phụ lục 2, Bảng 24]. Điều này, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai các nội dung Pháp lệnh thực hiện dân chủ.

Hiện tại, một số địa phương vùng DTTS đang sử dụng một cách triệt để các cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện sẵn có của làng, bản, như: hệ thống loa phát thanh, sân thể thao, câu lạc bộ, trung tâm văn hóa. Do điều kiện kinh tế miền núi còn hạn chế và đất đai xây dựng có mặt bằng hẹp nên cũng quy định việc sử dụng cơ sở vật chất hiện có ở địa phương. Đối với các địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như Hội trường, Trung tâm học tập cộng đồng, nhà Rông, nhà Dài, nhà sinh hoạt cộng đồng.

Vùng DTTS sử dụng khu đất trống giữa làng có thể dùng làm nơi sinh hoạt văn hóa - thể thao. Các dân tộc Ca Dong, Cor, Giẻ-Triêng có thể khôi phục lại các công trình kiến trúc công cộng cổ truyền như Rông, Ưng… để làm nơi sinh hoạt văn hóa - thể thao cho cộng đồng. Mặt khác, bản thân những người được giao phụ trách đài truyền thanh cũng cần tự đào tạo, học hỏi, tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ, vận hành, khai thác hiệu quả hệ thống thiết bị đầu tư để phục vụ tốt hơn công tác tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp. Đề xuất, kiến nghị chính quyền cấp trên dành kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho công tác tuyên truyền. Để nâng cao nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền cũng như mức hưởng thụ thông tin của Nhân dân các dân tộc, rất cần sự chung tay góp sức

của các ngành, các cấp để đầu tư cơ sở vật chất phát triển hệ thống đài truyền thanh đến các xã vùng sâu, vùng xa biên giới của huyện. Đảm bảo hiện đại hóa hệ thống truyền thanh cơ sở theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, đảm bảo thao tác vận hành, quản lý hệ thống đơn giản, dễ bảo trì, phù hợp với trình độ kỹ thuật của cán bộ địa phương.

Ở vùng DTTS và miền núi, đặc biệt các xã vùng biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội thấp hơn so với mặt bằng phát triển chung, cơ sở hạ tầng còn chưa phát triển, cán bộ khó triển khai thông tin các nội dung của Pháp lệnh thực hiện dân chủ đến với Nhân dân. Sản xuất nông nghiệp ở khu vực miền núi, biên giới tuy là ngành chủ đạo, nhưng còn rất manh mún, tự phát, chưa hình thành vùng sản xuất tập trung dẫn đến sản lượng, năng suất cây trồng, con vật nuôi hiệu quả thấp; chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp chưa rõ nét, sản phẩm nông nghiệp mang tính tự cung tự cấp còn phổ biến; chưa áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn hàng hoá, nhất là hàng hoá xuất khẩu, chưa quan tâm xây dựng thương hiệu sản phẩm và hình thành chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ.

Bên cạnh đó, hiệu quả của các dự án đầu tư tại miền núi mang lại còn thấp, chưa có các điều kiện hấp dẫn, tạo động lực để thu hút đầu tư. Địa bàn cư trú cũng ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Nhân dân vùng DTTS. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa thật sự đồng bộ, hoàn chỉnh, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển trong tình hình mới. Tuy hệ thống giao thông các xã biên giới được quan tâm đầu tư nhưng quy mô công trình nhỏ, chưa đồng bộ (cầu, đường), một số tuyến đường đã bị hư hỏng, xuống cấp; tuy có duy tu bảo dưỡng nhưng do tác động của thiên tai nên việc đi lại trong mùa mưa còn gặp nhiều khó khăn, chưa tạo được tiền đề cơ bản cho khai thác, phát triển kinh tế biên giới quy mô lớn, hạ tầng chợ biên giới chưa được đầu tư.

Theo rà soát sơ bộ hộ nghèo "đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 436.310 hộ, trong đó, hộ nghèo có 33.127 hộ, chiếm 7,59%, hộ cận nghèo 8.202 hộ, chiếm 1,88%; trong đó: huyện Tây Giang có 5.415 hộ (hộ nghèo 3.581 hộ, tỷ lệ 66,13%, hộ cận nghèo 61 hộ, tỷ lệ 1,13%); huyện Nam Giang có 7.230 hộ (hộ nghèo 3.644 hộ, tỷ lệ 50,40%, hộ cận nghèo 87 hộ, tỷ lệ 1,20%)" [75, 2]. Giáo dục, y tế còn thiếu và yếu,

chưa đáp ứng kịp nhu cầu của Nhân dân, tại những huyện có DTTS sinh sống tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống chưa được xóa bỏ triệt để; tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp cần phải giải quyết; khó khăn về vị trí địa lý, do đó các huyện miền núi chưa thu hút được đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế, xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ,...Những khó khăn trong chính sách kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh đã tạo nên khó khăn, rào cản trong việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong đời sống Nhân dân.

Thứ ba, sự bất cập giữa yêu cầu về sự đoàn kết và tính đồng thuận cao của Pháp lệnh dân chủ với sự phối kết hợp chưa chặt chẽ của các chủ thể trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Để dân chủ là giá trị mang tính phổ quát, phải có sự đồng thuận cao trong xã hội. Bởi vì tự do dân chủ là một phần của quyền tự do của con người nói chung, và thực hiện các quyền dân chủ là một phần quan trọng của cuộc sống tốt đẹp của các cá nhân với tư cách là xã hội. Tham gia dân chủ có giá trị nội tại vì cuộc sống và hạnh phúc của con người. Bị ngăn cản tham gia vào đời sống dân chủ của cộng đồng là một thiếu thốn rất lớn. Đối với Nhân dân, việc tham gia dân chủ là quan tâm tới cách làm thế nào để tăng cường hành động của Nhân dân và nâng cao chất lượng sự tham gia của Nhân dân, mở rộng vai trò của Nhân dân vượt ra ngoài phạm vi đơn thuần chỉ là nhu cầu của họ. Cho nên việc thực hiện dân chủ còn là trách nhiệm của Nhân dân, đòi hỏi cần sự đồng hành của Nhân dân.

Để Pháp lệnh dân chủ thực sự đi vào cuộc sống đòi hỏi sự đồng thuận cao giữa các chủ thể trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Sự đồng thuận đó thể hiện ở sự đồng thuận trong Nhân dân, đồng thuận trong đội ngũ cán bộ cơ sở, đồng thuận giữa đội ngũ cán bộ với Nhân dân, đồng thuận giữa cấp cơ sở với cấp huyện, cấp quận, cấp tỉnh là nguyên nhân quan trọng góp phần thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh dân chủ. Nếu không có sự đồng thuận, ủng hộ và tham gia chủ động, tích cực của các chủ thể thì việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay khó mà đạt được kết quả cao. Việc tham gia tích cực của các chủ thể có thể giúp đảm bảo rằng những quyết định được đưa ra không bỏ lỡ quyền

lợi của người DTTS, tạo lòng tin trong cộng đồng người DTTS và tạo ra tương tác tích cực giữa chính quyền và cộng đồng. Điều này làm cho việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ trở nên hiệu quả hơn.

Sự đồng thuận trong Nhân dân được thể hiện khi dân chủ ngày càng được mở rộng, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân được bảo đảm, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ sẽ góp phần quan trọng tạo sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư cơ sở, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư ở cơ sở chỉ có thể đạt được khi tất cả Nhân dân đều được tiếp cận thông tin một cách đầy đủ, minh bạch và có cơ hội tham gia vào quá trình thảo luận, biểu quyết, đưa ra quyết định. Bên cạnh đó, việc tạo điều kiện để Nhân dân đóng góp ý kiến, trao đổi quan điểm về các vấn đề quan trọng của địa phương, đặc biệt những nội dung liên quan trực tiếp đến quyền lợi và lợi ích của họ, cũng đóng vai trò thiết yếu trong việc xây dựng sự đoàn kết và thống nhất trong cộng đồng. Đồng thuận trong công đồng dân cư là cơ sở, là động lực thúc đẩy Nhân dân hăng hái tham gia phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương. Kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển lại là nền tảng để giữ vững an ninh chính trị, duy trì trật tự, an toàn xã hội ở vùng DTTS.

Sự đồng thuận giữa cấp cơ sở với cấp huyện, cấp quận, cấp tỉnh được thể hiện trong sự phối kết hợp giữa các cấp với nhau thường xuyên tổ chức chia sẻ, sáng tạo trong công tác tuyên truyền, vận động ở vùng đồng bào DTTS với nhiều nội dung, hình thức phong phú. Sự phối hợp cùng nhau để tổ chức lấy ý kiến của Nhân dân, tổ chức thực hiện những vấn đề dân bàn, dân quyết định trực tiếp. Công tác tuyên truyền, thông tin thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội trong vùng DTTS được các cấp huyện, cấp quận, cấp tỉnh đẩy mạnh về cấp cơ sở. Để tăng cường quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn của tỉnh, UBND tỉnh ban hành quy định về mối quan hệ công tác giữa Ban dân tộc với các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Đó là Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam Quy định quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quản lý Nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Điều này đã phát huy tốt trách

nhiệm của Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong thực hiện công tác tham mưu, thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh nhà. Các ngành và địa phương thường xuyên đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết các khiếu nại của Nhân dân, để Nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình. Ngoài ra, các cơ quan ban ngành, đoàn thể có sự sắp xếp, củng cố tổ chức bộ máy cơ quan, phân công cán bộ theo dõi công tác dân tộc ở những địa phương có đông người DTTS, càng làm cho việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ càng trở nên công khai, minh bạch.

Sự đồng thuận giữa đội ngũ cán bộ đặc biệt là người đứng đầu chính quyền với Nhân dân được thể hiện qua công tác tiếp công dân, đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền gắn liền với các công tác chỉ đạo giải quyết những vấn đề thắc mắc, bức xúc của Nhân dân được xem như là nhiệm vụ hàng đầu. Tất cả các cơ quan ban ngành, đoàn thể, từ sở cho đến địa phương thường xuyên tăng cường các công tác theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chế độ đón tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu chính quyền các cấp, thủ trưởng các đơn vị cơ quan. Qua tiếp xúc với công dân, đặc biệt là người đồng bào DTTS, người đứng đầu chính quyền các cấp đã tiếp nhận nhiều ý kiến phản ánh, kiến nghị liên quan đến đất đai như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định canh, định cư, tranh chấp đất đai trong cộng đồng dân cư, ở các thôn trên các địa bàn. Nhờ có sự tích cực, năng nổ, nhiệt tình của đội ngũ cán bộ cơ sở đã tổ chức đối thoại, hòa giải, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của Nhân dân càng làm cho dân thêm tin yêu chính quyền, tạo sự đồng thuận, càng phát huy tính chất dân chủ cho Nhân dân.

Sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ cơ sở thể hiện trong các công tác triển khai, tổ chức, thực hiện Pháp lệnh dân chủ từ xã, phường, thị trấn đến khu phố. Có thể khẳng định, Pháp lệnh thực hiện dân chủ nhanh chóng đến được với Nhân dân thì yếu tố quan trọng là phải tạo sự đồng thuận cao, chuyển biến mạnh mẽ từ cơ sở; mà điều đó lại phụ thuộc rất nhiều ở nhân tố quyết định là đội ngũ cán bộ. Đội ngũ cán bộ cơ sở trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, thì họ cùng nhau thảo luận,

bàn bạc dựa trên tinh thần dân chủ để đi đến thống nhất triển khai, tổ chức cho Nhân dân thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Thông qua quá trình bàn bạc, cởi mở, trao đổi thẳng thắn, dân chủ, đã có tác động lan tỏa đến toàn thể cộng đồng dân cư, tạo nên sức mạnh thống nhất nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân giao phó. Đánh giá đúng vai trò, tầm quan trọng của những cán bộ ở cơ sở, tỉnh nhà đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở; đồng thời tăng cường công tác gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, cấp huyện với đội ngũ cán bộ cấp cơ sở nhằm nắm bắt được nội tại từng cơ sở và nhu cầu, mong muốn, cũng như khó khăn để giải quyết, tạo sự đồng thuận trong thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Tuy nhiên, thực tiễn quá trình triển khai tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ cho thấy, sự phối kết hợp giữa các chủ thể thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay chưa chặt chẽ. Ở một số nơi, các chủ thể chưa nắm được thông tin đầy đủ về nội dung và quy trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Điều này có thể dẫn đến sự bất đồng về cách thức triển khai, gây ra sự hiểu lầm và tạo ra rào cản trong quá trình phối hợp kết hợp giữa các chủ thể: giữa Nhân dân, giữa cán bộ với Nhân dân, giữa các tổ chức trong HTCT cấp cơ sở, giữa HTCT cấp cơ sở với các cấp trên. Nếu không có sự phân công rõ ràng về trách nhiệm và vai trò của từng chủ thể trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ, việc phối hợp có thể gặp khó khăn. Ai sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức cuộc họp, lắng nghe ý kiến, và đảm bảo quy trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ được thực hiện đúng cách? Nếu các chủ thể chưa thấy sự quan trọng và giá trị của dân chủ, họ có thể thực hiện một cách hời hợt. Vị trí, vai trò của từng chủ thể trong việc phối kết hợp, triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS còn mang tính chất chung chung, nặng về hình thức, thiếu kế hoạch cụ thể nên chưa thể phát huy hết vai trò của từng cá nhân, tập thể.

Mặt trận, đoàn thể các cấp còn lúng túng trong việc phát huy vai trò giám sát, phản biện. Công tác phối hợp thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở giữa các tổ chức trong HTCT còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là công tác phối hợp giữa chủ thầu, nhà đầu tư xây dựng các dự án với chính quyền cấp cơ sở và Ban giám sát đầu tư cộng đồng của địa phương trong việc cung cấp thông tin các dự án nên công tác kiểm tra, giám sát các công trình, dự án vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Mối quan hệ phối hợp giữa

các tổ chức trong HTCT, đội ngũ cán bộ và với tổ chức là Ban thanh tra Nhân dân còn chồng chéo, chưa rõ ràng. Bên cạnh những địa bàn mà hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phía chính quyền thì vẫn có những địa bàn mà ở đó, Ban thanh tra Nhân dân không nhận được sự đồng thuận và ủng hộ từ các HTCT cấp cơ sở. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân mà nguyên nhân quan trọng nhất xuất phát từ nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về tính chất, vị trí, vai trò của Ban thanh tra Nhân dân.

Có những quan điểm còn cho rằng, mục đích của Ban thanh tra Nhân dân là tìm ra lỗi hoặc giám sát chính quyền một cách tỉ mỉ, kĩ lưỡng nên tỏ thái độ bất hợp tác. Có nơi thì xem nhẹ vai trò của Ban thanh tra Nhân dân, hoặc xem Ban thanh tra Nhân dân cũng chỉ như là công cụ của chính quyền, hoặc cho rằng, nếu có giám sát các công trình xây dựng thì Ban thanh tra Nhân dân cũng không nên đi sâu, quan tâm nhiều đến các vấn đề về các giải pháp kỹ thuật của các công trình xây dựng, vì đã có các Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ này. Có nơi thì hiểu chưa đúng tính chất hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân, lo ngại nếu Ban thanh tra Nhân dân giám sát chặt quá các chủ đầu tư sẽ không đến nữa, vì vậy, xuất hiện tâm lý chấp nhận chất lượng công trình kém. Bên cạnh đó, việc giám sát giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân do Ban thanh tra Nhân dân chuyển đến các cơ quan chức năng còn bị xem nhẹ, ít được quan tâm giải quyết, hoặc nếu có giải quyết thì kéo dài thời gian. Mặt khác, việc thiếu hợp tác không chỉ từ phía chính quyền mà nhiều lúc còn từ phía Ban quản lý dự án và nhà thầu xây dựng.

Điều 3, trong nội dung Pháp lệnh thực hiện dân chủ có chỉ định trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã là "Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã" [16, Điều 3]. Tuy nhiên, sự phối hợp của các tổ chức trong HTCT ở cơ sở chưa bảo đảm sự chặt chẽ, nhịp nhàng. Sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên đối với HTCT cấp cơ sở chưa cụ thể, không có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Nhân dân chưa nhận thức được đầy đủ tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ nên không quan tâm, thờ ơ làm cho trách nhiệm của HTCT cơ sở chưa đạt được

mục tiêu đặt ra. Trình độ dân trí, nhận thức về pháp luật của Nhân dân đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa chưa đồng đều nên việc phát huy dân chủ để Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền còn hạn chế. Ban Nhân dân thôn chưa đổi mới được nội dung, phương thức hội họp nên tỉ lệ Nhân dân tham gia hội họp chưa cao.

Ngoài ra, có thể thấy rằng một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội khác chưa thực sự nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, mục tiêu, động lực và tác động to lớn của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS. Do đó, họ chưa thường xuyên quan tâm chỉ đạo, rút kinh nghiệm, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện này. Công tác phối hợp giữa cấp ủy Đảng, chính quyền và MTTQ ở cơ sở một số nơi chưa đồng bộ, quy chụp trách nhiệm lẫn nhau khi gặp sự cố ngoài ý muốn. Một bộ phận đội ngũ cán bộ có phong cách làm việc xa rời quần chúng, tư tưởng bè phái, cục bộ. Điều này đã làm suy giảm lòng tin của Nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, gây cản trở trong việc xây dựng sự phối hợp chặt chẽ và đồng thuận cần thiết để thực hiện hiệu quả Pháp lệnh dân chủ. Chúng ta thấy rằng sự phối hợp giữa Nhân dân, giữa cán bộ với Nhân dân, giữa các tổ chức trong HTCT cơ sở, giữa HTCT cấp cơ sở đối với cấp trên là rất quan trọng trong việc thực hiện nội dung trong Pháp lệnh thực hiện dân chủ này. Bởi nội dung Pháp lệnh thực hiện dân chủ là rất phức tạp, đòi hỏi tính liên ngành cao. Cho nên có thể thấy được rằng, bức tranh chung về sự phối kết hợp giữa các chủ thể tham gia thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay vẫn còn nhiều băn khoăn, trắc trở.

Tiểu kết chương 3

Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn do Uỷ ban thường vụ Quốc hội ban hành năm 2007, nay là một phần của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở đã trở thành một công cụ hữu hiệu để hiện thực hoá quyền làm chủ của Nhân dân. Nhờ công cụ này mà vai trò dân là chủ, dân làm chủ theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng không còn là sự trừu tượng, chung chung mà từng bước đi vào cuộc sống.

Trong điều kiện cụ thể của vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, Pháp lệnh dân chủ đã thực sự đi vào đời sống của Nhân dân. Các nội dung cơ bản của Pháp lệnh, gồm nội dung công khai để dân biết, nội dung Nhân dân được bàn và quyết định, nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết để các cấp có thẩm quyền quyết định, nội dung Nhân dân tham gia giám sát đã được đội ngũ cán bộ cơ sở và Nhân dân địa phương tổ chức thực hiện với những kết quả đáng khích lệ. Qua đó, lối sống theo luật tục của các đồng bào DTTS đang dần dần bị thay thế bởi lối sống theo pháp luật. Vai trò, tiềm năng, tính tích cực của quần chúng Nhân dân đã được khai thác và phát huy trong xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam còn nhiều hạn chế, bao trùm cả bốn nội dung cơ bản quy định quyền lực của Nhân dân, liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ của đội ngũ cán bộ cơ sở cũng như chính quần chúng Nhân dân các DTTS. Thực tế đó, cho thấy quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay đang nổi lên một số vấn đề bất cập cơ bản, như những vấn đề cấp bách, trước mắt cần khắc phục để nâng cao hiệu quả thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Những vấn đề đó là sự bất cập giữa tính khái quát, trừu tượng cao của Pháp lệnh dân chủ với nhận thức của đồng bào các DTTS và một bộ phận cán bộ ở cơ sở còn hạn chế; giữa trình độ dân chủ cao được quy định trong Pháp lệnh dân chủ với điều kiện kinh tế - xã hội vùng DTTS tỉnh Quảng Nam còn thấp kém; giữa yêu cầu về sự đoàn kết và tính đồng thuận cao của Pháp lệnh dân chủ với sự phối kết hợp chưa chặt chẽ của các chủ thể trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án đưa ra những quan điểm, giải pháp để tiếp tục thực hiện Pháp lệnh dân chủ nay là Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Chương 4. YÊU CẦU CƠ BẢN VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN "LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ" VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM HIỆN NAY

Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành năm 2007, đã thực sự đi vào cuộc sống, tác động tích cực tới nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Nhân dân, góp phần củng cố HTCT ở cơ sở, tạo động lực cho sự phát triển của đất nước. Hiện nay, những nội dung của Pháp lệnh được tiếp tục duy trì trong Luật dân chủ ở cơ sở do Quốc hội thông qua năm 2022 và có hiệu lực từ 1/7/ 2023. Luật dân chủ ở cơ sở thay thế cho Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở nhưng là sự tiếp tục, đồng thời là một bước phát triển và hoàn thiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở cả về nội dung, hình thức và tính pháp lý. Vì vậy, luận án này từ những vấn đề lý luận và thực trạng thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam và những nội dung mới, yêu cầu mới trong Luật dân chủ ở cơ sở, đề xuất những yêu cầu cơ bản và giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

4.1. Các yêu cầu cơ bản trong thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

4.1.1. Thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam phải gắn với nâng cao trình độ dân trí, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở thực chất là từng bước đảm bảo dân là chủ và dân làm chủ theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Hiện thực hoá phương châm đó phụ thuộc vào điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, như điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị, trình độ dân trí, văn hoá, ý thức pháp luật, phong tục tập quán, truyền thống… Trong đó trình độ dân trí là nhân tố chủ quan có vị trí quan trọng trong quá trình đảm bảo dân chủ. Dân trí ở trình độ nào sẽ quy định dân chủ ở trình độ đó. Tất nhiên, ở góc độ dân chủ là quyền con người, thì dù trình độ dân trí cao hay thấp, con người đều có quyền làm chủ. Nhưng con người thực hiện quyền làm chủ của mình ở mức độ nào lại phụ thuộc vào

trình độ dân trí tức là phụ thuộc vào trình độ hiểu biết của Nhân dân, là ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân.

Luật dân chủ ở cơ sở được quần chúng Nhân dân tiếp cận và thực hiện có hiệu quả hay không, trước hết phải dựa trên năng lực nhận thức của Nhân dân về quyền lực của mình. Năng lực nhận thức của Nhân dân được hình thành trên cơ sở trình độ dân trí phát triển ở mức độ nhất định, mà ở trình độ đó, Nhân dân trả lời được câu hỏi đặt ra trong cuộc sống: quyền dân chủ là gì, cũng như nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong vai trò chủ thể của quyền lực. Cũng chỉ ở trình độ dân trí nhất định, Nhân dân mới hiểu được đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước cũng như chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của chính quyền địa phương. Khi đó, "dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" mới đạt được hiệu quả.

Vì vậy, nâng cao trình độ dân trí chính là tạo điều kiện để Nhân dân tham gia một cách tích cực, chủ động, tự giác phát triển cộng đồng vừa là vấn đề cấp thiết hiện nay vừa là vấn đề cơ bản, thường xuyên và lâu dài.

Đối với vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, trình độ dân trí cũng như năng lực nhận thức và thực hiện dân chủ ở cơ sở của quần chúng Nhân dân, nhìn chung còn yếu so với mặt bằng chung của cả nước và một số vùng, miền khác trên lãnh thổ Việt Nam. Điều này là một trở ngại lớn, làm giảm đáng kể hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thực tế cho thấy, một bộ phận Nhân dân ở một số DTTS chưa thông thạo tiếng Việt - ngôn ngữ chính thống trong các văn bản của Nhà nước. Có thể kể đến huyện Tây Giang hơn 30% người DTTS chưa biết đọc, biết viết tiếng phổ thông. [Phụ lục 2, Bảng 27]. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến năng lực nhận thức và thực hiện dân chủ ở cơ sở của họ còn yếu. Điều này khiến Nhân dân bị hạn chế trong việc tiếp cận và nhận thức các văn bản của Nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở, hạn chế trong giao tiếp với chính quyền cấp cơ sở, gặp khó khăn trong trình bày ý kiến, quan điểm của mình về các vấn đề đang tồn tại ở địa phương, dẫn đến sự hạn chế nhu cầu hoặc lảng tránh thực hiện các quyền dân chủ cơ sở. Chính quyền địa phương cần xác định giáo dục và đào tạo là khâu đột phá, là cơ sở và là con đường cơ bản để phát triển nguồn nhân lực cũng như nâng cao năng lực tiếp cận và hiểu biết thông tin mà chính quyền công khai để dân biết, từ đó mới có được khả năng bàn bạc, góp ý các vấn đề

liên quan đến phát triển cộng đồng địa phương. Vì vậy, cần sớm hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, và đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề. Đồng thời, cần thực hiện tốt các chính sách thu hút và luân chuyển giáo viên công tác tại miền núi, cũng như chính sách hỗ trợ cho các trẻ mẫu giáo và học sinh thuộc hộ nghèo ở các cấp phổ thông tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn.

Trong giai đoạn hiện nay, Nhân dân vùng DTTS thường bị các thế lực xấu, phản động lợi dụng để tuyên truyền xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung, chính sách thực hiện dân chủ cơ sở nói riêng, hòng gây chia rẽ và phá hoại niềm tin trong mối quan hệ giữa các DTTS với Đảng và Nhà nước. Thế nên, để chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở thâm nhập vào đời sống của Nhân dân vùng DTTS thì việc trình bày các văn bản này dưới dạng song ngữ tiếng Việt và tiếng các DTTS là rất quan trọng, vừa thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với quyền tiếp cận thông tin của Nhân dân vùng DTTS, vừa bảo tồn tiếng nói, chữ viết của các DTTS.

Cùng với nâng cao trình độ dân trí là việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. Khối đại đoàn kết tộc là sự tập hợp lực lượng trong triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở cũng như đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi những âm mưu lợi dụng vấn đề dân chủ của các thế lực đối lập, phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, cản trở thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Trước hết, cần phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết và ý thức tự cường, tự tôn trong cộng đồng các DTTS ở cơ sở. Đây là nền tảng quan trọng để các chủ thể vùng DTTS tỉnh Quảng Nam xây dựng khối đại đoàn kết, thống nhất trong nhận thức và hành động khi triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. Đồng thời, đảm bảo sự bình đẳng, công bằng, tôn trọng và hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc để cùng nhau phát triển. Đối với đội ngũ cán bộ vùng DTTS cần phát huy tinh thần chủ nghĩa yêu nước, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, và quyết tâm triển khai thực hiện hiệu quả Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS. Đối với Nhân dân, việc thực hiện quyền giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng là cơ sở bảo đảm quyền

tham gia vào quá trình ra quyết định và tôn trọng quyền con người của đồng bào DTTS. Điều này thể hiện sự tôn trọng các giá trị dân chủ và bảo đảm rằng Nhân dân nơi đây giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng các quyết định và chính sách liên quan trực tiếp đến cuộc sống và sự phát triển của họ. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết và thúc đẩy việc hình thành một chính quyền hiệu quả hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu và quyền lợi của cộng đồng. Sự tham gia vào quyền giám sát và góp ý xây dựng Đảng, chính quyền giúp đảm bảo rằng quá trình phát triển tại vùng DTTS là bền vững, đáp ứng đúng nhu cầu và quá trình phát triển đó được duy trì trong tương lai.

4.1.2. Thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam phải gắn với phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và củng cố quốc phòng, an ninh

Phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng và thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS có mối quan hệ biện chứng. Sự phát triển về mọi mặt từ kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh sẽ là cơ sở, tiền đề, điều kiện thuận lợi cho tất cả mọi người thể hiện được quyền làm chủ của họ trên tất cả các lĩnh vực. Ngược lại, Luật dân chủ ở cơ sở được thực hiện có nghĩa là Nhân dân đã được đảm bảo các quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, được giám sát, được thụ hưởng; những nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân từng bước được đáp ứng. Đó chính là động lực phát huy khả năng, sức sáng tạo của quần chúng Nhân dân trong xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội địa phương và củng cố quốc phòng, an ninh.

Trong mối quan hệ đó, sự phát triển về kinh tế là yếu tố quan trọng nhất quyết định hiệu quả thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. Vì kinh tế là nền tảng của dân chủ, yếu tố kinh tế quyết định yếu tố chính trị. Con người trước hết là phải ăn, mặc, ở, phải sinh tồn rồi mới có thể làm ra lịch sử. Dựa trên quan niệm duy vật lịch sử đó, trong công cuộc đổi mới đất nước Đảng ta đã chủ trương "kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị" [21, 71]. Theo chủ trương đó, thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam không thể tách rời với sự phát triển kinh tế xã hội của địa

phương. Quá trình triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và phụ thuộc vào các đặc điểm mang tính chất đặc thù ở địa phương như phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lối sống... Việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc, quy định của Luật này, thì cần có sự quan tâm chỉ đạo bằng các văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền địa phương, cũng như tạo sự thu hút, tham gia chủ động, tích cực của tất cả các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể. Việc gắn kết này là cơ sở, là điều kiện để đảm bảo sự phát triển bền vững cũng như khắc phục sự bất bình đẳng về mặt kinh tế và xã hội trong cộng đồng.

Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước là nghiên cứu điều chỉnh chính sách dân tộc theo hướng khuyến khích Nhân dân phải tham gia các hoạt động sản xuất, các hoạt động cộng đồng. Ngoài ra, để thực hiện quyền làm chủ, Nhân dân không chỉ cần có quyền làm chủ, mà điều cốt lõi là phải có năng lực làm chủ. Tăng cường năng lực và vị thế của Nhân dân vùng DTTS, giúp đỡ và hướng dẫn họ thể hiện ý kiến, thực hành dân chủ, tham gia tích cực vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc điểm nổi bật của Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam là yêu cầu thực hành dân chủ trong một nhà nước bảo đảm được tính chính đảng, dựa trên việc tuân thủ và tự giới hạn quyền lực theo pháp luật. Các văn bản pháp luật nhằm quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo và hướng dẫn việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, cùng với việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở và triển khai nhiều biện pháp mạnh mẽ, nhằm nhanh chóng đưa Luật dân chủ ở cơ sở đi vào thực tiễn đời sống. Bên cạnh việc củng cố tổ chức bộ máy vững mạnh, thân thiện, hợp tác với Nhân dân, cần phải tạo lập các kênh, gắn kết chặt chẽ giữa việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội phản ánh được nguyện vọng, ý chí của Nhân dân một cách hiệu quả, trong đó có cơ chế pháp lý thực thi dân chủ ở cơ sở vùng DTTS. Sự ổn định và phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội là điều kiện cần thiết để Nhân dân vùng DTTS càng củng cố thêm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội giúp cho Nhân dân không những nâng cao đời sống vật chất, tinh thần mà còn giúp họ làm chủ cuộc sống của chính mình, góp phần đem lại sự giàu mạnh, phồn vinh của quốc gia, dân tộc.

Đối với tỉnh Quảng Nam, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở vùng có đồng bào DTTS, nâng cao đời sống của đồng bào phải được coi là ưu tiên hàng đầu. Thực hiện theo Nghị quyết số 05-NQ/TU, ban hành ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy, về phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi và định hướng triển khai một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020, với tầm nhìn đến năm 2025. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc về xây dựng và phát triển vùng Tây tỉnh Quảng Nam; đồng thời, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện cùng với các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển vùng DTTS. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan thông tin truyền thông đã triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn về quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về chính sách DTTS, phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS nhằm tạo sự đồng thuận cao, sự cởi mở, lan tỏa tinh thần dân chủ công khai, minh bạch đến đại bộ phận Nhân dân.

Công tác xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân cần thường xuyên được chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện, nhất là việc phối hợp theo dõi nắm chắc tình hình địa bàn, tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Các thế lực này đã lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây mất ổn định ở cơ sở; cho nên chính quyền địa phương cần thường xuyên phối hợp tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ và quân nhân dự bị là người DTTS, đã góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS và biên giới được giữ vững, không có điểm nóng.

Chính quyền địa phương vùng DTTS tỉnh Quảng Nam đã triển khai hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TTg, ban hành ngày 9/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về tổ chức phong trào toàn dân bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới. Cần đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền đến đồng bào vùng DTTS về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhằm nâng cao nhận thức, giúp Nhân dân cảnh giác trước những âm mưu chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Đồng thời, tạo điều kiện để Nhân dân tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các chương trình, kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, cần bảo đảm cho Nhân dân được tham gia thảo luận, bàn bạc và đóng góp ý kiến trong quá trình triển khai thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở tại vùng DTTS. Khi có sự vận hành ăn khớp giữa các cấp ủy đảng và chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, nghĩa là phải có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng "Đảng lãnh đạo" và "Nhà nước quản lý" thì mới đạt được mục tiêu "Nhân dân làm chủ". Thực hiện tốt phương châm này sẽ góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay. Như vậy, gắn kết chặt chẽ giữa việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh là một trong những chất xúc tác quan trọng tạo nên sự đồng thuận, thống nhất và đoàn kết toàn dân tộc.

4.1.3. Thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam phải gắn với xây dựng và phát huy vai trò hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Nói tới HTCT cấp cơ sở là "nói tới những tổ chức Đảng và chính quyền ở xã và những đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng ở thôn xã được thành lập và hoạt động theo tinh thần luật pháp" [4, 77]. HTCT cấp cơ sở đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc ổn định và phát triển xã hội. HTCT cấp cơ sở có nhiệm vụ phổ biến và tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, để Nhân dân hiểu và thực hiện. Nghị quyết về nâng cao chất lượng HTCT ở xã, phường, thị trấn được thông qua ở Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khoá IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định, HTCT ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế- xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Trong tổ chức thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, đội ngũ cán bộ ở cơ sở là chủ thể quan trọng nhất, bởi đây là nguồn lực chủ động, tích cực trong việc cung cấp những thông tin để Nhân dân biết, Nhân dân bàn và nhận sự phản hồi, góp ý của Nhân dân đối với các chương trình, chủ trương, kế hoạch phát triển địa phương và đời sống

của cộng đồng dân cư. Hoạt động của tổ chức Đảng cơ sở, Chính quyền cơ sở, MTTQ và các đoàn thể Nhân dân là phương thức, phương tiện, công cụ thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. HTCT cơ sở vững mạnh, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong HTCT cơ sở sẽ là điều kiện có ý nghĩa quyết định thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở hiệu quả và ngược lại. Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, minh bạch hoá, công khai hoá, khoa học hoá hoạt động của HTCT cơ sở. Xây dựng, củng cố HTCT cơ sở theo hướng trọng dân, hiểu dân, gần dân, có trách nhiệm với dân phải gắn với đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân tại cơ sở.

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định dân chủ là động lực của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, vì vậy việc xây dựng HTCT cấp cơ sở nói chung và thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam nói riêng là phát huy dân chủ, tôn trọng và bảo đảm quyền con người, thể hiện bằng luật pháp, bằng các chính sách cụ thể trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hiện nay, Nhà nước đang trong quá trình kiện toàn và ngày càng hoàn thiện các thiết chế nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Đội ngũ cán bộ ở HTCT cấp cơ sở đã nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS. Vì vậy, họ luôn chú trọng công khai các nội dung phát triển kinh tế - xã hội để Nhân dân được biết, được bàn, đóng góp ý kiến, và tham gia kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện. Những vấn đề quan trọng liên quan đến đời sống hàng ngày của Nhân dân đều được chính quyền đưa ra để họ thảo luận, bàn bạc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện cơ chế "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" một cách dân chủ, công khai và minh bạch.

Cùng với việc xây dựng các chủ trương, chính sách và các thiết chế thì HTCT cấp cơ sở có những tác động nhất định đến việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở trong vùng DTTS, đặc biệt nhấn mạnh đến công tác dân tộc hóa HTCT vùng DTTS. Bởi lẽ, không ai hiểu người DTTS bằng chính người DTTS. Dù trong vùng DTTS có cả người DTTS lẫn dân tộc đa số sinh sống, nhưng vì vùng DTTS là vùng có nhiều người DTTS sinh sống nên nếu việc dân tộc hóa HTCT cấp cơ sở sẽ là điều kiện, tiền đề trong công cuộc vận động, tuyên truyền và thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở sẽ giúp

cho các chính sách của Đảng và Nhà nước trở nên gần gũi, thiết thực và phù hợp với thực tiễn vùng DTTS. Và ngược lại "mọi yếu kém của thể chế và HTCT nói chung từ cơ sở đều làm thương tổn tới quyền của dân chúng" [4, 73]. HTCT cấp cơ sở chỉ đạo thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS theo chức năng, nhiệm vụ được phân công trong công tác tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Cần có sự chuẩn bị chu đáo và nghiêm túc về kế hoạch tuyên truyền, đặc biệt là việc chuẩn bị các tài liệu liên quan đến Luật dân chủ ở cơ sở một cách nghiêm túc và khoa học. Việc xây dựng và lựa chọn cán bộ làm nhiệm vụ tuyên truyền cần đảm bảo họ có trình độ, năng lực và sự hiểu biết sâu rộng về Luật, Pháp lệnh, cùng với kỹ năng và phương pháp tuyên truyền hiệu quả, nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trong các đợt tập huấn và bồi dưỡng.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 20/12/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công tác cán bộ và kiện toàn tổ chức bộ máy giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau: "Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS có bước trưởng thành về mọi mặt; tinh thần, trách nhiệm, lề lối làm việc, kỹ năng lãnh đạo, xử lý tình huống được nâng lên; hầu hết cán bộ có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức tốt, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao" [78, 8]. Chính quyền cấp cơ sở luôn quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ tham gia các khóa tập huấn và bồi dưỡng nội dung kiến thức pháp luật về dân chủ. Họ đưa ra các chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, bồi dưỡng của cán bộ; kịp thời động viên và khen thưởng những cán bộ cấp xã có tinh thần sáng tạo, nhiệt tình và đạt kết quả học tập tốt. Đồng thời, họ cũng áp dụng cơ chế xử lý kỷ luật nghiêm khắc đối với những người vi phạm kỷ luật học tập, và chú trọng thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các cán bộ cấp xã được cử đi tập huấn và bồi dưỡng.

Việc thực hiện kế hoạch "Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025" đã kịp thời chỉ đạo và đôn đốc công tác xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hằng năm. Qua đó, đã phát huy những mặt tích cực, đồng thời kịp thời phát hiện các khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo Chương trình thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ và đạt chất lượng. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS trong HTCT cơ sở ngày càng được chú trọng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xuất phát từ điều kiện thực tế của Quảng Nam và nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích của Nhân dân, các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương đã chủ động thực hiện chính sách dân chủ ở cơ sở vùng DTTS. Với quyết tâm cao nhất, vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành quyết liệt của chính quyền địa phương, sự tham gia mạnh mẽ của MTTQ cấp cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội khác, cùng sự nỗ lực, chủ động của Nhân dân vùng DTTS tại Quảng Nam đã được phát huy tối đa trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Có như vậy thì mức độ công khai hóa, minh bạch hóa các hoạt động của địa phương từng bước được cải thiện.

Vị thế của các tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan ban, ngành, đoàn, thể ngày càng được nâng cao thông qua việc tăng cường sự giám sát đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo sâu sát của các cấp chính quyền địa phương. Thực tế cho thấy, môi trường tự do cho các hoạt động của Nhân dân ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam ngày càng được mở rộng, tạo ra không khí dân chủ và cởi mở lan tỏa nhanh chóng trong toàn xã hội. Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp của Đảng và Nhà nước cùng với sự nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân ở cơ sở vùng DTTS, bức tranh kinh tế - xã hội của Quảng Nam bước đầu đã có nhiều khởi sắc. Cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng, các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và du lịch đều có bước tăng trưởng khá. Các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát triển, các chính sách phúc lợi xã hội được triển khai, và tình hình an ninh chính trị cũng như trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Quyền dân chủ được phát huy tối đa, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân vùng DTTS của tỉnh Quảng Nam. Kết quả đạt được

và mục đích cuối cùng của việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam gắn với xây dựng HTCT cấp cơ sở là phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và làm cho cuộc sống của Nhân dân vùng DTTS ngày càng trở nên tốt đẹp hơn.

4.2. Các giải pháp chủ yếu thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể về thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay

Đây là giải pháp cơ bản, quan trọng trong nâng cao hiệu quả thực hiện Luật dân chủ cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, tác động trực tiếp đến đội ngũ cán bộ, quần chúng Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức và hành động thực tiễn, phát huy cao độ vai trò, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và quần chúng Nhân dân các DTTS trong thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. Chỉ khi có nhận thức đúng thì mới có hành động phù hợp và hiệu quả. Nhận thức có nguồn gốc từ thực tiễn và được kiểm nghiệm bởi thực tiễn. Thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" cho thấy để đảm bảo dân chủ thực sự, phải có các thiết chế chính trị, có cơ chế, có công cụ, phương tiện đủ mạnh. Vì vậy, Bộ chính trị đã ban hành Quy chế dân chủ cơ sở năm 1998, sau đó là Pháp lệnh dân chủ do Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành năm 2007, và từ Pháp lệnh dân chủ đến năm 2022 Quốc hội đã ban hành Luật dân chủ ở cơ sở. Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở sẽ là căn cứ thực tiễn để Quốc hội xây dựng Luật dân chủ.

Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, trước hết phải bắt đầu từ nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về những nội dung được quy định trong Luật. Hiểu Luật thì thực hiện luật mới nghiêm minh. Vậy nên, nâng cao nhận thức là cơ sở, nền tảng để nâng cao tính tự giác, tinh thần trách nhiệm của cán bộ và quần chúng Nhân dân các DTTS tỉnh Quảng Nam trong thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

Thực tiễn thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam cho thấy, những thành tựu hay hạn chế trước hết bắt nguồn từ nhận thức, tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của các chủ thể. Đội ngũ cán bộ cơ sở, quần chúng Nhân dân, không phải lúc nào hay bất cứ khu vực nào cũng luôn có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Pháp

lệnh dân chủ cũng như những quyền của Nhân dân được quy định trong Pháp lệnh. Vẫn còn một bộ phận cán bộ và Nhân dân nhận thức chưa toàn diện về những nội dung được quy định trong Pháp lệnh và hình thức thực hiện những nội dung đó, nên ý thức, tinh thần trách nhiệm chưa cao, thực hiện những nội dung trong Pháp lệnh chưa hiệu quả. Bên cạnh đó, còn cả tình trạng, các văn bản được công khai liên quan đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các dự án, công trình đầu tư và nhiều vấn đề khác để Nhân dân biết, bàn, quyết định và giám sát, nhưng chính bản thân Nhân dân cũng không hiểu cặn kẽ để có được ý kiến phản hồi xác đáng.

Luật dân chủ ở cơ sở so với Pháp lệnh dân chủ, có nhiều nội dung mới được bổ sung. Vậy nên, nâng cao nhận thức của các chủ thể trong triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở là cần thiết và cấp bách. Tuỳ theo vai trò của mỗi chủ thể trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ, việc nâng cao nhận thức của các chủ thể đó cần đạt những yêu cầu và nhiệm vụ riêng.

Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong làng về Luật dân chủ ở cơ sở.

Các cấp Đảng uỷ, chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ, người có uy tín trong làng, MTTQ và các đoàn thể Nhân dân ở cơ sở, gồm xã, phường, thị trấn, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức sử dụng lao động trước tiên phải nhận thức được vị trí, vai trò của Luật dân chủ cơ sở trong xây dựng nền dân chủ XHCN cũng như chế độ XHCN ở Việt Nam. Từ đó sẽ có ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong việc nâng cao trình độ và sau đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền từ trung ương đến địa phương, từ tập thể cho đến từng cá nhân, để phát huy vai trò trách nhiệm khi triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS. Cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện Luật dân chủ cơ sở vùng DTTS, nhận thức rõ ràng về đặc thù của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ trong vùng đồng bào DTTS liên quan mật thiết với việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, thể hiện nguyên tắc và mục tiêu phát triển bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc.

Hiệu quả thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam phụ thuộc rất lớn vào việc nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở về nội dung

của Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS. Đặc biệt đội ngũ cán bộ là người DTTS. Không ai có thể hiểu được tâm tư, nguyện vọng của người DTTS bằng chính cán bộ là người DTTS. Vì vậy, trong vùng DTTS nếu bộ máy chính quyền được dân tộc hóa thì sẽ tăng thêm khả năng nâng cao nhận thức cho Nhân dân, tuyên truyền, vận động người DTTS hiện thực hóa năng lực làm chủ, cụ thể là thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở đạt được hiệu quả cao. Nếu đội ngũ cán bộ chưa hiểu biết, nhận thức chưa đúng đắn, đầy đủ về nội dung của Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS, thì việc triển khai thực hiện không đạt được kết quả như mong đợi. Vì vậy, cần phải nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, từ đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò, nội dung, phương pháp và hình thức triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS là một giải pháp quan trọng, cần thực hiện có hiệu quả.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được các cấp ủy Đảng, chính quyền xác định là nhiệm vụ quan trọng, do vậy trong thời gian qua, các huyện miền núi, vùng cao đã xây dựng kế hoạch, tập trung ưu tiên lựa chọn cán bộ là người DTTS có triển vọng, chiều hướng phát triển tốt cử đi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kiến thức quản lý nhà nước, kĩ năng xử lý tình huống. Nhiều địa phương đã chủ động phối hợp với cơ sở đào tạo mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng tại địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ theo học để đạt chuẩn theo quy định. Cụ thể thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 15/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ người DTTS giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025 và Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 10/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030, về công tác tuyển dụng công chức, viên chức người DTTS luôn được quan tâm chỉ đạo. Nhờ đó, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tỷ lệ người DTTS tham gia công tác trong HTCT và được bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng cao, công tác quy hoạch cán bộ người DTTS được chú trọng, đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ và cơ cấu; công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, điều động, luân chuyển ngày càng đi vào

nền nếp, góp phần tích cực trong việc tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý người DTTS có chất lượng. Các cấp Đảng uỷ, chính quyền có trách nhiệm giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị của Nhân dân vùng DTTS. Bảo đảm tôn trọng lẫn nhau trong thông tin, báo cáo, trao đổi bàn bạc công tác chuyên môn và kịp thời chấn chỉnh những yếu kém và sai sót trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS.

Để tiếp tục thực hiện Pháp lệnh dân chủ cũng như thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở ngày càng hiệu quả hơn, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ cơ sở cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Một là, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ cơ sở về vị trí, vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ đối với thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

Hai là, nâng cao ý thức trách nhiệm, dám nghĩ, dám nói, dám làm, triển khai tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Ba là, nâng cao nhận thức, sự hiểu biết của đội ngũ cán bộ cơ sở về những vấn đề cơ bản trong Luật dân chủ ở cơ sở, những điểm mới bổ sung trong Luật dân chủ ở cơ sở so với Pháp lệnh dân chủ. Đặc biệt là những điều luật quy định nội dung, hình thức thể hiện quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, được giám sát, được thụ hưởng của Nhân dân ở cơ sở, đảm bảo tránh những sai sót trong triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

Để có được những nhận thức trên, đội ngũ cán bộ cơ sở cần thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về Luật dân chủ ở cơ sở, được tham gia những hội nghị, hội thảo tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

Nâng cao nhận thức của quần chúng Nhân dân về Luật dân chủ ở cơ sở.

Nâng cao nhận thức không chỉ cần thiết đối với đội ngũ cán bộ trong HTCT cơ sở mà cũng là điều không thể thiếu đối với chính bản thân quần chúng Nhân dân. Hơn nữa, Nhân dân là chủ thể của quyền lực. Quyền lực của Nhân dân được cụ thể hoá, chi tiết hoá thành những điều, khoản trong Luật dân chủ ở cơ sở, nên hơn ai hết, Nhân dân phải có nhận thức đúng, đầy đủ về những điều, khoản đó.

Nhân dân cũng được nâng cao nhận thức về những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong đó có Pháp lệnh dân chủ và nay là Luật dân chủ ở cơ sở. Nhân dân cần nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm để thực hiện và phát huy quyền làm chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Để thực sự trở thành người làm chủ, mỗi cá nhân không chỉ cần ý thức rõ vai trò của mình mà còn phải trang bị năng lực và mạnh dạn đòi hỏi quyền dân chủ một cách tích cực và đúng đắn. Nhân dân muốn thực hiện năng lực làm chủ của mình thì phải suy nghĩ thấu đáo, hành động khoa học, dám nghĩ, dám làm. Ý thức, năng lực liên quan đến trình độ dân trí. Nâng cao nhận thức gắn liền với nâng cao trình độ dân trí, trình độ hiểu biết nói chung của đồng bào, bao gồm hiểu biết, nhận thức, đánh giá về tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trong đó, hiểu biết pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hành dân chủ. Hay có thể nhận định rằng việc nâng cao nhận thức của Nhân dân vùng DTTS trước hết phải thực hiện chính sách dân tộc. Thực hiện đúng các chính sách dân tộc hiện nay là phải phát triển mọi mặt về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh quốc phòng. Trong đó, phát triển kinh tế - xã hội là cơ sở, tạo điều kiện để từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc với nhau.

Để nâng cao nhận thức của Nhân dân vùng DTTS tỉnh Quảng Nam về việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, cần tập trung nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cũng như những người có uy tín trong cộng đồng. Họ đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, giúp quần chúng Nhân dân hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở.

Xuất phát từ vai trò, vị trí quan trọng của vùng DTTS ở nước ta, chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ "Công tác tuyên truyền phải cụ thể, thiết thực. Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách thế nào?"[43, 159]. Việc hiểu rõ đối tượng tuyên truyền là rất quan trọng vì tùy theo từng đối tượng và trình độ học vấn mà cần áp dụng phương pháp tuyên truyền phù hợp. Mỗi đối tượng cần có một cách tiếp cận tuyên truyền khác nhau. Tuyên truyền cho đồng bào DTTS sẽ khác so với tuyên truyền cho đồng bào miền xuôi. Thậm chí, trong

cùng một tỉnh, cách tuyên truyền cũng phải thay đổi để phù hợp với từng nhóm đồng bào DTTS khác nhau. "Tuyên truyền huấn luyện đối với đồng bào Thái khác, đồng bào Mèo khác, phải có sự thay đổi cho thích hợp. Bởi vì đời sống, trình độ của đồng bào Mèo và Thái khác nhau, cho nên tuyên truyền huấn luyện phải khác"[43, 159]. Vì vậy, đội ngũ cán bộ luôn giữ vai trò tiên phong trong công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS. Trong giải quyết vấn đề liên quan đến Nhân dân, cần phải có thái độ ân cần, niềm nở khi tiếp dân, luôn luôn biết lắng nghe, thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để tìm ra hướng giải quyết đúng đắn nhất, tránh xa biểu hiện quan liêu, mất dân chủ và xa rời quần chúng Nhân dân. Như lời Bác dặn đối với công tác tuyên truyền của đội ngũ cán bộ là "xuất phát từ nhiệt tình cách mạng, tình thương yêu chân thành đồng bào các dân tộc, từ tinh thần hết lòng phục vụ đồng bào các dân tộc" [43, 159] ; "đồng bào các dân tộc rất thật thà và rất tốt. Nếu nói đúng thì đồng bào nghe, đồng bào làm và làm được" [43, 169].

Về nội dung tuyên truyền, trước hết đối với đội ngũ cán bộ ở cơ sở, người có uy tín trong làng được phổ biến, giáo dục những kiến thức về quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, về nội dung Pháp lệnh dân chủ và Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS. Thực hiện Bản tin pháp luật hằng tuần, trong đó giới thiệu những văn bản mới của Trung ương, tỉnh, thành phố có hiệu lực trong tuần để cán bộ, công chức, Nhân dân biết và thực hiện. Chú trọng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho đội ngũ cán bộ, công chức những kiến thức về kỹ năng phát huy quyền dân chủ ở cơ sở vùng DTTS như: Kỹ năng tuyên truyền, vận động, thuyết phục Nhân dân; kỹ năng tổ chức cho Nhân dân tham gia thảo luận, bàn bạc đóng góp các ý kiến; kỹ năng tổ chức cho Nhân dân kiểm tra, giám sát.. Tuyên truyền những nội dung dân bàn, tham gia ý kiến chủ yếu tập trung vào xây dựng quy ước, bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, bầu chọn người có uy tín.

Về hình thức tuyên truyền, các cơ quan đơn vị, địa phương, phối hợp với MTTQ cấp cơ sở phải luôn đổi mới, sáng tạo, đa dạng hóa với nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp trên từng địa bàn sinh sống vùng DTTS. Theo đó, các sở, ban, ngành,

chính quyền địa phương thực hiện tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi suy nghĩ của đồng bào DTTS thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Cổng thông tin điện tử Tỉnh, các Đài truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử…Công tác tuyên truyền được các sở, ngành, chính quyền địa phương và các cơ quan báo chí truyền thông đẩy mạnh hướng về cơ sở, tăng thời lượng phát sóng trong các chương trình, chuyên mục của mọi nhà. Thực hiện việc biên soạn và phát hành các sản phẩm truyền thông như: lắp đặt các pa nô tuyên truyền, phát sóng các chuyên mục giáo dục pháp luật trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh (QRT)… Qua đó đã hướng dẫn, trợ giúp pháp lý và chuyển tải các văn bản pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân một cách nhanh chóng, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân về việc thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm Luật dân chủ ở cơ sở.

Nhận thức của Nhân dân không chỉ có được từ sự tuyên truyền, giáo dục của đội ngũ cán bộ, mà còn là từ sự nỗ lực vươn lên của chính bản thân họ. Nhân dân vùng DTTS tỉnh Quảng Nam phải khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; biết khai thác các tiềm năng, nguồn lực tại chỗ; biết tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và biết tích lũy tái sản xuất để vươn lên thoát nghèo bền vững, xây dựng nếp sống văn minh. Thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở, đảm bảo để mọi Nhân dân được biết, được tham gia ý kiến, được bàn và quyết định các nội dung công việc của chính quyền, các công việc có liên quan tới lợi ích của Nhân dân theo đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của công dân, tự giác thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, giải phóng mặt bằng…Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác thực hiện chính sách phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

4.2.2. Vận dụng sáng tạo nội dung gắn với đa dạng hóa các hình thức tổ chức thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay

Đây là giải pháp then chốt nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay. Cơ sở vật chất, các phương tiện, công cụ tổ chức thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở hiện đại và các hình thức tổ chức thực hiện Luật phù hợp, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của quá trình dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng. Đó là quá trình công khai thông tin để Nhân dân biết cũng như quá trình Nhân dân tham gia bàn bạc, có ý kiến về các vấn đề của cộng đồng và giám sát thực hiện những nội dung được quy định trong Pháp lệnh.

Thứ nhất, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

Hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, trước hết là địa điểm, trụ sở - nơi cung cấp thông tin để Nhân dân được biết, nơi tiếp nhận những ý kiến đóng góp của Nhân dân. Hai là, hiện đại hoá phương tiện, công cụ truyền thông - phương tiện, công cụ để đưa thông tin đến Nhân dân và nhận sự phản hồi của Nhân dân. Ba là, hiện đại hoá hệ thống và phương tiện giao thông đảm bảo sự giao lưu, tương tác nhanh chóng giữa cán bộ cơ sở với Nhân dân, giữa Nhân dân với Nhân dân. Những cơ sở vật chất trên đóng vai trò là điều kiện để Nhân dân có thể tiếp cận và phản hồi thông tin nhanh chóng.

Thực tế, các DTTS tỉnh Quảng Nam sống không tập trung mà rải rác ở các địa bàn khác nhau, việc công khai những nội dung để Nhân dân biết, như chiến lược phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ngân sách hàng năm của địa phương… sẽ chậm, và khó khăn hơn so với những địa bàn mà cư dân sống tập trung. Cũng như vậy, khi đồng bào các DTTS muốn bàn bạc và quyết định hoặc biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định các vấn đề của cộng động địa phương, hay Nhân dân thực hiện quyền giám sát cũng sẽ có nhiều bất lợi nếu cơ sở vật chất, hệ thống giao thông, công cụ truyền thông lạc hậu.

Mặt khác, thời đại ngày nay, với xu hướng toàn cầu hoá và sự phát triển khoa học công nghệ ngày càng mạnh mẽ. Quá trình xã hội hoá thông tin diễn ra nhanh chóng. Cuộc sống xã hội dường như phát triển với tốc độ khó dự đoán trước. Điều đó, đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, quốc gia phải có sự nhanh, nhạy, linh hoạt để thích ứng, bắt kịp với thời đại. Do vậy, việc hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ

cho thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở là vấn đề cần thiết và cấp bách. Tuy nhiên, việc hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ cho thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở phải gắn liền và không nằm ngoài sự phát triển kinh tế, cơ sở vật chất chung của địa phương, đồng bộ với hiện đại hoá kết cấu hạ tầng ở nông thôn vùng DTTS.

Để cơ sở vật chất vùng DTTS tỉnh Quảng Nam ngày càng hiện đại thì chính quyền địa phương cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó bao gồm vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, vốn ngân sách địa phương, vốn đóng góp của Nhân dân, các nguồn vốn xã hội khác, đầu tư cho một số lĩnh vực trọng điểm như: giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt và các hạng mục xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đồng thời đã chỉ đạo các xã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tích cực đóng góp, ủng hộ nhân lực, vật lực. Khi đời sống vật chất của Nhân dân vùng DTTS ngày càng được nâng cao thì đời sống tinh thần cũng có nhiều sự chuyển biến tích cực. Nhân dân sẽ có nhiều cơ hội để tiếp cận những thông tin mới, nhu cầu mong muốn nâng cao trình độ dân trí, năng lực nhận thức của Nhân dân về chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước cũng được cải thiện.

Để huy động vốn từ các nguồn ngân sách của Trung ương thì ở Quảng Nam cần phải lập các dự án chi tiết có tính khả thi cao, nêu lên được tầm quan trọng của dự án đó ảnh hưởng thế nào đến phát triển kinh tế - xã hội - môi trường. Thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, ngân sách tỉnh đã bố trí 112 tỷ đồng (trong đó: huyện Tây Giang: 64 tỷ đồng, huyện Nam Giang: 48 tỷ đồng) để hỗ trợ đầu tư xây dựng mới 50 công trình thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, hệ thống nước sinh hoạt, cơ sở trường, lớp học, công trình văn hóa, sắp xếp dân cư… [75,10]. Nhìn chung, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã vùng DTTS đã thay đổi đáng kể, giao thông từng bước được hình thành; công trình giáo dục, y tế từng bước được kiên cố hóa; công trình thủy lợi, nước sạch được đầu tư đồng bộ ở vùng sâu, vùng xa… Việc đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã vùng DTTS từ nguồn kinh phí này đã góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách cũng như lâu dài trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, góp phần tạo điều kiện cho Nhân dân vùng sâu vùng xa tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản; góp phần tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an

ninh biên giới quốc gia; xây dựng tuyến biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Quảng Nam hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Các công trình công cộng tại cơ sở thường bao gồm: trường học, đường liên thôn, trạm y tế, nhà văn hóa, đền, chùa, đình làng của xã, thôn, các công trình thủy lợi nằm trong phạm vi của thôn, xã hay còn được gọi tắt là: "điện, đường, trường, trạm". Đây là những công trình rất thiết thực, gắn liền với đời sống sinh hoạt hàng ngày của Nhân dân nên luôn nhận được sự quan tâm cũng như sự giám sát chặt chẽ của Nhân dân từ việc Nhân dân đóng góp bằng sức lao động và tiền bạc, của cải vật chất khác cho đến việc xây dựng mới cũng như cải tạo, nâng cấp, và sửa chữa. Tùy thuộc vào đặc thù của từng địa bàn mà ở mỗi địa phương khác nhau, trong phạm vi địa bàn xã, phường hay thị trấn thậm chí địa bàn các xã khác nhau, có thể mỗi chính quyền lại có cách thức huy động sự đóng góp của Nhân dân cũng như triển khai xây dựng công trình công cộng phù hợp và linh hoạt.

Huy động được nguồn kinh phí đến đâu thì xây dựng đến đó. Huy động được kinh phí nhiều thì xây dựng cơ sở vật chất mới như nhà thi đấu thể dục thể thao, xây dựng mới cổng chào, đình làng; lắp đặt hệ thống đèn điện chiếu sáng. Còn ít kinh phí hơn thì sửa chữa, nâng cấp. Nhân dân trên địa bàn đóng góp xây dựng các công trình công cộng theo nguyện vọng của Nhân dân, phục vụ nhu cầu của Nhân dân đối với các công trình hạ tầng, phúc lợi công cộng. Nguồn kinh phí cho các hoạt động này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của dân cư trên địa bàn và khả năng vận động Nhân dân của cấp ủy và chính quyền cơ sở. Việc huy động sức dân tham gia vào các công việc của Nhà nước được xem là một điểm nhấn trong quá trình thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

Thứ hai, sáng tạo nội dung, đa dạng phương tiện, công cụ nhằm tổ chức thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Trong hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam thì việc đa dạng hóa các hình thức tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ là giải pháp có ý nghĩa quan trọng, mang tính quyết định trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, xây dựng nền dân chủ XHCN ở nước ta hiện nay. Điều này càng quan trọng ở cấp cơ sở, nơi

hầu hết dân cư tập trung sinh sống, nơi khơi nguồn cho các vấn đề chính sách, pháp luật và cũng là nơi được tổ chức thực thi chính sách, pháp luật.

Sáng tạo nội dung, đa dạng hóa thêm một số hình thức công khai để thông tin về hoạt động của chính quyền địa phương đến Nhân dân một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất: thực hiện chuyển đổi số, bổ sung hình thức tổ chức họp thôn nhằm nâng cao tính đối thoại giữa chính quyền và Nhân dân, niêm yết tại các công trình công cộng như nhà văn hóa, sân hợp tác xã - những nơi gần gũi với sinh hoạt của một bộ phận Nhân dân; gửi văn bản thông báo công khai đến trực tiếp các hộ gia đình; đẩy mạnh truyền thông chính sách thông qua trang thông tin điện tử; đăng tải tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng. Biên soạn tài liệu giới thiệu nội dung cơ bản của Pháp lệnh dân chủ, Luật dân chủ ở cơ sở và đăng tải trên trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật dưới nhiều hình thức như hỏi đáp pháp luật, tình huống pháp luật, tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật, tờ gấp pháp luật, bài giảng điện tử….

Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế tại địa phương, công tác phổ biến, tuyên truyền Pháp lệnh dân chủ tại vùng DTTS còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc và bộc lộ một số hạn chế như: Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng DTTS và miền núi chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đội ngũ báo cáo viên pháp luật biết ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, nhất là đội ngũ có kỹ năng, nghiệp vụ, hiểu biết về văn hóa, tập quán sinh hoạt của đồng bào DTTS còn ít. Một số nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật chưa sát với nhu cầu thực tế của đồng bào DTTS; việc sử dụng công nghệ để tự tìm hiểu thông tin qua sách, báo, các trang tin điện tử, internet còn rất hạn chế…Việc sử dụng các hình thức phải linh hoạt, phụ thuộc vào điều kiện khách quan cũng như chủ quan. Không nên tiếp tục áp dụng quy định rằng tất cả các hình thức công khai đều phải được sử dụng cho mọi nội dung cần công khai. Những nội dung công khai cần được sử dụng hình thức công khai phù hợp, để Nhân dân tiếp cận một cách thuận lợi nhất. Chẳng hạn, đối với các nội dung như kết quả thu chi, quyết toán ngân sách, quy hoạch sử dụng đất, nên tập trung vào hình thức niêm yết công khai hoặc Trưởng thôn phát tài liệu đến từng hộ dân thay vì

thông báo qua đài truyền thanh, bởi các nội dung này thường chi tiết và có nhiều hình vẽ, bảng biểu, khó thông báo qua hình thức nói.

4.2.3. Bảo đảm các điều kiện về kinh tế, văn hóa, xã hội cho việc thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay

Trong những năm qua, vùng DTTS của tỉnh Quảng Nam luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước thông qua các chương trình, chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế; dưới sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, giúp cho tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như đời sống Nhân dân vùng DTTS có nhiều khởi sắc, nhất là hạ tầng cơ sở thiết yếu và dịch vụ phục vụ cho Nhân dân được đầu tư phát triển, đảm bảo cho đời sống vật chất của Nhân dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, do địa bàn rộng lớn, địa hình phức tạp, điểm xuất phát thấp, đến nay vùng DTTS tỉnh Quảng Nam phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, vị trí, lợi thế của vùng. Những hạn chế đó có ảnh hưởng lớn đối với quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như quá trình triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, việc bảo đảm các điều kiện về kinh tế, văn hóa, xã hội là điều kiện thiết yếu để tối ưu hóa quá trình thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Thứ nhất, bảo đảm các điều kiện về kinh tế.

Việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS phải gắn liền với các nhiệm vụ phát triển kinh tế ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Chúng ta không thể đạt được dân chủ trong tình trạng nghèo đói. Muốn kinh tế phát triển bền vững, muốn xóa đói giảm nghèo vùng DTTS, thì chúng ta phải chủ động sáng tạo, tìm ra những cách thức nhằm khắc phục sự thiếu hụt đất đai, bù đắp tài nguyên thiên nhiên, những khó khăn về vị trí địa lý, địa hình, sự bất đồng về ngôn ngữ, những hạn chế về tiếp cận khoa học công nghệ…Ngoài nguyên nhân khách quan, còn phải khắc phục cả những nguyên nhân chủ quan, đó là nhân tố con người. Mặc dù có thể thấy rằng, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đặc biệt đến vùng DTTS trên mọi miền đất nước, hàng loạt các chính sách, chương trình, dự án đã làm cho vùng DTTS ở tỉnh Quảng Nam nói riêng có nhiều sự đổi thay, tích cực. Tuy nhiên, các chính sách, đặc biệt chính sách quan trọng nhất liên quan đến giáo dục và xây dựng cơ sở hạ tầng chưa cải thiện

được nhiều và chưa phù hợp với đặc trưng của vùng DTTS. Cái nghèo vẫn đang đeo đẳng với đồng bào người DTTS, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Vì vậy, vấn đề đặt ra là thực hiện nhất quán và đồng loạt các chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở vùng DTTS, khắc phục nền kinh tế tự cung, tự cấp kéo dài. Bảo đảm quá trình phát triển bền vững nông nghiệp-lâm nghiệp-ngư nghiệp bằng cách nâng cao độ che phủ của rừng, xây dựng vùng nguyên liệu gắn với hệ thống công nghiệp như chế biến gỗ, giấy, chè…cùng với sự phát triển của thủy điện, thủy lợi…Giải quyết định canh, định cư đối với đồng bào còn du canh, du cư ở vùng miền núi cao, từ đó từng bước xóa đói giảm nghèo, đảm bảo nước tưới, giải quyết nước sinh hoạt…

Ngoài ra, Nhân dân vùng DTTS nỗ lực vươn lên làm giàu cho bản thân, cho gia đình và cho xã hội. Làm chủ trước hết là làm chủ cuộc sống của bản thân và góp phần vào sự phồn vinh của cộng đồng. Do đó, việc bảo đảm các điều kiện kinh tế là tiền đề quan trọng để thực hiện có hiệu quả Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở tại vùng đồng bào DTTS. Đây chính là nền tảng vững chắc và lâu dài để đảm bảo quyền làm chủ thực chất của Nhân dân. Muốn vậy, cần đồng thời đạt được cả hai mục tiêu: phát triển kinh tế và thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội – tức là hướng đến những giá trị nhân văn cốt lõi.

Thứ hai, bảo đảm điều kiện về văn hóa.

Phát triển kinh tế phải gắn liền với sự phát triển văn hóa, sao cho văn hóa vừa đóng vai trò động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển và là hệ điều tiết sự phát triển bền vững của xã hội, của đất nước. Để thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiệu quả, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với việc nâng cao nhận thức và năng lực tham gia của cộng đồng. Đồng thời, Nhà nước cần xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng DTTS. Từ đó, Nhân dân vùng DTTS luôn sẵn sàng tham gia vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng HTCT cơ sở; có quyền ứng cử, bầu cử; thảo luận, đóng góp ý kiến vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Với việc xây dựng các hương ước và quy ước mang đậm bản sắc cộng đồng DTTS, nhiều tập tục tốt đẹp và nếp sống văn minh đã được hồi sinh, củng cố và phát huy; đồng thời, nhiều hủ tục trong lễ hội, ma chay, cưới xin đã được loại bỏ, và các tệ nạn xã hội được hạn chế. Phong trào "gia đình văn hóa", "làng văn hóa" tại các vùng DTTS của tỉnh Quảng Nam đã bắt đầu đẩy lùi mê tín dị đoan và các tập tục lạc hậu, xây dựng các tập tục mới. Việc xây dựng đời sống văn hóa là một cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa lạc hậu và tiên tiến. Nó đòi hỏi phải xóa bỏ những tập tục cổ hủ, đồng thời gắn liền với việc phát triển kinh tế, nâng cao dân trí và phát huy dân chủ trực tiếp của Nhân dân, đặc biệt cần kiên trì ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, và vùng DTTS. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là để thực hiện mục tiêu rất nhân văn của chủ nghĩa xã hội là tất cả đều vì con người, vì sự giàu có và hạnh phúc của Nhân dân, vì sự hùng cường của dân tộc và của đất nước.

Văn hoá là hoạt động tinh thần, hiện thực hóa quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hoá nghệ thuật, quyền được thông tin, quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng. Nhà nước và địa phương cần tập trung đầu tư kinh phí để in ấn hàng loạt các quy chế, Pháp lệnh, Luật và đưa tới tận từng hộ gia đình. Huy động nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương cũng như sự đóng góp từ Nhân dân nhằm thực hiện xây dựng các thiết chế văn hóa cho tất cả các thôn, làng, ít nhất mỗi thôn, làng có một hội trường hay nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng làm trụ sở để họp dân. Việc xây dựng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn cần có sự đóng góp ý kiến của bà con hoặc chính quyền địa phương có thể bàn giao kinh phí để bà con tự xây nhà văn hóa phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào DTTS. Có như vậy thì mới đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân vùng DTTS và cũng gián tiếp phát huy hiệu quả việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

Thứ ba, bảo đảm điều kiện về xã hội.

Phát triển kinh tế, văn hóa phải gắn liền với việc thực hiện tiến bộ xã hội, công bằng xã hội và bình đẳng xã hội. Có chính sách và luật pháp nghiêm minh để hạn chế tối đa sự cạnh tranh không lành mạnh, giảm thiểu sự phân hóa giàu nghèo và đặc biệt là ngăn chặn sự phân cực giàu nghèo. Chính quyền ở địa phương cần đẩy nhanh xóa

đói giảm nghèo, đề ra những giải pháp tối ưu trong việc phát triển kinh tế giúp tăng thu nhập cho Nhân dân, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh cũng như nước ngoài để xây dựng cơ sở hạ tầng ở các vùng nông thôn, nhất là vùng đồng bào DTTS, bảo đảm cho các xã, buôn, làng có đường giao thông đi lại thuận tiện, có trường học, trạm y tế, có điện, hệ thống cấp nước và các cơ sở dịch vụ sản xuất thiết yếu.

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, để thực hành dân chủ thì nhất thiết và trước hết phải tiếp tục đổi mới và đổi mới triệt để kinh tế theo hướng dân chủ hóa, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các chủ thể kinh tế vừa tự do kinh doanh trong các lĩnh vực mà luật pháp không cấm, vừa có quyền và có thể sử dụng tất cả những gì mà Nhà nước kiến tạo cho họ. Kinh tế phát triển thì những thành quả khác kèm theo đó cũng là thành quả chung mà mọi công dân đều có quyền hưởng thụ để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của mình. Phát triển kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN phải đi đôi với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phải thực hiện bình đẳng xã hội và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội ngay cả khi những điều kiện vật chất chưa thực sự đầy đủ.

Ở Quảng Nam có nhiều xã vùng cao, trong đó có những xã còn giáp khu vực biên giới, vấn đề đặt ra là phải tạo đủ việc làm, khắc phục tình trạng thiếu việc làm và việc làm thu nhập thấp trong nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; làm cho người nông dân trở thành chủ thể trong phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, thực hành dân chủ là để tạo cơ hội cho người nghèo phát triển kinh tế, tăng thêm thu nhập; mở rộng khả năng cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch sinh hoạt... có chất lượng và mức chi phí thấp. Hướng thực hành dân chủ nêu trên chính là góp phần đảm bảo an sinh xã hội và an ninh cuộc sống của Nhân dân ở nông thôn, đặc biệt là đối với nông dân.

4.2.4. Xây dựng và phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay

Thứ nhất, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Phát huy vai trò lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính hợp pháp, hiệu quả và bền vững. Nhân dân vùng DTTS chỉ có thể thực sự phát huy quyền làm chủ của mình ở cơ sở khi các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả trong việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS. Việc thực hiện tốt phương châm này góp phần nâng cao hiệu quả triển khai Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tại tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể cần tập trung đi sâu chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung của Luật dân chủ ở cơ sở. Đó là những nội dung dân được biết, dân được bàn, dân được thảo luận, dân được giám sát. Ban hành, bổ sung, sửa đổi kịp thời các văn bản như: quy chế phối hợp với các ngành, các quy định về công tác cải cách thủ tục hành chính; niêm yết các văn bản liên quan đến quyền lợi của Nhân dân tại trụ sở làm việc để Nhân dân nắm; củng cố, xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở; chỉ đạo thành lập tổ hòa giải thôn; rà soát, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai chương trình công tác theo đúng nguyên tắc, nội dung và điều lệ.

Hàng năm, cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương thực hiện việc đưa ra hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là ở các vùng DTTS. Điều này rất quan trọng để xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong HTCT, cũng như trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và công chức trong quá trình triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. Cụ thể, quy trình này bao gồm việc xây dựng các quy định và thực hiện sự phối hợp giữa HĐND, UBND và Ủy ban MTTQ, cùng các tổ chức chính trị - xã hội. Điều này liên quan chặt chẽ đến trách nhiệm của từng cơ quan và tổ chức trong việc tuân thủ và thực hiện quy chế dân chủ tại các đơn

vị cơ sở ở tỉnh Quảng Nam. Ngoài ra, việc nâng cao trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức đoàn thể, và cả Nhân dân trong việc thực hiện dân chủ tại các địa phương vùng DTTS ở tỉnh Quảng Nam rất quan trọng. Cho nên cần được kết nối chặt chẽ với công việc củng cố và xây dựng đội ngũ cán bộ trong HTCT tại cơ sở. Trước hết, những vị trí như Bí thư Chi bộ Đảng, Chủ tịch HĐND, UBND các cấp phải là người làm mẫu trong việc thực hiện và thể hiện sự kiên quyết đối với các trường hợp vi phạm trong việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. Bên cạnh đó, vai trò của tổ Nhân dân tại thôn, làng cũng rất quan trọng, do đó, cần phải đảm bảo rằng các vị trí này được đào tạo và đền đáp thù lao thích đáng.

Chú trọng xây dựng đảng bộ, chi bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS ở tỉnh Quảng Nam. Cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh thì việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở mới thật sự đạt được hiệu quả cao. Mà có thể thấy rằng vị trí, vai trò của người đứng đầu các cấp ủy, đơn vị là cực kì quan trọng, là yếu tố quyết định đến việc Luật dân chủ ở cơ sở nói chung và vùng DTTS nói riêng. Trên cơ sở đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dân chủ cơ sở vùng DTTS; xuất phát từ điều kiện thực tế và yêu cầu, nguyện vọng, lợi ích của Nhân dân ở cơ sở vùng DTTS, các cấp ủy Đảng cần phát huy trí tuệ tập thể xây dựng và ban hành đúng đắn chỉ thị, nghị quyết, các quy định, các văn bản để triển khai Luật dân chủ ở cơ sở này phù hợp với điều kiện thực tế và lợi ích của Nhân dân ở cơ sở vùng DTTS của địa phương.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, các quy định nêu gương của Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những điều đảng viên không được làm. "Kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" theo tinh thần Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục tinh thần

yêu nước, tự tôn dân tộc, có khát vọng vươn lên. Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng phát triển đảng viên mới là người DTTS" [78, 5].

Thứ hai, tiếp tục nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể Nhân dân vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Trong HTCT cơ sở, MTTQ và các đoàn thể Nhân dân, như Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân đóng vai trò quan trọng trong tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ cũng như Luật dân chủ ở cơ sở. Phát huy vai trò của các tổ chức này là nhân tố quan trọng thực hiện hiệu quả Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

Vai trò quan trọng của MTTQ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam thể hiện trước hết ở việc phối kết hợp với chính quyền, giám sát những nội dung mà chính quyền cần công khai để dân biết, dân bàn, các quy định, thủ tục hành chính của chính quyền địa phương, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách địa phương, các khoản, quỹ do Nhân dân đóng góp, chính sách xã hội liên quan đến Nhân dân, tham gia đối thoại, hoà giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xây dựng cộng đồng tự quản, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vận động tuyên truyền, giáo dục quần chúng Nhân dân thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. Có thể nói, MTTQ chính là cầu nối giữa Đảng, chính quyền cơ sở với Nhân dân.

MTTQ có thể được nhìn nhận từ các khía cạnh khác nhau khi thực hiện dân chủ và tăng cường đồng thuận xã hội, cũng như trong việc giám sát và phản biện xã hội. MTTQ có thể đóng vai trò trong việc thúc đẩy dân chủ bằng cách thu thập ý kiến, góp ý từ các tầng lớp xã hội khác nhau. Điều này đảm bảo rằng quyết định chính trị không chỉ phụ thuộc vào quan điểm của một số người mà còn phản ánh quan điểm của nhiều người. Bằng cách tạo cơ hội cho Nhân dân tham gia vào quá trình thảo luận và đưa ra ý kiến, MTTQ có thể đảm bảo tính đa dạng và bao quát mọi ý kiến trong xã hội. Trên cơ sở đó, có các biện pháp đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ.

Để thực hiện giám sát, phản biện xã hội có hiệu quả, cần quan tâm đẩy mạnh công tác tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về phương pháp, cách làm hiệu quả, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giám sát của MTTQ cấp cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường sự phối hợp giữa MTTQ và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức khác trong thực hiện giám sát; MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cần chủ động nghiên cứu kỹ các văn bản của Đảng, quy định của Nhà nước để từ đó đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tình hình mới…

Ngoài ra, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể, mỗi đoàn thể xã hội có vai trò nhất định trong quá trình triển khai thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, cần có sự thống nhất giữa các thành viên trong HTCT cơ sở để bảo đảm việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở đạt được hiệu quả cao.

Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam, là một tổ chức đại diện cho người nông dân và người lao động nông thôn, có mục tiêu bảo vệ quyền lợi và phát triển kinh tế - xã hội của họ. Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, đòi hỏi Hội Nông dân phải am hiểu về tình hình nông nghiệp, nông thôn; chủ động và có kiến nghị với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương những chủ trương biện pháp đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi chính đáng, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nông dân. Ngoài ra, Hội Nông dân hướng dẫn và khuyến khích hội viên của mình tham gia, tổ chức, thực hiện tốt các hoạt động ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn. Cụ thể, họ tổ chức các lớp dạy nghề cho nông dân, thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, cũng như đầu tư vào việc xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội. Đồng thời, họ cũng đào tạo nguồn nhân lực và áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để thúc đẩy sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, mục tiêu là giải quyết việc làm tại chỗ, tăng thêm thu nhập và cải thiện đời sống vật chất cũng như tinh thần cho nông dân.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy dân chủ ở cơ sở bằng cách tạo cơ hội tham gia, phát triển năng lực, tăng cường ý thức xã hội và trách nhiệm của thanh niên, đồng thời thúc đẩy giao lưu và

đối thoại quốc tế, cùng với việc đóng góp vào giải quyết vấn đề cộng đồng. Là những người trẻ tuổi, năng động, dám nghĩ, dám làm, nếu được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực nhận thức Pháp lệnh dân chủ, Luật dân chủ ở cơ sở thì họ sẽ là lực lượng đi đầu trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân thực hành quyền dân chủ.

Vùng đồng bào DTTS là khu vực trọng điểm về an ninh quốc phòng của đất nước. Khoản 3 Điều 8 Pháp lệnh Cựu chiến binh năm 2005 quy định: "Cựu chiến binh có trách nhiệm tích cực tham gia thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, tham gia hoà giải, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", thuận lợi nổi trội là cán bộ, hội viên có uy tín, có năng lực vận động quần chúng, có kinh nghiệm thực hiện dân chủ trong quân đội. Hội Cựu chiến binh có vai trò to lớn trong việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chính quyền. Họ cũng chính là những người tham gia kịp thời giải quyết các điểm nóng, đấu tranh chống những âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Để phát huy vai trò của Hội cựu chiến binh trong thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở cần kiểm tra và giám sát quyền lực, tiếp tục bồi dưỡng tư tưởng, kiến thức quốc phòng, an ninh. Là một tổ chức chính trị - xã hội, những năm qua, Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Nam phát huy tốt vai trò trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân và luôn tích cực đi đầu trong thực hiện phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", góp phần quan trọng vào giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn vùng DTTS.

Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Nam thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phát huy quyền làm chủ của hội viên, đã ngày càng phát huy có hiệu quả vai trò của mình trong thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở và kiểm tra, giám sát quyền lực. Hội Phụ nữ cần kết hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở, tạo điều kiện để phụ nữ ngày càng tham gia nhiều hơn vào các cơ quan công quyền, bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em. Các cấp chính quyền địa phương vùng DTTS tỉnh Quảng Nam đã cụ thể hóa và triển khai thực hiện tốt các chính sách liên quan đến phụ nữ, công

tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; từng bước lồng ghép giới trong ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch hoạt động của địa phương, đơn vị tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ trên các lĩnh vực lao động sản xuất, kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, xã hội. Nhờ vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ; công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ chủ chốt luôn được quan tâm quy hoạch, nhất là các chức danh lãnh đạo, quản lý ngày càng tăng. Họ có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và tinh thần trách nhiệm, vươn lên mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chính điều này đã làm tăng thêm vai trò và vị thế của phụ nữ không chỉ trong gia đình mà còn trong xã hội nói chung. Với đặc thù vùng đồng bào DTTS, đa số phụ nữ khu vực này chưa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nghề nghiệp mà chủ yếu là làm nông nghiệp; và bị ràng buộc bởi nhiều phong tục, tập quán lạc hậu. Vì thế, để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình, cần thiết phải nâng cao trình độ nhận thức, kỹ năng chuyên môn, tuyên truyền lối sống mới, hiện đại, để thay đổi tư duy của phụ nữ, đồng thời, cần xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, để phát huy vai trò làm chủ của chính bản thân họ và tiến tới làm chủ xã hội.

Như vậy, phát huy vai trò của MTTQ cấp cơ sở và các đoàn thể Nhân dân là tạo điều kiện cho sự tham gia của Nhân dân trong việc quản lý và phát triển xã hội, trong đó có việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam hiện nay. Ngoài ra, các tổ chức chính trị có thể đại diện cho Nhân dân, thực hiện quyền lợi cho Nhân dân cũng như kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4.2.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở vững mạnh, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư gắn với khơi dậy tính tích cực tự giác của quần chúng Nhân dân vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay

Theo Hồ Chí Minh, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, xây dựng và huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng " [39, 309], "muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [39, 280]. Cho nên tố chất, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ có vai trò quan trọng đối với việc thực hiện hiệu quả và giải quyết các công việc tại địa phương. Bởi vậy, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dặn dò cán

bộ "Tác phong phải dân chủ, dựa vào lực lượng quần chúng, học hỏi sáng kiến của quần chúng để lãnh đạo quần chúng" [42, 149]. Đội ngũ cán bộ ở cơ sở phải là người làm mẫu, nêu gương, để quần chúng Nhân dân học tập theo. Ở địa bàn cơ sở, môi trường làm việc của cán bộ có nét đặc thù; ngoài công tác, còn trực tiếp ăn, ở, lao động sản xuất, cùng Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giải quyết những vụ việc liên quan trực tiếp đến đời sống của Nhân dân... Những nhiệm vụ, trọng trách đó của người cán bộ ở cơ sở là rất to lớn, đòi hỏi phải có năng lực, sự công tâm, sự gương mẫu, đi đầu, phải bảo đảm tính toàn diện trong quá trình mở rộng và phát huy dân chủ ở cơ sở. Xây dựng cơ chế tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp đại học hệ cử tuyển; thi tuyển riêng đối với vị trí việc làm là người đồng bào DTTS đảm bảo đúng các quy định của Đảng và Nhà nước. Huy động nguồn lực, đầu tư phát triển giáo dục miền núi, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng và tăng chỉ tiêu đào tạo cho Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh.

Xây dựng quỹ biên chế dự phòng và lập kế hoạch rà soát, lựa chọn cử cán bộ, công chức, viên chức người DTTS để phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh hướng dẫn, đào tạo theo lĩnh vực, ngành, nghề mà địa phương có nhu cầu, sau đó bố trí về lại huyện công tác. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ, công chức, viên chức người DTTS được đào tạo và trưởng thành. Quan tâm bố trí cán bộ người DTTS giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ở một số ngành, lĩnh vực chưa có hoặc có ít cán bộ lãnh đạo, quản lý là người DTTS. Đối với các phòng, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện miền núi, vùng có đông đồng bào DTTS cần cơ cấu có cán bộ lãnh đạo cấp phòng là người DTTS. Tiếp tục thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển cán bộ là người DTTS từ tỉnh về huyện, từ huyện về xã và ngược lại; điều động ngang giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương… để đào tạo và tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. "Có chính sách phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức được điều động, luân chuyển về các cơ sở miền núi, vùng có đông đồng bào DTTS, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chú trọng chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi, do sắp xếp tổ chức, bộ

máy và chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố là người DTTS" [78, 7].

Thực hiện những chính sách đối với người uy tín, trong 5 năm qua, bắt đầu từ việc thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU, ở Quảng Nam, thực hiện các nội dung như cấp báo, tạp chí, Bản tin Dân tộc & Miền núi, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật, thực hiện chế độ trợ cấp khó khăn, ốm đau cho người có uy tín và gia đình người có uy tín,... Với kinh phí được giao hằng năm, ngoài kinh phí đã thực hiện các nội dung như cấp báo, tạp chí, Bản tin Dân tộc & Miền núi, thực hiện chế độ thăm hỏi, hỗ trợ cho các gia đình người có uy tín không may qua đời do thiên tai, hỏa hoạn, ốm đau; trong những năm qua Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy, Công an tỉnh, MTTQ Việt Nam tỉnh và các ngành, đoàn thể và địa phương có liên quan đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người có uy tín [83, 6].

Nhờ triển khai thực hiện hiệu quả chính sách đối với người có uy tín, nhất là trong việc phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao năng lực và kỹ năng tuyên truyền cho người có uy tín, do đó trong các năm qua người có uy tín trong đồng bào các dân tộc đã phát huy tốt vai trò, vị trí của mình để cùng các cấp chính quyền tích cực tuyên truyền, thuyết phục, vận động đồng bào ở địa phương của mình chấp hành, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Ban dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan như Công an tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh, cùng với UBND các huyện thực hiện việc rà soát, bổ sung, thay thế và đưa ra, đưa vào người có uy tín trong đồng bào DTTS, cụ thể từ năm 2023, việc phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào các DTTS được UBND tỉnh giao cho Trưởng Ban Dân tộc tỉnh phê duyệt. "Đến nay người có uy tín trong đồng bào DTTS tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2027 đã được phê duyệt tổng số 386 người" [80, 6]. Ban Dân tộc tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả việc tập huấn nâng cao kiến thức và chế độ hỗ trợ cho người có uy tín, qua đó thể hiện vai trò người có uy tín trong công tác thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS. Cụ thể: "trong giai đoạn 2018-2023, tổ chức 35 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức đối với người có uy tín với tổng số 1921 lượt người

tham gia; cấp 1.040.000 tờ báo Dân tộc phát triển, 1.979 bản tin Dân tộc và miền núi cho 1.979 lượt người" [80, 6].

Trong giai đoạn hiện nay, để tiếp tục thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, mỗi địa phương nhất định phải phát huy vai trò đầu tàu, gương mẫu của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, như già làng, giáo viên, đảng viên, những người có thành tích trong phát kinh tế, văn hoá, xã hội của cộng đồng và gia đình. Thông qua ảnh hưởng của người có uy tín, vận động tuyên truyền, hướng dẫn quần chúng Nhân dân trong thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và có trách nhiệm các quyền của Nhân dân được quy định cụ thể trong Luật. Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở vững mạnh, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư sẽ không đem lại hiệu quả nếu quần chúng Nhân dân ở cơ sở không tự giác, không phối kết hợp với đội ngũ cán bộ cơ sở và người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Vì vậy, khuyến khích, khơi dậy tính tự giác tộc người, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của quần chúng Nhân dân trong thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở là nhân tố chủ quan có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Muốn khơi dậy tính tự giác của quần chúng Nhân dân các DTTS, một mặt, vận động, tuyên truyền, nâng cao trình độ dân chủ, kỹ năng, năng lực thực hành dân chủ, một mặt, tôn trọng, đề cao, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của đồng bào các DTTS, để quần chúng Nhân dân các DTTS không rơi vào tâm lý tự ti dân tộc, cũng không rơi vào tình trạng ỷ lại, thụ động vào chính quyền, nhà nước. Khi Nhân dân nhận thức được lợi ích của sự phát triển chung, họ sẽ chủ động tham gia vào các phong trào thi đua sản xuất, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới… Thay vì trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân sẽ giúp cộng đồng người DTTS từng bước tự chủ hơn trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tiểu kết chương 4

Pháp lệnh dân chủ năm 2007 đã được kế thừa và thể hiện trong Luật dân chủ ở cơ sở năm 2022 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tỉnh Quảng Nam và những nội dung mới trong Luật dân chủ ở cơ sở, luận án cho rằng để thực hiện hiệu quả Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam cần phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản. Đó là, thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam phải gắn với nâng cao trình độ dân trí, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và củng cố quốc phòng, an ninh, gắn với xây dựng và phát huy vai trò của hệ thống chính cấp cơ sở. Những yêu cầu ấy được cụ thể hoá thông qua năm nhóm giải pháp chủ yếu. Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể về thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Hai là, vận dụng sáng tạo nội dung gắn với đa dạng hóa các hình thức tổ chức thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở" vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Ba là, bảo đảm các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội cho việc thực hiện "Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở". Bốn là, Xây dựng và phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Năm là, xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở vững mạnh, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư gắn với khơi dậy tính tích cực tự giác của quần chúng nhân dân vùng DTTS tỉnh Quảng Nam. Thực hiện đồng bộ năm nhóm giải pháp đó, sẽ tạo ra hệ thống động lực trong thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, góp phần hiện thực hoá phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

KẾT LUẬN

1. Dân chủ là một giá trị mang tính nhân loại và là một giá trị nhân văn tạo nên sức sống bền vững của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dân chủ có trở thành hiện thực hay không, còn tuỳ thuộc vào các thiết chế chính trị- xã hội, cơ chế, công cụ, phương tiện cụ thể và phụ thuộc vào chính con người. Quy chế dân chủ cơ sở, Pháp lệnh dân chủ và nay là Luật dân chủ ở cơ sở chính là những công cụ pháp lý mang tính ổn định ngày càng cao để từng bước hiện thực hoá giá trị dân chủ, hiện thực hoá quyền làm chủ của Nhân dân cũng như hiện thực hoá giá trị nhân văn của mô hình chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đang xây dựng.

2. Từ khi Quy chế dân chủ cơ sở, Pháp lệnh dân chủ và Luật dân chủ ở cơ sở được ban hành, Nhân dân Việt Nam nói chung, đồng bào vùng DTTS tỉnh Quảng Nam nói riêng đã tích cực, chủ động trong thực hiện quyền làm chủ của mình. Vì vậy, những văn bản có tính quy phạm pháp luật trên đã nhanh chóng đi vào đời sống xã hội và thực sự đã tạo ra những chuyển biến lớn trong sự phát triển toàn diện của Việt Nam hiện nay. Niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước ngày càng được củng cố và tăng cường. Đặc biệt là, Việt Nam đã giữ được sự ổn định chính trị - xã hội; trong khi đó trên thế giới, sự bất ổn về chính trị vẫn thường xuyên xảy ra. Cũng nhờ giữ được sự ổn định chính trị - xã hội, Việt Nam có nhiều cơ hội, thuận lợi hơn trong quan hệ hợp tác quốc tế để có những bước phát triển mới.

3. Vùng DTTS tỉnh Quảng Nam là địa bàn có những đặc thù riêng về điều kiện tự nhiên, sự phát triển kinh tế- xã hội, văn hoá và yếu tố tộc người. Khi Pháp lệnh dân chủ được Uỷ ban thường vụ Quốc hội ban hành năm 2007, chính quyền và Nhân dân địa phương đã tích cực, chủ động và có những sáng tạo nhất định đưa Pháp lệnh dân chủ vào đời sống. Đến nay, quyền làm chủ của Nhân dân các DTTS ở một số mặt, như quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, được giám sát, được thụ hưởng đã từng bước được xác lập trong thực tiễn. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ còn một số hạn chế và bất cập. Bất cập từ điều kiện kinh tế-xã hội, HTCT và đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Bất cập

từ chính bản thân quần chúng Nhân dân với tư cách là chủ thể cao nhất của quyền lực trong xã hội. Bất cập từ việc tổ chức, triển khai thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

4. Luật dân chủ ở cơ sở năm 2022 là một bước tất yếu trong quá trình phát triển và hoàn thiện Pháp lệnh dân chủ cũng như tiến tới ban hành Luật dân chủ. Luật dân chủ ở cơ sở thay thế cho Pháp lệnh dân chủ, nhưng thực chất là sự kế thừa và tiếp tục thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở mức độ cao hơn về mặt pháp lý. Luật dân chủ ở cơ sở cũng đồng thời là sự mở rộng quyền làm chủ của Nhân dân so với Pháp lệnh dân chủ. Vậy nên, để thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam không thể tuỳ tiện, ngẫu hứng mà cần tuân thủ những yêu cầu nhất định. Những yêu cầu ấy cũng là những vấn đề mang tính quy luật trong thực thi quyền làm chủ của Nhân dân ở đây.

5. Để tiếp tục thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, cũng là tiếp tục thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, cần dựa vào những kinh nghiệm, căn cứ vào những thành tựu, hạn chế và bất cập nảy sinh trong trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở đây để có những giải pháp phù hợp. Những giải pháp ấy là những biện pháp, phương thức chủ yếu tác động đến nhận thức, trình độ, kỹ năng, năng lực thực hành dân chủ của các chủ thể thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam, tác động đến điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội, đến các thiết chế chính trị ở cơ sở, tổ chức Đảng, Chính quyền, MTTQ và đoàn thể Nhân dân. Mỗi giải pháp có vai trò, tạo ra những động lực nhất định và có mối quan hệ với nhau trong thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. Hệ thống các động lực được tạo ra từ hệ giải pháp sẽ góp phần quyết định đến hiệu lực, hiệu quả của Luật dân chủ ở cơ sở vùng DTTS tỉnh Quảng Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Ngô Thị Phượng, Nguyễn Ngọc Võ Khoa (2023), "The concept of democracy from some current approaches", *Hội thảo quốc tế 17th NEU-KKU international conference on Socio-Economic and Environmental issues in development*, tr. 2019-2029.
2. Ngô Thị Phượng, Nguyễn Ngọc Võ Khoa (2023), "Tranh luận của V.I. Lênin và Rosa Luxembourg về vấn đề dân tộc đầu thế kỷ XX và vấn đề độc lập, chủ quyền của Việt Nam", *Hội thảo Quốc tế: Triết học Nga và Việt Nam: lịch sử, vấn đề và triển vọng*, tr. 331-339.
3. Nguyen Ngoc Vo Khoa (2023), "The current status of implementation of the ordinance on exercising democracy in communes, wards and towns in ethnic minority regions in Quang Nam province", *Van lang University journal of science*, pp. 27-37.
4. Nguyen Ngoc Vo Khoa (2024), "Trends of Changes in the Culture of Ethnic Minorities in Vietnam (A Case Study of the Bahnar People in Kon Tum Province)", *International Journal of Religion* Vol. 5 (11), pp. 4690-4697.
5. Nguyen Ngoc Vo Khoa (2024), "The Role of Implementing Grassroot Democracy in Vietnam Currently", *Social Science and Humanities Journal* Vol. 8 (3), pp. 34748-34754.
6. Ngo Thi Phuong, Nguyen Ngoc Vo Khoa (2024), "Democracy and Social Justice in Ho Chi Minh's Thought for Economic Development in Vietnam", *Social Science and Humanities Journal* Vol. 8 (5), pp. 3704-3708.
7. Nguyễn Ngọc Võ Khoa (2025), "Phát huy dân chủ trong giáo dục chính trị đối với sinh viên Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Thanh niên* (74), tr. 99-101.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lưu Văn An (2000), "Mặt trận và các đoàn thể Nhân dân cấp xã với việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở", *Tạp chí Dân vận,* (5), tr. 26-31.
2. Lan Anh (2010), *Hỏi - đáp về dân chủ cơ sở*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ban dân tộc tỉnh Quảng Nam (2005), *Tìm hiểu con người miền núi Quảng Nam,* Ban dân tộc tỉnh Quảng Nam xuất bản.
4. Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ cơ sở ở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ chính trị (1998), *Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị (Khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở* (Chỉ thị 30), Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2021), *Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2020: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của Nhân dân*, Báo cáo nghiên cứu chính sách chung của Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo cán bộ MTTQ Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích Thời gian thực và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), Hà Nội, Việt Nam.
8. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2023), *Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2022: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của Nhân dân*, Báo cáo nghiên cứu chính sách chung của Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích Thời gian thực và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), Hà Nội, Việt Nam.
9. Chính phủ (1998), *Quy chế thực hiện dân chủ ở xã (ban hành kèm theo Nghị định 29/1998/NĐ/CP ngày 11/5/1998)*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2003), *Quy chế thực hiện dân chủ ở xã (ban hành kèm theo Nghị Định số 79/2003/NĐ-Cp ngày 7/7/2003)*, Hà Nội.

11. Chính phủ (2011), *Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2024), *Nghị định số 127/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc*, Hà Nội.
13. Nguyễn Trọng Chuẩn (2006), "Toàn cầu hóa hiện nay và vấn đề dân chủ hóa đời sống xã hội", *Tạp chí Triết học* (1), tr.22-27.
14. Nguyễn Hồng Chuyên (2011), *Thực hiện pháp luật về dân chủ ở cấp xã trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ thực tiễn của tỉnh Thái Bình,* NXB Tư pháp, Hà Nội.
15. Vũ Hoàng Công (2002), *Hệ thống chính trị ở cơ sở- đặc điểm, xu hướng và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật Bộ nội vụ, *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Ban hành ngày 20/4/2007*), Ủy ban thường vụ quốc hội, Số: 34/2007/PL-UBTVQH11.
17. Cao Thị Dung (2023), "Thực hiện pháp lệnh về dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn đảm bảo cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông.*
18. Đỗ Văn Dương (2017), "Những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện dân chủ cơ sở cấp xã ở Tây Nguyên", *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị,* (3).
19. Trần Sỹ Dương, Hà Thị Thùy Dương (2018), "Hoàn thiện pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn nhằm khắc phục những biểu hiện tiêu cực của tâm lý tiểu nông của nước ta hiện nay", *Tạp chí giáo dục lý luận* (283+284), tr.50-57.
20. Trần Sỹ Dương, Hà Thị Thùy Dương (2020), "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn với việc phòng, chống tham nhũng", *Tạp chí Lý luận chính trị* (12), tr.79-84.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Vũ Quang Định (2000), *Báo cáo tổng hợp chuyên đề nghiên cứu khoa học Các thuật ngữ cơ bản liên quan đến công tác dân tộc và miền núi*, cơ quan chủ quản: Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Cơ quan thực hiện: Hội đồng Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
25. Nguyễn Tài Đông (2022), *Thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
26. Phạm Văn Đức (2021), *Thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền,* NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
27. Phạm Văn Đức, Bùi Nguyên Khánh (2019), *Dân chủ và thực trạng thực hiện dân chủ những năm qua,* Hội đồng Lý luận Trung ương.
28. Nguyễn Ngọc Hà (2005), *Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản Nhân dân tộc thiểu số trong thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay,* Đề tài cấp bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
29. Nguyễn Ngọc Hà (2020), *Nét đặc sắc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân chủ,* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
30. Nguyễn Văn Hiển (2014), *Về thi hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
31. Nguyễn Văn Hiển, Trương Hồng Quang (2015), "Một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn thi hành pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (1), tr.3-13.
32. Lê Văn Hởi (2018), "Bài học từ việc triển khai thực hiện pháp lệnh dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương", *Tạp chí giáo dục lý luận* (274), tr.71-78.
33. Lê Xuân Huy (2022), *Nâng cao ý thức pháp luật với phát huy dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
34. Nguyễn Văn Huy (chủ biên) (1998), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
35. Huyện ủy Nam Giang (2004), *Lịch sử Đảng bộ huyện Nam Giang 1945-1975*, Quảng Nam.

36. Vũ Trọng Lâm (2023), *Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Nguyễn Văn Mạnh, Tào Thị Quyên (2010), *Dân chủ trực tiếp ở Việt Nam, lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
39. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
40. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
41. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
42. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 8, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
43. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 14, NXB, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
44. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật (2023), *Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở,* Hà Nội.
45. Nhà xuất bản Hồng Đức (2023), *Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở - phát huy quyền làm chủ của công dân tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.*
46. Trần Ngọc Nhẫn (2008), "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với việc thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở", *Tổ chức Nhà nước* (10), tr.37-38.
47. Dương Xuân Ngọc (2000), *Quy chế thực hiện dân chủ cấp xã-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội
48. Nguyên Ngọc (2004), *Tìm hiểu con người xứ Quảng,* Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.
49. Nguyễn Quốc Phẩm (2000), *Hệ thống chính trị cấp cơ sở và dân chủ hóa đời sống xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
50. Nguyễn Tiến Phồn (2001), *Dân chủ và tập trung dân chủ: lý luận và thực tiễn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
51. Lê Văn Phục, Lê Văn Thủ (2021), "Thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk hiện nay: Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí chủ nghĩa xã hội - lý luận và thực tiễn* (4), tr.32-39.
52. Thạch Phương, Nguyễn Đình An (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB Khoa học xã hội Hà Nội, Hà Nội.

53. Ngô Thị Phượng (2015), "Thực hành dân chủ trong Đảng hiện nay", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam,* (94), tr.58-64.
54. Trương Hồng Quang (2013), "Thực trạng áp dụng quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn về vấn đề công khai cho Nhân dân biết", *Tạp chí Luật học* (12), tr.40-47.
55. Phạm Ngọc Quang (2004), "Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quá trình đổi mới: thành tựu, vấn đề và giải pháp", *Tạp chí Lý luận chính trị,* (3), tr.36-41.
56. Lê Minh Quân (2011), *Về quá trình dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
57. *S*ở văn hóa thể thao và du lịch Quảng Nam (2022), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Quảng Nam 550 năm hình thành và phát triển (1471-2021),* NXB Đà Nẵng.
58. Nguyễn Thanh Sơn (2010), *Quá trình thực hiện Quy chế dân chủ ở xã trong vùng đồng bào DTTS Tây Bắc Việt Nam thời kỳ đổi mới,* Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
59. Nguyễn Thị Tâm (2007), *Dân chủ cơ sở và vấn đề thực hiện dân chủ ở nông thôn nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
60. Nguyễn Tiến Thành (2016), *Hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam hiện nay,* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
61. Nguyễn Tiến Thành (2014), "Năng lực cán bộ cấp xã, phường trong thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở", *Tạp chí Lý luận chính trị* (10), tr.66-71.
62. Nguyễn Quang Thắng (2001), *Quảng Nam, đất nước và nhân vật,* NXB Văn hóa thông tin Quảng Nam.
63. Nguyễn Văn Thâm (2018), "Một số vấn đề lý luận về dân chủ cơ sở và vai trò của dân chủ cơ sở", *Tạp chí Tổ chức Nhà nước* (10), tr.57-62.
64. Lê Thi (2009), "Thực hiện dân chủ ở cơ sở và vấn đề tăng cường ý thức trách nhiệm của nhà nước", Tạp chí triết học (8), tr.17-22.
65. Đinh Văn Thụy, Hà Thị Thùy Dương (2018), "Phát huy vai trò của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn trong xây dựng nông thôn mới", *Tạp chí Lý luận chính trị* (7), tr.68-73.

66. *Tìm hiểu Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và văn bản có liên quan* (2007), NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.
67. Lô Quốc Toản (2018), "Những phương hướng cơ bản và một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thực hiện pháp lệnh dân chủ cơ sở trong thời gian tới", *Tạp chí Giáo dục lý luận* (283+284), tr.38-43.
68. Tổng cục thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, NXB Thống kê, Hà Nội.
69. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân,* NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
70. Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển bách khoa Việt Nam 1*, Hà Nội.
71. Uỷ ban nhân dân huyện Đông Giang (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc năm 2023,* Số 573/BC-UBND, ngày 5/12/2023, Quảng Nam.
72. Uỷ ban nhân dân huyện Nam Giang (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện kết quả kinh tế-xã hội năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024,* Số 449/BC-UBND, ngày 15/12/2023, Quảng Nam.
73. Uỷ ban nhân dân huyện Tây Giang (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện kết quả kinh tế-xã hội năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024,* Số 21/BC-PDT, ngày 26/12/2023, Quảng Nam.
74. Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2022), *Báo cáo Tổng kết công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023***,** Số 244/BC-UBND, ngày 14/6/2023, Quảng Nam.
75. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2022), *Báo cáo về thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng DTTS và miền núi, giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam,* Số 178/BC-UBND, ngày 22/9/2022, Quảng Nam.
76. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2022), *Kế hoạch Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025,* Quảng Nam.

77. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2022), *Kế hoạch Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025*, Quảng Nam.
78. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2022), *Nghị quyết xây dựng đội ngũ cán bộ Nhân dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030,* Số 21/NQ-TU, ngày 10/02/2022, Quảng Nam.
79. Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023), *Báo cáo công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc 6 tháng đầu năm 2023, nhiệm vụ trọng tâm cuối năm 2023***,** Số 346/BC-SNV, ngày 14/6/2023, Quảng Nam.
80. Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023), *Báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo công tác dân tộc trong tình hình mới,* Số 199/BC-BCSĐ, ngày 13/4/2023, Quảng Nam.
81. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 và nhiệm vụ năm 2024*, Số 277/BC-UBND, ngày 27/11/2023, Quảng Nam.
82. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023), *Báo cáo Tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam Quy định quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quản lý Nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Nam,* Số 335/BC-BDT, ngày 30/3/2023, Quảng Nam.
83. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023), *Quyết định Ban hành Kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025*, Số 3006/BC-UBND, ngày 07/11/2023, Quảng Nam.
84. Chu Thị Trang Vân (2009), "Một số vấn đề đặt ra trong quá trình thực thi pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007"*, Nhà nước và pháp luật* (5), tr.51-59.
85. Viện chính sách công và pháp luật (2014), *Kỷ yếu hội thảo: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
86. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

87. Ngô Tuấn Vinh (2021), "Phổ biến, giáo dục pháp luật ở các xã biên giới tỉnh Quảng Nam: Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội* (5), tr.39-48.
88. N.M.Voskresenskaia, N.B. Davletshina (2008), *Chế độ dân chủ, nhà nước và xã hội,* NXB. Tri thức, Hà Nội.
89. Nguyễn Văn Vương (2020), *Thực hiện pháp lệnh dân chủ trong xây dựng nông thôn mới khu vực Tây Nguyên hiện nay,* Luận án Tiến sĩ, Chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
90. Trần Quốc Vượng (1985), *Những di tích thời tiền sử và sơ sử ở Quảng Nam*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng.

Tiếng Anh

91. Abdul Gaffar Karim (2013), *Diversity in local politics and its implications for democracy and governance at the local Level: The case of Indonesia,* International IDEA Handbook Series.
92. Alexis de Tocqueville (2014), *Democracy in America*, The university of Chicago.
93. Amartya Sen (1999), **"**Democracy as a Universal Value, *Journal of Democracy* Vol. 10 (13), pp.3-17.
94. Anthony F. Heath, Stephen D. Fisher, Gemma Rosenblatt, David Sanders, Maria Sobolewska (2013), *The Political Integration of Ethnic Minorities in Britain,* Oxford University Press.
95. Brechtje Kemp and Mélida Jiménez (2013), *State of Local Democracy Assessment Framework*, International IDEA Handbook Series.
96. Bruce J. Berman (2010), *Ethnicity and Democracy in Africa,* Ijca research institute**.**
97. David Sanders, Stephen D. Fisher, Anthony Heath and Maria Sobolewska (2014), "The democratic engagement of Britain's ethnic minorities", *Ethnic and Racial Studies* Vol. 37 (1), pp. 120-139.
98. He, Baogang (2007), *Rural Democracy in China*, Palgrave macmillan.
99. Larry Diamond (2008), *The Spirit of Democracy: The Struggle to Build Free Societies throughout the World,* Times Books/Henry Holt and Company.

100. Mark R. Beissinger (2008), "A new look at Ethnicity and Democratization", *Journal of Democracy* Vol. 19 (3), pp. 85-97.
101. Michael Epprecht, Daniel Müller, Nicholas Minot (2011), **"**How remote are Vietnam's ethnic minorities? An analysis of spatial patterns of poverty and inequality", *The Annals of Regional Science* Vol. 46 (2), pp. 349-368.
102. Michael Kaufman and Haroldo Dilla Alfonso (1997), *Community Power, Grassroots Democracy and the Transformation of Social Life*, Zed Books Ltd.
103. Robert Alan Dahl (1998), *On Democracy*, New Haven: Yale University Press.
104. Shuna Wang, Yao Yang (2010), "Grassroots Democracy and Local Governance: Evidence from Rural China", *Procedia Social and Behavioral Sciences* Vol. 2 (5), pp. 7164-7180.
105. Timothy D. Sisk, Julie Ballington and other authors (2001), *Democracy at the local level, The International IDEA Handbook on Participation, Representation, Conflict Management and Governance*, International IDEA Handbook Series.
106. Tran Thi Thu Trang (2004), "Local Politics and Democracy in a Muong Ethnic Community", *Institute of Southeast Asian Studies*, pp.137-166.
107. UNDP Vietnam Policy Dialogue paper (2006), *Deepening Democracy and Increasing Popular Participation in Viet Nam*, Ha Noi.
108. Virginia Beramendi, Andrew Ellis and other authors (2008), *Direct Democracy*, International IDEA Handbook Series.

Website

109. Báo Quảng Nam (2023), *Phát huy tiếng nói của già làng*, https://baoquangnam.vn/phat-huy-tieng-noi-cua-gia-lang-3127157.html, xem 9/11/2023.
110. Báo Quảng Nam (2024), *Giải ngân đạt 68% vốn đầu tư phát triển chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số,* https://baoquangnam.vn/giai-ngan-dat-68-von-dau-tu-phat-trien-chuong-trinh-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-3128543.html, xem 30/12/2024.

111. Báo Quảng Nam (2024), *Người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy cấp huyện Nam Giang đạt 62,5%*, https://baoquangnam.vn/nguoi-dan-toc-thieu-so-tham-gia-cap-uy-cap-huyen-nam-giang-dat-62-5-3142412.html, xem 30/12/2024.
112. Trần Hữu (2017), *Sắp xếp lại dân cư cho đồng bào vùng cao*, https://baoquangnam.vn/sap-xep-lai-dan-cu-cho-dong-bao-vung-cao-3098363.html, xem 5/6/2024.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

BẢNG HỎI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

KHOA TRIẾT HỌC

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

Kính thưa quý Ông/Bà,

Nhằm mục đích tìm hiểu về thực trạng, đánh giá những thành tựu đã đạt được cũng như xác định các hạn chế trong việc thực hiện "Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn" vùng DTTS nói chung và vùng DTTS tại tỉnh Quảng Nam hiện nay nói riêng. Chúng tôi với mong muốn sẽ có được những cơ sở dữ liệu từ các kết quả khảo sát được tại địa phương để có thể đề xuất một số định hướng nghiên cứu, học tập, giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng. Cũng như đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện pháp lệnh dân chủ vùng DTTS tại tỉnh Quảng Nam hiện nay. Chúng tôi hy vọng quý ông/bà hỗ trợ cung cấp thông tin trong phiếu khảo sát này. Mọi thông tin cá nhân của ông/bà sẽ được giữ bí mật!

Trân trọng cảm ơn Quý Ông/bà!

PHẦN 1: CÁC THÔNG TIN CHUNG CỦA CÁ NHÂN (hoặc vợ/chồng, chủ hộ/ người từ 18 tuổi trở lên trong gia đình)

Câu 1: Trước hết, xin Ông/bà cho biết một số chi tiết của mình?

STT	1.1 **Họ và tên**	1.2 **Giới tính** 1. Nam 2. Nữ	1.3 **Năm sinh**	1.4 **Dân tộc**	1.5 **Tình trạng hôn nhân**	1.6 **Học vấn** (*ghi năm đã học xong*)	1.7 **Nghề nghiệp**	1.8 **Địa bàn cư trú**
1								

BẢNG MÃ

1.4. Dân tộc	**1.5. Tình trạng hôn nhân**	**1.6. Học vấn**	**1.7. Nghề nghiệp**	**1.8. Địa bàn cư trú**
1= Cơ Tu; 2= Xơ Đăng; 3= Giẻ - Triêng; 4= Khác (ghi rõ)…….; 99= Không rõ.	1= Độc thân; 2= Vợ/chồng; 3= Ly hôn; 4= Ly thân; 5= Góa; 6= Khác(ghi rõ)	0= Mù chữ; 1= (1-5) Tiểu học; 2= (6-9) THCS; 3= (10-12) THPT; 4= Trung cấp; 5= Cao Đẳng; 6= Đại học; 90= Chưa từng đi học (nhỏ); 91= Nhà trẻ; 92= Mẫu giáo; 99= Không nhớ rõ.	1= Nông nghiệp, làm thuê; 2= Giáo viên/bác sĩ; 3= Cán bộ/Trưởng thôn, xã, ấp, làng; 4= Buôn bán, kinh doanh; 5 = Y tế; 6= Nội trợ; 7 = Học sinh (TC), Sinh viên; 8 = Khác..	1= Thị trấn P Rao ; 2= Thị trấn Thạnh Mỹ ; 3= Xã Trà Cang; 4= Xã A Tiêng.

2. Trung bình hàng tháng gia đình Ông/bà chi trả hết bao nhiêu cho các khoản dưới đây? (*ghi số cụ thể, đơn vị tính nghìn VNĐ*)

STT	**Các mục chi trả.**	Thành tiền (VNĐ/tháng).
1	Ăn uống.	
2	Giải trí (đi chơi xa, mua sách báo, phim ảnh, nhậu,…)	
3	Giao tiếp, hiếu hỉ (đám cưới, sinh nhật, chùa, nhà thờ, lễ hội làng (thôn, bản), phúng đám ma, góp giỗ, đám tiệc,…	
4	Tiền điện nước.	
5	Chi cho cá nhân (may mặc quần áo, trang điểm, thời trang…)	
6	Chi cho học hành (kể cả học nghề, …)	
7	Chi cho xăng xe	
8	Các khoản khác…….	

3.	**Thu nhập trung bình/tháng** (*ghi số cụ thể*)	
4.	**Tổng thu nhập/năm** (*ghi số cụ thể*)	

5. Trong gia đình Ông/bà có những tiện nghi nào sau đây?
(*đánh dấu các tiện nghi đang có của Ông/bà***)**

Tiện nghi	Có (đánh dấu ✔)
Tivi	
Radio (cát-xét)	
Đầu video/ DVD	
Dàn âm thanh, máy nghe nhạc	
Vi tính/laptop/internet	
Điện thoại (di động, bàn)	
Xe máy	
Những tiện nghi khác (ghi rõ) …	
Không có	

PHẦN 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LỆNH DÂN CHỦ TRÊN ĐỊA BÀN

6. Trong thời gian qua, Ông/bà có biết những nội dung nào được công khai phổ biến tại địa phương? (*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Hoạt động/mức độ	1. Không biết	2. Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân
1	Chiến lược phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và báo cáo ngân sách hàng năm ở địa phương	□ 1	□ 2
2	Các dự án và công trình đầu tư cũng như tiến độ triển khai dự án và các kế hoạch khác liên quan đến việc sử dụng đất	□ 1	□ 2
3	Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ khi giải quyết các công việc của Nhân dân	□ 1	□ 2
4	Quản lý và sử dụng các loại quỹ, các khoản huy động Nhân dân đóng góp và các khoản tài chính khác	□ 1	□ 2
5	Chủ trương, chính sách, kế hoạch bình xét hộ nghèo, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương và các chính sách an sinh xã hội khác	□ 1	□ 2
6	Kế hoạch thành lập mới, sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính	□ 1	□ 2
7	Kết quả kiểm tra và giải quyết các trường hợp tiêu cực liên quan tới đội ngũ cán bộ ở địa phương	□ 1	□ 2

8	Việc thu các loại phí do chính quyền quy định	□ 1	□ 2
9	Các thủ tục hành chính, xử lý các công việc liên quan đến Nhân dân	□ 1	□ 2
10	Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của chính quyền địa phương	□ 1	□ 2

7. Các hình thức công khai thông tin thực hiện Pháp lệnh dân chủ?
(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Niêm yết công khai thông tin tại trụ sở ủy ban	□
2	Công khai thông tin trên hệ thống truyền thanh	□
3	Công khai thông tin thông qua Trưởng thôn	□
4	Khác (ghi rõ).....…	□

8. Khi thực hiện Pháp lệnh dân chủ của thì cá nhân/tổ chức nào thực hiện công khai thông tin? (*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	UBND cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung công khai	□
2	Chủ tịch UBND cấp xã đảm nhiệm trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thực hiện kế hoạch sau khi đã được phê duyệt	□

3	UBND cấp xã báo cáo HĐND cùng cấp về tiến độ và kết quả thực hiện các thông tin công khai	□
4	Khác (ghi rõ).....…	□

9. Khi chính quyền các cấp thực hiện Pháp lệnh dân chủ, Ông/bà được tham gia bàn luận và quyết định những vấn đề gì?
(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Các quyết định và mức độ đóng góp vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng trong phạm vi cấp thôn, xã	□
2	Nội dung hương ước, quy ước của thôn	□
3	Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn	□
4	Bầu, cho thôi làm Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	
5	Khác (ghi rõ).....…	□

10. Khi thực hiện Pháp lệnh dân chủ, Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng thôn tổ chức để Nhân dân ở thôn bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây? (*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Tổ chức cuộc họp cử tri	□
2	Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri	□
3	Khác (ghi rõ).....…	□

11. Trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ, những nội dung nào Ông/bà góp ý vào những nội dung gì? (*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Bản dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế, chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phương án mở rộng ngành nghề và các kế hoạch khác	□
2	Bản dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các kế hoạch khác liên quan đến sử dụng quỹ đất	□
3	Bản dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình và dự án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án khác liên quan đến Nhân dân	□
4	Bản dự thảo thành lập, giải thể, sát nhập, chia, đặt tên, đổi tên…đơn vị hành chính	□
5	Các vấn đề khác cần thu thập ý kiến của Nhân dân theo quy định của pháp luật	□
6	Khác (Ghi rõ…..)	□

12. Các hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ?

(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Họp cử tri	□
2	Phát phiếu lấy ý kiến cử tri	□
3	Thông qua hòm thư góp ý	□

4	Khác (ghi rõ).....…	□

13. Trong thời gian qua, Ông/bà đã thực hiện quyền giám sát đối với những nội dung nào trong việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ?

(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Những nội dung công khai để Nhân dân biết	□
2	Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định	□
3	Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định	□
4	Khác (ghi rõ).....…	□

14. Khi chính quyền các cấp thực hiện Pháp lệnh dân chủ, Ông/bà tham gia kiểm tra, giám sát thông qua hình thức nào?

(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Nhân dân tham gia việc giám sát gián tiếp thông qua Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.	□
2	Nhân dân có thể thực hiện việc giám sát trực tiếp thông qua quyền khiếu nại, kiến nghị và tố cáo với cơ quan có thẩm quyền	□
3	Khác (Ghi rõ……..)	□

15. Quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở địa phương của ông/bà đã đạt được những thành tựu nào?

(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn***)**

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Nhân dân đã tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương cấp xã	□
2	Đội ngũ cán bộ đã đáp ứng và phục vụ nhu cầu của Nhân dân một cách có hiệu quả	□
3	Nhân dân tham gia hiến kế, đề xuất, tháo gỡ nhiều khó khăn vướng mắc, đồng thuận thống nhất các chủ trương phát triển kinh tế-xã hội	□
4	UBND xã đã thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến của Nhân dân	□
5	UBND xã để cho Nhân dân bàn bạc và tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng tại thôn	□
6	Khác (Ghi rõ……..)	□

16. Theo Ông/bà, những thành tựu đạt được ở trên là do?
(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ	□
2	Vai trò của đội ngũ cán bộ trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ	□
3	Sự tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của Nhân dân về tầm quan trọng của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ	□

4	Hiệu quả hoạt động của HĐND cấp xã chuyển biến tích cực	□
5	UBND thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật	□
6	MTTQ và các đoàn thể Nhân dân đã thể hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ	□
7	Khác (Ghi rõ……..)	□

17. Trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở địa phương của ông/bà còn tồn tại những hạn chế nào?
(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	**Đo lường**	Có (đánh dấu ✔)
1	Hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân chưa cao; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoạt động còn hạn chế	□
2	Việc triển khai tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ có nơi chưa được chú trọng	□
3	Một số Nhân dân vùng DTTS còn ít quan tâm hoặc không muốn tham gia vào quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ	□
4	Khác (Ghi rõ……..)	□

18. Tồn tại những hạn chế ở trên là vì?
(*Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn*)

STT	Đo lường	Có (đánh dấu ✔)
1	Nhận thức của một số cán bộ chưa đầy đủ về Pháp lệnh dân chủ	□
2	Một số cán bộ ở cơ sở trình độ còn hạn chế	□
3	Hạn chế về nguồn lực, đặc biệt sự thiếu hụt về tài chính	□
4	Năng lực nhận thức và khả năng thực hiện Pháp lệnh dân chủ của Nhân dân chưa cao	□
5	Những khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên	□
6	Khác (ghi rõ……)	□

Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ/giúp đỡ của quý Ông/bà!

PHỤ LỤC 2

BÁO CÁO XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐIỀU TRA CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

PHẦN 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LỆNH DÂN CHỦ

(từ câu 6 đến câu 18)

Câu 6. Những nội dung được công khai phổ biến tại địa phương (Từ bảng 1 đến bảng 10)

Bảng 1

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Chiến lược phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và báo cáo ngân sách hàng năm ở địa phương	Không biết	58	31	42	41	172
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	62	89	78	79	308
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 2

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Các dự án và công trình đầu tư cũng như tiến độ triển khai dự án và các kế hoạch khác liên quan đến việc sử dụng đất	Không biết	26	28	25	30	109
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	94	92	95	90	371
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 3

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ khi giải quyết các công việc của Nhân dân	Không biết	27	29	26	28	110
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	93	91	94	92	370
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 4

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Quản lý và sử dụng các loại quỹ, các khoản huy động Nhân dân đóng góp và các khoản tài chính khác	Không biết	24	25	24	30	103
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	96	95	96	90	377
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 5

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Chủ trương, chính sách, kế hoạch bình xét hộ nghèo, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương và các chính sách an sinh xã hội khác	Không biết	26	21	19	25	91
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	94	99	101	95	389
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 6

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Kế hoạch thành lập mới, sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính	Không biết	88	90	88	94	360
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	32	30	32	26	120
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 7

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Kết quả kiểm tra và giải quyết các trường hợp tiêu cực liên quan tới đội ngũ cán bộ ở địa phương	Không biết	80	62	59	60	261
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	40	58	61	60	219
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 8

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Việc thu các loại phí do chính quyền quy định	Không biết	37	46	19	26	128
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	83	74	101	94	352
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 9

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Các thủ tục hành chính, xử lý các công việc liên quan đến Nhân dân	Không biết	23	25	29	18	95
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	97	95	91	102	385
Tổng		120	120	120	120	480

Bảng 10

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của chính quyền địa phương	Không biết	80	59	44	50	233
	Thường xuyên phổ biến và triển khai cho Nhân dân	40	61	76	70	247
Tổng		120	120	120	120	480

Câu 7. Các hình thức công khai thông tin thực hiện Pháp lệnh dân chủ

Bảng 11

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Niêm yết công khai thông tin tại trụ sở ủy ban	Tần suất	90	94	105	100	389
	Phần trăm (%)	26,7	28,6	32,4	31,3	
	Phần trăm của tổng (%)	6,9	7,2	8,0	7,6	29,7
Công khai thông tin trên hệ thống truyền thanh	Tần suất	111	108	97	100	416
	Phần trăm (%)	32,9	32,8	29,9	31,3	
	Phần trăm của tổng (%)	8,5	8,3	7,4	7,6	31,8
Công khai thông tin thông qua Trưởng thôn	Tần suất	63	73	93	83	312
	Phần trăm (%)	18,7	22,2	28,7	26,0	
	Phần trăm của tổng (%)	4,8	5,6	7,1	6,3	23,8
Khác (ghi rõ).....	Tần suất	73	54	29	36	192
	Phần trăm (%)	21,7	16,4	9,0	11,3	
	Phần trăm của tổng (%)	5,6	4,1	2,2	2,8	14,7
Tổng	Tần suất	337	329	324	319	1309
	Phần trăm của tổng (%)	25,7	25,1	24,8	24,4	100

Câu 8. Các cá nhân/tổ chức thực hiện công khai thông tin

Bảng 12

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
UBND cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung công khai	Tần suất	118	117	112	110	457
	Phần trăm (%)	33,9	33,4	33,4	33,3	
	Phần trăm của tổng (%)	8,7	8,6	8,2	8,1	33,5
Chủ tịch UBND cấp xã đảm nhiệm trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thực hiện kế hoạch sau khi đã được phê duyệt	Tần suất	77	92	99	95	363
	Phần trăm (%)	22,1	26,3	29,6	28,8	
	Phần trăm của tổng (%)	5,6	6,7	7,3	7,0	26,6
UBND cấp xã báo cáo HĐND cùng cấp về tiến độ và kết quả thực hiện các thông tin công khai	Tần suất	82	90	101	94	367
	Phần trăm (%)	23,6	25,7	30,1	28,5	
	Phần trăm của tổng (%)	6,0	6,6	7,4	6,9	26,9
Khác	Tần suất	71	51	23	31	176
	Phần trăm (%)	20,4	14,6	6,9	9,4	
	Phần trăm của tổng (%)	5,2	3,7	1,7	2,3	12,9
Tuần		348	350	335	330	1363
Phần trăm của tổng (%)		25,5	25,7	24,6	24,2	100

Câu 9. Những vấn đề người trả lời được tham gia bàn luận và quyết định

Bảng 13

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Các quyết định và mức độ đóng góp vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn	Tần suất	99	97	89	89	374
	Phần trăm (%)	25,2	25,7	25,4	24,9	
	Phần trăm của tổng (%)	6,7	6,6	6,0	6,0	25,3
Nội dung hương ước, quy ước của thôn	Tần suất	95	96	98	96	385
	Phần trăm (%)	24,2	25,5	27,9	26,8	
	Phần trăm của tổng (%)	6,4	6,5	6,6	6,5	26,0
Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn	Tần suất	95	84	80	85	344
	Phần trăm (%)	24,2	22,3	22,8	23,7	
	Phần trăm của tổng (%)	6,4	5,7	5,4	5,7	23,3
Bầu, cho thôi làm Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	Tần suất	51	61	62	60	234
	Phần trăm (%)	13,0	16,2	17,7	16,8	
	Phần trăm của tổng (%)	3,4	4,1	4,2	4,1	15,8
Khác	Tần suất	53	39	22	28	142
	Phần trăm (%)	13,5	10,3	6,3	7,8	
	Phần trăm của tổng (%)	3,6	2,6	1,5	1,9	9,6
Tần suất		393	377	351	358	1479
Phần trăm của tổng (%)		26,6	25,5	23,7	24,2	100

Câu 10. Hình thức tổ chức để dân bàn và quyết định

Bảng 14

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Tổ chức cuộc họp cử tri	Tần suất	74	78	81	85	318
	Phần trăm (%)	34,4	36,4	41,1	42,3	
	Phần trăm của tổng (%)	9	9,4	9,8	10,3	38,5
Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri	Tần suất	83	85	84	79	331
	Phần trăm (%)	38,6	39,7	42,6	39,3	
	Phần trăm của tổng (%)	10,0	10,3	10,2	9,6	40,0
Khác	Tần suất	58	51	32	37	178
	Phần trăm (%)	27,0	23,8	16,2	18,4	
	Phần trăm của tổng (%)	7,0	6,2	3,9	4,5	21,5
Tần suất		215	214	197	201	827
Phần trăm của tổng (%)		26,0	25,9	23,8	24,3	100

Câu 11. Những nội dung người trả lời tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

Bảng 15

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Bản dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế, chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phương án mở rộng ngành nghề và các kế hoạch khác	Tần suất	63	73	62	66	264
	Phần trăm (%)	19,3	19,5	15	16,3	
	Phần trăm của tổng (%)	4,2	4,8	4,1	4,3	17,4
Bản dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các kế hoạch khác liên quan đến sử dụng quỹ đất.	Tần suất	41	60	78	75	254
	Phần trăm (%)	12,6	16	18,9	18,6	
	Phần trăm của tổng (%)	2,7	4	5,1	4,9	16,7
Bản dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình và dự án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án khác liên quan đến Nhân dân	Tần suất	72	82	97	91	342
	Phần trăm (%)	22,1	21,9	23,5	22,6	
	Phần trăm của tổng (%)	4,7	5,4	6,4	6	22,5
Bản dự thảo thành lập, giải thể, sát nhập, chia,	Tần suất	48	63	79	73	263
	Phần trăm (%)	14,7	16,8	19,1	18,1	

đặt tên, đổi tên…đơn vị hành chính.	Phần trăm của tổng (%)	3,2	4,1	5,2	4,8	17,3
Các vấn đề khác cần thu thập ý kiến của Nhân dân theo quy định của pháp luật	Tần suất	69	69	78	78	294
	Phần trăm (%)	21,2	18,4	18,9	19,3	
	Phần trăm của tổng (%)	4,5	4,5	5,2	5,2	19,4
Khác	Tần suất	33	28	19	20	100
	Phần trăm (%)	10,1	7,5	4,6	4,9	
	Phần trăm của tổng (%)	2,2	1,8	1,3	1,3	6,6
Tần suất		326	375	413	403	1517
Phần trăm của tổng (%)		21,5	24,7	27,2	26,6	100

Câu 12. Các hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến

Bảng 16

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Họp cử tri	Tần suất	89	90	103	99	381
	Phần trăm (%)	35,6	37	44	43,6	
	Phần trăm của tổng (%)	9,3	9,4	10,8	10,4	39,9
Phát phiếu lấy ý kiến cử tri	Tần suất	92	97	91	86	366
	Phần trăm (%)	36,8	39,9	38,9	37,9	
	Phần trăm của tổng (%)	9,6	10,2	9,5	9	38,3
Thông qua hòm thư góp ý	Tần suất	21	18	15	13	67
	Phần trăm (%)	8,4	7,4	6,4	5,7	
	Phần trăm của tổng (%)	2,2	1,9	1,6	1,3	7
Khác	Tần suất	48	38	25	29	140
	Phần trăm (%)	19,2	15,6	10,7	12,8	

	Phần trăm của tổng (%)	5	4	2,6	3	14,7
	Tần suất	250	243	234	227	954
	Phần trăm của tổng (%)	26,2	25,5	24,5	23,8	100

Câu 13. Những nội dung người trả lời được tham gia giám sát

Bảng 17

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Những nội dung công khai để Nhân dân biết	Tần suất	73	68	82	78	301
	Phần trăm (%)	25,3	24,9	31,8	30,0	
	Phần trăm của tổng (%)	6,8	6,3	7,6	7,2	27,9
Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định	Tần suất	93	100	90	84	367
	Phần trăm (%)	32,3	36,6	34,9	32,3	
	Phần trăm của tổng (%)	8,6	9,3	8,3	7,8	34,0
Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định	Tần suất	53	59	66	72	250
	Phần trăm (%)	18,4	21,6	25,6	27,7	
	Phần trăm của tổng (%)	4,9	5,5	6,1	6,7	23,2
Khác	Tần suất	69	46	20	26	161
	Phần trăm (%)	24,0	16,8	7,8	10,0	
	Phần trăm của tổng (%)	6,4	4,3	1,9	2,4	14,9
Tần suất		288	273	258	260	1079
Phần trăm của tổng (%)		26,7	25,3	23,9	24,1	100

Câu 14. Hình thức tham gia kiểm tra, giám sát của người trả lời
Bảng 18

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Nhân dân tham gia việc giám sát thông qua Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.	Tần suất	91	79	85	90	345
	Phần trăm (%)	33,3	30,7	33,7	33,3	
	Phần trăm của tổng (%)	8,7	7,5	8,1	8,6	32.8%
Nhân dân có thể thực hiện việc giám sát trực tiếp thông qua quyền khiếu nại, kiến nghị và tố cáo với cơ quan có thẩm quyền	Tần suất	89	92	90	97	368
	Phần trăm (%)	32,6	35,8	35,7	35,9	
	Phần trăm của tổng (%)	8,5	8,7	8,6	9,2	35,0
Khác	Tần suất	93	86	77	83	339
	Phần trăm (%)	34,1	33,5	30,6	30,7	
	Phần trăm của tổng (%)	8,8	8,2	7,3	7,9	32,2
Tần suất		273	257	252	270	1052
Phần trăm của tổng (%)		26,0	24,4	24,0	25,7	100

Câu 15. Những thành tựu đạt được trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ

Bảng 19

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Nhân dân đã tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương cấp xã	Tần suất	98	101	96	98	393
	Phần trăm (%)	29,2	31	28,5	29,2	
	Phần trăm của tổng (%)	4,0	4,1	3,9	4,0	16,1
Đội ngũ cán bộ đã đáp ứng và phục vụ nhu cầu của Nhân dân một cách có hiệu quả	Tần suất	76	80	72	84	312
	Phần trăm (%)	22,6	24,5	12,1	14,4	
	Phần trăm của tổng (%)	3,1	3,3	2,9	3,4	12,8
Nhân dân tham gia hiến kế, đề xuất, tháo gỡ nhiều khó khăn vướng mắc	Tần suất	77	71	66	64	278
	Phần trăm (%)	22,9	21,7	11,1	11,0	
	Phần trăm của tổng (%)	3,2	2,9	2,7	2,6	11,4
UBND xã đã thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến của Nhân dân	Tần suất	41	34	28	30	133
	Phần trăm (%)	12,2	10,4	4,7	5,1	
	Phần trăm của tổng (%)	1,7	1,4	1,1	1,2	5,4

UBND xã để cho Nhân dân bàn bạc và tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng	Tần suất	24	30	37	25	116
	Phần trăm (%)	7,1	9,2	6,2	4,3	
	Phần trăm của tổng (%)	1,0	1,2	1,5	1,0	4,7
Khác	Tần suất	20	10	11	9	50
	Phần trăm (%)	6	3	1,8	1,5	
	Phần trăm của tổng (%)	0,8	0,4	0,5	0,4	2,0
Tần suất		336	326	310	310	1282
Phần trăm của tổng (%)		26,0	25,7	24,4	23,9	100

Câu 16. Nguyên nhân để đạt được những thành tựu nêu trên theo ý kiến người trả lời

Bảng 20

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ	Tần suất	76	82	78	82	318
	Phần trăm (%)	17,3	19,2	15,8	15,0	
	Phần trăm của tổng (%)	4,5	3,9	3,7	3,9	18,6
Vai trò của đội ngũ cán bộ	Tần suất	81	77	89	87	334
	Phần trăm (%)	15,1	14,6	18,0	16,0	
	Phần trăm của tổng (%)	3,8	3,7	4,2	4,1	19,6

Sự tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của Nhân dân về tầm quan trọng của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ	Tần suất	75	75	71	82	303
	Phần trăm (%)	13,9	14,3	14,3	15,0	
	Phần trăm của tổng (%)	3,6	3,6	3,4	3,9	17,8
Hiệu quả hoạt động của HĐND cấp xã	Tần suất	64	70	75	82	291
	Phần trăm (%)	11,9	13,3	15,2	15,0	
	Phần trăm của tổng (%)	3,0	3,3	3,6	3,9	17
UBND thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật..	Tần suất	62	65	56	65	248
	Phần trăm (%)	11,5	12,4	11,3	11,9	
	Phần trăm của tổng (%)	2,9	3,1	2,7	3,1	14,5
MTTQ và các đoàn thể Nhân dân đã thể hiện tốt vai trò của mình	Tần suất	44	34	22	29	129
	Phần trăm (%)	8,2	6,5	4,4	5,3	
	Phần trăm của tổng (%)	2,1	1,6	1,0	1,4	7,6
Khác	Tần suất	37	23	8	16	84
	Phần trăm (%)	6,9	4,4	1,6	2,9	
	Phần trăm của tổng (%)	1,8	1,1	0,4	0,8	4,9
Tần suất		439	426	399	443	1707
Phần trăm của tổng (%)		25,7	25,0	23,4	25,9	100,0

Câu 17. Những hạn chế trong quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ

Bảng 21

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân chưa cao; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoạt động còn hạn chế	Tần suất	71	62	34	44	211
	Phần trăm (%)	26,6	24,6	18,1	12,7	
	Phần trăm của tổng (%)	7,7	6,8	3,7	4,8	23
Việc triển khai tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ chưa được chú trọng	Tần suất	48	42	40	49	179
	Phần trăm (%)	18	16,7	21,3	14,1	
	Phần trăm của tổng (%)	5,2	4,6	4,4	5,3	19,5
Một số Nhân dân vùng DTTS còn ít quan tâm hoặc không muốn tham gia vào quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ	Tần suất	78	89	78	74	319
	Phần trăm (%)	29,2	35,3	41,5	21,3	
	Phần trăm của tổng (%)	8,5	9,7	8,5	8,1	34,8
Khác	Tần suất	70	59	36	43	208
	Phần trăm (%)	26,2	23,4	19,1	12,4	
	Phần trăm của tổng (%)	7,6	6,5	3,9	4,7	22,7
Tần suất		267	252	188	210	917
Phần trăm của tổng (%)		29,1	27,5	20,5	22,9	100,0

Câu 18. Nguyên nhân tồn tại những hạn chế theo ý kiến người trả lời

Bảng 22

		Địa bàn cư trú				Tổng
		Thị trấn P Rao	Thị trấn Thạnh Mỹ	Xã Trà Cang	Xã A Tiêng	
Nhận thức của một số cán bộ chưa đầy đủ về Pháp lệnh dân chủ	Tần suất	93	86	73	77	329
	Phần trăm (%)	26.8	26,2	23	24,6	
	Phần trăm của tổng (%)	7,1	6,6	5,6	5,9	25,2
Một số cán bộ ở cơ sở trình độ còn hạn chế	Tần suất	45	36	33	43	157
	Phần trăm (%)	13	11	10,4	13,7	
	Phần trăm của tổng (%)	3,5	2,8	2,5	3,3	12,1
Hạn chế về nguồn lực, đặc biệt sự thiếu hụt về tài chính	Tần suất	68	77	86	69	300
	Phần trăm (%)	19,6	23,5	27,1	22	
	Phần trăm của tổng (%)	5,2	5,9	6,5	5,3	22,9
Năng lực nhận thức và khả năng thực hiện Pháp lệnh dân chủ của Nhân dân chưa cao	Tần suất	111	107	105	106	429
	Phần trăm (%)	32	32,6	33,1	33,9	
	Phần trăm của tổng (%)	8,5	8,2	8	8,2	32,9
Những khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên	Tần suất	30	22	19	15	86
	Phần trăm (%)	8,6	6,7	6	4,8	
	Phần trăm của tổng (%)	2,3	1,7	1,5	1,1	6,6
Khác	Tần suất	0	0	1	3	4
	Phần trăm (%)	0,0	0,0	0,3	0,9	
	Phần trăm của tổng (%)	0,0	0,0	0,0	0,3	0,3
Tần suất		347	328	317	313	1305
Phần trăm của tổng (%)		26,6	25,1	24,3	24	100,0

Bảng 23. Số thôn của các xã/thị trấn khu vực DTTS ở 4 huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang và Nam Trà My chia theo tình trạng có điện, thời điểm 1/10/2019

Đơn vị hành chính		Tổng số thôn	Tổng số thôn có điện	Số thôn có điện lưới quốc gia	Số thôn có điện khác	Số thôn không có điện
Huyện Đông Giang	Tổng số	40	40	40	0	0
	Thị trấn P Rao	6	6	6	0	0
	Xã Tư	3	3	3	0	0
	Xã A Rooi	4	4	4	0	0
	Xã A Ting	4	4	4	0	0
	Xã Ba	5	5	5	0	0
	Xã Jơ Ngây	3	3	3	0	0
	Xã Ka Dăng	3	3	3	0	0
	Xã Mà Cooi	3	3	3	0	0
	Xã Sông Kôn	4	4	4	0	0
	Xã Tà Lu	2	2	2	0	0
	Xã Za Hung	3	3	3	0	0
Huyện Nam Giang	Tổng số	50	48	48	0	2
	Thị trấn Thạnh Mỹ	9	9	9	0	0
	Xã Cà Dy	4	4	4	0	0
	Xã Chà Vàl	4	4	4	0	0
	Xã Chơ Chun	3	1	1	0	2
	Xã Đắc Pre	4	4	4	0	0
	Xã Đắc Pring	4	4	4	0	0
	Xã Đắc Tôi	4	4	4	0	0
	Xã La Dêê	6	6	6	0	0
	Xã Laêê	3	3	3	0	0

	Xã Tà Bhinh	3	3	3	0	0
	Xã Tà Pơơ	3	3	3	0	0
	Xã Zuôich	3	3	3	0	0
Huyện Nam Trà My	Tổng số	35	35	25	8	2
	Xã Trà Cang	5	5	3	2	0
	Xã Trà Dơn	4	4	2	1	1
	Xã Trà Don	3	3	3	0	0
	Xã Trà Leng	3	3	2	0	1
	Xã Trà Linh	3	3	1	2	0
	Xã Trà Mai	4	4	4	0	0
	Xã Trà Nam	4	4	2	2	0
	Xã Trà Tập	3	3	2	1	0
	Xã Trà Vân	3	3	3	0	0
	Xã Trà Vinh	3	3	3	0	0
Huyện Tây Giang	Tổng số	63	63	49	14	0
	Xã A Nông	5	5	5	0	0
	Xã A Tiêng	6	6	6	0	0
	Xã A Vương	9	9	8	1	0
	Xã A Xan	6	6	5	1	0
	Xã Bha Lê	7	7	7	0	0
	Xã Ch'ơm	7	7	5	2	0
	Xã Dang	7	7	5	2	0
	Xã Ga Ri	5	5	0	5	0
	Xã Lăng	5	5	5	0	0
	Xã Tr'Hy	6	6	3	3	0

Bảng 24. Số lượng và tỷ lệ thôn của các xã/thị trấn khu vực DTTS ở 4 huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang và Nam Trà My có nhà văn hóa/nhà sinh hoạt cộng đồng tính đến ngày 01/10/2019

Đơn vị hành chính		Tổng số thôn	Số thôn có nhà văn hóa (thôn)	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa (%)
Huyện Đông Giang	Tổng số	40	40	100.0
	Thị trấn P Rao	6	6	100.0
	Xã Tư	3	3	100.0
	Xã A Rooi	4	4	100.0
	Xã A Ting	4	4	100.0
	Xã Ba	5	5	100.0
	Xã Jơ Ngây	3	3	100.0
	Xã Ka Dăng	3	3	100.0
	Xã Mà Cooi	3	3	100.0
	Xã Sông Kôn	4	4	100.0
	Xã Tà Lu	2	2	100.0
	Xã Za Hung	3	3	100.0
Huyện Nam Giang	Tổng số	50	48	96.0
	Thị trấn Thạnh Mỹ	9	9	100.0
	Xã Cà Dy	4	4	100.0
	Xã Chà Vàl	4	4	100.0
	Xã Chơ Chun	3	3	100.0
	Xã Đắc Pre	4	4	100.0
	Xã Đắc Pring	4	4	100.0
	Xã Đắc Tôi	4	4	100.0
	Xã La Dêê	6	6	100.0
	Xã Laêê	3	3	100.0
	Xã Tà Bhinh	3	3	100.0
	Xã Tà Pơơ	3	1	33.3
	Xã Zuôich	3	3	100.0

Huyện Nam Trà My	Tổng số	35	31	88.6
	Xã Trà Cang	5	5	100.0
	Xã Trà Dơn	4	2	50.0
	Xã Trà Don	3	3	100.0
	Xã Trà Leng	3	3	100.0
	Xã Trà Linh	3	3	100.0
	Xã Trà Mai	4	4	100.0
	Xã Trà Nam	4	4	100.0
	Xã Trà Tập	3	3	100.0
	Xã Trà Vân	3	2	66.7
	Xã Trà Vinh	3	2	66.7
Huyện Tây Giang	Tổng số	63	51	81.0
	Xã A Nông	5	5	100.0
	Xã A Tiêng	6	5	83.3
	Xã A Vương	9	9	100.0
	Xã A Xan	6	6	100.0
	Xã Bha Lê	7	7	100.0
	Xã Ch'ơm	7	2	28.6
	Xã Dang	7	6	85.7
	Xã Ga Ri	5	5	100.0
	Xã Lăng	5	5	100.0
	Xã Tr'Hy	6	1	16.7

Bảng 25. Số cán bộ trong cơ quan Hành chính của các xã vùng DTTS được chia theo trình độ học vấn ở 4 huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang và Nam Trà My, 01/10/2019

Đơn vị hành chính	Tổng số	Chưa tốt nghiệp THPT	THPT	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học
Huyện Đông Giang	Tổng số	0	1	4	4	135	2
	Thị trấn P Rao	0	0	0	1	13	0
	Xã Tư	0	1	2	0	7	0
	Xã A Rooi	0	0	0	0	13	0
	Xã A Ting	0	0	0	0	14	0
	Xã Ba	0	0	1	2	8	1
	Xã Jơ Ngây	0	0	0	0	13	0
	Xã Ka Dăng	0	0	0	0	14	0
	Xã Mà Cooi	0	0	0	0	14	1
	Xã Sông Kôn	0	0	1	1	11	0
	Xã Tà Lu	0	0	0	0	14	0
	Xã Za Hung	0	0	0	0	14	0
Huyện Nam Giang	Tổng số	2	1	26	8	135	0
	Thị trấn Thạnh Mỹ	0	0	3	0	6	0
	Xã Cà Dy	1	0	3	0	10	0
	Xã Chà Vàl	0	0	0	2	13	0
	Xã Chơ Chun	0	0	5	0	12	0
	Xã Đắc Pre	0	0	3	2	10	0
	Xã Đắc Pring	0	0	1	0	15	0
	Xã Đắc Tôi	0	0	3	0	13	0
	Xã La Dêê	1	0	3	1	8	0

	Xã Laêê	0	0	1	0	14	0
	Xã Tà Bhinh	0	0	0	2	13	0
	Xã Tà Pơơ	0	0	1	0	13	0
	Xã Zuôich	0	1	3	1	8	0
Huyện Nam Trà My	Tổng số	0	1	19	6	116	0
	Xã Trà Cang	0	0	0	4	10	0
	Xã Trà Dơn	**0**	1	7	1	13	0
	Xã Trà Don	0	0	0	0	13	0
	Xã Trà Leng	0	0	2	0	10	0
	Xã Trà Linh	0	0	0	0	13	0
	Xã Trà Mai	0	0	1	0	13	0
	Xã Trà Nam	0	0	4	0	10	0
	Xã Trà Tập	0	0	5	1	7	0
	Xã Trà Vân	0	0	0	0	14	0
	Xã Trà Vinh	0	0	0	0	13	0
Huyện Tây Giang	Tổng số	2	0	21	1	135	1
	Xã A Nông	0	0	1	0	15	0
	Xã A Tiêng	1	0	1	0	15	0
	Xã A Vương	0	0	5	0	11	0
	Xã A Xan	1	0	2	0	13	0
	Xã Bha Lê	0	0	1	0	17	0
	Xã Ch'ơm	0	0	1	1	15	1
	Xã Dang	0	0	0	0	14	0
	Xã Ga Ri	0	0	7	0	7	0
	Xã Lăng	0	0	0	0	16	0
	Xã Tr'Hy	0	0	3	0	12	0

Bảng 26. Tình trạng đi học người dân tộc thiểu số phân theo 4 huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang và Nam Trà My, thời điểm 1/4/2019

Đơn vị hành chính	Tình trạng đi học	Tổng số
Huyện Tây Giang	Tổng số	16084
	Đang đi học	4376
	Đã thôi học	9703
	Chưa bao giờ đi học	2005
Huyện Đông Giang	Tổng số	17671
	Đang đi học	5101
	Đã thôi học	10187
	Chưa bao giờ đi học	2383
Huyện Nam Giang	Tổng số	18506
	Đang đi học	5577
	Đã thôi học	11303
	Chưa bao giờ đi học	1626
Huyện Nam Trà My	Tổng số	24715
	Đang đi học	7894
	Đã thôi học	13932
	Chưa bao giờ đi học	2889

Bảng 27. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết đọc biết viết tiếng phổ thông phân theo 4 huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang và Nam Trà My, thời điểm 1/4/2019

Đơn vị hành chính	Tình trạng	Tổng số
Huyện Tây Giang	Tổng số	12596
	Có	9357
	Không	3239
Huyện Đông Giang	Tổng số	13661
	Có	10023
	Không	3638
Huyện Nam Giang	Tổng số	14112
	Có	11237
	Không	2875
Huyện Nam Trà My	Tổng số	17429
	Có	14433
	Không	2996

Bảng 28. Tỷ lệ hộ người dân tộc thiểu số có sử dụng máy vi tính và kết nối internet phân theo dân tộc, vùng kinh tế-xã hội, thành thị nông thôn và đơn vị hành chính phân theo 4 huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang và Nam Trà My, thời điểm 1/4/2019

Đơn vị hành chính	Máy vi tính (đơn vị tính %)	Internet (đơn vị tính %)
Huyện Tây Giang	11	41.4
Huyện Đông Giang	6.4	52.3
Huyện Nam Giang	8.9	52.1
Huyện Nam Trà My	3.5	17.8
Toàn bộ vùng dân tộc thiểu số	10.3	61.3

Phụ lục 3

MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HIỆN "PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN" Ở MỘT SỐ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

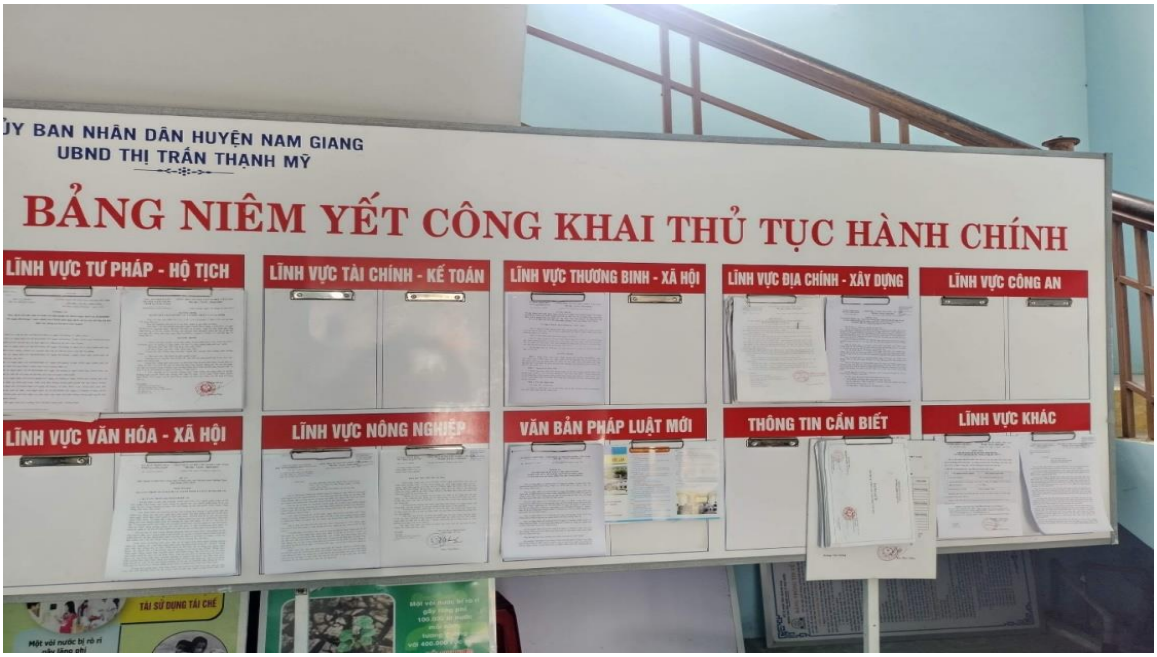

Hình 1: Bảng niêm yết công khai thủ tục hành chính tại UBND thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam

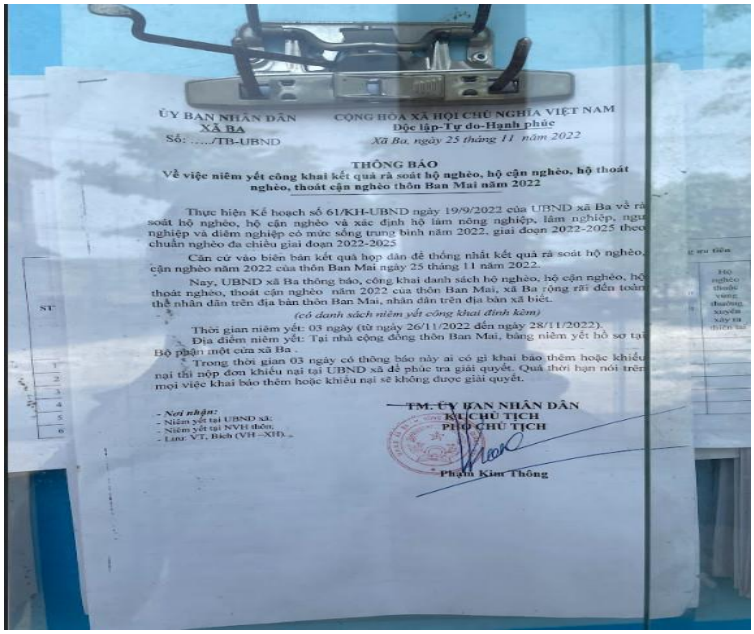

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA
Số: ...../TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Xã Ba, ngày 25 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo thôn Ban Mai năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã Ba về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022, giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

Căn cứ vào biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2022 của thôn Ban Mai ngày 25 tháng 11 năm 2022.

Nay, UBND xã Ba thông báo, công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2022 của thôn Ban Mai, xã Ba rộng rãi đến toàn thể nhân dân trên địa bàn thôn Ban Mai, nhân dân trên địa bàn xã biết.

(có danh sách niêm yết công khai đính kèm)

Thời gian niêm yết: 03 ngày (từ ngày 26/11/2022 đến ngày 28/11/2022).

Địa điểm niêm yết: Tại nhà cộng đồng thôn Ban Mai, bảng niêm yết hồ sơ tại Bộ phận một cửa xã Ba .

Trong thời gian 03 ngày có thông báo này ai có gì khai báo thêm hoặc khiếu nại thì nộp đơn khiếu nại tại UBND xã để phúc tra giải quyết. Quá thời hạn nói trên mọi việc khai báo thêm hoặc khiếu nại sẽ không được giải quyết.

Nơi nhận:
- Niêm yết tại UBND xã;
- Niêm yết tại NVH thôn;
- Lưu: VT, Bkh (VH–XH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Kim Thông

Hình 2: Thông báo về việc niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

Hình 3: Bảng niêm yết hồ sơ thủ tục tại thị trấn Prao, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN PRAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH TIẾP CÔNG DÂN THÁNG: 04

- BUỔI SÁNG: từ 8h00 phút đến 10h30 phút
- BUỔI CHIỀU: Từ 14h00 phút đến 16h30 phút

THỜI GIAN		ĐỊA ĐIỂM TIẾP CÔNG DÂN	CÔNG CHỨC TIẾP CÔNG DÂN	LĨNH VỰC THAM MƯU, PHỤ TRÁCH	GHI CHÚ
THỨ	BUỔI				
HAI	SÁNG	Phòng một cửa	Bhnước Điều	TPHT	
	CHIỀU	Phòng một cửa	nt	nt	
BA	SÁNG	Phòng Phó Chủ tịch UBND	Bhnước Tuân	VH - XH	
	CHIỀU	Phòng Phó Chủ tịch UBND	nt	nt	
TƯ	SÁNG	Phòng một cửa	Đa Lâu Lượng	TPHT	
	CHIỀU	Phòng một cửa	nt	nt	
NĂM	SÁNG	Phòng Chủ tịch UBND	Huỳnh Văn Tân	KT-VHXH-QPAN	
	CHIỀU	Phòng Chủ tịch UBND	nt	nt	
SÁU	SÁNG	Phòng một cửa	Nguyễn Thị Bình	Một cửa	
	CHIỀU	Phòng một cửa	Phan Công Đoàn	VPTK	

*Theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 của Luật Tiếp công dân: Có thể tiếp công dân đột xuất

Hình 4: Bảng niêm yết lịch tiếp công dân tại thị trấn Prao, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam